

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
(Bachelor program specification)**

NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

*(Ban hành theo Quyết định số 1892/QĐ-ĐHĐT, ngày 11 tháng 10 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Đồng Tháp)*

MỤC LỤC

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	7
1. Thông tin về đơn vị đào tạo và đơn vị cấp bằng	7
2. Một số thông tin về chương trình đào tạo	7
3. Mục tiêu đào tạo.....	7
4. Vị trí việc làm.....	7
5. Thông tin tuyển sinh	7
5.1. Đối tượng tuyển sinh.....	7
5.2. Phạm vi tuyển sinh:.....	8
5.3. Phương thức tuyển sinh:	8
6. Điều kiện nhập học.....	8
7. Điều kiện tốt nghiệp.....	8
8. Thời điểm phát hành/chỉnh sửa bản mô tả:	8
9. Nơi phát hành:.....	8
PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	9
PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	11
1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	11
2. Khung chương trình đào tạo chi tiết.....	11
3. Các học phần hình thành kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức theo chuẩn đầu ra đã công bố (theo thứ tự các học phần của CTĐT)	17
4. Hình thức đào tạo và phương pháp giảng dạy.....	24
4.1. Hình thức đào tạo:	24
4.2. Phương pháp giảng dạy	24
5. Cách thức đánh giá kết quả học tập	24
6. Điều kiện thực hiện chương trình	25
6.1. Đề cương chi tiết học phần	25
6.1.1. Nhập môn giáo dục mầm non	26
6.1.2. Tâm lý học mầm non.....	31
6.1.3. Giáo dục học Mầm non	41
6.1.4. Sự phát triển thể chất của trẻ mầm non.....	47
6.1.5. Lý thuyết âm nhạc sơ giản mầm non	53
6.1.6. Mỹ thuật mầm non	59
6.1.7. Kỹ năng giao tiếp sư phạm của GVMN.....	66
6.1.8. Tiếng Việt.....	70
6.1.9. Văn học trẻ em	74
6.1.10. Cơ sở toán mầm non.....	80
6.1.11. Vệ sinh - Phòng bệnh cho trẻ mầm non	84
6.1.12. Đánh giá kết quả giáo dục MN.....	90
6.1.13. Nghề giáo viên mầm non.....	95
6.1.14. Tâm bệnh học	99

6.1.15.	Dinh dưỡng cho trẻ mầm non.....	103
6.1.16.	Phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non.....	108
6.1.17.	Làm đồ chơi và thiết kế môi trường giáo dục cho trẻ mầm non	112
6.1.18.	Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non.....	117
6.1.19.	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN.....	123
6.1.20.	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	128
6.1.21.	Múa và phương pháp dạy múa cho trẻ mầm non	134
6.1.22.	Ứng dụng CNTT trong dạy học mầm non	140
6.1.23.	Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen văn học cho trẻ mầm non	146
6.1.24.	Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non.....	151
6.1.25.	Tổ chức hoạt động chăm sóc trẻ mầm non.....	155
6.1.26.	PP nghiên cứu khoa học ứng dụng trong GDMN	159
6.1.27.	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	164
6.1.28.	Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen MTXQ cho trẻ mầm non .	172
6.1.29.	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với Toán	179
6.1.30.	Quản lí GDMN.....	184
6.1.31.	Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non.....	190
6.1.32.	Thể dục nhịp điệu cho trẻ mầm non	194
6.1.33.	Yoga cho trẻ mầm non	199
6.1.34.	Giáo dục bảo vệ môi trường trong trường MN	202
6.1.35.	Phương pháp tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho trẻ mầm non....	208
6.1.36.	Dạy trẻ tập nói ở nhà trẻ.....	213
6.1.37.	PP phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ mẫu giáo.....	217
6.1.38.	Xây dựng kịch bản và tổ chức hoạt động nghệ thuật cho trẻ mầm non	221
6.1.39.	Đàn phím điện tử.....	226
6.1.40.	Tập đọc nhạc và hát.....	231
6.1.41.	Dàn dựng chương trình lễ hội.....	238
6.1.42.	Phát triển khả năng sáng tạo nghệ thuật cho trẻ trong trường mầm non...	243
6.1.43.	Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ MN.....	248
6.1.44.	Giáo dục hành vi văn hóa	253
6.1.45.	Kiến thức về môi trường xung quanh dành cho giáo viên mầm non .	260
6.1.46.	Kỹ năng quản lí cảm xúc của GVMN	265
6.1.47.	Kỹ năng xử lí các tình huống sự phạm trong trường mầm non.....	269
6.1.48.	Kỹ năng tham vấn của GVMN.....	274
6.1.49.	Kỹ năng tìm kiếm và khai thác nguồn tư liệu trong dạy học mầm non	278
6.1.50.	Quản lý nhóm lớp của giáo viên mầm non.....	284

6.1.51.	Dạy học lớp ghép trong trường mầm non	288
6.1.52.	Biên đạo múa.....	293
6.1.53.	Giáo dục hoà nhập cho trẻ mầm non	298
6.1.54.	Can thiệp sớm cho trẻ mầm non.....	304
6.1.55.	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1	309
6.1.56.	Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non	313
6.1.57.	Giáo dục gia đình	317
6.1.58.	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non	321
6.1.59.	Ứng dụng Steam trong dạy học mầm non	328
6.1.60.	Vận dụng thuyết "đa trí tuệ" ở trường mầm non	334
6.1.61.	Dạy học mầm non theo bối cảnh địa phương.....	337
6.1.62.	Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen tiếng Anh cho trẻ mầm non	341
6.1.63.	Rèn luyện NVSPTX 1 (Nghe, nói, đọc viết).....	345
6.1.64.	Rèn luyện NVSPTX 2 (Hát, múa).....	350
6.1.65.	Rèn luyện NVSPTX 3 (Phát triển nhận thức)	354
6.1.66.	Rèn luyện NVSPTX 4 (Phát triển thẩm mỹ).....	359
6.1.67.	Rèn luyện NVSPTX 5 (Phát triển ngôn ngữ).....	363
6.1.68.	Rèn luyện NVSPTX 6 (Phát triển thể chất)	367
6.1.69.	Kiến tập sư phạm.....	372
6.1.70.	Thực tập tốt nghiệp.....	378
6.1.71.	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ Mầm non.....	386
6.1.72.	Các phương pháp giáo dục mầm non trong xu hướng đổi mới.....	389
6.1.	Đội ngũ giảng viên.....	395
6.2.	Cơ sở vật chất phục vụ dạy và học.....	395
7.	Hướng dẫn thực hiện và tổ chức chương trình đào tạo	395
PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY CHƯƠNG TRÌNH ⁽⁶⁾		396

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin về đơn vị đào tạo và đơn vị cấp bằng

- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Đồng Tháp
- Đơn vị đào tạo: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành:
 - + Tiếng Việt: Giáo dục Mầm non
 - + Tiếng Anh: Early childhood education
- Mã số ngành đào tạo: 7140201
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Chương trình tham khảo trong và ngoài nước:
 - + Trong nước: Tham khảo chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non (công bố trên website của các trường): Trường ĐHSP Hà Nội, Trường ĐHSP TP Hồ Chí Minh, Trường ĐHSP Huế, Trường Đại học An Giang.
 - + Ngoài nước: Tham khảo chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non của Far Eastern University (Phillipin), Singapore
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Cử nhân Giáo dục Mầm non
- Thông tin về kiểm định chất lượng: không có.

3. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo cử nhân chuyên ngành giáo dục mầm non có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp đảm nhận tốt nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục trẻ ở các cơ sở giáo dục mầm non, đáp ứng yêu cầu của xã hội trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế; có khả năng tư duy độc lập, sáng tạo, tinh thần hợp tác, thân thiện, khả năng nghiên cứu khoa học và cung cấp các dịch vụ cộng đồng góp phần phát triển chất lượng ngành giáo dục mầm non của vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. Bên cạnh đó, sau tốt nghiệp, sinh viên có khả năng định hướng chuyên môn, tiếp tục học tập và nghiên cứu ở trình độ cao hơn.

4. Vị trí việc làm

- Giảng dạy tại các cơ sở giáo dục mầm non;
- Chuyên viên phụ trách ngành Giáo dục mầm non tại các phòng/sở GD&ĐT;
- Cán bộ quản lý các nhóm trẻ tư thục;
- Chuyên viên tư vấn về chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non.

5. Thông tin tuyển sinh

5.1. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, sau đây gọi chung là tốt nghiệp trung học; người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình giáo dục THPT theo quy định của Bộ GDĐT;

Thí sinh có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật được UBND tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh

hoạt và học tập do hậu quả của chất độc hoá học là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học: Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự tuyển sinh vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khỏe.

Quân nhân hoặc công an nhân dân tại ngũ chỉ được dự tuyển khi được cấp có thẩm quyền cho phép đi học; Quân nhân tại ngũ sắp hết hạn nghĩa vụ quân sự theo quy định, nếu được Thủ trưởng từ cấp trung đoàn trở lên cho phép, thì được dự tuyển theo nguyện vọng cá nhân, nếu trúng tuyển phải nhập học ngay năm đó, không được bảo lưu sang năm học sau.

5.2. Phạm vi tuyển sinh:

Cả nước

5.3. Phương thức tuyển sinh:

5.3.1. Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia và kết quả thi năng khiếu Giáo dục mầm non.

5.3.2. Xét tuyển theo kết quả học bạ lớp 12 THPT và kết quả thi năng khiếu Giáo dục mầm non.

5.3.3. Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Trường ĐHQG TPHCM và kết quả thi năng khiếu Giáo dục mầm non

6. Điều kiện nhập học

Người học nộp các giấy tờ, hồ sơ theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, Phòng Đảm bảo chất lượng tham mưu Hiệu trưởng ra quyết định công nhận người học là sinh viên chính thức của trường.

7. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT, ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ Đại học; Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy sửa đổi ban hành theo Quyết định 1465/QĐ-ĐHĐT ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp.

8. Thời điểm phát hành/chỉnh sửa bản mô tả:

Ngày tháng năm 2021

9. Nơi phát hành:

Trường Đại học Đồng Tháp

PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CHUẨN ĐẦU RA	Đánh giá mức độ năng lực
Sau khi tốt nghiệp người học sẽ đạt được:	
1. Kiến thức	
1.1. Vận dụng được những kiến thức về khoa học chính trị - xã hội, pháp luật và quốc phòng – an ninh trong hoạt động nghề nghiệp	3
1.2. Vận dụng được những kiến thức cơ bản về ngành giáo dục mầm non; kiến thức cơ bản về tâm - sinh lí, giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non trong tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục	3
1.3. Vận dụng được những kiến thức về khoa học cơ bản (Toán, Văn học, Tiếng Việt, Môi trường) và nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật, Đàn, Múa,...) vào quá trình chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non	3
1.4. Vận dụng linh hoạt các xu hướng giáo dục mầm non và kiến thức về chương trình giáo dục mầm non trong xây dựng kế hoạch chăm sóc – giáo dục trẻ phù hợp với điều kiện thực tiễn	3
1.5. Vận dụng được những kiến thức về khoa học giáo dục mầm non trong thực hiện nhiệm vụ phát triển toàn diện cho trẻ và kiến thức về đánh giá trong giáo dục mầm non	3
1.6. Vận dụng được kiến thức ngoại ngữ chuyên ngành và công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	3
2. Kỹ năng và phẩm chất đạo đức	
2.1. Kỹ năng nghề nghiệp	
2.1.1. Phân tích được bối cảnh giáo dục trong phát triển chương trình giáo dục mầm non; Nhận diện được đặc điểm tâm – sinh lí, nhu cầu đặc biệt và khả năng của trẻ mầm non trong quá trình chăm sóc – giáo dục.	4
2.1.2. Lập kế hoạch chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn.	6
2.1.3. Thiết kế môi trường giáo dục an toàn, đa dạng, sáng tạo và kích thích trẻ tích cực tham gia hoạt động.	6
2.1.4. Tổ chức hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ trong điều kiện thực tiễn.	5
2.1.5. Đánh giá được sự phát triển của trẻ mầm non và hiệu quả thực hiện chương trình giáo dục mầm non	5
2.1.6. Thực hiện nghiên cứu khoa học, phát hiện và giải quyết được các vấn đề trong thực tiễn giáo dục mầm non.	3
2.2. Kỹ năng mềm	
Giao tiếp chuẩn mực, phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; có kỹ năng hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ chung và phát triển cộng đồng	3
2.3. Phẩm chất đạo đức	
Yêu nghề, yêu trẻ, tận tụy, công bằng và tôn trọng trẻ; Thể hiện lối sống lành mạnh, văn minh, trung thực, tự trọng, có lòng nhân ái, yêu thiên nhiên	5
3. Mức tự chủ và trách nhiệm	

3.1. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm. Tự định hướng và đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân	4
3.2. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định	4
3.3. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	4

PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy:

135 tín chỉ (TC), trong đó:

- Khối kiến thức đại cương: 33 TC
- Khối kiến thức chuyên nghiệp: 102 TC
 - + Kiến thức cơ sở nhóm ngành: 10 TC
 - + Kiến thức cơ sở ngành: 21 TC
 - Bắt buộc: 19 TC
 - Tự chọn: 02 / 21 TC
 - + Kiến thức chuyên ngành: 45 TC
 - Bắt buộc: 39 TC
 - Tự chọn: 06 / 45 TC
- + Bổ trợ: 04 TC
- + Thực hành, thực tập nghề nghiệp: 16 TC
- + Khóa luận tốt nghiệp: 6 TC

2. Khung chương trình đào tạo chi tiết

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	T H	TQ	HT	SH	
A. Kiến thức giáo dục đại cương			33						
I. Ngoại ngữ			5						
1	GE4410	Tiếng Anh 1	3	45	0				1
2	GE4411	Tiếng Anh 2	2	30	0		GE4410		2
II. Giáo dục quốc phòng			11						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0				1
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh	2	30	0		GE4165		2
3	GE4166	Quân sự chung	2	14	16		GE4165		3
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	4	4	56		GE4165		4
III. Giáo dục thể chất			3						
1. Học phần thể chất bắt buộc			2						
1	GE4306	Giáo dục thể chất 1	1	0	30				1
2	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)	1	0	30		GE4306		2
2. Học phần thể chất tự chọn			1						
1	GE4335	Bóng đá	1	0	30		GE4306		3
2	GE4336	Bóng chuyền	1	0	30		GE4306		3
3	GE4337	Cầu lông	1	0	30		GE4306		3
4	GE4338	Võ thuật Vovinam	1	0	30		GE4306		3

5	GE4339	Võ thuật Karatedo	1	0	30		GE4306		3
6	GE4340	Cờ vua	1	0	30		GE4306		3
7	GE4341	Bóng bàn	1	0	30		GE4306		3
8	GE4342	Bóng ném	1	0	30		GE4306		3
9	GE4343	Bóng rổ	1	0	30		GE4306		3
10	GE4344	Tennis (Quần vợt)	1	0	30		GE4306		3
11	GE4345	Đá cầu	1	0	30		GE4306		3
IV. Đại cương chung			14						
1	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45	0				1
2	KI4500	Nhập môn giáo dục mầm non	1	15	0				1
3	GE4039	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	30	0				1
4	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	0		GE4091		2
5	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0		GE4092		3
6	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0		GE4092		3
7	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0		GE4093		4
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			102						
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			10						
1	GE4045	Tâm lý học đại cương	2	30	0				1
2	GE4017	Giáo dục học đại cương	2	30	0				1
3	GE4072N	Tâm lý học mầm non	2	30	0		GE4045		2
4	GE4074N	Giáo dục học Mầm non	2	30	0		GE4017		2
5	GE4111	Quản lý HCNN và QL ngành GD	2	30	0				5
II. Kiến thức cơ sở ngành			21						
1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			19						
1	KI4221N	Sự phát triển thể chất của trẻ mầm non	2	30	0				1
2	KI4220	Lý thuyết âm nhạc sơ giản mầm non	2	15	30				1
3	KI4219	Mỹ thuật mầm non	2	7	48				1
4	KI4181	Kỹ năng giao tiếp sư phạm của GVMN	2	30	0				2
5	KI4117N	Tiếng Việt	2	30	0				2
6	KI4121	Văn học trẻ em	2	30	0				3
7	KI4222	Cơ sở toán mầm non	2	30	0				3
8	KI4224	Vệ sinh - Phòng bệnh cho trẻ mầm non	3	45	0		KI4221N		5

9	KI4002	Đánh giá kết quả giáo dục MN	2	30	0				7
2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn			2						
1	KI4114	Nghề giáo viên mầm non	2	30	0				6
2	KI4145N	Tâm bệnh học	2	30	0				6
3	KI4223	Dinh dưỡng cho trẻ mầm non	2	30	16				6
III. Kiến thức chuyên ngành			45						
1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			39						
1	KI4238N	Phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	2	30	0		GE4072N GE4074N		2
2	KI4255	Làm đồ chơi và thiết kế môi trường giáo dục cho trẻ mầm non	3	15	60		KI4219		3
3	KI4225	Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	2	30	0		GE4072N GE4074N		3
4	KI4229N	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN	3	45	0		KI4117N		4
5	KI4232N	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	3	15	60		KI4219		4
6	KI4233	Múa và phương pháp dạy múa cho trẻ mầm non	3	15	60				4
7	KI4154	Ứng dụng CNTT trong dạy học mầm non	2	20	20				4
8	KI4254	Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen văn học cho trẻ mầm non	3	45	0		KI4221		5
9	KI4106N	Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non	3	15	60		KI4233 KI4220		5
10	KI4256	Tổ chức hoạt động chăm sóc trẻ mầm non	2	30	0		GE4072N GE4074N		5
11	KI4040E	PP nghiên cứu khoa học ứng dụng trong GDMN	2	30	0				5
12	KI4226	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3	30	30		KI4221N		6
13	KI4241	Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen MTXQ cho trẻ mầm non	3	45	0				6

14	KI4228	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với Toán	3	45	0		KI4222		6
15	KI4186	Quản lí GDMN	2	30	0		KI4225		6
2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			6						
2.1 Nhóm phát triển thể chất			2						
1	KI4257	Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non	2	30	0		KI4226		7
2	KI4165	Thể dục nhịp điệu cho trẻ mầm non	2	30	0		KI4226		7
3	KI4258	Yoga cho trẻ mầm non	2	30	0		KI4226		7
2.2 Nhóm phát triển nhận thức và ngôn ngữ			2	30	0				
1	KI4202	Giáo dục bảo vệ môi trường trong trường MN	2	30	0		KI4241		7
2	KI4259	Phương pháp tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho trẻ mầm non	2	30	0		KI4241		7
3	KI4124	Dạy trẻ tập nói ở nhà trẻ	2	30	0		KI4117N		7
4	KI4137	PP phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ mẫu giáo	2	30	0		KI4117N		7
2.3 Nhóm phát triển thẩm mỹ và TC - KNXH			2						
1	KI4179	Xây dựng kịch bản và tổ chức hoạt động nghệ thuật cho trẻ mầm non	2	4	52				6
2	KI4104	Đàn phím điện tử	2	4	52				6
3	KI4180	Tập đọc nhạc và hát	2	4	52				6
4	KI4103	Dàn dựng chương trình lễ hội	2	4	52				6
5	KI4260	Phát triển khả năng sáng tạo nghệ thuật cho trẻ trong trường mầm non	2	5	50				6
6	KI4283	Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ MN	2	30	0				6
7	KI4159	Giáo dục hành vi văn hóa	2	30	0				6
IV. Kiến thức bổ trợ			4						
1	KI4261	Kiến thức về môi trường xung quanh dành cho giáo viên mầm non	2	30	0				7
2	KI4182	Kỹ năng quản lí cảm xúc của GVMN	2	30	0				7
3	KI4184	Kỹ năng xử lí các tình huống sư phạm trong trường mầm non	2	30	0				7

4	KI4183	Kỹ năng tham vấn của GVMN	2	30	0				7
5	KI4172	Kỹ năng hỗ trợ trẻ có nhu cầu đặc biệt	2	30	0				7
6	KI4170	Kỹ năng tìm kiếm và khai thác nguồn tư liệu trong dạy học mầm non	2	30	0				7
7	KI4203	Quản lý nhóm lớp của giáo viên mầm non	2	30	0				7
8	KI4162	Dạy học lớp ghép trong trường mầm non	2	30	0				7
9	KI4157	Biên đạo múa	2	30	0				7
10	KI4235	Giáo dục hoà nhập cho trẻ mầm non	2	30	0				7
11	KI4161	Can thiệp sớm cho trẻ mầm non	2	30	0				7
12	KI4101	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1	2	30	0				7
13	KI4292	Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non	2	30	0				7
14	KI4108	Giáo dục gia đình	2	30	0				7
15	KI4177	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non	2	30	0				7
16	KI4262	Ứng dụng Steam trong dạy học mầm non	2	30	0				7
17	KI4251	Vận dụng thuyết "đa trí tuệ" ở trường mầm non	2	30	0				7
18	KI4252	Dạy học mầm non theo bối cảnh địa phương	2	30	0		KI4225		7
19	KI4253	Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen tiếng Anh cho trẻ mầm non	2	30	0				7
V. Thực hành thực tập nghề nghiệp			16						
1	KI4401P	Rèn luyện NVSPTX 1 (Nghe, nói, đọc viết)	1	0	30			KI4117N	2
2	KI4402N	Rèn luyện NVSPTX 2 (Hát, múa)	1	0	30		KI4233		7
3	KI4403	Rèn luyện NVSPTX 3 (Phát triển nhận thức)	1	0	30		KI4241 KI4228		7
4	KI4404	Rèn luyện NVSPTX 4 (Phát triển thẩm mỹ)	1	0	30		KI4106N KI4255		7
5	KI4405	Rèn luyện NVSPTX 5 (Phát triển ngôn ngữ)	1	0	30		KI4229 KI4254		7

6	KI4406	Rèn luyện NVSPTX 6 (Phát triển thể chất)	1	0	30		KI4257		7
7	KI4430	Kiến tập sự phạm	2	0	60				5
8	KI4407	Thực tập tốt nghiệp	8	0	120				8
VI. Khóa luận tốt nghiệp / Học phần thay thế			6						
1. Khóa luận tốt nghiệp			6						
1	KI4297N	Khóa luận tốt nghiệp	6	90	0				8
2. Học phần thay thế khóa luận			6						
1	KI4141N	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ Mầm non	3	30	30				8
2	KI4236	Các phương pháp giáo dục mầm non trong xu hướng đổi mới	3	45	0				8
Tổng số TCTL			135						

3. Các học phần hình thành kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức theo chuẩn đầu ra đã công bố (theo thứ tự các học phần của CTĐT)

Số TT	Tên học phần	Kiến thức ⁽¹⁾						Kỹ năng và Phẩm chất đạo đức ⁽²⁾									Mức tự chủ và trách nhiệm ⁽³⁾		
		KT 1.1	KT 1.2	KT 1.3	KT 1.4	KT 1.5	KT 1.6	KN 2.1.1	KN 2.1.2	KN 2.1.3	KN 2.1.4	KN 2.1.5	KN 2.1.6	KN 2.2	PC 2.3	TC 3.1	TC 3.2	TC 3.3	
A. Khối kiến thức đại cương																			
I. Ngoại ngữ																			
1	Tiếng Anh 1						3							3		3			
2	Tiếng Anh 2						3							3		3			
II. Giáo dục quốc phòng																			
1	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3												3		3			
2	Công tác quốc phòng, an ninh	3												3		3			
3	Quân sự chung	3												3		3			
4	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	3												3		3			
III. Giáo dục thể chất																			
1. Học phần thể chất bắt buộc																			
1	Giáo dục thể chất 1	3												3		3			
2	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)	3												3		3			
2. Học phần thể chất tự chọn																			
1	Bóng đá	3												3		3			
2	Bóng chuyền	3												3		3			
3	Cầu lông	3												3		3			
4	Võ thuật Vovinam	3												3		3			
5	Võ thuật Karatedo	3												3		3			

Số TT	Tên học phần	Kiến thức ⁽¹⁾						Kỹ năng và Phẩm chất đạo đức ⁽²⁾									Mức tự chủ và trách nhiệm ⁽³⁾		
		KT 1.1	KT 1.2	KT 1.3	KT 1.4	KT 1.5	KT 1.6	KN 2.1.1	KN 2.1.2	KN 2.1.3	KN 2.1.4	KN 2.1.5	KN 2.1.6	KN 2.2	PC 2.3	TC 3.1	TC 3.2	TC 3.3	
6	Cờ vua	3												3		3			
7	Bóng bàn	3												3		3			
8	Bóng ném	3												3		3			
9	Bóng rổ	3												3		3			
10	Tennis (Quần vợt)	3												3		3			
11	Đá cầu	3												3		3			
IV. Đại cương chung														3		3			
1	Triết học Mác - Lênin	3												3		3			
2	Nhập môn ngành Giáo dục Mầm non		3					3						3	3	3	3	3	
3	Pháp luật Việt Nam đại cương	3												3		3			
4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3												3		3			
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3												3		3			
6	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3												3		3			
7	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3												3		3			
B. Khối kiến thức chuyên nghiệp																			
I	Kiến thức cơ sở nhóm ngành																		
1	Tâm lý học đại cương	3												3		3			
2	Giáo dục học đại cương	3												3		3			
3	Tâm lý học mầm non	3												3		3			
4	Giáo dục học Mầm non	3												3		3			

Số TT	Tên học phần	Kiến thức ⁽¹⁾						Kỹ năng và Phẩm chất đạo đức ⁽²⁾									Mức tự chủ và trách nhiệm ⁽³⁾		
		KT 1.1	KT 1.2	KT 1.3	KT 1.4	KT 1.5	KT 1.6	KN 2.1.1	KN 2.1.2	KN 2.1.3	KN 2.1.4	KN 2.1.5	KN 2.1.6	KN 2.2	PC 2.3	TC 3.1	TC 3.2	TC 3.3	
5	Quản lý HCNN và QL ngành GD	3												3		3			
II	Kiến thức cơ sở ngành																		
1	Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc																		
1	Kỹ năng giao tiếp sư phạm của GVMN		3											3	3	3		3	
2	Sự phát triển thể chất của trẻ mầm non					3								3		3		3	
3	Vệ sinh - phòng bệnh cho trẻ mầm non					3									3	3		3	
4	Tiếng Việt			3										3		3		3	
5	Văn học trẻ em			3										3		3		3	
6	Cơ sở Toán mầm non			3										3		3		3	
7	Lý thuyết Âm nhạc sơ giản mầm non			3										3		3		3	
8	Mỹ thuật mầm non			3										3		3		3	
9	Đánh giá kết quả giáo dục MN					3						5		3		4	4	4	
2	Kiến thức cơ sở ngành tự chọn																		
1	Nghề giáo viên mầm non		3											3	5	3	3	3	
2	Tâm bệnh học					3		4							3	3		3	
3	Dinh dưỡng cho trẻ mầm non					3									3	3		3	
III	Kiến thức chuyên ngành																		
1	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc																		
1	Phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non					3		4	3	3	5	5				4	4	4	
2	Làm đồ chơi và thiết kế môi trường giáo dục cho trẻ mầm non			3						6						3	3	3	
3	Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non				3			4	6	3	5					4	4	4	
4	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non					3			3	3	5	5				4	4	4	

Số TT	Tên học phần	Kiến thức ⁽¹⁾						Kỹ năng và Phẩm chất đạo đức ⁽²⁾									Mức tự chủ và trách nhiệm ⁽³⁾		
		KT 1.1	KT 1.2	KT 1.3	KT 1.4	KT 1.5	KT 1.6	KN 2.1.1	KN 2.1.2	KN 2.1.3	KN 2.1.4	KN 2.1.5	KN 2.1.6	KN 2.2	PC 2.3	TC 3.1	TC 3.2	TC 3.3	
5	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non					3			3	3	5	5				4	4	4	
6	Múa và phương pháp dạy múa cho trẻ mầm non			3					3		5	3				4	4	4	
7	Ứng dụng CNTT trong dạy học mầm non						3		3							3	3	3	
8	Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen văn học cho trẻ mầm non					3			3	3	5	5				4	4	4	
9	Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non					3			3	3	5	5				4	4	4	
10	Tổ chức hoạt động chăm sóc trẻ mầm non		3					4			5					4	4	4	
11	PP nghiên cứu khoa học ứng dụng trong GDMN					3							3			4	4	4	
12	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non					3			3	3	5	5				4	4	4	
13	Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen MTXQ cho trẻ mầm non					3			3	3	5	5				4	4	4	
14	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với Toán					3			3	3	5	5				4	4	4	
15	Quản lý giáo dục mầm non		3													4	4	4	
2	Kiến thức chuyên ngành tự chọn																		
2.1	Nhóm phát triển thể chất (chọn ít nhất 2 TC)																		
1	Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non					3			6		5		3			4	4	4	
2	Thể dục nhịp điệu cho trẻ mầm non					3		4					3			4	4	4	
3	Yoga cho trẻ mầm non					3		4						5		4	4	4	

Số TT	Tên học phần	Kiến thức ⁽¹⁾						Kỹ năng và Phẩm chất đạo đức ⁽²⁾									Mức tự chủ và trách nhiệm ⁽³⁾		
		KT 1.1	KT 1.2	KT 1.3	KT 1.4	KT 1.5	KT 1.6	KN 2.1.1	KN 2.1.2	KN 2.1.3	KN 2.1.4	KN 2.1.5	KN 2.1.6	KN 2.2	PC 2.3	TC 3.1	TC 3.2	TC 3.3	
2.2	Nhóm Phát triển nhận thức và ngôn ngữ (chọn ít nhất 2TC)																		
1	Giáo dục bảo vệ môi trường trong trường MN					3			6		5				3	4	4	4	
2	Phương pháp tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho trẻ mầm non					3			6		5				3	4	4	4	
3	Đạy trẻ tập nói ở nhà trẻ			3					6		5	5			3	4	4	4	
4	Phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc			3					6		5	5			3	4	4	4	
2.3	Nhóm Phát triển thẩm mỹ và TCKNXH (chọn ít nhất 2TC)																		
1	Xây dựng kịch bản và tổ chức hoạt động nghệ thuật cho trẻ mầm non			3							5				3	3		3	
2	Đàn phím điện tử			3											3	3		3	
3	Tập đọc nhạc và hát			3											3	3		3	
4	Dàn dựng chương trình lễ hội			3							5				3	4	4	4	
5	Phát triển khả năng sáng tạo nghệ thuật cho trẻ trong trường mầm non			3					6		5				3	4	4	4	
6	Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ MN					3			6		5	5		3		4	4	4	
7	Giáo dục hành vi văn hóa					3								3	3	4	4	4	
IV.	Kiến thức bổ trợ (chọn ít nhất 4 TC)																		
1	Kiến thức về môi trường xung quanh dành cho giáo viên mầm non			3										3	5	3	3	3	
2	Kỹ năng quản lí cảm xúc của GVMN													3		3	3	3	
3	Kỹ năng xử lí các tình huống sự phạm trong trường mầm non					3									5	3	3	3	

Số TT	Tên học phần	Kiến thức ⁽¹⁾						Kỹ năng và Phẩm chất đạo đức ⁽²⁾									Mức tự chủ và trách nhiệm ⁽³⁾		
		KT 1.1	KT 1.2	KT 1.3	KT 1.4	KT 1.5	KT 1.6	KN 2.1.1	KN 2.1.2	KN 2.1.3	KN 2.1.4	KN 2.1.5	KN 2.1.6	KN 2.2	PC 2.3	TC 3.1	TC 3.2	TC 3.3	
4	Kỹ năng tham vấn của giáo viên mầm non		3			3								3		3	3	3	
5	Kỹ năng hỗ trợ trẻ có nhu cầu đặc biệt		3					4			5			5		3	3	3	
6	Kỹ năng tìm kiếm và khai thác nguồn tư liệu trong dạy học mầm non						3									3	3	3	
7	Quản lý nhóm lớp của giáo viên mầm non		3								5			3		4	4	4	
8	Dạy học lớp ghép trong trường mầm non		3								5			3		4	4	4	
9	Biên đạo múa			3							5			3		4	4	4	
10	Giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non		3					4			5			3		4	4	4	
11	Can thiệp sớm cho trẻ mầm non		3					4			5			3		4	4	4	
12	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1					3			6		5			3		4	4	4	
13	Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non		3						6		5			3		4	4	4	
14	Giáo dục gia đình		3					4						3		4	4	4	
15	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non				3				6		5		3			4	4	4	
16	Ứng dụng Steam trong dạy học mầm non			3					6		5		3			4	4	4	
17	Vận dụng thuyết "đa trí tuệ" ở trường mầm non					3						5				4	4	4	
18	Dạy học mầm non theo bối cảnh địa phương				3			4						3		4	4	4	
19	Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen tiếng Anh cho trẻ mầm non						3	3	3	3	3	3				4	4	4	
V	Thực hành, thực tập nghề nghiệp																		
1	Rèn luyện NVSPTX 1 (Đọc, kê, nói, viết)			3										5		3		3	

Số TT	Tên học phần	Kiến thức ⁽¹⁾						Kỹ năng và Phẩm chất đạo đức ⁽²⁾								Mức tự chủ và trách nhiệm ⁽³⁾		
		KT 1.1	KT 1.2	KT 1.3	KT 1.4	KT 1.5	KT 1.6	KN 2.1.1	KN 2.1.2	KN 2.1.3	KN 2.1.4	KN 2.1.5	KN 2.1.6	KN 2.2	PC 2.3	TC 3.1	TC 3.2	TC 3.3
2	Rèn luyện NVSPTX 2 (Hát, múa)			3									3	5	3		3	
3	Rèn luyện NVSPTX 3 (Phát triển nhận thức)					3		6		5			3		4	4	4	
4	Rèn luyện NVSPTX 4 (Phát triển thẩm mỹ)					3		6		5			3		4	4	4	
5	Rèn luyện NVSPTX 5 (Phát triển ngôn ngữ)					3		6		5			3		4	4	4	
6	Rèn luyện NVSPTX 6 (Phát triển thể chất)					3		6		6			3		4	4	4	
7	Kiến tập sự phạm		3										3	3	4	4	4	
8	Thực tập tốt nghiệp		3			3	3	4	6	6	5	5	3	3	4	4	4	
VI	Khóa luận tốt nghiệp / Học phần thay thế																	
1	Khóa luận tốt nghiệp																	
1	Khóa luận tốt nghiệp		3			3	3						3		4	4	4	
2	Học phần thay thế khóa luận																	
1	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non					3		6	6	5	5				4	4	4	
2	Các phương pháp giáo dục mầm non trong xu hướng đổi mới				3								3	3	4	4	4	

4. Hình thức đào tạo và phương pháp giảng dạy

4.1. Hình thức đào tạo:

Chính quy

4.2. Phương pháp giảng dạy

Luôn cải tiến các phương pháp dạy học truyền thống, giảng viên sử dụng đa dạng các phương pháp và kỹ thuật dạy học hiện đại, phát huy tính tích cực, chủ động của người học.

Tất cả các giảng viên tham gia giảng dạy đều chú trọng sử dụng phương pháp, biện pháp và kỹ thuật dạy học tích cực. Đảm bảo phát huy tối đa tính tích cực, chủ động và sáng tạo của người học.

Đối với nội dung học lý thuyết, đa số giảng viên sử dụng các phương pháp và biện pháp như:

+ Phương pháp trực quan: Phương pháp này được sử dụng phổ biến nhất trong đào tạo giúp học viên có thể dễ dàng hình dung những kiến thức và kỹ năng chuyên ngành.

+ Phương pháp công não: Thường sử dụng khi bắt đầu học phần hoặc đầu giờ, giảng viên đặt câu hỏi hoặc nêu vấn đề kích thích học viên suy nghĩ và đưa ra phương án trả lời trong thời gian sớm nhất.

+ Phương pháp thảo luận nhóm: Giảng viên có thể đặt vấn đề từ buổi học trước hoặc đến lớp phân bổ thời gian và cho học viên tạo nhóm thảo luận và tranh luận.

+ Phương pháp giải quyết vấn đề: Thường sử dụng cho các học phần cơ sở ngành hoặc phương pháp chuyên ngành để sinh viên tư duy, huy động kiến thức và cùng nhau tìm phương án giải quyết vấn đề sao cho hợp lý và khoa học nhất.

+ Kỹ thuật khăn trải bàn: Cũng được nhiều giảng viên áp dụng, nội dung thảo luận thường được nêu ra ngay trong lớp học.

+ Phương pháp trò chơi: Phương pháp này được sử dụng rất thường xuyên vì phù hợp với đặc điểm của sinh viên ngành GDMN, sinh viên thích vừa học vừa chơi, nội dung chơi chính là nhiệm vụ học tập. Phương pháp này cũng được xem như các hình mẫu để sinh viên vận dụng trong quá trình xuống cơ sở GDMN.

Đối với nội dung thực hành, giảng viên sử dụng phương pháp rất đa dạng:

+ Phương pháp làm việc nhóm: Được sử dụng trong các học phần phương pháp chuyên ngành, học viên thảo luận lựa chọn đề tài dạy, thống nhất soạn giáo án, chuẩn bị các điều kiện cần thiết và thực hiện yêu cầu theo nhóm.

+ Phương pháp giải quyết tình huống: Các tình huống xuất phát từ thực tiễn ngành GDMN được giảng viên lồng ghép vào trong các giờ dạy hoặc thực hành để học viên phân tích và xử lý. Từ đó giúp tích lũy kinh nghiệm cho bản thân.

+ Phương pháp dạy học dự án: Có một số học phần có thể áp dụng một phần theo phương pháp này, nhằm giúp học viên được nghiên cứu sâu hơn về một mảng nội dung trong học phần chuyên ngành.

+ Phương pháp thực hành: Đây là phương pháp được sử dụng nhiều nhất, thường xuyên nhất đối với đào tạo chuyên ngành GDMN. Tổ chức cho học viên thực hành có rất nhiều hình thức rất đa dạng: theo đề tài, theo chủ đề, trong lớp, ngoài lớp, trên bàn hoặc trên trẻ mầm non.

+ Phương pháp đóng vai: Được sử dụng trong các học phần liên quan đến vấn đề Tâm lý học lứa tuổi mầm non, giáo dục học mầm non,...

5. Cách thức đánh giá kết quả học tập

- Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy sửa đổi ban hành theo Quyết định

1465/QĐ-ĐHĐT ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp;
- Quyết định số 2293/QĐ-ĐHĐT ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Đồng Tháp;
- Thực hiện theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

6. Điều kiện thực hiện chương trình

6.1. Đề cương chi tiết học phần

6.1.1. NHẬP MÔN GIÁO DỤC MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **KI4500 – NHẬP MÔN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON**
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 01 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 15/00/30
- Học phần điều kiện (nếu có): *Không có*
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

Họ và tên: **Lê Thị Kim Anh** Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Tiến sĩ
 Điện thoại: 0988 980929 Email: ltkanh@dthu.edu.vn
 Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2

Họ và tên: **Lê Thị Thanh Sang** Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
 Điện thoại: 0908732782 Email: sang.lethithanh@gmail.com
 Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Học phần **Nhập môn Giáo dục mầm non** là học phần đầu tiên trong khối kiến thức đại cương chung bắt buộc, đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên những hiểu biết khái quát về Trường, về Khoa đào tạo; vài nét khái quát về ngành giáo dục mầm non, chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo toàn khóa; cách xây dựng kế hoạch học tập theo học chế tín chỉ; quy chế đào tạo, rèn luyện và những kỹ năng cần thiết giúp sinh viên năm nhất thích nghi với môi trường đại học, qua đó hình thành niềm say mê, nhiệt huyết, niềm tự hào với lựa chọn trở thành người giáo viên mầm non, phấn đấu học tập và rèn luyện đạt kết quả tốt trong quá trình học tập, nghiên cứu tại trường.

Những kiến thức chung này sẽ là nền tảng cơ sở lý luận để sinh viên tự tin hơn trong môi trường học tập bậc đại học, sinh viên sẽ có thể độc lập và chủ động trong việc triển khai kế hoạch học tập của mình.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Khái quát hóa được những kiến thức cơ bản về Trường, Khoa và ngành giáo dục mầm non trong học tập và tham gia các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non.

4.2. Kỹ năng/ phẩm chất:

Vận dụng được những kiến thức khái quát để thiết kế được kế hoạch học tập toàn khóa, lên thời gian biểu cho hoạt động học tập và rèn luyện ở trường đại học để đạt được mục tiêu học tập; Giao tiếp chuẩn mực, phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để bảo vệ kết luận chuyên môn; thích ứng tốt với môi trường học tập ở đại học.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1.1	Nêu khái quát về Trường và Khoa đào tạo, về ngành Giáo dục mầm non và khung chương trình đào tạo của ngành.	1.2	2
5.1.2	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về ngành giáo dục mầm non trong học tập và tham gia tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ.	1.2	3
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Phân tích được Khung chương trình đào tạo và xây dựng được kế hoạch học tập toàn khóa; Vận dụng được các phương pháp học tập tích cực trong khám phá tri thức và kĩ năng mới về chuyên ngành.	2.1.1	3
5.2.2	Giao tiếp chuẩn mực, phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp.	2.2	3
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.	3.1	3
5.3.2	Lập kế hoạch học tập, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động học tập	3.3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1 Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>Chương 1. Giới thiệu về Trường ĐH Đồng Tháp, Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non</p> <p>1.1. Giới thiệu về Trường ĐH Đồng Tháp</p> <p>1.1.1. Lịch sử phát triển</p> <p>1.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy</p> <p>1.1.3. Tầm nhìn và sứ mạng của Trường</p> <p>1.1.4. Thành tích nổi bật của Trường</p> <p>1.2. Giới thiệu về khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non</p> <p>1.2.1. Lịch sử phát triển</p> <p>1.2.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy</p> <p>1.2.3. Các bộ phận liên quan đến sinh viên</p>	02/04	5.1.1	<ul style="list-style-type: none"> - -PP trực quan - Sử dụng video và hình ảnh về Trường, Khoa, Ngành GDMN - -PP đàm thoại - Trao đổi về lịch sử Trường/Khoa; tầm nhìn, mục tiêu chất lượng của trường - Động cơ lựa chọn ngành GDMN 	<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu 3 - Tài liệu ghi chép - Nghiên cứu về lịch sử hình thành và phát triển của Trường, Khoa - Chuẩn bị các thông tin: Trả lời vào phiếu hỏi gồm các thông tin: <ul style="list-style-type: none"> - Bạn biết đến ĐHĐT qua kênh thông tin nào? - Tên Khoa bạn đang theo học? - Những đơn vị phòng ban – Khoa mà SV thường liên hệ - Những địa chỉ mà SV cần biết để hỗ trợ về học tập 	9.1

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>Chương 2. Vị trí, vai trò và đặc trưng của nghề giáo viên mầm non trong xã hội</p> <p>2.1. Vị trí của nghề giáo viên mầm non</p> <p>2.2. Vai trò, nhiệm vụ của người giáo viên mầm non</p> <p>2.3 Đặc trưng hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non</p>	02/04	5.1.2 5.2.2	-PP Thuyết trình -PP đàm thoại (Nội dung 2.1) -PP Thảo luận nhóm (Nội dung 2.2 đến 2.3)	- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu [1]; liệt kê sẵn các nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc. - Tham gia thảo luận các vấn đề (Nội dung 2.2, 2.3)	9.1.3
<p>Chương 3. Chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non Khóa tuyển sinh 2021</p> <p>3.1. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo</p> <p>3.2. Khung chương trình đào tạo</p> <p>3.3. Kế hoạch học tập và rèn luyện</p>	02/04	5.1.1 5.1.2 5.2.1	-PP thuyết trình, PP đàm thoại (Nội dung 3.1, 3.2) -PP Thực hành (Nội dung 3.3) Hướng dẫn SV lập kế hoạch học tập cho cả khóa học	- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu [1], [2] , liệt kê sẵn các nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc. - Chuẩn bị nội dung trả lời các câu hỏi đã được dặn từ buổi trước - Chuẩn bị nội dung làm việc cá nhân: (1) Nhìn khung chương trình xác định các loại học phần (2)Lập kế hoạch học tập cho cả khóa học, ghi rõ các HP tiên quyết, kế hoạch tích lũy điều kiện tốt nghiệp	9.1.2
<p>Chương 4. Phương pháp học tập ở đại học</p> <p>4.1. Các phương pháp dạy học tích cực</p> <p>4.2. Các kỹ thuật dạy học tích cực</p> <p>4.3. Các phương pháp học tập chuyên ngành</p>	05/10	5.2.1 5.3.1 5.3.2	-PP thảo luận nhóm (Nội dung 4.1, 4.2) -PP Đàm thoại (Nội dung 4.3) PP trực quan Chiếu video các hình thức học tập các học phần chuyên ngành	- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu [1]; liệt kê sẵn các nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc. - Tham khảo các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực	9.1
<p>Chương 5. Kỹ năng cơ bản cần có của tân sinh viên ngành Giáo dục mầm non</p>	04/08	5.2.2 5.3.2	-PP thảo luận nhóm	Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu [1]; liệt kê sẵn các nội	9.1.3

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
5.1. Kỹ năng thích ứng với sự thay đổi 5.2. Kỹ năng tự học 5.3. Kỹ năng giao tiếp và tạo lập mối quan hệ 5.4. Kỹ năng làm việc nhóm 5.5. Kỹ năng giải quyết vấn đề 5.6. Kỹ năng sử dụng tiếng Anh, tin học 5.7. Kỹ năng xử lí thông tin			(Nội dung 5.1, và 5.7) -Kỹ thuật khăn trải bàn	dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc. Tham khảo tài liệu [5] Chuẩn bị làm việc cá nhân: Nêu quan điểm cá nhân và quan điểm của nhóm về những kỹ năng cơ bản cần có của SV năm nhất	

6.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế: (không có)

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Lê Thị Kim Anh	Bài giảng Nhập môn nghề nghiệp	2021		Giảng viên	x	
2	ĐH Đồng Tháp	Sổ tay sinh viên	2021		Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	A.1. Hồ Lam Hồng	A.2. Nghề giáo viên mầm non	2008	NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Bộ GD và ĐT	Thông tư Số: 26/2018/TT-BGDĐT, ngày 08 tháng 10 năm 2018 về việc ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non	2018		Mạng internet		x
5	Huỳnh Văn Sơn và các tác giả	Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên đại học sư phạm	2012	GD Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần.
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>	Chương 1, Chương 2, Chương 3, Chương 4, Chương 5	5.1; 5.2; 5.3	1,0
9.1.1	Chuyên cần	- Dự lớp, tham gia làm việc nhóm. - Tham gia xây dựng bài.	5.1; 5.2; 5.3	
9.1.2	Bài tập cá nhân	Chương 3	5.2.1 5.3.1	
9.1.3	Bài tập nhóm	Chương 5	5.1.1 5.2.1 5.3.1	
9.2	<i>Bài thu hoạch đánh giá học phần</i> - Hình thức: Bài thu hoạch	Chương 1, Chương 2, Chương 4 - Điều kiện được đánh giá: <u>Tham dự ít nhất 80 %</u> tổng số tiết của học phần	5.1 đến 5.3	

6.1.2. TÂM LÝ HỌC MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: GE4072N - TÂM LÝ HỌC MẦM NON
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ: 30
- Học phần điều kiện: Tâm lý học đại cương
- Học kỳ: Năm học: 2021 – 2022

2. Thông tin về giảng viên:

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Đinh Ngọc Thắng** Chức danh, học vị: GV, Ths Tâm lý học
- Điện thoại: 0909196802 Email: dnthang@dthu.edu.vn
- Đơn vị công tác: Khoa SPKHXX

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Xuân Đài** Chức danh, học vị: GV, Ths Tâm lý học
- Điện thoại: 0908.299.776 E-mail: ntxdai@dthu.edu.vn
- Đơn vị công tác: Khoa SPKHXX

3. Tổng quan về học phần

Học phần “Tâm lý học mầm non” là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo giúp trang bị cho sinh viên/học viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển và đặc điểm điển hình về các chức năng tâm lý của trẻ em từ 0-6 tuổi. Từ đó, sinh viên/học viên có thể vận dụng những kiến thức tâm lý học mầm non vào quá trình hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp và nâng cao hiệu quả quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ em.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

- 4.1.1. Sinh viên/học viên hiểu được những kiến thức cơ bản – tổng quan về tâm lý học MN.
- 4.1.2. Sinh viên/học viên phân tích được toàn diện - sâu sắc sự phát triển tâm lý trẻ em sơ sinh.
- 4.1.3. Sinh viên/học viên phân tích được toàn diện - sâu sắc sự phát triển tâm lý trẻ em hài nhi
- 4.1.4. Sinh viên/học viên phân tích được toàn diện - sâu sắc sự phát triển tâm lý trẻ em ấu nhi.
- 4.1.5. Sinh viên/học viên vận dụng hiệu quả kiến thức tâm lý học trẻ em mẫu giáo nhỏ vào giải quyết các yêu cầu của nghề nghiệp.
- 4.1.6. Sinh viên/học viên vận dụng hiệu quả kiến thức tâm lý học trẻ em mẫu giáo nhỏ vào giải quyết các yêu cầu của nghề nghiệp.
- 4.1.7. Sinh viên/học viên vận dụng hiệu quả kiến thức tâm lý học trẻ em mẫu giáo lớn vào giải quyết các yêu cầu của nghề nghiệp.

4.2. Kỹ năng

- 4.2.1. Sinh viên/học viên chuẩn xác trong việc nhận diện đối tượng, nhiệm vụ, vị trí của tâm lý học mầm non.
- 4.2.2. Sinh viên/học viên chuẩn xác trong nhận diện – xác định quá trình hình thành, phát triển tâm lý và những đặc điểm tâm lý điển hình của trẻ em giai đoạn sơ sinh.
- 4.2.3. Sinh viên/học viên chuẩn xác trong việc nhận diện – xác định quá trình hình thành, phát triển tâm lý và những đặc điểm tâm lý điển hình của trẻ em giai đoạn hài nhi.
- 4.2.4. Sinh viên/học viên chuẩn xác trong việc nhận diện – xác định quá trình hình thành, phát triển tâm lý và những đặc điểm tâm lý điển hình của trẻ em giai đoạn ấu nhi.
- 4.2.5. Sinh viên/học viên chuẩn xác trong việc nhận diện – xác định quá trình hình thành, phát triển tâm lý và những đặc điểm tâm lý điển hình của trẻ em giai đoạn mẫu giáo nhỏ.

4.2.6. Sinh viên/học viên chuẩn xác trong việc nhận diện – xác định quá trình hình thành, phát triển tâm lý và những đặc điểm tâm lý điển hình của trẻ em giai đoạn mẫu giáo nhỏ.

4.2.7. Sinh viên/học viên chuẩn xác trong việc nhận diện – xác định quá trình hình thành, phát triển tâm lý và những đặc điểm tâm lý điển hình của trẻ em giai đoạn mẫu giáo lớn.

4.2.8. Sinh viên/học viên chuẩn xác trong việc tiến hành các biện pháp khoa học, phù hợp nhằm phát triển các chức năng tâm lý mới ở các giai đoạn lứa tuổi trẻ em khác nhau.

4.3. Phẩm chất đạo đức

4.3.1. Sinh viên/học viên hồi đáp rõ ràng thái độ trân trọng các kiến thức, thành tựu nghiên cứu về tâm lý học mầm non.

4.3.2. Sinh viên/học viên hồi đáp rõ ràng thái độ tích cực, chủ động và thái độ hứng thú, say mê trong quá trình nghe giảng, thực hiện các bài tập, yêu cầu, nhiệm vụ học tập mà giảng viên giao.

4.4. Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm

4.4.1. Sinh viên/học viên hồi đáp thái độ tích cực, chủ động, hào hứng trong quá trình học tập học phần.

4.4.2. Sinh viên/học viên đánh giá được mức độ hình thành và phát triển các kỹ năng tương ứng.

4.4.3. Sinh viên/học viên tổ chức quá trình tự học – tự nghiên cứu, làm việc độc lập, làm việc nhóm tốt.

4.4.3. Sinh viên/học viên hình thành những nét tích cách đặc thù, tích cực, phù hợp của giáo viên khi sử dụng các kiến thức tâm lý học để chăm sóc và giáo dục trẻ em mầm non

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1. Kiến thức			
5.1.1	Hiểu được những kiến thức cơ bản – tổng quan về tâm lý học mầm non	1.2.4	2
5.1.2	Hiểu được toàn diện - sâu sắc sự phát triển tâm lý trẻ em sơ sinh	1.2.4	2
5.1.3	Hiểu được toàn diện - sâu sắc sự phát triển tâm lý trẻ em hài nhi	1.2.4	2
5.1.4	Hiểu được toàn diện - sâu sắc sự phát triển tâm lý trẻ em ấu nhi	1.2.4	2
5.1.5	Vận dụng hiệu quả kiến thức tâm lý học trẻ em mẫu giáo nhỏ vào giải quyết các yêu cầu của nghề nghiệp	1.2.4	3
5.1.6	Vận dụng hiệu quả kiến thức tâm lý học trẻ em mẫu giáo nhỏ vào giải quyết các yêu cầu của nghề nghiệp	1.2.4	3
5.1.7	Vận dụng hiệu quả kiến thức tâm lý học trẻ em mẫu giáo lớn vào giải quyết các yêu cầu của nghề nghiệp	1.2.4	3
5.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Chuẩn xác trong việc nhận diện đối tượng, nhiệm vụ, vị trí của tâm lý học mầm non	2.1.2.1	3
5.2.2	Chuẩn xác trong nhận diện – xác định quá trình hình thành, phát triển tâm lý và những đặc điểm tâm lý điển hình của trẻ em giai đoạn sơ sinh	2.1.2.1	3
5.2.3	Chuẩn xác trong việc nhận diện – xác định quá trình hình thành, phát triển tâm lý và những đặc điểm tâm lý điển hình của trẻ em giai đoạn hài nhi	2.1.2.1	3
5.2.4	Chuẩn xác trong việc nhận diện – xác định quá trình hình thành, phát triển tâm lý và những đặc điểm tâm lý điển hình của trẻ em giai đoạn ấu nhi	2.1.2.1	3

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.2.5	Chuẩn xác trong việc nhận diện – xác định quá trình hình thành, phát triển tâm lý và những đặc điểm tâm lý điển hình của trẻ em giai đoạn mẫu giáo nhỏ	2.1.2.1	3
5.2.6	Chuẩn xác trong việc nhận diện – xác định quá trình hình thành, phát triển tâm lý và những đặc điểm tâm lý điển hình của trẻ em giai đoạn mẫu giáo nhỏ	2.1.2.1	3
5.2.7	Chuẩn xác trong việc nhận diện – xác định quá trình hình thành, phát triển tâm lý và những đặc điểm tâm lý điển hình của trẻ em giai đoạn mẫu giáo lớn	2.1.2.1	3
5.2.8	Chuẩn xác trong việc tiến hành các biện pháp khoa học, phù hợp nhằm phát triển các chức năng tâm lý mới ở các giai đoạn lứa tuổi trẻ em khác nhau	2.1.2.1	3
5.2.9	Hồi đáp rõ ràng thái độ trân trọng các kiến thức, thành tựu nghiên cứu về tâm lý học mầm non	2.3.1	2
5.2.10	Hồi đáp rõ ràng thái độ tích cực, chủ động và thái độ hứng thú, say mê trong quá trình nghe giảng, thực hiện các bài tập, yêu cầu, nhiệm vụ học tập mà giảng viên giao	2.3.2	2
5.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
5.3.1	Hồi đáp thái độ tích cực, chủ động, hào hứng trong quá trình học tập học phần	3.1.1	2
5.3.2	Đánh giá được mức độ hình thành và phát triển các kỹ năng tương ứng	3.1.2	3
5.3.3	Tổ chức quá trình tự học – tự nghiên cứu, làm việc độc lập, làm việc nhóm tốt	3.2.1	4
5.3.4	Hình thành những nét tích cách đặc thù, tích cực, phù hợp của giáo viên khi sử dụng các kiến thức tâm lý học để chăm sóc và giáo dục trẻ em mầm non	3.2.2 3.2.3	5

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TÂM LÝ HỌC MẦM NON 1.1. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học mầm non 1.1.1. Đối tượng 1.1.2. Nhiệm vụ 1.2. Khái niệm về trẻ em 1.2.1. Các quan niệm về trẻ em 1.2.2. Quan điểm tâm lý học về trẻ em 1.3. Các quy luật phát triển của tâm lý trẻ em 1.3.1. Nguyên lý phát triển 1.3.2. Tính không đồng đều của sự phát triển	2	5.1.1 5.2.1 5.2.9 5.2.10 5.3.1 5.3.2	- Thuyết trình nêu vấn đề, diễn giảng. - Đàm thoại – gọi mở. - Trực quan. - Tự học.	Cần nghiên cứu tài liệu: [1, Chương 1; 2 và 3]; [2, Chương 1; 2; và 3]; [10]	HĐ 9.1 HĐ 9.2

Chương/Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>1.3.3. Nguyên lý về các mối quan hệ giữa trẻ em với các thành tố của môi trường sống</p> <p>1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển tâm lý trẻ em</p> <p>1.4.1. Điều kiện sinh học (di truyền – bẩm sinh)</p> <p>1.4.2. Gia đình</p> <p>1.4.3. Văn hóa xã hội</p> <p>1.4.4. Hoạt động – giao tiếp</p> <p>1.4.5. Giáo dục</p> <p>1.5. Các giai đoạn phát triển của lứa tuổi trẻ em từ: 0 – 6 tuổi</p> <p>1.5.1. Các tiêu chí để phân định các giai đoạn phát triển tâm lý</p> <p>1.5.2. Các giai đoạn phát triển tâm lý lứa tuổi trẻ em</p>					
<p>CHƯƠNG 2. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ CỦA TRẺ EM SƠ SINH (0-2 THÁNG)</p> <p>2.1. Sự phát triển sinh lý – cơ thể của trẻ em sơ sinh</p> <p>2.1.1. Phát triển về mặt thể chất</p> <p>2.1.2. Hoạt động của các giác quan và hệ thần kinh</p> <p>2.2. Sự phát triển vận động – vai trò của phản xạ không điều kiện và sự hình thành phản xạ có điều kiện</p> <p>2.2.1. Vận động do phản xạ không điều kiện chi phối</p> <p>2.2.2. Hình thành phản xạ có điều kiện và sự tham gia vào quá trình vận động</p> <p>2.3. Đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ em sơ sinh</p> <p>2.3.1. Cảm giác – tình trạng chưa phân định</p> <p>2.3.2. Nhu cầu tiếp nhận các ấn tượng từ thế giới bên ngoài</p> <p>2.4. Mối quan hệ gắn bó mẹ/người chăm sóc với con/trẻ em giai đoạn sơ sinh</p> <p>2.4.1. Cơ sở hình thành mối quan hệ gắn bó giữa mẹ/người chăm sóc với con/trẻ em sơ sinh</p> <p>2.4.2. Các kiểu quan hệ gắn bó giữa mẹ/người chăm sóc với con/trẻ em sơ sinh</p> <p>2.4.3. Vai trò của các mối quan hệ gắn bó giữa mẹ/người chăm sóc với con/trẻ em sơ sinh</p>	4	<p>5.1.2</p> <p>5.2.2</p> <p>5.2.9</p> <p>5.2.10</p> <p>5.3.1</p> <p>5.3.2</p> <p>5.3.3</p>	<p>- Thuyết trình nêu vấn đề, diễn giảng và giảng thuật.</p> <p>- Đàm thoại gợi mở.</p> <p>- Trực quan.</p> <p>- Làm việc nhóm.</p> <p>- Tự học.</p>	<p>Cần nghiên cứu tài liệu:</p> <p>[1, Chương 4];</p> <p>[2, Chương 12];</p> <p>[3, Chương 5];</p> <p>[4, Chương 2];</p> <p>[5]; [8]; [9, Chương 1; 2; 3; 4; 5]; [10].</p>	<p>HĐ 9.1</p> <p>HĐ 9.2</p>

Chương/Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>2.5. Phức cảm hơn hờ - thành tựu hình thành và phát triển tâm lý của trẻ em sơ sinh</p> <p>2.5.1. Biểu hiện của phức cảm hơn hờ</p> <p>2.5.2. Những chức năng tâm lý tham gia vào phức cảm hơn hờ</p>					
<p>CHƯƠNG 3. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ CỦA TRẺ EM HẢI NHI (2-15 THÁNG)</p> <p>3.1. Sự phát triển sinh lý – cơ thể của trẻ em hải nhi</p> <p>3.1.1. Phát triển về mặt thể chất</p> <p>3.1.2. Hoạt động của các giác quan và hệ thần kinh</p> <p>3.2. Sự phát triển vận động – sự tham gia mạnh mẽ của phản xạ có điều kiện</p> <p>3.2.1. Sự tham gia của phản xạ có điều kiện vào vận động của trẻ em hải nhi</p> <p>3.2.2. Phản ứng vòng tròn (J. Peaget) với vận động của trẻ em hải nhi</p> <p>3.2.3. Các mức độ phát triển vận động theo thời gian của trẻ hải nhi</p> <p>3.3. Đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ em hải nhi</p> <p>3.3.1. Đặc điểm phát triển các quá trình nhận thức</p> <p>3.3.2. Sự phát triển tâm vận động, hành động với đồ vật và định hướng vào môi trường xung quanh</p> <p>3.4. Sự phát triển mối quan hệ gắn bó mẹ/người chăm sóc với con/trẻ em hải nhi và sự hình thành xúc cảm ở trẻ em hải nhi</p> <p>3.4.1. Giao tiếp xúc cảm trực tiếp với người lớn là hoạt động chủ đạo</p> <p>3.4.2. Lý thuyết gắn bó của John Bowlby</p> <p>3.4.3. Vai trò của các mối quan hệ gắn bó giữa mẹ/người chăm sóc với con/trẻ em hải nhi</p> <p>3.4.4. Sự hình thành và biểu hiện xúc cảm ở trẻ em hải nhi</p> <p>2.5. Hình thành tiền đề của sự lĩnh hội ngôn ngữ</p> <p>2.5.1. Biểu hiện về các tiền đề của sự lĩnh hội ngôn ngữ ở trẻ em hải nhi</p> <p>2.5.2. Một số các yếu tố kích thích sự lĩnh hội ngôn ngữ ở trẻ em hải nhi</p>	5	<p>5.1.3</p> <p>5.2.3</p> <p>5.2.8</p> <p>5.2.9</p> <p>5.2.10</p> <p>5.3.1</p> <p>5.3.2</p> <p>5.3.3</p>	<p>- Thuyết trình nêu vấn đề, diễn giảng và giảng thuật.</p> <p>- Đàm thoại gợi mở.</p> <p>- Trực quan.</p> <p>- Làm việc nhóm.</p> <p>- Tự học.</p>	<p>Cần nghiên cứu tài liệu:</p> <p>1, Chương 4];</p> <p>[2, Chương 12];</p> <p>[3, Chương 5];</p> <p>[4, Chương 2];</p> <p>[5]; [8]; [9, Chương 6; 7 và 8]; [10].</p>	<p>HĐ 9.1</p> <p>HĐ 9.2</p>
<p>CHƯƠNG 4. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ CỦA TRẺ EM ẬU NHI (15 – 36 THÁNG)</p>	5	<p>5.1.4</p> <p>5.2.4</p> <p>5.2.8</p> <p>5.2.9</p>	<p>- Thuyết trình nêu vấn đề, diễn giảng và giảng thuật.</p>	<p>Cần nghiên cứu tài liệu:</p> <p>1, Chương 5];</p> <p>[2, Chương 13];</p>	<p>HĐ 9.1</p> <p>HĐ 9.2</p>

Chương/Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>4.1. Sự phát triển sinh lý – cơ thể của trẻ em ấu nhi</p> <p>4.1.1. Phát triển về mặt thể chất</p> <p>4.1.2. Hoạt động của các giác quan và hệ thần kinh</p> <p>4.2. Sự phát triển vận động – sự tham gia của phản xạ có điều kiện và phản xạ công cụ</p> <p>3.2.1. Sự tham gia của phản xạ có điều kiện vào vận động của trẻ em ấu nhi</p> <p>4.2.2. Sự hình thành và tham gia của phản xạ công cụ vào vận động của trẻ ấu nhi</p> <p>4.2.3. Các hình thức vận động của trẻ ấu nhi</p> <p>4.2.4. Đi theo tư thế thẳng đứng – Hình thái vận động đặc trưng của con người</p> <p>4.3. Đặc điểm phát triển nhận thức – trí tuệ của trẻ em ấu nhi</p> <p>4.3.1. Đặc điểm phát triển các quá trình nhận thức</p> <p>4.3.2. Tư duy hành động với đồ vật</p> <p>4.4. Hoạt động với đồ vật là hoạt động chủ đạo của trẻ ấu nhi</p> <p>4.4.1. Các loại hành động với đồ vật</p> <p>4.4.2. Vai trò của hoạt động với đồ vật với sự phát triển các chức năng tâm lý của trẻ ấu nhi</p> <p>4.4.3. Sự phát triển nhận thức của trẻ ấu nhi dưới ảnh hưởng của hoạt động với đồ vật</p> <p>4.4.4. Sự phát triển ngôn ngữ của trẻ ấu nhi dưới ảnh hưởng của hoạt động với đồ vật</p> <p>4.5. Xuất hiện tiền đề của sự hình thành nhân cách</p> <p>4.5.1. Sự hình thành cấu tạo tâm lý bên trong – tâm trí</p> <p>4.5.2. Sự phát triển và biểu hiện xúc cảm, tình cảm của trẻ ấu nhi</p> <p>4.5.3. Sự xuất hiện tự ý thức ở trẻ ấu nhi</p> <p>4.6. Khủng hoảng tâm lý “tuổi lên 3”</p> <p>4.6.1. Nguyên nhân của khủng hoảng tâm lý “tuổi lên 3”</p> <p>4.6.2. Các biểu hiện của khủng hoảng tâm lý “tuổi lên 3”</p> <p>4.6.3. Một số biện pháp tác động giúp trẻ ấu nhi vượt qua khủng hoảng tâm lý</p>		5.2.10 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Đàm thoại gợi mở. - Trực quan. - Làm việc nhóm. - Tự học. 	[3, Chương 5]; [4, Chương 2]; [5]; [6, 15-132]; [7, 11-258]; [8]; [9, Chương 9; 10 và 11]; [10].	
<p>CHƯƠNG 5. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ TRẺ EM MẪU GIÁO NHỎ (3 – 4 TUỔI)</p>	5	5.1.5 5.2.5 5.2.8 5.2.9	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình nêu vấn đề, diễn giảng và giảng thuật. 	Cần nghiên cứu tài liệu: [1, Chương 7];	HĐ 9.1 HĐ 9.2 HĐ 9.3

Chương/Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>5.1. Sự thay đổi hoạt động chủ đạo – hoạt động vui chơi</p> <p>5.1.1. Khái niệm về hoạt động vui chơi</p> <p>5.1.2. Hoạt động vui chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em mẫu giáo (3 – 6 tuổi)</p> <p>5.1.3. Đặc điểm của hoạt động vui chơi</p> <p>5.1.4. Cấu trúc của trò chơi đóng vai theo chủ đề</p> <p>5.1.5. Trò chơi đóng vai theo chủ đề với trẻ em mẫu giáo nhỏ</p> <p>5.2. Đặc điểm phát triển nhận thức – trí tuệ của trẻ mẫu giáo nhỏ</p> <p>5.2.1. Đặc điểm phát triển các quá trình nhận thức</p> <p>5.2.2. Tư duy trực quan hình ảnh</p> <p>5.2.3. Tưởng tượng nảy sinh trong vui chơi</p> <p>5.2.4. Phát triển ngôn ngữ và ngôn ngữ tự trị</p> <p>5.3. Sự hình thành ý thức về bản thân</p> <p>5.3.1. Sự nhận thức về bản thân</p> <p>5.3.2. Sự phát triển xúc cảm – tình cảm</p> <p>5.3.3. Sự xuất hiện động cơ hành vi</p>		5.2.10 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Đàm thoại gợi mở. - Trực quan. - Làm việc nhóm. - Tự học. 	[2, Chương 14; 15]; [3, Chương 6]; [4, Chương 2]; [5]; [6, 133-320]; [7, 259-374]; [8]; [9, Chương 11; 12]; [10].	
<p>CHƯƠNG 6. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ TRẺ EM MẪU GIÁO NHỎ (4 – 5 TUỔI)</p> <p>6.1. Sự phát triển hoạt động vui chơi</p> <p>6.1.1. Hoàn thiện hoạt động vui chơi và hình thành “xã hội trẻ em”</p> <p>6.1.2. Biểu hiện rõ tính tự lực, tự do và chủ động trong hoạt động vui chơi</p> <p>6.1.3. Thiết lập và mở rộng các mối quan hệ xã hội trong hoạt động vui chơi</p> <p>6.1.4. Trò chơi đóng vai theo chủ đề với trẻ em mẫu giáo nhỏ</p> <p>6.2. Đặc điểm phát triển nhận thức – trí tuệ của trẻ mẫu giáo nhỏ</p> <p>6.2.1. Đặc điểm phát triển các quá trình nhận thức</p> <p>6.2.2. Tư duy trực quan hình ảnh – biểu tượng (hình tượng)</p> <p>6.2.3. Tưởng tượng phát triển mạnh trong hoạt động vui chơi</p> <p>6.2.4. Phát triển ngôn ngữ và ngôn ngữ mang tính xã hội</p> <p>6.3. Sự phát triển ý thức và tự ý thức của trẻ em mẫu giáo nhỏ</p> <p>6.3.1. Sự nhận thức về bản thân và bước đầu đánh giá về bản thân</p>	4	5.1.6 5.2.6 5.2.8 5.2.9 5.2.10 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình nêu - vấn đề, diễn giảng và giảng thuật. - Đàm thoại gợi mở. - Trực quan. - Làm việc nhóm. - Tự học. 	Cần nghiên cứu tài liệu: 1, Chương 8]; [2, Chương 14; 15]; [3, Chương 6]; [4, Chương 2]; [5]; [6, 133-320]; [7, 259-374]; [8]; [9, Chương 13]; [10].	HĐ 9.1 HĐ 9.2 HĐ 9.3

Chương/Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
6.3.2. Phát triển đời sống xúc cảm - tình cảm 6.3.3. Sự phát triển động cơ hành vi và sự hình thành hệ thống thứ bậc các động cơ 6.3.4. Các dạng hoạt động khác của trẻ mẫu giáo nhỏ					
CHƯƠNG 7. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ TRẺ EM MẪU GIÁO LỚN (5 – 6 TUỔI) 7.1. Sự phát triển hoạt động vui chơi của trẻ em mẫu giáo lớn 7.1.1. Kết hợp hoạt động vui chơi với các hoạt động khác 7.1.2. Phát triển tính tự lực, độc lập và chủ động trong hoạt động vui chơi 7.1.3. Những hình thức sơ đẳng của hoạt động lao động 7.2. Đặc điểm phát triển nhận thức – trí tuệ của trẻ em mẫu giáo lớn 7.2.1. Đặc điểm phát triển các quá trình nhận thức 7.2.2. Tư duy trực quan hình tượng và tư duy sơ đồ 7.2.3. Đặc điểm phát triển tưởng tượng 7.2.4. Đặc điểm phát triển ngôn ngữ - thành thạo tiếng mẹ đẻ 7.3. Sự phát triển ý thức và tự ý thức của trẻ em mẫu giáo lớn 7.3.1. Sự nhận thức và đánh giá bản thân (ý thức bản ngã) 7.3.2. Phát triển đời sống xúc cảm - tình cảm 7.3.3. Phát triển tính chủ định trong hoạt động tâm lý 7.4. Bước ngoặt 6 tuổi 7.4.1. Sự thay đổi các điều kiện của môi trường sống 7.4.2. Sự nảy sinh các yếu tố của hoạt động học tập 7.4.3. Chuẩn bị tâm lý sẵn sàng cho trẻ bước vào trường tiểu học	5	5.1.7 5.2.7 5.2.8 5.2.9 5.2.10 5.3	- Thuyết trình nêu vấn đề, diễn giảng và giảng thuật. - Đàm thoại gợi mở. - Trực quan. - Làm việc nhóm. - Tự học.	Cần nghiên cứu tài liệu: 1, Chương 9]; [2, Chương 14; 15]; [3, Chương 6]; [4, Chương 2]; [5]; [6, 133-320]; [7, 259-374]; [8]; [9, Chương 14; 15]; [10].	HĐ 9.1 HĐ 9.2 HĐ 9.3
Tổng:	30				

6.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế (nếu có)

7. Tài liệu học tập

Số TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm XB	Nhà XB	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						TL - chính	Tham khảo

1	Nguyễn Ánh Tuyết Nguyễn Thị Như Mai Đinh Thị Kim Thoa	Giáo trình: Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non (Từ lọt lòng đến 6 tuổi)	2014	ĐHSP HÀ NỘI	Thư viện	X	
2	Nguyễn Thị Bích Thủy Nguyễn Thị Anh Thư	Giáo trình: Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non (Từ lọt lòng đến 6 tuổi)	2005	Hà Nội	Thư viện		X
3	Dương Thị Diệu Hoa Nguyễn Ánh Tuyết Nguyễn Kế Hào Phan Trọng Ngọ Đỗ Thị Hạnh Phúc	Giáo trình tâm lý học phát triển (Giáo trình dùng cho sinh viên hệ cử nhân không chuyên – chuyên ngành Tâm lý học)	2008	ĐHSP	Thư viện		X
4	Vũ Thị Nho	Giáo trình Tâm lý học phát triển	2008	ĐHQG Hà Nội	Thư viện		X
5	Tiền Nguyên Vĩ (Phương Linh – dịch)	Bách khoa thư giáo dục và phát triển tâm lý - tính cách trẻ 0-6 tuổi	2020	Phụ nữ Việt Nam	Thư viện	X	
6	Jean Peaget (Nguyễn Xuân Khánh, Hoàng Hưng – dịch)	Sự hình thành biểu tượng ở trẻ em	2017	Tri Thức	Thư viện		X
7	Jean Peaget (Hoàng Hưng – dịch)	Sự xây dựng các thực ở trẻ em	2017	Tri Thức	Thư viện		X
8	Tracy Hogg & Melinda Blau (Hachun Lyonnet, Mẹ Ong Bông, Trần Huyền– dịch)	Độc vị mọi vấn đề của trẻ Giải mã mọi vấn đề về nuôi con nhỏ: Ăn – ngủ - kỷ luật hành vi	2019	Lao Động	Thư viện		X
9	Thérèse Gouin - Décarie (Nguyễn Hiến Lê dịch)	Thế giới bí mật của trẻ em	2015	Hồng Đức	Thư viện		X
10	Vũ Dũng	Từ điển thuật ngữ tâm lý học	2012	Từ điển Bách khoa	Thư viện		X

8. Quy định đối với sinh viên

- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập và nghiên cứu tài liệu theo chỉ dẫn của giảng viên thông qua “Đề cương chi tiết môn học”.
- Vắng không quá 20 % số tiết trên lớp của môn học.
- Làm việc nhóm và thực hiện đầy đủ các yêu cầu, nhiệm vụ của giảng viên giao cho.

9. Đánh giá kết quả học tập

HD	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá	TS
9.1	Lên lớp đầy đủ, tích cực phát biểu ý kiến xây dựng bài học	Các nội dung của học phần	0,05
9.2	Bài tập trên lớp - về nhà; Làm việc nhóm... có nộp kết quả - sản phẩm → theo hướng dẫn cụ thể của giảng viên	Theo từng nội dung học tập của học phần, được giảng viên phân công cho từng cá nhân và nhóm	0,15
9.3	Kiểm tra thường kì	Tập trung vào Chương 5; 6; 7	0,2
9.4	Thi kết thúc môn học	Toàn bộ học phần	0,6

6.1.3. GIÁO DỤC HỌC MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: GE4074 – GIÁO DỤC HỌC MẦM NON
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ: 30
- Học phần điều kiện: GDH đại cương
- Học kỳ: 2 Năm học: 2021-2022

2. Thông tin về giảng viên:

2.1. Giảng viên 1

Họ và tên: **Nguyễn Kim Chuyên** Chức danh, học vị: GVC, Thạc sĩ
 Điện thoại: 0983 597 075 Email: kimchuyen62020@gmail.com
 Đơn vị: Khoa Sư phạm Khoa học xã hội

2.2. Giảng viên 2

Họ và tên: **Nguyễn Thị Ngọc Hà** Chức danh, học vị: GVC, Tiến sĩ
 Điện thoại: 0989 707 323 Email: ntnha@dtu.edu.vn
 Đơn vị công tác: Khoa Sư phạm Khoa học xã hội

2.3. Giảng viên 3

Họ và tên: **Huỳnh Mộng Tuyền** Chức danh, học vị: PGS, GVCC, TS
 Điện thoại: 0919 231 707 Email: huynhmongtuyen010@gmail.com
 Đơn vị: Khoa Sư phạm khoa học xã hội

3. Tổng quan về học phần

Học phần Giáo dục học mầm non là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành giúp sinh viên hiểu biết về quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non và biết cách thực hiện hiệu quả nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, tìm thấy niềm vui, hạnh phúc trong lao động sư phạm.

4. Mục tiêu học phần

- 4.1. Sinh viên hiểu, biết những kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn của Giáo dục học mầm non;
- 4.2. Có khả năng vận dụng các nguyên tắc, phương pháp giáo dục vào việc chăm sóc, giáo dục trẻ em ở trường mầm non;
- 4.3. Bước đầu có khả năng thiết kế, tổ chức, xử lý tình huống, đánh giá kết quả giáo dục mầm non;
- 4.4. Tự giác, tích cực, độc lập, sáng tạo trong học tập, trải nghiệm học phần Giáo dục học Mầm non;
- 4.5. Trải nghiệm kỹ năng học tập, giao tiếp, nghề nghiệp;
- 4.6. Ý thức tầm quan trọng nghề, cảm thấy yêu thích nghề giáo viên mầm non.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1. Kiến thức			
5.1.1	Sinh viên hiểu đối tượng, mục tiêu, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu giáo dục học mầm non.	1.2.3 1.2.4	2
5.1.2	Sinh viên giải thích, phân tích, liên hệ thực tiễn: Nhiệm vụ; Nguyên tắc; Phương pháp giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non; Tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường mầm non; Phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ mầm non.	1.2.3 1.2.4 1.3.10	3 4
5.2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức			

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.2.1	Sinh viên phân tích, đánh giá những vấn đề cơ bản của lý luận, thực tiễn giáo dục mầm non.	1.3.7	2
5.2.2	Bước đầu có khả năng thiết kế, tổ chức, xử lý tình huống, đánh giá quá trình giáo dục ở trường mầm non.	2.1.3.1 2.1.3.2 2.1.4.1	2
5.2.3	Sưu tầm, xử lý thông tin, trình bày được kết quả tự học, nhận xét đánh giá kết quả học tập, hợp tác,...	2.1.3.1	3
5.2.4	Tự học giáo dục học mầm non để tự hoàn thiện phẩm chất và năng lực sư phạm của bản thân.	2.1.1.1	3
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Chủ động tiếp nhận, làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	3.1.2	3
5.3.2	Có thái độ tôn trọng, thích học Giáo dục học mầm non, tăng cường lòng yêu nghề, yêu trẻ, hoàn thiện nhân cách, có lòng tự hào về nghề giáo viên mầm non, tích cực nghiên cứu về khoa học giáo dục mầm non.	2.3.1 2.3.2	3
5.3.3	Đáp ứng các yêu cầu về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, có lối sống lành mạnh, văn minh, có tác phong mẫu mực trong giao tiếp, ứng xử.	2.3.1 2.3.2	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA GIÁO DỤC HỌC MẦM NON (GDMN) 1.1. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu giáo dục học mầm non 1.1.1. Đối tượng 1.1.2. Nhiệm vụ 1.1.3. Phương pháp nghiên cứu giáo dục học mầm non 1.2. Mục tiêu và nhiệm vụ của giáo dục mầm non 1.2.1. Mục tiêu 1.2.2. Nhiệm vụ của giáo dục mầm non 1.3. Bậc học mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân	4	5.1.1 5.2.1 5.3.1 5.3.2	Làm việc với sách; Trực quan Thuyết trình, Vấn đáp, Thảo luận nhóm Nhận xét, đánh giá	SV nghiên cứu tài liệu: 7[1];[2];[3];[5]; [6];[7] SV chuẩn bị theo các yêu cầu của GV - Lên lớp thảo luận nhóm, trình bày, đặt câu hỏi chất vấn, - Hệ thống hóa, củng cố kiến thức, kỹ năng	#CC 9.1 #TH 9.2 #BCN 9.3 #T 9.5
Chương 2. GIÁO DỤC TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON 2.1. Cơ sở khoa học của việc giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non 2.1.1. Cơ sở triết học 2.1.2. Cơ sở sinh lý học	10	5.1.2 5.2.2 5.2.3 5.3.1 5.3.2	Làm việc với sách; Trực quan Thuyết trình, Vấn đáp, Tình huống	SV nghiên cứu tài liệu: 7[1];[2];[3];[5]; [6]; [7] - Lên lớp thảo luận nhóm, trình bày, đặt câu hỏi chất vấn,	#CC 9.1 #TH 9.2 #BCN 9.3

Chương/Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
2.1.3. Cơ sở tâm lý học 2.1.4. Cơ sở xã hội học 2.2. Một số đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ em lứa tuổi mầm non 2.2.1. Quan điểm về sự tăng trưởng và phát triển của trẻ em 2.2.2. Đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ em lứa tuổi nhà trẻ 2.2.2. Đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo 2.3. Nhiệm vụ giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non 2.3.1. Giáo dục thể chất 2.3.2. Giáo dục đạo đức 2.3.3. Giáo dục trí tuệ 2.3.4. Giáo dục thẩm mỹ 2.3.5. Giáo dục lao động 2.4. Nguyên tắc giáo dục trẻ mầm non 2.4.1. Khái niệm 2.4.2. Một số nguyên tắc giáo dục cơ bản 2.5. Phương pháp giáo dục trẻ mầm non 2.5.1. Khái niệm 2.5.2. Một số phương pháp giáo dục trẻ mầm non			Thảo luận nhóm Trò chơi Nhận xét, đánh giá	- GV cho SV xem các clip về các nhiệm vụ và phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ em ở trường mầm non để SV nhận diện, xác định các nhiệm vụ, phương pháp giáo dục và rút ra những bài học kinh nghiệm giáo dục. -Thực hành trải nghiệm các nhiệm vụ, phương pháp giáo dục trẻ mầm non - Hệ thống hóa, củng cố kiến thức, kỹ năng.	#KT 9.4 #T 9.5
Chương 3: TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ EM Ở TRƯỜNG MẦM NON 3.1. Tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ ở trường mầm non 3.1.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt 3.1.2. Nguyên tắc xây dựng chế độ sinh hoạt cho trẻ mầm non 3.1.3. Tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ mầm non 3.2. Tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non 3.2.1. Hoạt động giao tiếp 3.2.2. Hoạt động với đồ vật 3.2.3. Hoạt động vui chơi 3.2.4. Hoạt động học tập 3.2.5. Tổ chức ngày hội, ngày lễ	14	5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.2.3 5.2.4 5.3.1 5.3.2	Làm việc với sách; Trực quan Tình huống Thuyết trình, Vấn đáp, Thực hành, Kiểm tra, đánh giá.	SV nghiên cứu tài liệu:7[1];[2];[3];[5];[6];[7];[8] - Lên lớp thảo luận nhóm, trình bày, đặt câu hỏi chất vấn, - Xem video clip, Phân tích đánh giá thực trạng việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em ở trường mầm non trong hoạt động DH/GD cụ thể. -Thực hành trải nghiệm tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em ở trường mầm non - Hệ thống hóa, củng cố kiến thức, kỹ năng	#CC 9.1 #TH 9.2 #BCN 9.3 #KT 9.4 #T 9.5

Chương/Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>Chương 4: PHỐI HỢP GIỮA NHÀ TRƯỜNG VÀ GIA ĐÌNH TRONG GIÁO DỤC MẦM NON</p> <p>4.1. Giáo dục gia đình và ý nghĩa của nó đối với sự phát triển nhân cách trẻ em</p> <p>4.1.1. Khái niệm về gia đình. 4.1.2. Khái niệm về giáo dục gia đình. 4.1.3. Phương thức giáo dục trẻ trong gia đình. 4.1.4. Ý nghĩa của GD gia đình đối với sự phát triển nhân cách trẻ em</p> <p>4.2. Sự phối hợp giữa gia đình và trường mầm non trong việc giáo dục trẻ em</p> <p>4.2.1. Ý nghĩa của sự phối hợp giữa gia đình và trường mầm non trong việc giáo dục trẻ em 4.2.2. Nội dung và các hình thức phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong công tác GD trẻ em</p>	2	5.1.2 5.2.2 5.2.3 5.3.1 5.3.2 5.3.3	Làm việc với sách; Trực quan Tình huống Thuyết trình, Vấn đáp, Thực hành, Kiểm tra, đánh giá.	SV nghiên cứu tài liệu:7[1];[2];[3];[5]; [6];[7];[8] - Lên lớp thảo luận nhóm, trình bày, đặt câu hỏi chất vấn, - Thực hành xử lý các tình huống phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non và rút ra những bài học cho bản thân. - Hệ thống hóa, củng cố kiến thức, kỹ năng	#CC 9.1 #TH 9.2 #BCN 9.3 #KT 9.4 #T 9.5

6.1.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế :

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						TL chính	TL tham khảo
1	Đình Văn Vang	Giáo dục học mầm non	2008	NXB Giáo dục	Thư viện Lê Vũ Hùng	X	
2	Giảng viên giảng dạy học phần	Bài giảng học phần GDH mầm non	2021	TL của GV biên soạn	GV giảng dạy cung cấp		X
3	Bộ Giáo dục và đào tạo	Chương trình giáo dục mầm non	2017	NXB GD Việt Nam	Thư viện Lê Vũ Hùng		X
4	TS. Trần Thu Hương, TS. Thị Ngọc Trâm, PGS.TS. Lê Thị Ánh Tuyết	Hướng dẫn Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non Nhà trẻ (3 - 36 tháng)	2017	NXB GD Việt Nam	Thư viện Lê Vũ Hùng		X
5	TS. Trần Thu Hương, TS. Thị Ngọc Trâm, PGS.TS. Lê Thị Ánh Tuyết	Hướng dẫn Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	2017	NXB GD Việt nam	Thư viện Lê Vũ Hùng		X

		MG bé (3 - 4 tuổi)				
6	TS. Trần Thu Hương, TS. Thị Ngọc Trâm, PGS.TS. Lê Thị Ánh Tuyết	Hướng dẫn Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non MG nhỏ (4 - 5 tuổi)	2017	NXB GD Việt Nam	Thư viện Lê Vũ Hùng;	X
7	TS. Trần Thu Hương, TS. Thị Ngọc Trâm, PGS.TS. Lê Thị Ánh Tuyết	Hướng dẫn Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non MG lớn (5 - 6 tuổi)	2017	NXB GD Việt Nam	Thư viện Lê Vũ Hùng	X
8	Nguyễn Ánh Tuyết	Bài tập thực hành Tâm lí học và Giáo dục học	1992	NXB GD	Thư viện Lê Vũ Hùng	X

8. Quy định đối với sinh viên

- Thực hiện đúng các quy định của SV trong học tập, rèn luyện, không sử dụng điện thoại vào việc riêng trong quá trình học tập trên lớp;
- Có đề cương chi tiết học phần, các tài liệu bắt buộc trong học tập;
- Tích cực tự học, tự nghiên cứu, hợp tác với bạn chuẩn bị trước theo yêu cầu câu hỏi, những bài tập, thực hành, trải nghiệm thực tiễn giáo dục.
- Tích cực thể hiện trên lớp trong trình bày, thảo luận, thực hành, trải nghiệm, nhận xét, đánh giá kết quả học tập.
- Thể hiện sự chuyên nghiệp: Phản hồi nhanh, tự tin, thân thiện, thể hiện văn hóa; Nói to, rõ, tốc độ phù hợp; Phong cách, biểu hiện giao tiếp phù hợp.
- Sinh viên vắng mặt quá 20% số tiết (6 tiết) sẽ không đủ điều kiện hoàn thành môn học.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	- Chuyên cần (Quan sát ghi nhận biểu hiện ý thức tổ chức, kỷ luật trong học tập của SV)	Tham gia học trên lớp đảm bảo thời gian, đủ phương tiện, điều kiện, tập trung chú ý thực hiện nhiệm vụ học tập và thực hiện đúng quy định học tập, rèn luyện của SV.	5.1 5.2 5.3	0,1
9.2	- Sản phẩm tự học (Suu tầm bài báo, Video, trả lời câu hỏi, làm các bài tập, xử lý 1 các tình huống, chuẩn bị thực hành trải nghiệm)	Số và chất lượng sản phẩm bài tập, tự học theo mục tiêu, nội dung, yêu cầu học phần.	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2	0,1
9.3	- Báo cáo nhóm (Quan sát, ghi nhận tích cực, kết quả tham gia các hoạt động thực hành, trải nghiệm của nhóm)	Trình bày, báo cáo kết quả của nhóm; Đóng góp ý kiến, phân biện về các vấn đề học tập; Tham gia thực hành, trải nghiệm theo mục tiêu, nội dung, yêu cầu học phần.	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.2.3	0,2

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.4	Kiểm tra thường kỳ	Nội dung bao gồm trong: Chương 2 Chương 3 Chương 4	5.1.2 5.2.1 5.2.2	0,1
9.5	Thi kết thúc HP (Tự luận - 90 phút)	Toàn bộ học phần	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.2.4	0,5

Ghi chú: Đánh giá quá trình trọng số 0,5 (Trung bình cộng 9.1 đến 9.4) và thi kết thúc học phần 0,5

6.1.4. SỰ PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT CỦA TRẺ MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4221 - SỰ PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT CỦA TRẺ MẦM NON
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 30 (27/03/60)
- Học phần điều kiện (nếu có): không
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

Nguyễn Thị Ngọc Thu. Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ
Điện thoại: 0919.560 600. Email: ngocthukhoasinh@gmail.com
Đơn vị : Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non.

2.2. Giảng viên 2:

Trần Thị Kim Thúy. Chức danh, học vị: Giảng viên chính, thạc sĩ
Điện thoại: 0944.821039. Email: ttkthuy26@gmail.com
Đơn vị : Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non.

3. Tổng quan về học phần

Học phần Sự phát triển thể chất của trẻ mầm non là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, có vai trò quan trọng trong chương trình ngành giáo dục mầm non giúp hình thành tri thức cho sinh viên trong việc nghiên cứu quá trình phát triển các chỉ số thể chất diễn ra trong cơ thể ở lứa tuổi mầm non, hiểu được cơ thể trẻ có những đặc điểm khác so với người lớn; Nội dung của học phần là cơ sở cho nhiều môn học khác như: tâm lí học mầm non, giáo dục học mầm non, vệ sinh phòng bệnh cho trẻ mầm non; giúp người học có những kiến thức, kĩ năng, thái độ về sự phát triển của trẻ và từ đó có biện pháp chăm sóc trẻ tốt hơn.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Hiểu biết khái quát về quá trình hình thành và phát triển của trẻ em qua các giai đoạn và các quy luật sinh trưởng, phát triển thể chất trẻ em; đặc điểm cấu tạo và chức năng cơ bản các hệ cơ quan cơ thể trẻ em. Giải thích được các hiện tượng sinh lí trong quá trình phát triển của trẻ em và cơ chế hoạt động của chúng.

4.2. Kỹ năng

Đo được các chỉ số phát triển thể chất bình thường của trẻ so với người lớn. Vận dụng được kiến thức cơ sở để giải quyết vấn đề trong thực tiễn liên quan đến sự phát triển thể chất của trẻ, đề xuất các biện pháp vệ sinh, chăm sóc, bảo vệ các cơ quan của trẻ em. Thực hiện được các thao tác cân, đo, đếm nhịp tim của trẻ đảm bảo đúng quy trình và chính xác. Lập được biểu đồ theo dõi và đánh giá được sự phát triển thể chất của trẻ em lứa tuổi mầm non.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Nhận thức được tầm quan trọng của sự phát triển thể chất của trẻ em lứa tuổi mầm non. Yêu mến trẻ và có hứng thú, cảm xúc tích cực khi chăm sóc sự phát triển thể chất cho trẻ. Thực hiện được các hành vi cơ bản, tích cực trong việc vệ sinh, chăm sóc, bảo vệ các cơ quan của trẻ.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Phân tích được kiến thức về sự phát triển của trẻ em qua các giai đoạn và các quy luật sinh trưởng, phát triển thể chất trẻ em. đặc điểm cấu tạo và chức năng cơ bản hệ cơ quan để giáo dục trẻ em trong tổ chức các hạt động chăm sóc và giáo dục	1.2	3
5.1.2	Phân tích kiến thức về các hiện tượng sinh lí trong quá trình phát triển của trẻ em vào quá trình chăm sóc giáo dục trẻ mầm non	1.3	3
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Vận dụng kiến thức để lập kế hoạch chăm sóc-giáo dục trẻ phù hợp với điều kiện thực tiễn.	2.1.2	6
5.2.2	Yêu nghề, yêu trẻ, tận tụy, công bằng và tôn trọng trẻ	2.3	5
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có khả năng làm việc độc lập, chịu trách nhiệm với công việc, thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi	3.1	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1 Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
Chương 1. Cấu tạo chung của cơ thể trẻ em 1.1. Cơ thể con người là một khối thống nhất 1.1.1. Sự thống nhất về đơn vị cấu tạo 1.1.2. Sự thống nhất giữa cấu tạo và chức phận 1.1.3. Sự thống nhất giữa đồng hóa và dị hóa 1.1.4. Sự thống nhất giữa các cơ quan và các hệ cơ quan trong cơ thể 1.2. Quá trình phát triển của cơ thể trẻ em 1.3. Các chỉ số đánh giá phát triển thể chất của trẻ em 1.3.1. Các chỉ số thể chất của trẻ em 1.3.2. Một số chỉ số thể chất của trẻ em lứa tuổi mầm non 1.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất của trẻ em lứa tuổi MN 1.4. Các qui luật sinh trưởng và phát triển của trẻ em. 1.4.1. Qui luật phát triển theo giai đoạn 1.4.2. Qui luật phát triển không đồng thì và không đồng tốc 1.5. Các giai đoạn phát triển của trẻ em 1.5.1. Phát triển phôi thai 1.5.2. Phát triển sau phôi thai	03	5.1.1 5.1.2 5.2.1	- Thuyết trình, hỏi đáp kết hợp hoạt động nhóm -GV đánh giá và tổng kết chương	- Đọc TLHT [1], nghiên cứu nội dung chương 1. - Đọc thêm TLHT [2],[4] ứng với nội dung liên quan	9.1.1 9.1.3 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
Chương 2. Cơ quan phân tích 2.1. Đại cương về các cơ quan phân tích 2.2. Cấu tạo và chức phận của các cơ quan phân tích 2.2.1. Cấu tạo và chức phận của da 2.2.2. Cơ quan phân tích thính giác 2.2.3. Cơ quan phân tích thị giác 2.2.4. Cơ quan phân khứu giác 2.2.5. Cơ quan phân tích vị giác	02	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2	- GV giảng lí thuyết, hỏi đáp kết hợp hoạt động nhóm - GV đánh giá và tổng kết chương	- Đọc TLHT [1], nghiên cứu nội dung chương 2. - Đọc thêm TLHT [2],[4] ứng với nội dung liên quan. -Thực hiện bài báo cáo nhóm và trả lời câu hỏi	9.1.1 9.1.2 9.2
Chương 3. Sinh lí vận động 3.1. Hệ xương 3.1.1. Vai trò của hệ xương 3.1.2. Cấu tạo của hệ xương 3.1.3. Sự phát triển xương trẻ em 3.2. Hệ cơ 3.2.1. Chức năng của hệ cơ 3.2.2. Cấu tạo của cơ 3.2.3. Đặc điểm và sự phát triển cơ ở trẻ em	02	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2	- GV giảng lí thuyết, hỏi đáp kết hợp hoạt động nhóm - GV đánh giá và tổng kết chương	- Đọc TLHT [1], nghiên cứu nội dung chương 3. - Đọc thêm TLHT [2],[3],[4] ứng với nội dung liên quan. -Thực hiện bài báo cáo nhóm và trả lời câu hỏi	9.1.1 9.1.2 9.2
Chương 4. Hệ hô hấp 4.1. Cấu tạo của hệ hô hấp 4.1.1. Hệ thống ống dẫn khí 4.1.2. Phổi 4.2. Cơ chế hoạt động của hệ hô hấp 4.2.1. Động tác thở 4.2.2. Trao đổi khí ở phổi và ở mô 4.2.3. Vận chuyển khí oxi và cacbonic trong máu 4.3. Vệ sinh hô hấp và hô hấp nhân tạo	03	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2	- GV giảng lí thuyết, hỏi đáp kết hợp hoạt động nhóm - GV đánh giá và tổng kết chương	- Đọc TLHT [1], nghiên cứu nội dung chương 4. - Đọc thêm TLHT [2],[3],[4] ứng với nội dung liên quan. -Thực hiện bài báo cáo nhóm và trả lời câu hỏi	9.1.1 9.1.2 9.2
Chương 5. Hệ tiêu hóa 5.1. Vai trò của hệ tiêu hóa 5.2. Cấu tạo hệ tiêu hóa 5.2.1. Cấu tạo của khoang miệng 5.2.2. Cấu tạo của hầu và thực quản 5.2.3. Cấu tạo của dạ dày 5.2.4. Cấu tạo của ruột 5.2.5. Cấu tạo của gan và tụy 5.3. Sự tiêu hóa thức ăn 5.3.1. Tiêu hóa ở khoang miệng 5.3.2. Tiêu hóa ở dạ dày 5.3.3. Tiêu hóa ở ruột non 5.3.4. Tiêu hóa ở ruột già 5.4. Sự hấp thụ thức ăn 5.4.1. Các bộ phận hấp thụ thức ăn 5.4.2. Các con đường hấp thụ thức ăn 5.4.3. Các cơ chế hấp thụ thức ăn 5.5. Vệ sinh tiêu hóa trẻ	03	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2	- GV giảng lí thuyết, hỏi đáp kết hợp hoạt động nhóm - GV đánh giá và tổng kết chương	- Đọc TLHT [1], nghiên cứu nội dung chương 5. - Đọc thêm TLHT [2],[3],[4] ứng với nội dung liên quan -Thực hiện bài báo cáo nhóm và trả lời câu hỏi	9.1.1 9.1.2 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
Chương 6. Máu và tuần hoàn 6.1. Máu 6.1.1. Chức năng của máu 6.1.2. Các thành phần của máu 6.1.3. Đặc điểm máu trẻ 6.2. Tuần hoàn 6.2.1. Cấu tạo của hệ tuần hoàn 6.2.2. Hoạt động của tim 6.2.3. Các vòng tuần hoàn 6.2.4. Huyết áp	03	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2	- GV giảng lí thuyết, hỏi đáp kết hợp hoạt động nhóm - GV đánh giá và tổng kết chương	- Đọc TLHT [1], nghiên cứu nội dung chương 6 - Đọc thêm TLHT [2],[3],[4] ứng với nội dung liên quan. -Thực hiện bài báo cáo nhóm và trả lời câu hỏi	9.1.2 9.1.3 9.2
Chương 7. Hệ bài tiết 7.1. Cấu tạo của hệ tiết niệu 7.1.1. Cấu tạo của thận 7.1.2. Cấu tạo của bàng quang 7.2. Quá trình hình thành nước tiểu 7.2.1. Quá trình lọc nước tiểu ở cầu thận 7.2.2. Quá trình tái hấp thu ở ống thận 7.3. Quá trình bài xuất nước tiểu 7.4. Vệ sinh hệ tiết niệu 7.5. Một số dạng bài tiết khác	02	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2	- GV giảng lí thuyết, hỏi đáp kết hợp hoạt động nhóm - GV đánh giá và tổng kết chương	- Đọc TLHT [1], nghiên cứu nội dung chương 7. - Đọc thêm TLHT [2],[3],[4] ứng với nội dung liên quan. -Thực hiện bài báo cáo nhóm và trả lời câu hỏi	9.1.2 9.2
Chương 8. Hệ thần kinh 8.1. Nơ ron 8.1.1. Đặc điểm cấu tạo chung của nơron 8.1.2. Các chức năng cơ bản của nơron 8.2. Cấu tạo và chức phận của hệ thần kinh 8.2.1. Bộ phận thần kinh ngoại biên 8.2.2. Bộ phận thần kinh trung ương 8.3. Giác ngủ của trẻ em	03	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2	- GV giảng lí thuyết, hỏi đáp kết hợp hoạt động nhóm - GV đánh giá và tổng kết chương	- Đọc TLHT [1], nghiên cứu nội dung chương 8. - Đọc thêm TLHT [2],[3],[4] ứng với nội dung liên quan. -Thực hiện bài báo cáo nhóm và trả lời câu hỏi	9.1.2 9.2
Chương 9. Hệ sinh dục 9.1. Đặc điểm cấu tạo cơ quan sinh dục nam, nữ 9.1.1. Đặc điểm cấu tạo cơ quan sinh dục nam 9.1.2. Đặc điểm cơ quan sinh dục nữ 9.2. Các tế bào sinh dục đực và tế bào sinh dục cái 9.2.1. Tế bào sinh dục đực (tinh trùng) 9.2.2. Tế bào sinh dục cái (trứng)	03	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2	- GV giảng lí thuyết, hỏi đáp kết hợp hoạt động nhóm - GV đánh giá và tổng kết chương	- Đọc TLHT [1], nghiên cứu nội dung chương 9. - Đọc thêm TLHT [2],[3],[4] ứng với nội dung liên quan - Thực hiện bài báo cáo nhóm và trả lời câu hỏi.	9.1.2 9.2
Chương 10. Trao đổi chất và năng lượng 10.1. Đại cương về trao đổi chất và năng lượng	03	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2	- GV giảng lí thuyết, hỏi đáp kết hợp hoạt động nhóm	- Đọc TLHT [1], nghiên cứu nội dung chương 10.	9.1.2 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
10.2. Chuyển hóa các chất cơ bản trong cơ thể 10.2.1. Chuyển hóa glucit 10.2.2. Chuyển hóa lipit trong cơ thể trẻ em 10.2.3. Chuyển hóa protein 10.3. Trao đổi năng lượng trong cơ thể 10.4. Cơ sở sinh lí của khẩu phần thức ăn 10.4.1. Nhu cầu về chất 10.4.2. Nhu cầu về lượng			- GV đánh giá và tổng kết chương	- Đọc thêm TLHT [2],[3],[4] ứng với nội dung liên quan	
Tổng	27				

6.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế (nếu có):

Chương/ Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
Cân, đo, đếm nhịp tim và đánh giá sự phát triển thể chất của trẻ	03	2.2.5 2.3.3 3.1.2	-Thảo luận nhóm -Giảng giải, hướng dẫn các thao tác khi đo, cân, đếm nhịp tim	-Đem theo biểu đồ tăng trưởng của trẻ -Thực hiện cân, đo, đếm nhịp tim trẻ -Dựa vào biểu đồ tăng trưởng kết luận các chỉ số vừa thực hiện được	Giảng viên đánh giá hoạt động theo bài thu hoạch của nhóm

7. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Tạ Thúy Lan, Trần Thị Loan	Giáo trình sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	2008	NXB Giáo dục	Thư viện	x	
2	Tạ Thúy Lan-Trần Thị Loan	Giải phẫu sinh lý người	2003	NXB ĐHSP	Thư viện		x
3	Nguyễn Tố Mai-Nguyễn Thị Hồng Thu	Dinh dưỡng trẻ em	1998	NXB Giáo dục	Thư viện		x
4	Trần Trọng Thủy-Trần Quy	Giải phẫu sinh lý, Vệ sinh phòng bệnh	1998	NXB Giáo dục	Thư viện		x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu;
- Đối với giờ thực hành: 100% có mặt đầy đủ (không tham gia sẽ không được dự thi kết thúc học phần).

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá/Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên			0.4
9.1.1	Kiểm tra	Tất cả các chương	5.1.1;5.1.2;5.2.1;5.2.2	
9.1.2	Báo cáo nhóm	Nội dung chuẩn bị và báo cáo các chương 2,3,4,5,6,7,8,9	5.1.1;5.1.2;5.2.1;5.2.2	
9.1.3	Thực hành	Báo cáo nhóm (tham gia 100% số giờ).	5.2.1;5.2.2;5.3.1	
9.2	Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận	Tất cả các chương	5.1.1;5.1.2,5.2.1;5.2.2	0.6

6.1.5. LÝ THUYẾT ÂM NHẠC SƠ GIẢN MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4220 - **LÝ THUYẾT ÂM NHẠC SƠ GIẢN MẦM NON**
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 2 Số tiết tín chỉ (LT/Th.H/TH): 45(15/30/60)
- Học phần điều kiện (nếu có): Không
- Học kì: 1 Năm học: 2021-2022

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

Họ và tên: Lê Thị Kim Chi Chức danh, học hàm, học vị: GV-Thạc sĩ
 Điện thoại: 0919191930 Email:2010khanhtram@gmail.com
 Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2

Họ và tên: Nguyễn Bích Hằng Chức danh, học hàm, học vị: GV-Thạc sĩ
 Điện thoại: 0988.980.929 Email: bichhang5552000@gmail.com
 Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.3. Giảng viên 3

Họ và tên: Hoàng Nhị Bình Chức danh, học hàm, học vị: GV-Cử nhân
 Điện thoại: 0904999787 Email: hoanghibinh1973@gmail.com
 Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Lý thuyết âm nhạc sơ giản là học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, có vai trò rất quan trọng đối với sinh viên ngành Giáo dục Mầm non. Học phần này cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản như: Âm thanh và cách ghi chép nhạc; Độ dài-Tiết tấu; Quãng; Hợp âm; Điệu thức-gam-giọng; Xác định giọng-dịch giọng; Hình thức âm nhạc. Những kiến thức trên nhằm trang bị cho sinh viên để tiếp tục học môn tập đọc nhạc và hát, môn Đàn phím điện tử, phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non.

4. Mục tiêu học phần

4.1 Kiến thức

Khái quát được kiến thức của môn lý thuyết âm nhạc sơ giản và cần nắm vững những phần trọng tâm của môn học, vì nó rất thiết cho phần “cô hát cho cháu nghe” ở trường mầm non

4.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức.

Thực hành và thể hiện những bài hát ở thể loại thiếu nhi, ca khúc Việt Nam, dân ca.. một cách tự tin, bên cạnh đó cần có thái độ giao tiếp chuẩn mực, phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp.

4.3 Mức tự chủ và trách nhiệm

Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, luôn có trách nhiệm với công việc được giao, và thích nghi với môi trường làm việc.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	- Khái quát được những kiến thức về lý thuyết âm nhạc sơ giản; âm thanh và cách ghi chép nhạc, độ dài - tiết tấu, quãng, hợp âm, điệu thức - gam - giọng, xác định giọng – dịch giọng, hình thức âm nhạc.	1.3	2
5.1.2	- Liệt kê những nội dung trọng tâm kiến thức của môn lý thuyết âm nhạc sơ giản để thực hành phân ứng dụng bài tập chương 2.	1.3	2
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Tổ chức được các hoạt động nghệ thuật phát triển năng khiếu phù hợp với đặc điểm cá nhân cho trẻ và tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường mầm non.	2.1.4	4
5.2.2	Có kỹ năng quản lý cảm xúc; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp.	2.2	3
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	- Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để bảo vệ kết luận chuyên môn; có khả năng dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ, sáng kiến và chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1 Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
Chương 1. NHẠC LÝ CƠ BẢN 1.1. Âm thanh và cách ghi chép nhạc 1.1.1. Hệ thống âm thanh tên gọi, kí hiệu 1.1.2. Hệ thống ghi âm bằng nốt nhạc 1.1.3. Hệ điều hòa âm thanh, cung và nửa cung 1.1.4. Dấu hóa, trùng âm 1.1.5. Dấu lặng, các dấu tăng thêm độ dài, dấu viết tắt	02/04	5.1.1 5.3.1	* PP thuyết giảng kết hợp với thực hành (VD minh họa, dẫn chứng bằng ca khúc cụ thể.	- Xem trước đề cương học phần, kế hoạch dạy học, bài giảng tài liệu [1] - SV tìm hiểu các khái niệm của phần 1.1 trang 2 trong tài liệu [1] - Sinh viên chuẩn bị đồ dùng học tập là: tập chép nhạc, viết chì, tẩy....	9.1.1 9.2
1.2. Độ dài – Tiết tấu 1.2.1. Giá trị trường độ của các nốt nhạc 1.2.2. Nhịp và phách, tiết nhịp, loại nhịp, nhịp lấy đà 1.2.3. Nhịp đơn, nhịp phức, nhịp hỗn hợp 1.2.4. Đảo phách, nghịch phách 1.2.5. Nhịp độ, cách đánh nhịp.	04/08	5.1.1 5.1.2 5.3.1	* PP Thuyết giảng - Hoạt động cá nhân, GV cho câu hỏi, bài tập ứng dụng, đặt câu hỏi SV trả lời. Cuối cùng là GV nhận xét đúng sai - Trong quá trình SV thực	- SV xem trước bài giảng - Nội dung 1.2.1 SV vẽ lại biểu đồ mối tương quan cao độ của các hình nốt, nghiên cứu tài liệu [4] - Nội dung 1.2.2 Tìm 3 bài hát có ô nhịp	9.1.1 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
			hành GV hướng dẫn, tư vấn, giải đáp, động viên và hỗ trợ SV	lấy đà, tài liệu [3] - Đọc 9 bài tiết tấu trang 18, tài liệu [1] - <i>Hình thức:</i> Chia nhóm (mỗi nhóm 5 SV) đọc vở tiết tấu - Tìm một vài VD minh chứng cho phần đảo phách và nghịch phách. -SV tự nghiên cứu phần 1.2.3; 1.2.5 tài liệu [1]	
1.3. Quãng 1.3.1. Khái niệm, tên gọi 1.3.2. Quãng diatonic, quãng chromatic 1.3.3. Quãng trùng 1.3.4. Quãng kép, đảo quãng 1.3.5. Quãng thuận, quãng nghịch.	03/06	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.3.1	* PP Thuyết giảng. -Hoạt động nhóm nhỏ (2 đến 3 SV).	- SV nghiên cứu và làm bài tập Quãng trang 54,55 trong tài liệu [4] -SV nghiên cứu phần quãng kép - đảo quãng 1.3.4 tài liệu [1] - SV chuẩn bị đồ dùng học tập là: tập chép nhạc, viết chì, tẩy....	9.1.1 9.2
1.4 Hợp âm 1.4.1. Khái niệm về chồng âm – hợp âm 1.4.2. Hợp âm 3, các thể đảo của hợp âm 3 1.4.3. Hợp âm 7 át, các thể đảo của hợp âm 7 át.	03/06	5.1.1 5.2.1 5.3.1	* PP Thuyết giảng. -Hoạt động nhóm, (từ 2 đến 5 SV) hoặc tương tác giữa GV và SV, giữa SV với nhau. Cần có sự giao lưu, trao đổi kiến thức, phối hợp giữa học tập cá nhân với học tập nhóm	-SV xem trước 1.4. Hợp âm (Tìm những bài hát có hợp âm ba, hợp âm bảy và tìm hiểu cách bấm bắt kỳ hợp âm ba hay hợp âm bảy nào trong tài liệu [1] tài liệu tham khảo [4] - SV trả lời câu hỏi phần hợp âm trang 112,113 tài liệu [4] - SV làm thêm bài tập phần	9.1.1 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
				hợp âm 113,114,115 tài liệu [3] -SV chuẩn bị đồ dùng học tập là: tập chép nhạc, viết chì, tẩy...	
1.5. Điệu thức – Gam – Giọng 1.5.1. Khái niệm điệu thức 1.5.2. Gam 1.5.3. Giọng	01/02	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.3.1	* PP Thuyết giảng. - Hoạt động cá nhân, GV cho câu hỏi, bài tập ứng dụng, đặt câu hỏi SV trả lời. Cuối cùng là GV nhận xét đúng sai	Đọc 1. 5: Điệu thức – Gam – Giọng tài liệu [1] Xem trước nội dung bài học? Soạn những câu hỏi liên quan đến 1. 5 tài liệu [1] -SV chuẩn bị đồ dùng học tập là: tập chép nhạc, viết chì, tẩy...	9.1.1 9.2
1.6 Xác định giọng – Dịch giọng 1.6.1. Khái niệm và mục đích của dịch giọng 1.6.2. Cách xác định giọng qua dấu hóa biểu 1.6.3. Dịch giọng bằng cách viết.	01/04	5.1.1 5.2.1 5.3.1	* PP Thuyết giảng. -Hoạt động nhóm, (từ 2 đến 5 SV) hoặc tương tác giữa GV và SV, giữa SV với nhau. Cần có sự giao lưu, trao đổi kiến thức,phối hợp giữa học tập cá nhân với học tập nhóm	- Mỗi SV tìm 5 bài hát thiếu nhi, ngắn, đơn giản để thực hành cho phần xác định giọng và dịch giọng, tài liệu [2] [3] - SV tự nghiên cứu nội dung 1.6.3, trang 33 tài liệu [1]	9.1.1 9.2
1.7 Hình thức âm nhạc 1.7.1. Khái niệm về hình thức âm nhạc 1.7.2. Mô - típ âm nhạc 1.7.3. Tiết nhạc 1.7.4. Câu nhạc 1.7.5. Kết câu 1.7.6. Hình thức một đoạn 1.7.7. Hình thức hai đoạn	01/02	5.1.1 5.3.1	* PP Thuyết giảng -GV lấy VD minh họa từ những bài hát trong chương trình MN (hoặc tài liệu trẻ mầm non ca hát (Tác giả: Hoàng Văn Yến).	- Với nội dung này Mỗi SV tìm 3 bài hát thiếu nhi 2 ca khúc Việt Nam, để thực hành cho phần 1.7 tài liệu [3]	9.1.1 9.2

6.2. Thực hành

Chương/ Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
<p>Chương 2: ỨNG DỤNG THỰC HÀNH</p> <p>2.1. Giọng Đô trưởng (C) 2.2. Giọng Pha trưởng (F) 2.3. Giọng son trưởng (G) 2.4. Giọng La thứ (Am) 2.5. Giọng Rê thứ (Dm) 2.6. Giọng Mi thứ (Em)</p>	30/30	<p>5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.3.1</p>	<p>* PP: Thực hành * Tổ chức lớp học: Hoạt động nhóm. * Hướng dẫn thực hành: GV hướng dẫn từng bước bài đầu tiên. Những bài tiếp theo SV nêu lần từng bước thể hiện bài mới. Trong quá trình SV thực hành GV hướng dẫn, tư vấn, giải đáp, động viên và hỗ trợ SV</p>	<p>- Nội dung: SV đọc bài theo nhóm (nhóm từ 4 -5 SV) * Thực hành lại từng bước đọc bài TĐN 1/-Xác định giọng bài hát, giải thích những kí hiệu âm nhạc có trong bài 2/ Tập nhiều lần tiết tấu khó trong bài. 3/ Tìm những kí hiệu trường độ dài nhất và ngắn nhất trong bài 4/ Xác định âm thấp nhất và âm cao nhất trong bài 5/ Viết những âm thanh có trong bài hát từ thấp lên cao 6/ Xác định những âm thanh nào được lặp lại nhiều nhất trong bài hát</p> <p>- Giọng Đô trưởng (C) tài liệu [1] tài liệu tham khảo [2] [3] - Giọng Pha trưởng (F) tài liệu [1] tài liệu tham khảo [2] [3] - Giọng son trưởng (G) tài liệu [1] tài liệu tham khảo [2] [3] - Giọng La thứ (Am) tài liệu [1] tài liệu tham khảo [2] [3]</p>	9.1.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
				- Giọng Rê thứ (Dm) tài liệu [1] tài liệu tham khảo [2] [3] - Giọng Mi thứ (Em) tài liệu [1] tài liệu tham khảo [2] [3]	

7. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Lê Thị Kim Chi	Lý thuyết âm nhạc sơ giản		Nội bộ	Giảng viên	x	
2	Lê Thị Kim Chi	Tập đọc nhạc và hát		Nội bộ	Giảng viên		x
3	Hoàng Văn Yên	Trẻ mầm non ca hát. (Trẻ thơ hát)	1993	Nxb Âm nhạc	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Phạm Tú Hương	Lý thuyết âm nhạc cơ bản	1997	Nxb ĐHSP	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>	Chương 1, 2	5.1; 5.2; 5.3	0,4
9.2	<i>Thi kết thúc học phần (Trắc nghiệm)</i>	Chương 1	5.1;5.2	0,6

6.1.6. MỸ THUẬT MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4219 - **MỸ THUẬT MẦM NON**
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ: 53 (7LT/46ThH/60TH)
- Học phần điều kiện: Không
- Học kì: 1 Năm học: 2021 - 2022

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

Họ và tên: Hồ Thị Huyền Chức danh, học vị: Giảng viên, CN
 Điện thoại: 0972718186 E-mail: hthiminhhuyen@gmail.com
 Đơn vị: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm Non

2.2. Giảng viên 2

Họ và tên: Nguyễn Thị Tuyết Minh Chức danh, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
 Điện thoại: 0915724600 E-mail: tuyetminh321979@yahoo.com.vn
 Đơn vị: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm Non

3. Tổng quan về học phần

“*Mỹ thuật mầm non*” là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức cơ sở thuộc chương trình đào tạo ngành giáo dục mầm non. Học phần trang bị cho sinh viên những lý luận chung của mỹ thuật và các kỹ năng cần thiết về vẽ, xé - cắt dán và nặn; giúp cho người học có được những kiến thức cơ bản về mỹ thuật, khả năng thực hành mỹ thuật và là cơ sở chắc chắn, hỗ trợ đắc lực cho các học phần tiếp theo như: *Phát triển khả năng sáng tạo mỹ thuật, Làm đồ dùng đồ chơi và thiết kế môi trường giáo dục, Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non.*

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Nhận định được kiến thức cơ bản về vẽ hình họa, vẽ trang trí, vẽ tranh, xé - cắt dán giấy và tập nặn tạo dáng.

4.2. Kỹ năng/ phẩm chất

Sử dụng những kiến thức cơ bản mỹ thuật vào thực hành các bài tập ở mức độ đơn giản và đúng phương pháp.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Ứng dụng những điều đã học vào trong thực hành mỹ thuật, trong giảng dạy và trong thực tế cuộc sống. Luôn đề cao ý thức tự học, tự nghiên cứu.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Khái quát hóa những kiến thức cơ bản về lý luận mỹ thuật, khoa học màu sắc, luật xa gần, sơ lược tỷ lệ người vào vẽ hình họa, vẽ trang trí, bố cục tranh, xé cắt dán và nặn trong thực tiễn giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non.	1.3	3
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.2.1	Thực hiện được các bài tập trong chương trình và vận dụng kiến thức học phần vào trong hoạt động dạy – học và trang trí trường lớp mầm non.	2.1.6	3
5.2.2	Hình thành thị hiếu thẩm mỹ đúng đắn. Nâng cao năng lực nhận thức, hiểu biết trong thưởng thức cái đẹp của tự nhiên và tác phẩm mỹ thuật.	2.2	3
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có khả năng tự học, tự nghiên cứu từ giáo trình và những tài liệu tham khảo. Biết cảm thụ sản phẩm mỹ thuật, tôn trọng, bảo vệ và sáng tạo cái đẹp. Hiểu được vai trò của mỹ thuật đối với hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương	Số tiết (7LT/14TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
Chương 1: Những vấn đề chung về mỹ thuật 1.1. Khái niệm mỹ thuật 1.2. Các ngành mỹ thuật 1.3. Ngôn ngữ của mỹ thuật 1.4. Nguyên tắc của mỹ thuật	02/04	5.1; 5.2; 5.3	- Thuyết giảng; - Thuyết trình; - Thảo luận nhóm;... <i>GV giới thiệu ĐC, TLHT, PPDH; đưa vấn đề cho các nhóm thảo luận.</i>	- Đọc đề cương, nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo, trang bị dụng cụ học tập. -TL[1] trang7-22. -TL [5]. <i>- Nêu khái niệm mỹ thuật, khái quát về các ngành mỹ thuật.</i> <i>- Trình bày ngôn ngữ, các nguyên tắc của mỹ thuật. Cho ví dụ minh họa.</i> - SV báo cáo theo nhóm, tương tác giữa các nhóm.	- 9.1; - 9.2; - 9.3
Chương 2: Vẽ hình họa 2.1. Khái niệm. 2.2. Vai trò của hình họa đối với mỹ thuật. 2.3. Ngôn ngữ của hình họa. 2.4. Phương pháp tiến hành bài vẽ hình họa. 2.5. Luật xa gần. 2.6. Tỷ lệ cơ thể người.	01/02	5.1; 5.2; 5.3	- Thuyết giảng; - Thuyết trình; - Thảo luận; - Trực quan;...	-TL[1,tr.45-68]; -TL[2,5]. <i>- Nghiên cứu câu hỏi ôn tập chương 2 ở trang 68 [1].</i> SV báo cáo theo nhóm, tương tác giữa các nhóm.	- 9.1; - 9.2; - 9.3
Chương 3: Vẽ trang trí 3.1. Khái quát chung và vai trò của trang trí trong đời sống.	01/02	5.1; 5.2; 5.3	- Thuyết giảng; - Trực quan; - Thuyết trình, - Thảo luận	-TL[1,tr.69-102]. -TL[3,5].	- 9.1; - 9.2; - 9.3

Chương	Số tiết (7LT/ 14TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HDDG
3.2. Kí họa và cách điệu họa tiết làm tài liệu cho trang trí. 3.3. Hoa văn dân tộc. 3.4. Bố cục trang trí. 3.5. Phương pháp tiến hành bài vẽ trang trí. 3.6. Các nguyên tắc trong trang trí.			nhóm;	- Nghiên cứu câu hỏi ôn tập chương 3, [1, tr. 102].	
Chương 4: Vẽ tranh 1. Khái quát chung và yêu cầu về bố cục tranh. 2. Phân loại tranh và chất liệu vẽ tranh. 3. Phương pháp tiến hành bố cục một số thể loại tranh. 3.1. Hình thức bố cục, phương pháp tiến hành bố cục từng thể loại tranh. 3.2. Phương pháp chung trong vẽ tranh. 4. Màu sắc trong bố cục. 5. Những điều cần tránh trong bố cục. 6. Phương pháp phóng - thu ảnh, tranh và hình vẽ.	01/02	5.1; 5.2; 5.3	- Thuyết giảng; - Trực quan; - Thuyết trình, - Thảo luận nhóm;	- TL[1, tr.103-174]. - TL[4,5]. - <i>Nghiên cứu câu hỏi ôn tập chương 4</i> [1, tr. 174,]. - Chuẩn bị dụng cụ thực hành phù hợp yêu cầu bài tập.	- 9.1; - 9.2; - 9.3
Chương 5: Chữ mỹ thuật 5.1. Khái quát chung 5.1.1. Nguồn gốc, ý nghĩa của chữ đối với đời sống xã hội. 5.1.2. Các kiểu chữ cơ bản và đặc điểm của chúng. 5.2. Bố cục chữ. 5.2.1. Những nguyên tắc về viết, kẻ và sắp xếp dòng chữ. 5.2.2. Áo ảnh của chữ. 5.2.3. Khoảng cách giữa các chữ, các từ, các dòng. 5.3. Yêu cầu về bố cục và sự biến dạng của chữ. 5.4. Ứng dụng chữ mỹ thuật trong trang trí khẩu hiệu, bản trích và phong hội trường. 5.5. Cách gấp, cắt chữ.	01/02	5.1; 5.2; 5.3	- Thuyết giảng; - Trực quan; - Thuyết trình, - Thảo luận nhóm;...	- TL[1, tr.175-194]. - TL [5]. - <i>Nghiên cứu câu hỏi ôn tập chương 5</i> , [1, tr. 194].	- 9.1; - 9.2; - 9.3
Chương 6: Tạo hình xé - cắt dán và nặn cơ bản. 6.1. Tạo hình xé - cắt dán 6.1.1. Khái quát chung và vai trò của xé, cắt dán đối với nghệ thuật tạo hình. 6.1.2. Ngôn ngữ của xé, cắt dán, đồ dùng, chất liệu. 6.1.3. Cách xé, cắt dán và một số cách tạo hình cơ bản. 6.1.4. Phương pháp tiến hành bài xé - cắt dán. 6.1.5. Cách xếp dán bài trang trí và tranh. 6.2. Nặn cơ bản	01/02	5.1; 5.2; 5.3	- Thuyết giảng; - Trực quan; - Thuyết trình; - Thảo luận nhóm;...	- TL[1, tr.195-210]. - TL [5]. - <i>Nghiên cứu câu hỏi ôn tập chương 5</i> , [1, tr. 210 và 236].	- 9.1; - 9.2; - 9.3

Chương	Số tiết (7LT/ 14TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
6.2.1. Khái quát chung và vai trò của nặn trong nghệ thuật tạo hình. 6.2.2. Những yếu tố liên kết và nguyên tắc tạo hình 3 chiều. 6.2.3. Các đồ dùng để nặn. 6.2.4. Một số kỹ năng nặn. 6.2.5. Phương pháp tiến hành bài nặn. 6.2.6. Các loại bài tập nặn cơ bản. 6.2.7. Phù điêu.					

6.2. Thực hành

Chương	Số tiết (46Th/ 46TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
<p>Chương 1: Những vấn đề chung về nghệ thuật tạo hình</p> <p>1.5. Thực hành</p> <p>1.5.1. Vẽ bảng pha màu.</p> <p>1.5.2. Vẽ dãy màu nóng, lạnh, màu trung gian, các cặp màu bổ túc.</p> <p>1.5.3. Vẽ vòng thuần sắc. (Chất liệu: màu bột, khổ giấy A3).</p>	07/07	5.1; 5.2; 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng; - Trực quan; - Dự án; - Luyện tập, thực hành cá nhân;... - GV hướng dẫn SV thực hành bài. - GV hướng dẫn SV trưng bày, nhận xét sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xem TL [1, tr. 7 - 22]. - TL [5]. - Dụng cụ phù hợp yêu cầu bài tập. * Bài tự học <i>Vẽ 8 gam màu, tông màu hoặc hòa sắc màu khác nhau.</i> <i>Tham khảo [1, tr.38].</i> 	- 9.1; - 9.2; - 9.3
<p>Chương 2: Vẽ hình hoạ</p> <p>2.7. Thực hành</p> <p>2.7.1. Vẽ khối trụ và khối cầu theo phương pháp vẽ hình hoạ.</p> <p>2.7.2. Vẽ mẫu ghép lọ hoa và quả theo phương pháp vẽ hình hoạ.</p> <p>2.7.3. Vẽ tỉ lệ cơ thể người lớn và trẻ em (Chất liệu chì mềm, khổ giấy A3).</p>	07/07	5.1; 5.2; 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng; - Trực quan; - Dự án; - Luyện tập, thực hành cá nhân;... - GV hướng dẫn SV thực hành. - GV hướng dẫn SV trưng bày, nhận xét sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - TL[1, tr 45 - 68]; - TL [2,5]. - Nghiên cứu LXG, TL [1, tr. 106 - 121]. * Bài tự học <i>- Vẽ mẫu ghép (đồ dùng hoặc hoa quả) bằng màu.</i> <i>- Nghiên cứu [1], tập vẽ phối cảnh:</i> <i>+ đường nét (tr.108).</i> <i>+ hình vuông, tròn, lập phương (tr.1140).</i> <i>+ bóng ngã, bóng nước (tr. 116).</i> 	- 9.1; - 9.2; - 9.3

Chương	Số tiết (46Th/ 46TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HDDG
				+ <i>Vẽ người gần và xa (tr. 116).</i>	
<p>Chương 3: Vẽ trang trí</p> <p>3.7. Thực hành</p> <p>3.7.1. Trang trí hình vuông, kích thước khoảng 20cm x 20cm.</p> <p>3.7.2. Trang trí hình tròn, đường kính khoảng 20cm.</p> <p>3.7.3. Trang trí đường diềm, chiều cao khoảng 8- 10cm.</p> <p>(Sử dụng hoạ tiết hình hoa lá, động vật, hoa văn dân tộc,...)</p> <p>Khô giấy A3. Chất liệu: màu bột).</p>	07/07	5.1; 5.2; 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng; - Trực quan; - Dự án; - Luyện tập, thực hành cá nhân;... - GV hướng dẫn SV thực hành. - GV hướng dẫn SV trưng bày, nhận xét sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - TL [1,tr.69-102]. - TL [3,5]. - Chuẩn bị dụng cụ thực hành phù hợp. * Bài tự học 1. <i>Sưu tầm và chép 5 mẫu hoạ tiết cổ dân tộc.</i> 2. <i>Kí hoạ và cách điệu 5 mẫu hoạ tiết hoa, lá, côn trùng, động vật,...</i> (<i>Khô giấy A3, chất liệu bút chì, bút sắt, màu bột, ...</i>). 	- 9.1; - 9.2; - 9.3
<p>Chương 4: Vẽ tranh</p> <p>7. Thực hành</p> <p>7.1. Vẽ một tranh phong cảnh.</p> <p>7.2. Vẽ một tranh sinh hoạt của trẻ mẫu giáo.</p> <p>7.3. Phóng một tranh chủ đề về mẫu giáo hay tranh truyện mẫu giáo. (bài có kèm tranh mẫu, đính ở góc bên trái phía trên và còn lưu cách phóng). Chất liệu bột màu, khô giấy A3.</p>	07/07	5.1; 5.2; 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng; - Trực quan; - Dự án; - Luyện tập, thực hành cá nhân;... - GV hướng dẫn SV thực hành. - GV hướng dẫn SV trưng bày, nhận xét sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - TL[1,tr.103-174]. - TL [4,5]. - Chuẩn bị dụng cụ thực hành phù hợp yêu cầu bài tập. * Bài tự học: - <i>Kí hoạ một số dáng người, động vật, phong cảnh,...</i> - <i>bằng chì, sáp, màu bột, ...</i> 	- 9.1; - 9.2; - 9.2.3
<p>Chương 5: Chữ mỹ thuật</p> <p>5.6. Thực hành</p> <p>5.6.1. Kể một khẩu hiệu ngắn.</p> <p><i>Chủ đề tự chọn.</i></p> <p><i>Khô giấy A3.</i></p> <p><i>Chất liệu: màu bột.</i></p> <p>5.6.2. Trình bày một bản trích.</p> <p><i>Chủ đề tự chọn.</i></p> <p><i>Khô giấy A3.</i></p> <p><i>Chất liệu: màu bột</i></p>	07/07	5.1; 5.2; 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng; - Trực quan; - Dự án; - Luyện tập, thực hành cá nhân;... - GV hướng dẫn SV thực hành. - GV hướng dẫn SV trưng bày, nhận xét sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - TL[1,tr.175-194]. - TL [5]. - Chuẩn bị dụng cụ học tập. * Bài tự học: - <i>Cắt dán và trang trí một phong chữ tuỳ thích hoặc cắt dán bằng chữ cái tiếng Việt.</i> <i>Khô giấy A3.</i> <i>Chất liệu: giấy thủ công màu,...</i> 	- 9.1; - 9.2; - 9.3

Chương	Số tiết (46Th/ 46TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp đạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
<p>Chương 6. Tạo hình xé - cắt dán và nặn cơ bản.</p> <p>6.3. Thực hành</p> <p>6.3.1. Xé dán một tranh đề tài tự chọn.</p> <p>6.3.2. Cắt dán một bài trang trí tự do. Khổ giấy A3. Chất liệu: giấy màu, lá cây,...</p> <p>6.3.3. Nặn các con vật quen thuộc, dáng người hay các loại quả,.... Chất liệu đất sét hoặc sáp nặn.</p>	07/07	5.1; 5.2; 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng; - Trực quan; - Dự án; - Luyện tập, thực hành cá nhân;... - GV hướng dẫn SV thực hành. - GV hướng dẫn SV trưng bày, nhận xét sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - TL[1,tr.195-210]. - TL [5]. - Chuẩn bị dụng cụ đúng yêu cầu bài tập (giấy màu, đất nặn,...). * Bài tự học - <i>Nặn sáng tác một nội dung chủ đề quen thuộc. Chất liệu đất sét hoặc sáp nặn.</i> - <i>Đắp phù điêu một tranh phong cảnh hoặc bố cục nhân vật. Chất liệu: đất sét.</i> 	- 9.1; - 9.2; - 9.3
<p>Thi kết thúc học phần (Thực hành tại lớp)</p>	04/04	5.1; 5.2; 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành;... <i>GV hướng dẫn SV thể hiện tốt phần thi và trưng bày, đánh giá bài thi.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị nội dung thi đã được dặn dò. - Thể hiện tốt bài thi và tích cực tham gia nhận xét, đánh giá bài thi. 	- 9.1; - 9.3

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Ngô Bá Công	<i>Giáo trình Mỹ thuật</i>	2016	ĐHSP Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Triệu Khắc Lễ, Nguyễn Thế Hùng, Vũ Kim Quyên	<i>Hình họa và Điêu khắc</i>	2001	NXB GD	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Tạ Phương Thảo	<i>Giáo trình Trang trí</i>	2007	ĐHSP Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Đàm Luyện	<i>Giáo trình Bố cục</i>	2007	ĐHSP Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x

5	Nguyễn Thị Tuyệt Minh	<i>Bài giảng Mỹ thuật (SP GD Mầm Non)</i>	2021	ĐHĐT	GV		x
---	--------------------------	---	------	------	----	--	---

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần.
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá/ Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Chuyên cần	Đánh giá quá trình Bài tập tại lớp và tự học. Chương 1, 2, 3, 4, 5, 6.	5.1; 5.2; 5.3	0.1
9.2	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, 2, 3, 4, 5, 6.	5.1; 5.2; 5.3	0.3
9.2.1	Bài tập tại lớp	Chấm bài tập tại lớp. Chương 1, 2, 3, 4, 5, 6.	5.1; 5.2; 5.3	
9.2.2	Bài tập về nhà	Chấm bài tập tự học. Chương 1, 2, 3, 4, 5, 6.	5.1; 5.2; 5.3	
9.2.3	Kiểm tra	Chương 1, 2, 3, 4, 5, 6.	5.1; 5.2; 5.3	
9.3	Đánh giá kết thúc học phần (Thực hành tại lớp)	Chương 1, 2, 3, 4, 5, 6.	5.1; 5.2; 5.3	0.6

6.1.7. KỸ NĂNG GIAO TIẾP SỰ PHẠM CỦA GVMN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **KI4181 - KỸ NĂNG GIAO TIẾP SỰ PHẠM
CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON**

- Mã lớp học phần:

- Số tín chỉ: 02

Số tiết tín chỉ: 30 (LT/ThH/TH): 30 (30/00/60)

- Học phần điều kiện: Không

- Học kì: 1

Năm học: 2021 - 2022

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

Họ và tên: **LÊ THỊ KIM ANH**

Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Tiến sĩ

Điện thoại: 0988 980929

Email: ltkanh@dthu.edu.vn

Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học - Mầm non

2.2. Giảng viên 2

Họ và tên: **LÊ THỊ THANH SANG**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Điện thoại: 0908732782

Email: sang.lethithanh@gmail.com

Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non

2.3. Giảng viên 3

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ TUYẾT MINH** Chức danh, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Điện thoại: 0915724600

E-mail: tuyetminh321979@yahoo.com.vn

Đơn vị: Khoa Giáo dục

Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non

3. Tổng quan về học phần

“Kỹ năng giao tiếp sự phạm của giáo viên mầm non” là học phần trong nhóm cơ sở ngành, tạo nền tảng ban đầu trong việc hình thành kỹ năng giao tiếp, ứng xử sự phạm cho sinh viên mầm non trước khi trở thành giáo viên. Trải nghiệm học phần này, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp sự phạm, tầm quan trọng của kỹ năng giao tiếp sự phạm tích cực, các biện pháp rèn luyện, tu dưỡng để hình thành nhân cách người GVMN tương lai trong các môi quan hệ giao tiếp ở trường mầm non, đảm bảo yêu cầu của Chuẩn GVMN.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Giải thích được những lý luận chung, những đặc trưng giao tiếp sự phạm và các biện pháp rèn luyện kỹ năng giao tiếp sự phạm của giáo viên mầm non.

4.2. Kỹ năng/ phẩm chất

Mô phỏng kiến thức về học phần để tự rèn luyện, tu dưỡng kỹ năng giao tiếp phù hợp với yêu cầu của ngành và thể hiện những hành vi phù hợp khi tham gia các hoạt động rèn nghề tại cơ sở mầm non.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Hình thành ý thức tự rèn luyện kỹ năng giao tiếp sự phạm của mình trong quá trình đào tạo. Ham học hỏi, tích cực nghiên cứu và học tập để có trình độ cao hơn.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Mô tả được những kiến thức cơ bản về nội dung, hình thức và phương tiện giao tiếp tích cực của giáo viên mầm non với trẻ, cha mẹ trẻ và các nhóm đối tượng khác trong quá trình hoạt động nghề nghiệp.	1.2	3
5.1.2	Nhận định được những đặc trưng giao tiếp sư phạm và các biện pháp rèn luyện kỹ năng giao tiếp sư phạm của người giáo viên mầm non trong tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ.	1.2	3
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Thu thập kiến thức về học phần, rèn luyện kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non phù hợp theo Chuẩn nghề.	2.2	3
5.2.2	Kiểm soát những biểu hiện giao tiếp không phù hợp với đặc thù nghề giáo viên mầm non; phát hiện những tình huống sư phạm có thể dẫn đến vi phạm các nguyên tắc giao tiếp hoặc giao tiếp không hiệu quả.	2.3	5
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập, tích cực tham gia các hoạt động trong quá trình học tập; chủ động nêu các vấn đề thắc mắc, làm sáng tỏ các vấn đề thực tiễn liên quan đến học phần.	3.	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương	Số tiết (30LT/60TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của SV	HDDG
<p>Chương 1: NHỮNG LÝ LUẬN CHUNG VỀ KỸ NĂNG GIAO TIẾP SƯ PHẠM CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON</p> <p>1.1. Một số khái niệm cơ bản</p> <p>1.1.1. Khái niệm kỹ năng</p> <p>1.1.2. Khái niệm giao tiếp và các giai đoạn trong giao tiếp</p> <p>1.1.3. Khái niệm giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non</p> <p>1.1.4. Khái niệm kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non</p> <p>1.2. Nội dung giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non</p> <p>1.2.1. Nội dung tâm lí</p> <p>1.2.2. Nội dung công việc trong giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non</p> <p>1.3. Các hình thức giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non</p> <p>1.4. Các phương tiện giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ, cha mẹ trẻ và một số đối tượng giao tiếp khác</p> <p>1.5. Vai trò của giao tiếp sư phạm trong sự hình thành và phát triển tâm lí cá nhân</p>	(11/22)	5.1; 5.2; 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - PP trò chơi; (Trò chơi đoán ý đồng đội). - PP đàm thoại; - Kỹ thuật khăn trải bàn; - PP thảo luận nhóm;... 	<p>-ĐCCT, TLHT. SV hiểu được tầm quan trọng của học phần, hình thành ý thức tự nghiên cứu.</p> <p>Nhớ các qui định, yêu cầu và những công việc cần phải làm trong quá trình học tập.</p> <p>- Vở ghi chép nội dung học tập.</p> <p>* TL [1,2,3,4].</p> <p>- Đọc và nghiên cứu chương 1, soạn nội dung trả lời các câu hỏi vào vở tự học trước ở nhà.</p> <p>- Chuẩn bị câu hỏi thắc mắc.</p> <p>- Tích cực tham gia các hoạt động và ghi</p>	* 9.1; * 9.2

Chương	Số tiết (30LT/ 60TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của SV	HĐĐG
				chép nội dung được củng cố vào vở tự học.	
<p>Chương 2: ĐẶC TRƯNG GIAO TIẾP SỰ PHẠM CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON</p> <p>2.1. Đặc thù hoạt động sự phạm của giáo viên mầm non</p> <p>2.2. Đặc trưng của giao tiếp sự phạm giữa giáo viên mầm non với trẻ, cha mẹ trẻ và các đối tượng giao tiếp khác</p> <p>2.3. Vai trò của kỹ năng giao tiếp sự phạm trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người giáo viên mầm non</p> <p>2.4. Biểu hiện giao tiếp tích cực của giáo viên mầm non với trẻ, cha mẹ trẻ và các đối tượng giao tiếp khác</p> <p>2.5. Vận dụng xử lý một số tình huống giao tiếp sự phạm của giáo viên mầm non</p>	(09/18)	5.1 5.2 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - PP trực quan; - PP semina; (lấy điểm lần 1) - PP kích nã; - PP giải quyết tình huống;... 	<ul style="list-style-type: none"> - TL [1, 2]. - Đọc tài liệu, nghiên cứu, soạn nội dung chương 2, nêu câu hỏi thảo luận. - Đọc thêm TL [3, 4]. - Nội dung báo cáo trên powerpoint. - Tích cực tham gia các hoạt động và ghi chép nội dung vào vở tự học. 	* 9.1; * 9.2
<p>A.1. Chương 3: RÈN LUYỆN KỸ NĂNG GIAO TIẾP SỰ PHẠM CHO SINH VIÊN MẦM NON</p> <p>A.2. 3.1. Những căn cứ pháp lí</p> <p>A.3. 3.1.1. Các quan điểm cơ bản của Đảng, Nhà nước</p> <p>A.4. 3.1.2. Các yêu cầu về chuẩn mực trong giao tiếp của giáo viên mầm non theo chuẩn nghề</p> <p>A.5. 3.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến hình thành kỹ năng giao tiếp sự phạm của sinh viên mầm non</p> <p>A.6. 3.3. Các biện pháp rèn luyện kỹ năng giao tiếp sự phạm của sinh viên mầm non</p>	(08/16)	5.1; 5.2; 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - PP semina (lấy điểm lần 2) 	<ul style="list-style-type: none"> - TL[1,2,4]. - Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT Điều lệ Trường mầm non. - Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT Quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. - Nghiên cứu, soạn nội dung chương 3, nêu câu hỏi thảo luận. - Bài báo cáo của nhóm, biên bản họp nhóm. - Vở ghi chép nội dung học tập. 	* 9.1; * 9.2

Chương	Số tiết (30LT/ 60TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp đạy – học	Chuẩn bị của SV	HDDG
Ôn tập, giải đáp thắc mắc. A.7.	(02/04)	5.1; 5.2; 5.3	- PP đàm thoại;..	- Chuẩn bị câu hỏi cần được giải đáp. - Cả lớp tích cực tham gia ôn tập.	* 9.1; *9.2

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Thị Thanh Bình, Vũ Thị Ngọc Tú	<i>Giao tiếp sư phạm</i>	2018	ĐHSP Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Hồ Lam Hồng	<i>Nghề giáo viên mầm non</i>	2008	GD	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Hoàng Anh, Đỗ Thị Châu, Nguyễn Thạc	<i>Hoạt động Giao tiếp Nhân cách</i>	2016	ĐHSP Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Nguyễn Thị Tuyết Minh	<i>Bài giảng Kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non</i>	2021	ĐHĐT	GVHD		x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần.
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá/ Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá quá trình	Chương 1,2, 3.	5.1; 5.2; 5.3	0.4
9.2	Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận - Được sử dụng tài liệu - Thời gian thi: 90 phút	Chương 1, 2, 3.	5.1; 5.2; 5.3	0.6

6.1.8. TIẾNG VIỆT

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **KI4117N – TIẾNG VIỆT**
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 30 (20/10/60)
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Trần Đức Hùng Chức danh, học vị: GVC, Tiến sĩ
- Điện thoại: 0988.682.643 E-mail: tdhung@dthu.edu.vn
- Đơn vị: Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Vũ Thị Hiền Chức danh, học vị: GV, Thạc sĩ
- Điện thoại: 0974.814.712 E-mail: hienvuth123@gmail.com
- Đơn vị: Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non

3. Mô tả tóm tắt/ Tổng quan về học phần

Tiếng Việt là học phần cơ sở ngành bắt buộc, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và toàn diện về tiếng Việt nói chung. Trọng tâm của học phần này sẽ giới thiệu, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau: khái niệm, đặc điểm và cấu tạo của âm tiết tiếng Việt, hệ thống âm vị và chính tả tiếng Việt; từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt (cấu tạo từ tiếng Việt, nghĩa của từ và các lớp từ có quan hệ về nghĩa, các lớp từ phân loại theo nguồn gốc); ngữ pháp tiếng Việt (từ loại tiếng Việt, cụm từ tiếng Việt, câu tiếng Việt, các lỗi về câu và cách sửa lỗi); ngữ pháp văn bản (đoạn văn và văn bản); phong cách ngôn ngữ tiếng Việt (khái niệm, các phong cách chức năng, các đặc điểm tu từ tiếng Việt có trong chương trình mầm non).

Những kiến thức cơ bản trên sẽ là nền tảng để sinh viên tiếp tục học tập nâng cao ở học phần: *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non*. Bên cạnh đó, sinh viên có thể sử dụng các kiến thức mà học phần cung cấp để vận dụng trong dạy học tiếng Việt ở dưới trường mầm non.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Phân tích được những kiến thức về tiếng Việt để vận dụng vào quá trình chăm sóc – giáo dục trẻ mầm non.

4.2. Kỹ năng

Vận dụng được các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và phong cách của tiếng Việt vào việc dạy học ở bậc mầm non.

Giải được các bài tập tiếng Việt cơ bản, sửa được lỗi chính tả, lỗi dùng từ và lỗi câu.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức trau dồi các kiến thức về tiếng Việt và vận dụng vào việc nghiên cứu phương pháp dạy nói, viết chữ cho trẻ mầm non. Bước đầu khơi gợi tình yêu tiếng Việt ở trẻ, biết giữ gìn và phát huy sự trong sáng của tiếng Việt trong trường mầm non.

5. Chuẩn đầu ra

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1. Kiến thức			
5.1.1	Phân tích được những kiến thức về Tiếng Việt như: cấu tạo của âm tiết; cấu tạo từ TV và phân loại từ theo cấu tạo; biết cách xác định từ loại TV; nắm được cấu tạo của cụm từ; các thành phần câu và phân loại câu; cấu trúc các loại đoạn văn, đặc điểm của văn bản; kiến thức về phong cách chức năng tiếng Việt và các biện pháp tu từ tiếng Việt vào việc nghiên cứu và dạy học ở trường Mầm non..	1.3	3
5.2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Vận dụng được những kiến thức về: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, phong cách của tiếng Việt vào việc chăm sóc và giáo dục trẻ, giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình giáo dục trẻ ở trường Mầm non.	2.1.4	3
5.2.2	Chuẩn xác các kỹ năng hợp tác làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp trong quá trình lĩnh hội kiến thức tiếng Việt.	2.2	3
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân; Có năng lực làm việc độc lập hoặc hợp tác làm việc theo nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc.	3.1, 3.2	3

5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/ Chủ đề	Số tiết LT/TH	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
CHƯƠNG 1: NGỮ ÂM TIẾNG VIỆT HIỆN ĐẠI 1.1. Âm tiết tiếng Việt 1.1.1. Khái niệm âm tiết 1.1.2. Đặc điểm âm tiết 1.1.3. Cấu tạo âm tiết 1.2. Âm vị tiếng Việt 1.2.1. Khái niệm âm vị 1.2.2. Hệ thống âm vị tiếng Việt 1.3. Kiến thức về ngữ âm trong dạy học ở trường mầm non	05/10	5.1, 5.2, 5.3.	- Thuyết trình - Thảo luận. - Thảo luận cá nhân.	- Đọc giáo trình 1, 2, 3. - Thảo luận nhóm. mục 1.3; 1.4. - Thực hiện các bài tập Chương 1.	9.1.1 9.1.2 9.2
CHƯƠNG 2: TỪ VỰNG - NGỮ NGHĨA TIẾNG VIỆT 2.1. Các đơn vị từ vựng tiếng Việt 2.1.1. Khái niệm từ 2.1.2. Các kiểu từ phân loại theo cấu tạo: từ đơn, từ ghép, từ láy 2.1.3. Cụm từ cố định (quán ngữ, thành ngữ) 2.2. Nghĩa của từ tiếng Việt	08/16	5.1, 5.2, 5.3.	- Thuyết trình - Thảo luận. - Thảo luận cá nhân.	- Đọc tài liệu 1, 2, 3. - Chuẩn bị nội dung thảo luận nhóm: mục 2.4. - Sưu tầm một số thành ngữ, tục ngữ. Tra từ	9.1.1 9.1.2 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết LT/TH	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>2.2.1. Khái niệm về nghĩa của từ</p> <p>2.2.2. Các thành phần nghĩa của từ</p> <p>2.2.3. Tính đa nghĩa và phương thức chuyển nghĩa của từ</p> <p>2.2.4. Từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm, trường nghĩa</p> <p>2.3. Các lớp từ tiếng Việt</p> <p>2.3.1. Từ ngữ gốc Hán và gốc Ấn - Âu</p> <p>2.3.2. Lớp từ địa phương</p> <p>2.3.3. Từ nghề nghiệp</p> <p>2.4. Kiến thức về từ vựng – ngữ nghĩa trong dạy học ở trường mầm non.</p>				<p>điển thành ngữ để tìm hiểu nghĩa của chúng.</p> <p>- Thực hiện các bài tập Chương 2.</p>	
<p>CHƯƠNG 3: NGỮ PHÁP TIẾNG VIỆT</p> <p>3.1. Từ loại tiếng Việt</p> <p>3.1.1. Khái niệm</p> <p>3.1.2. Hệ thống từ loại tiếng Việt</p> <p>3.2. Cụm từ tiếng Việt</p> <p>3.2.1. Khái niệm</p> <p>3.2.2. Các loại cụm từ chính phụ</p> <p>3.3. Câu tiếng Việt</p> <p>3.3.1. Khái quát về câu</p> <p>3.3.2. Các thành phần của câu</p> <p>3.3.3. Phân loại câu</p> <p>3.4. Kiến thức về ngữ pháp trong dạy học ở trường mầm non</p>	08/16	5.1, 5.2, 5.3.	<p>- Thuyết trình</p> <p>- Thảo luận.</p> <p>- Thảo luận cá nhân.</p>	<p>- Đọc tài liệu: 1, 2, 3.</p> <p>- SV chuẩn nội dung thảo luận: mục 3.4</p> <p>- Thực hiện các bài tập Chương 3.</p>	<p>9.1.1</p> <p>9.1.2</p> <p>9.2</p>
<p>CHƯƠNG 4: NGỮ PHÁP VĂN BẢN</p> <p>4.1. Đoạn văn</p> <p>4.1.1. Khái niệm đoạn văn</p> <p>4.1.2. Cấu trúc đoạn văn</p> <p>4.2. Văn bản</p> <p>4.2.1. Khái niệm về văn bản</p> <p>4.2.2. Bộ cục của văn bản</p> <p>4.2.3. Các phương thức liên kết trong văn bản</p> <p>4.3. Kiến thức về văn bản trong dạy học ở trường mầm non</p>	04/08		<p>- Thuyết trình</p> <p>- Thảo luận.</p> <p>- Thảo luận cá nhân.</p>	<p>- Đọc tài liệu: 1, 2, 3.</p> <p>- SV chuẩn bị bài thảo luận: mục 4. - Làm bài tập viết đoạn văn.</p> <p>- Thực hiện các bài tập Chương 4.</p>	<p>9.1.3</p> <p>9.1.4</p> <p>9.2</p>
<p>CHƯƠNG 5: PHONG CÁCH HỌC TIẾNG VIỆT</p> <p>5.1. Khái quát về phong cách học</p> <p>5.1.1. Đối tượng của phong cách học</p> <p>5.1.2. Các phong cách chức năng tiếng Việt</p> <p>5.1.3. Các phương thức tu từ tiếng Việt</p> <p>5.2. Kiến thức về các phương thức tu từ tiếng Việt trong chương trình mầm non</p> <p>5.2.1. So sánh</p>	03/06	5.1, 5.2, 5.3.	<p>- Thuyết trình</p> <p>- Thảo luận.</p> <p>- Thảo luận cá nhân.</p>	<p>- Đọc tài liệu: 1, 2, 3.</p> <p>- SV chuẩn bị nội dung báo cáo nhóm mục 5.1;</p> <p>- Thực hiện các bài tập Chương 5.</p>	<p>9.1.3</p> <p>9.1.4</p> <p>9.2</p>

Chương/ Chủ đề	Số tiết LT/TH	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
5.2.2. Ấn dụ 5.2.3. Nhân hóa					
Bài kiểm tra	02/04	5.1, 5.2, 5.3.	Theo yêu cầu của GV	Chương 1, 2, 3, 4, 5	9.1. 4

6. Tài liệu học tập

S TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Lã Thị Bắc Lý (Chủ biên)	<i>Giáo trình Tiếng Việt và Tiếng Việt thực hành</i>	2011	Đại học Sư phạm.	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Đặng Thị Lanh, Lê Hữu Tĩnh	<i>Tiếng Việt, tập 1</i>	1998	Giáo Dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	Đinh Trọng Lạc, Bùi Minh Toán	<i>Tiếng Việt, tập 2</i>	1998	Giáo Dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

7. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần.
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

8. Đánh giá kết quả học tập

Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>	<i>Chương 1, 2, 3, 4, 5</i>	<i>5.1; 5.2; 5.3</i>	0.4
9.1.1	Bài tập	Chương 1, 2, 3, 4, 5	5.1; 5.2; 5.3	
9.1.2	Bài kiểm tra	Chương 1, 2, 3, 4, 5	5.1; 5.2; 5.3	
9.2	<i>Đánh giá kết thúc học phần: Thi Tự luận; Thời gian: 90 phút; Đề đóng.</i>	<i>Chương 1, 2, 3, 4, 5</i>	<i>5.1; 5.2; 5.3</i>	0.6

6.1.9. VĂN HỌC TRẺ EM

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4121 - VĂN HỌC TRẺ EM
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 2 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 30 (15/15/60)
- Học phần điều kiện (*nếu có*):
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Lê Thị Thanh Hồng Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Đồng Tháp
- Điện thoại: 0918 282 625
- Email: hongdhdt@gmail.com

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Phạm Thị Minh Hiếu Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Đồng Tháp
- Điện thoại: 0914 759 251
- Email: phamhieu2501@gmail.com

2.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Nguyễn Trọng Hiếu Chức danh, học vị: Giảng viên - Tiến sĩ
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Đồng Tháp
- Điện thoại: 0938 124 570
- Email: tronghieunguvan@gmail.com

3. Tổng quan về môn học

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc dành cho Mầm non. Học phần gồm có 04 chương nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về văn học dân gian, văn học trẻ em Việt Nam và văn học trẻ em nước ngoài. Qua đó, sinh viên có thể vận dụng có hiệu quả vào việc giảng dạy cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học trong chương trình Mầm non.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Giải thích được khái niệm, đặc trưng và các nội dung chủ đề của văn học trẻ em; Khái quát được các thể loại và các tác giả- tác phẩm của văn học dân gian, văn học viết Việt Nam và nước ngoài; Vận dụng được kiến thức lý thuyết để phân tích được một số tác phẩm văn học trẻ em.

4.2. Kỹ năng/phẩm chất đạo đức

Đánh giá, phân tích tác phẩm văn học; cảm thụ tác phẩm văn học; đọc diễn cảm tác phẩm văn học trẻ em.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm, tự nghiên cứu, khám phá tri thức, lập luận, phân tích và bảo vệ quan điểm cá nhân.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1.1	Phân tích được các đặc điểm, thể loại và các tác giả- tác phẩm của văn học dân gian, văn học viết trẻ em Việt Nam và nước ngoài;	1.3	3
5.1.2	Diễn giải được những nội dung về văn học trẻ em vào việc giáo dục trẻ mầm non	1.3	3
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Đánh giá, phân tích tác phẩm văn học; cảm thụ tác phẩm văn học; đọc diễn cảm tác phẩm văn học trẻ em trong chương trình chăm sóc- giáo dục mầm non	2.1.4	3
5.2.2	Giao tiếp chuẩn mực, phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; có kỹ năng hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ chung và phát triển cộng đồng	2.2	3
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để bảo vệ kết luận chuyên môn; có khả năng dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ, sáng kiến và chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	CDR	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của SV	HĐĐG
CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ VĂN HỌC TRẺ EM 1.1. Khái niệm và các bộ phận cấu thành văn học trẻ em 1.1.1. Khái niệm văn học trẻ em 1.1.2. Các bộ phận cấu thành văn học trẻ em 1.2. Đặc trưng thơ văn cho trẻ em 1.2.1. Văn học trẻ em đáp ứng yêu cầu giáo dục 1.2.2. Văn học trẻ em đảm bảo tính nghệ thuật 1.2.3. Văn học trẻ em đảm bảo tính vừa sức 1.3. Những nội dung chủ yếu của văn học trẻ em trong trường mầm non 1.3.1. Tình yêu quê hương, đất nước 1.3.2. Tình cảm đối với Bác Hồ kính yêu 1.3.3. Tình cảm gia đình 1.3.4. Tình cảm với thầy cô, bạn bè 1.3.5. Tình cảm đối với thiên nhiên	05/10	5.1; 5.2; 5.3	-Thuyết trình -Đàm thoại - Thảo luận và báo cáo nhóm	- Đọc Tài liệu tham khảo [1, tr. 5 - 22]. - Lên lớp nghe giảng, kết hợp trao đổi, trả lời câu hỏi: 1. Nêu khái niệm và các bộ phận cấu thành văn học trẻ em? 2. Nêu đặc trưng của văn học trẻ em? 3. Hãy kể tên các tác phẩm thơ truyện thuộc các nội dung chủ yếu của VHTE trong trường MN.	9.1.1 9.2
CHƯƠNG 2. VĂN HỌC DÂN GIAN CHO TRẺ EM PHẦN I: 2.1. Khái niệm, đặc trưng của văn học dân gian PHẦN II: 2.1.1. Khái niệm văn học dân gian	08/16	5.1; 5.2; 5.3	-Thuyết trình -Đàm thoại - Thảo luận và báo cáo nhóm	- Đọc Tài liệu tham khảo [1, tr. 5 - 22]. - Lên lớp nghe giảng, kết hợp trao đổi, trả lời câu hỏi:	9.1.1 9.1.2 9.2

<p>PHẦN III: 2.1.2. Đặc trưng cơ bản của văn học dân gian</p> <p>2.2. Các thể loại truyện cổ dân gian</p> <p>2.2.1. Thần thoại</p> <p>2.2.2. Truyền thuyết</p> <p>2.2.3. Truyện cổ tích</p> <p>2.2.4. Truyện ngụ ngôn</p> <p>2.3. Các thể loại thơ ca dân gian</p> <p>2.3.1. Ca dao</p> <p>2.3.2. Câu đố</p> <p>2.3.3. Đồng dao</p> <p>2.4. Phân tích một số tác phẩm VHGD tiêu biểu trong chương trình mầm non.</p>				<p>1. Nêu khái niệm VHGD, đặc trưng cơ bản của VHGD?</p> <p>2. Hãy nêu khái niệm, nội dung ý nghĩa của các thể loại truyện DG và thơ ca DG</p> <p>3. Phân tích nội dung ý nghĩa và nghệ thuật độc đáo của một số truyện cổ dân gian (GV chọn một vài truyện tiêu biểu sau đây):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thần thoại: <i>Thần trụ trời, Sơn Tinh- Thủy Tinh, Chú Cuội cung trăng</i> - Truyền thuyết: <i>Thánh Gióng, Lạc Long Quân- Âu Cơ</i> - Truyện cổ tích: <i>Cây khế, Cây tre trăm đốt</i> - Truyện ngụ ngôn: <i>Thầy bói xem voi, Mèo lại hoàn mèo..</i> <p>4. Sưu tầm một số bài ca dao có trong chương trình MN, thực hành câu đố, đồng dao.</p>	
---	--	--	--	---	--

<p>CHƯƠNG 3. VĂN HỌC TRẺ EM HIỆN ĐẠI</p> <p>3.1. Khái quát chung về văn học trẻ em Việt Nam hiện đại</p> <p>3.1.1. Các chặng đường phát triển của văn học trẻ em Việt Nam</p> <p>3.1.2. Những đặc sắc của thơ do trẻ em viết</p> <p>3.2. Một số tác giả tiêu biểu</p> <p>3.2.1. Thơ và truyện Võ Quảng</p> <p>3.2.2. Thơ Phạm Hồ</p> <p>3.2.3. Thơ Trần Đăng Khoa</p> <p>3.3. Phân tích một số tác phẩm VHTE tiêu biểu trong chương trình mầm non.</p>	10/20	5.1; 5.2; 5.3	-Thuyết trình -Đàm thoại - Thảo luận và báo cáo nhóm	<p>- Đọc Tài liệu tham khảo [1, tr. 5 - 22].</p> <p>- Lên lớp nghe giảng, kết hợp trao đổi, trả lời câu hỏi:</p> <p>1. Nêu những thành tựu cơ bản của VHTE trong mỗi chặng đường?</p> <p>2. Những nguyên nhân nào tạo nên sự phát triển đa dạng của VHTE Việt Nam sau 1975?</p> <p>3. Tập đọc diễn cảm và phân tích một số bài thơ của Võ Quảng, Phạm Hồ, Trần Đăng Khoa (GV chọn một số bài thơ hay):</p> <p>- <i>Ai dậy sớm, Mời vào, Anh đom đóm...</i></p> <p>- <i>Chú bò tìm bạn, Đàn gà con, Rong và cá, Bắp cải xanh...</i></p> <p>- <i>Cây dừa, Ảnh Bác, Trăng ơi...từ đâu đến?, Kể cho bé nghe...</i></p>	9.1.1 9.1.2 9.2
<p>CHƯƠNG 4. VĂN HỌC TRẺ EM NƯỚC NGOÀI</p> <p>4.1. Khái quát chung về văn học trẻ em nước ngoài</p>	07/14	5.1; 5.2; 5.3	-Thuyết trình -Đàm thoại - Thảo luận và báo cáo nhóm	<p>- Đọc Tài liệu tham khảo [1, tr. 5 - 22].</p>	9.1.1 9.1.2 9.2

6.2.	4.2. Một số tác giả tiêu biểu 4.2.1. Andecxen 4.2.2. Grim 4.2.3. L.Tônxtôi và tập truyện <i>Kiến và chim bồ câu</i>				- Thực hiện các yêu cầu sau: 3. Tìm đọc truyện cổ Andecxen và truyện cổ Grim (tóm tắt truyện <i>Bà Chúa Tuyết, Bạch Tuyết và bảy chú lùn</i>) 4. Thống kê các tác phẩm truyện <i>Kiến và Chim bồ câu</i> có trong chương trình truyện kể MN, phân tích một truyện tiêu biểu.
------	---	--	--	--	---

Thực hành, thí nghiệm, thực tế: không có

7. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Lã Thị Bắc Lý	<i>Giáo trình Văn học trẻ em</i>	2005	Đại học Sư phạm Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Nhiều tác giả	<i>Tuyển tập thơ ca, truyện kể, bài hát, câu đố (các độ tuổi)</i>	2002	Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	Phạm Hồ	<i>Tuyển tập thơ Phạm Hồ</i>	2000	Văn học	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Võ Quảng	<i>Tuyển tập thơ Võ Quảng</i>	2000	Văn học	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
5	Trần Đăng Khoa	<i>Tuyển tập thơ Trần Đăng Khoa</i>	2005	Văn học	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
6	Andecxen	Truyện cổ Andecxen	2000	Văn học	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
7	Grim	Truyện cổ Grim	2005	Văn học	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
8	L.Tônxtôi	<i>Tập truyện “Kiến và Chim bồ câu”</i>	2000	Văn học	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi

tiết học phần

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>	<i>Chương 1, 2,3,4</i>	<i>5.1; 5.2; 5.3</i>	<i>0.4</i>
9.1.1	Bài tập nhóm	Chương 1,2,3,4	5.1.1; 5.1.2; 5.2.1; 5.2.2; 5.3	0.1
9.1.2	Bài tập cá nhân	Chương 2,3,4	5.2.1; 5.2.2; 5.3	0.3
9.2	<i>Đánh giá kết thúc học phần (Tự luận 90 phút sv không được sử dụng tài liệu)</i>	<i>Chương 1,2,3,4</i>	<i>5.1; 5.2;</i>	<i>0.6</i>

6.1.10. CƠ SỞ TOÁN MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4222- Cơ sở toán Mầm Non
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 30 (20/10/60)
- Học phần học trước: không
- Học kì: 2 Năm học: 2021 - 2022

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Phạm Thị Kim Châu Chức danh, học hàm, học vị: GVC – Tiến sĩ
- Điện thoại: 0919820682 Email: ptkchau1978@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Lê Thị Tuyết Trinh Chức danh, học hàm, học vị: GVC.TS
- Điện thoại: 0888556869 Email: letrinh1282@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: Phan Thị Hiệp Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Điện thoại: 0919 155 680 Email: hiepdongthapmuoi@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

Giảng viên 4:

- Họ và tên: Hà Thái Thủy Lam Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Điện thoại: 0939277679 E-mail: httlam@dthu.edu.vn
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Học phần **Cơ sở toán Mầm Non** thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành. Ở bậc học phổ thông, sinh viên đã được học một số kiến thức cơ bản về lý thuyết tập hợp và logic toán, đồng thời sinh viên cũng được rèn một số kỹ năng vận dụng những kiến thức này trong quá trình học môn Toán. Học phần “Cơ sở toán mầm non” hệ thống hóa và tiếp tục nâng cao cho sinh viên những hiểu biết, cách nhìn khái quát về cơ sở lý thuyết tập hợp và cơ sở logic toán về Toán cho trẻ mầm non. Sinh viên bước đầu hiểu được cơ sở toán học lý thuyết tập hợp và cơ sở logic toán vào hình thành các biểu tượng toán mầm non.

Đây cũng là một trong những học phần nền tảng để sinh viên nghiên cứu các học phần *Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với Toán*.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức

Trình bày và chính xác hoá được các kiến thức về logic mệnh đề và các phép suy luận; các tập hợp số, các phép toán trên tập hợp, ánh xạ và quan hệ trong chương trình toán mầm non.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

Tổ chức, hướng dẫn cho trẻ phát biểu chính xác các mệnh đề logic phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ trong cuộc sống. Có kỹ năng giao tiếp, hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ chung trong lĩnh hội kiến thức môn học, và phát triển cộng đồng.

4.3. Mức tự chủ, chịu trách nhiệm

Lập được kế hoạch, phân công, thực thi nhiệm vụ học tập nhóm trong môn học; phát huy tính hợp tác tập thể và chịu trách nhiệm với công việc được giao thông qua môn học.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1. Kiến thức			
5.1.1	Chính xác khái niệm mệnh đề, các phép toán trên mệnh đề, công thức logic.	1.3	3
5.1.2	Hiểu được khái niệm tập hợp, các phép toán cơ bản tập hợp; Ánh xạ, các quan hệ trên tập hợp; Sự hình thành số tự nhiên, quan hệ thứ tự trên tập số tự nhiên, phép tính về số tự nhiên; biết hệ g-phân.	1.3	2
5.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Tổ chức, hướng dẫn trẻ diễn đạt chính xác ngôn ngữ logic mệnh đề; giải các bài tập liên quan mệnh đề logic mệnh đề, tập hợp, quan hệ, Ánh xạ	2.1.4	3
5.2.2	Vận dụng kỹ năng động nhóm để lĩnh hội tri thức môn học; Tổ chức xây dựng tính hợp tác, kỷ luật tập thể và tiếp thu các kiến thức về mệnh đề, phép toán trên mệnh đề; tập hợp, ánh xạ, hệ g-phân, số tự nhiên.	2.2; 2.1.4	3
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Lập được kế hoạch, phân công, thực thi nhiệm vụ học tập nhóm trong môn học; phát huy tính hợp tác tập thể và chịu trách nhiệm với công việc được giao thông qua môn học.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1 Lý thuyết

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy - học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ LOGIC TOÁN 1.1.Mệnh đề - Hàm mệnh đề 1.2.Các phép toán trên mệnh đề 1.3.Công thức logic	10/20	5.1 5.2 5.3	Thuyết trình, làm việc nhóm, seminar	Xem tài liệu [1]; [2, Tr.64-82] Mệnh đề là gì? Cho ví dụ minh họa? Tương tự cho hàm mệnh đề? -Các Phép toán trên mệnh đề? Ví dụ minh họa? Tương tự công thức là gì? Ví dụ? -Bước đầu tìm hiểu các biểu tượng toán hình thành ở mầm non(ví dụ cho các ví dụ mệnh đề liên quan đến mầm non)	9.1, 9.2, 9.3
CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT TẬP HỢP 2.1. Khái niệm về tập hợp 2.2. Các phép toán trên tập hợp	12/24	5.1 5.2 5.3	Thuyết trình, làm việc nhóm, seminar	-Thế nào là 1 tập hợp? Cho ví dụ minh họa? Các phép toán trên tập	9.1, 9.2, 9.3

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy - học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
2.3. Ảnh xạ 2.4. Quan hệ thứ tự và quan hệ tương đương Kiểm tra lần 1				hợp? Cho ví dụ? -Ảnh xạ là gì? Cho ví dụ? Quan hệ tương đương trên tập hợp? -Bước đầu tìm hiểu các biểu tượng toán hình thành ở mầm non (ví dụ các tập hợp để liên quan đến mầm non)	
CHƯƠNG 3: SỐ TỰ NHIÊN 3.1. Hệ thống số tự nhiên 3.2. Các phép toán trên số tự nhiên 3.3. Hệ đếm và cách ghi số Kiểm tra lần 2 và ôn tập	8/16	5.1 5.2 5.3	Thuyết trình, làm việc nhóm, seminar	Số tự nhiên được hình thành như thế nào? Ví dụ? Các phép toán cơ bản trên N? -Hệ g phân? Hệ thập phân? Các phép toán trên g phân? -Bước đầu tìm hiểu các biểu tượng toán hình thành ở mầm non	

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Phan Thị Hiệp	Cơ sở Toán mầm non	2019	ĐHĐT (LHNB)	Giảng viên	x	
2	Trần Diên Hiền Nguyễn Văn Ngọc	Giáo trình Toán cao cấp 1	2012	NXB ĐHSP	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	Trần Diên Hiền	Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic Toán	2007	NXB GD	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Trần Diên Hiền Nguyễn Thủy Chung	Cơ sở Toán học của môn Toán tiểu học	2018	NXB ĐHSP	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi

tiết học phần

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Sửa bài tập	Chương 1, mục 1.2, Chương 2, mục 2.1, 2.2, Chương 3, mục 3.1, 3.2.	5.1, 5.2, 5.3	0.4
9.2	Báo cáo nhóm	Chương 1, mục 1.2, 1.3 Chương 2, mục 2.2, 2.3. Chương 3, mục 3.2, 3.3 - Có mặt 2/3 bài nhóm - Báo cáo	5.1, 5.2, 5.3	
9.3	Kiểm tra giữa kì, Thời gian 60 phút, đề mở	Chương 1, mục 1.1, 1.2, Chương 2, mục 2.1, 2.2, Chương 3, mục 3.1, 3.2	5.1, 5.2	
9.4	Thi kết thúc học phần, Tự luận thời gian 60 phút, đề mở	Toàn bộ nội dung của học phần	5.1,5.2	0.6

6.1.11. VỆ SINH - PHÒNG BỆNH CHO TRẺ MÀM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **KI4224 - VỆ SINH – PHÒNG BỆNH CHO TRẺ MÀM NON**
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 3 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 45 (45/00/90)
- Học phần điều kiện (nếu có): Sự phát triển thể chất trẻ em
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Phan Thị Hoàng Nguyên
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Điện thoại: 0918041882 Email: pthnguyen8182@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Khoa
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Điện thoại: 0914443524 Email: nthkhoa@dthu.edu.vn
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học – Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Học phần *Vệ sinh và phòng bệnh cho trẻ em* thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, nó chiếm một vị trí quan trọng trong chương trình, góp phần hình thành ở SV những năng lực cần thiết trong việc vệ sinh và phòng bệnh cho trẻ, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ trong quá trình làm việc sau này.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Xác định những vi sinh vật và ký sinh trùng gây bệnh, liệt kê được công việc vệ sinh trường MN và các kỹ năng vệ sinh chăm sóc trẻ; Xác định các bệnh thường gặp ở trẻ; cách phòng và sơ cứu các bệnh thường gặp ở trẻ; cách bảo đảm an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp cho trẻ.

4.2. Kỹ năng

Vận dụng được kiến thức vệ sinh và phòng bệnh – đảm bảo an toàn cho trẻ, để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ tốt hơn, đáp ứng với việc đổi mới chương trình chăm sóc – giáo dục trẻ mầm non hiện nay.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm, phát huy trí tuệ tập thể và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức, lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Liên hệ được kiến thức vệ sinh trường MN và các thao tác vệ sinh để chăm sóc trẻ.	1.2	3
5.1.2	Phân biệt những phương pháp, hình thức về phòng, sơ cứu các bệnh; cách bảo đảm an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp cho trẻ.	1.4	3

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Phân tích một số tình huống có liên quan đến công tác vệ sinh cho trẻ, vệ sinh ở trường MN.	2.1.1	4
5.2.2	Xác định các nguyên nhân gây bệnh cho trẻ và các tai nạn thương tích liên quan đến trẻ ở trường MN.	2.1.4	4
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Hình thành được thói quen tự học, sưu tầm tư liệu từ nhiều nguồn, biết sắp xếp có hệ thống, tiện sử dụng, thích làm việc với nhóm, yêu môn học và mong muốn trải nghiệm thực tế những điều đã biết.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1 Lý thuyết

Chương/Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
Phần 1: VỆ SINH TRẺ EM					
Chương 1. VI SINH VẬT VÀ KÍ SINH TRÙNG GÂY BỆNH 1.1. Đại cương về vi sinh vật 1.2. Đặc điểm dịch tễ học và miễn dịch 1.3. Kí sinh trùng y học (Sv tự NC)	02/04	5.1; 5.2 5.3	- Đàm thoại - Giảng giải	- SV nghiên cứu trước nội dung ở giáo trình [1] và trả lời các câu hỏi theo hướng dẫn.	9.1 9.2
Chương 2. VỆ SINH Ở TRƯỜNG MẦM NON 2.1. Môi trường không khí 2.2 Vệ sinh nguồn nước 2.3 Vệ sinh mặt đất và các chất thải. (Tự NC) 2.3.1 Ô nhiễm đất 2.3.2 Những biện pháp giữ vệ sinh mặt đất ở trường mầm non 2.4 Yêu cầu vệ sinh ở trường MN	04/08		- Thảo luận nhóm - Đàm thoại - Giảng giải	- SV nghiên cứu trước nội dung ở giáo trình [1] và trả lời các câu hỏi theo hướng dẫn.	9.1 9.2
Chương 3. VỆ SINH CHĂM SÓC TRẺ EM 3.1 Vệ sinh sinh hoạt 3.2 Vệ sinh cơ thể 3.3 Vệ sinh mắt, tai, mũi, họng 3.4 Vệ sinh trang phục 3.5 Giáo dục thói quen vệ sinh văn minh cho trẻ 3.6 Yêu cầu vệ sinh đối với giáo viên, nhân viên ở trường MN 3.7 Theo dõi quản lý sức khỏe trẻ (Sv tự NC) *Ôn tập + dặn dò	08/16	5.1 5.2 5.3	- Thảo luận nhóm - Đàm thoại - Giảng giải - Thực hành	- SV đọc tài liệu tham khảo - SV nghiên cứu các thao tác vệ sinh cho trẻ, chuẩn bị một số dụng cụ thực hành: Khăn, thau chậu... SV tự tin, mạnh dạn thực hiện đúng thao tác.	9.1 9.2

Chương/Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
				-GV hướng dẫn các nội dung vệ sinh: + Thao tác rửa mặt cho trẻ nhà trẻ - Mẫu giáo. + Thao tác rửa tay cho trẻ nhà trẻ - Mẫu giáo. + Thao tác rửa bộ phận sinh dục cho trẻ nhà trẻ nhóm 6-12 tháng. V.V.....	
Phần 2: PHÒNG BỆNH CHO TRẺ MẦM NON					
Chương/ Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy học	- Chuẩn bị của sinh viên	- Hoạt động đánh giá
Chương 1. ĐẠI CƯƠNG VỀ BỆNH TRẺ EM 1.1 Vai trò của môn học và một số khái niệm về bệnh. 1.2 Sự tăng trưởng về thể chất và phát triển tâm vận động ở trẻ. 1.3 Đặc điểm bệnh lý ở trẻ em qua các thời kỳ phát triển. 1.4 Tình hình bệnh tật và tử vong ở trẻ em. 1.5 Chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em.	02/04	5.1 5.2 5.3	-Thuyết trình -Đàm thoại -Thảo luận nhóm	- - Sv đọc giáo trình [2] trang (7-29) và trả lời câu hỏi trang (29-30)	- 9.1 - 9.2
Chương 2. CÁC BỆNH THƯỜNG GẶP Ở TRẺ EM. 2.1 Các bệnh liên quan đến dinh dưỡng và chuyển hóa 2.2 Bệnh thuộc hệ tiêu hóa 2.3 Bệnh thuộc hệ hô hấp 2.4 Bệnh thuộc hệ tiết niệu 2.5 Bệnh thấp tim	04/08	5.1 5.2 5.3	-Thuyết trình -Đàm thoại -Thảo luận nhóm -Trò chơi (nếu có).	- Sv đọc giáo trình [2] trang (31-98) và trả lời câu hỏi trang 99. - Sv đọc các tài liệu tham khảo	9.1 9.2
Chương 3: CÁC BỆNH CHUYÊN KHOA VÀ BỆNH TRUYỀN NHIỄM. CÁCH PHÒNG VÀ SƠ CỨU BAN ĐẦU MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP Ở TRẺ 3.1 Bệnh về mắt 3.1.1 Bệnh viêm kết mạc cấp tính 3.1.2 Bệnh đau mắt hột 3.2 Bệnh sâu răng 3.3 Các bệnh truyền nhiễm thường gặp	12/24	5.1 5.2 5.3	-Thuyết trình -Đàm thoại -Thảo luận nhóm	- Sv đọc giáo trình [2] trang (100-116) và trả lời câu hỏi trang 116. - - - - - -	9.1 9.2

Chương/Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
3.3.1 Bệnh lao 3.3.2 Bệnh uốn ván 3.3.3 Bệnh ho gà 3.3.4 Bệnh bạch hầu 3.3.5 Bệnh bại liệt 3.3.6 Bệnh viêm gan do virus 3.3.7 Bệnh AIDS 3.4 Đề phòng và sơ cứu ban đầu một số bệnh thường gặp 3.4.1 Bệnh nhiễm khuẩn hô hấp cấp 3.4.2 Bệnh tiêu chảy 3.4.3 Phòng bệnh sâu răng 3.4.4 Bệnh béo phì ở trẻ em 3.5 Một số kĩ năng phát hiện sớm và chăm sóc trẻ ốm 3.6 Theo dõi sức khỏe và phòng dịch				- - - SV đọc giáo trình [2] trang (117-146) và trả lời câu hỏi trang 146. - Sv đọc các tài liệu tham khảo - - SV đọc giáo trình [2] trang (147- 168) và trả lời câu hỏi trang 169. - - SV nhận và làm bài tập từ GV (nếu có) SV đọc các tài liệu tham khảo	
Chương 4: MỘT SỐ TAI NẠN THƯỜNG GẶP VÀ GIÁO DỤC PHÒNG TRÁNH ĐỂ ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO TRẺ MẦM NON 4.1 Một số tai nạn thương tích có thể xảy ra cho trẻ 4.2 Cách phòng tránh và xử trí ban đầu một số tai nạn thương tích 4.3 Nội dung Hình thức tổ chức 4.4 Một số hoạt động cụ thể 4.5 Một số lưu ý trong chăm sóc - giáo dục trẻ khuyết tật. 4.6 Một số tai nạn thương *Ôn tập + dẫn dò	12/24	5.1 5.2 5.3	-Thuyết trình -Đàm thoại -Thảo luận nhóm - Thực hành	- - - - SV đọc giáo trình [2] trang (170-184) và trả lời câu hỏi trang 185. + Cấp cứu ngừng thở và ngừng tim. + Băng bó vết thương. - - SV đọc giáo trình [2] trang (186- 197). - - SV nhận và làm bài tập từ GV (Sv tập dạy, hội thảo, tuyên truyền, hóa trang, kịch bản ..v.v..) - - SV đọc các tài liệu tham khảo	- 9.1 - 9.2

6.1 Thực hành, thí nghiệm, thực tế (nếu có): Không có

7. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Lê Thị Mai Hoa, Trần Văn Dân	Giáo trình: Vệ sinh - Dinh dưỡng	2008	NXB Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Lê Thị Mai Hoa, Trần Văn Dân	Giáo trình: Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	2008	NXB GD, Hà Nội.	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
3	Nguyễn Thị Phong, Trần Thanh Tùng	Vệ sinh trẻ em	2001	NXB ĐHQG Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
4	Hoàng Thị Phương	Phương pháp chăm sóc vệ sinh trẻ em	2012	NXB ĐHSP	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
5	Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết	Hướng dẫn thực hiện chương trình chăm sóc- giáo dục trẻ (Nhà trẻ - Mẫu giáo)	2009	Nhà xuất bản Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Phần 1, Phần 2	5.1; 5.2; 5.3	0.4
9.1.1	Bài tập nhóm – Lần 1	Phần 1	5.1 5.2	0.1
9.1.2	Bài tập nhóm- Lần 2	Phần 2	5.1 5.2 5.3	0.1
9.1.3	Bài tập cá nhân	Phần 1, phần 2	5.1; 5.2;	0.2

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
			5.3	
9.2	<i>Thi kết thúc học phần</i>	Phần 1, Phần 2	5.1 5.2	0.6

6.1.12. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC MN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4002 - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC MẦM NON
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ: 30 (30/00/60)
- Học phần điều kiện (*nếu có*): không có
- Học kỳ: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1

- Họ và tên: Lê Thị Thanh Sang Chức danh, học hàm, học vị: GV - Thạc sỹ
- Điện thoại: 0908732782 Email: sang.lethithanh@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học – Mầm non

Giảng viên 2

- Họ và tên: Trần Nguyễn Thị Như Mai Chức danh, học vị: GV - Thạc sỹ
- Điện thoại: 0983482042 E-mail: nguyenuhumaidhdt@gmail.com
- Đơn vị: Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non

3. Tổng quan về học phần

“Đánh giá kết quả giáo dục mầm non” là học phần trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, đóng vai trò rất quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên năng lực về đánh giá trong giáo dục mầm non.

Học phần “Đánh giá kết quả giáo dục mầm non” trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Vai trò, chức năng, mục tiêu, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức đánh giá trong giáo dục mầm non, sinh viên tập luyện nhận xét, đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non, đánh giá chất lượng chương trình giáo dục mầm non, đánh giá hoạt động nghề nghiệp giáo viên mầm non, đánh giá sự phát triển tâm lý của trẻ mầm non. Từ đó làm cơ sở chuẩn bị cho quá trình học tập học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, thực tập tốt nghiệp tại trường mầm non, biết cách thực hiện nhiệm vụ đánh giá trong giáo dục mầm non, góp phần đẩy mạnh công tác đào tạo - giáo dục thế hệ trẻ theo yêu cầu phát triển xã hội.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Khái quát các lý luận về nội dung, hình thức và phương pháp đánh giá trong giáo dục mầm non.

4.2. Kỹ năng:

Đánh giá được hiệu quả việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non, sự phát triển của trẻ Mầm non, đánh giá được hiệu quả hoạt động của người giáo viên mầm non trong bối cảnh xã, chất lượng của cơ sở giáo dục mầm non.

4.3. Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

Có khả năng làm việc độc lập, chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc, có khả năng quyết định giải pháp phát triển nhiệm vụ công việc được giao, có khả năng nhận định đánh giá, tự nghiên cứu, khám phá tri thức.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Mô tả được các nội dung, yêu cầu, phương pháp, hình thức đánh giá; các hoạt động đánh giá trong giáo dục mầm non	1.5	2
5.1.2	Xác định tiêu chí đánh giá chương trình giáo dục mầm non, hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non chất lượng cơ sở giáo dục mầm non; sự phát triển của trẻ mầm non.		3
5.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Xây dựng được các phiếu đánh giá phù hợp với nội dung đánh giá	2.1.5	3
5.2.2	Đánh giá hiệu quả của chương trình giáo dục mầm non, hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non chất lượng cơ sở giáo dục mầm non; sự phát triển của trẻ mầm non.		5
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc, có khả năng nhận định đánh giá, tự nghiên cứu.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết:

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy - học	Chuẩn bị của học viên	Đánh giá hoạt động
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐÁNH GIÁ TRONG GIÁO DỤC MẦM NON 1.1. Những vấn đề cơ bản về đánh giá trong giáo dục mầm non. 1.1.1. Đo lường, đánh giá và định giá trị 1.1.2. Vị trí & vai trò của đánh giá trong GDMN 1.1.3. Chức năng của đánh giá 1.1.4. Những yêu cầu đối với việc đánh giá 1.2. Mục tiêu giáo dục - Cơ sở của đánh giá trong giáo dục mầm non. 1.2.1. Phân biệt định hướng, mục đích và mục tiêu 1.2.2. Cách xây dựng mục tiêu cấp độ lớp học 1.3. Nội dung và phương pháp đánh giá trong giáo dục MN 1.3.1. Nội dung đánh giá trong giáo dục 1.3.2. Phương pháp đánh giá trong giáo dục	05 05/10	5.1.1 5.3	+ Thuyết giảng + Đàm thoại + Thảo luận nhóm + Làm bài tập	+ Đọc tài liệu: [1] trang 5 đến trang 36 + Trả lời các câu hỏi .[1]Các khái niệm: Đo lường, Đánh giá, Giá trị, Mối quan hệ giữa các khái niệm. [2]Những yêu cầu, nội dung, và phương pháp đánh giá trong GDMN. + Đọc tài liệu [1]: mục 2. Cách xây dựng mục tiêu cấp độ lớp học.. (trang 22 đến 29) ☞ Lựa chọn một nội dung bất kỳ trong	9.1.2 9.2

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy - học	Chuẩn bị của học viên	Đánh giá hoạt động
				chương trình giáo dục mầm non, vận dụng quy trình xây dựng mục tiêu bài dạy để thiết kế các mục tiêu cụ thể cho những bài dạy đó về kiến thức, kỹ năng, thái độ.	
<p>CHƯƠNG 2: ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON</p> <p>2.1. Một số khái niệm liên quan.</p> <p>2.1.1. Cơ sở GDMN</p> <p>2.1.2. Chất lượng - chất lượng giáo dục - chất lượng GD mầm non</p> <p>2.2. Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non.</p> <p>2.2.1. Chất lượng cơ sở giáo dục theo Unesco</p> <p>2.2.2. Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non</p>	05 05/10	5.1.1 5.1.2 5.2.2 5.3	+ Thuyết giảng + Đàm thoại + Thảo luận nhóm + Làm bài tập	+ Xem tài liệu [1] trang 37 đến trang 48. Phân tích các tiêu chí cơ bản tạo nên chất lượng giáo dục mầm non, mô tả hoạt động đánh giá chất lượng trường mầm non. Lập Phiếu đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non.	9.1.2 9.2
<p>CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON</p> <p>3.1. Đánh giá chương trình giáo dục</p> <p>3.1.1. Chương trình GD và đánh giá chương trình giáo dục</p> <p>3.1.2. Các tiêu chí đánh giá chương trình giáo dục</p> <p>3.1.3. Các loại chương trình giáo dục</p> <p>3.1.4. Người đánh giá chương trình</p> <p>3.2. Chương trình giáo dục mầm non.</p> <p>3.2.1. Quan điểm xây dựng chương trình</p> <p>3.2.2. Nội dung chương trình GD mầm non</p> <p>3.3. Tổ chức đánh giá thực hiện chương trình giáo dục mầm non</p> <p>3.3.1. Hình thức đánh giá chương trình</p> <p>3.3.2. Những công việc cần tiến hành khi đánh giá chương trình GD</p>	03 03/06	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3	+ Thuyết giảng + Đàm thoại + Thảo luận nhóm + Làm bài tập	+ Xem tài liệu [1] trang 49 đến 64; [2]. + Trả lời trước các câu hỏi [1] Chương trình giáo dục là gì? [2] Đánh giá chương trình giáo dục mầm non là gì? [3] Phân tích các tiêu chí đánh giá chất lượng chương trình giáo dục. + Mô tả tóm tắt chương trình giáo dục mầm non đang hiện hành. + Bài tập: Sử dụng các tiêu chí đánh giá chương trình	9.1.2 9.2

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy - học	Chuẩn bị của học viên	Đánh giá hoạt động
				để đánh giá chương trình giáo dục mầm non đang hiện hành	
<p>CHƯƠNG 4: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NGHỀ NGHIỆP CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON</p> <p>4.1. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.</p> <p>4.1.1. Chuẩn</p> <p>4.1.2. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.</p> <p>4.2. Nguồn cung cấp minh chứng trong đánh giá giáo viên.</p> <p>4.2.1. Nguồn cung cấp minh chứng về công việc ở trường của người GV</p> <p>4.2.2. Nguồn minh chứng về các hoạt động khác của người GV</p>	06 06/12	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3	+ Thuyết giảng + Đàm thoại + Thảo luận nhóm + Làm bài tập.	+ Xem tài liệu [1] trang 65 đến 86; tài liệu [4] trang 39 đến 50. + Trả lời trước các câu hỏi :. [1] Giải thích các khái niệm: Chuẩn, Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. [3]Giới thiệu nội dung, ý nghĩa, quy trình đánh của chuẩn nghề nghiệp GVMN. + Bài tập: Cá nhân dựa vào chuẩn nghề nghiệp GVMN đang hiện hành, thử đánh giá bản thân,	9.1.1 9.2
<p>CHƯƠNG 5: ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ CỦA TRẺ</p> <p>5.1. Sự phát triển tâm lý trẻ em và nguyên tắc đánh giá sự phát triển tâm lý của trẻ</p> <p>5.1.1. Sự phát triển tâm lý trẻ em</p> <p>5.1.2. Nguyên tắc đánh giá sự phát triển tâm lý của trẻ</p> <p>5.2. Nội dung đánh giá sự phát triển của trẻ</p> <p>5.2.1. Các mốc phát triển kỳ vọng cho mỗi giai đoạn lứa tuổi của trẻ.</p> <p>5.2.2. Chỉ số đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non.</p> <p>5.2.3. Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi.</p> <p>5.3. Hình thức đánh giá trẻ.</p> <p>5.4. Phương pháp đánh giá trẻ.</p>	11 11/22	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3	+ Thuyết giảng + Đàm thoại + Thảo luận nhóm + Làm bài tập.	+ Xem tài liệu [1], [2], [3] + HV đọc và nghiên cứu tài liệu trang 100 đến 107). Phân tích các nguyên tắc đánh giá sự phát triển tâm lý trẻ em. - Sưu tầm các mẫu phiếu đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non theo giai đoạn. Xây dựng Phiếu đánh giá sự phát triển của trẻ	9.1.1 9.2

6.2. Thực hành: không có

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Đinh Thị Kim Thoa	Giáo trình Đánh giá trong giáo dục mầm non	2008	NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu LÊ VŨ HÙNG	x	
2	Bộ GD & ĐT	Chương trình giáo dục mầm non	2021	NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu LÊ VŨ HÙNG		x
3	Bộ GD & ĐT	Tài liệu Hướng dẫn sử dụng Bộ công cụ đánh giá sự phát triển trẻ em năm tuổi	2012		Trung tâm học liệu LÊ VŨ HÙNG		x
4	Nguyễn Mạnh Tuấn (chủ biên), Phạm Thị Diệu Thúy	Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non	2019		Trung tâm học liệu LÊ VŨ HÙNG		x
5	Bộ GD & ĐT	Tài liệu hướng dẫn hỏi - đáp Chuẩn nghề nghiệp GVMN	2019	NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu LÊ VŨ HÙNG		x

8. Quy định đối với học viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

8. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, chương 2, chương 3, chương 4, chương 5	5.1;5.2;5.3	0.4
9.1.1	Bài tập cá nhân	Chương 4, chương 5	5.1.2; 5.2.1; 5.2.2; 5.3	0.1
9.1.2	Bài tập nhóm	Chương 1,2,3	5.1.2; 5.2.1; 5.2.2; 5.3	0.1
9.2	Đánh giá cuối kỳ Thi kết thúc học phần: tự luận	Chương 1, 2,3,4,5	5.1 5.2	0.6

6.1.13. NGHỀ GIÁO VIÊN MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: NGHỀ GIÁO VIÊN MẦM NON
- Mã lớp học phần: KI4114
- Số tín chỉ: 2 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 30 (30/00/60)
- Học phần điều kiện (nếu có): Không có
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Phan Thị Hoàng Nguyên
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Điện thoại: 0918041882 Email: pthnguyen8182@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Khoa
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Điện thoại: 0914443524 Email: nthkhoa@dthu.edu.vn
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học – Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Học phần *Nghề giáo viên mầm non mầm non* là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành tự chọn, một học phần rất cần thiết, trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức, kỹ năng nghề để chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non. Các nội dung này giúp cho SV hiểu một cách đúng đắn và đầy đủ về nghề giáo viên mầm non, từ đó rèn luyện cho sinh viên những phẩm chất và năng lực cần có của người GVMN để sau khi ra trường có thể làm tốt nhiệm vụ của mình.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Xác định nội dung cơ bản về hoạt động sư phạm; chuẩn nghề nghiệp của giáo viên mầm non, để có thể tự đánh giá nhân cách và nghề của giáo viên mầm non.

4.2. Kỹ năng

Vận dụng tri thức đã học vào việc rèn luyện cho mình những kỹ năng và nhân cách nghề nghiệp giáo viên mầm non

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm, phát huy trí tuệ tập thể và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức, lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Xác định nội dung cơ bản về hoạt động sư phạm, nhân cách và nghề của giáo viên mầm non để rèn luyện cho bản thân.	1.2	3
5.1.2	Phân biệt được phẩm chất và năng lực của GVMN để áp dụng theo chuẩn nghề nghiệp.	1.4	3
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.2.1	Chọn lựa tri thức đã học vào việc rèn luyện cho mình những kỹ năng và nhân cách nghề nghiệp giáo viên mầm non	2.3	5
5.2.2	Ứng dụng nội dung chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non để có thể tự đánh giá phẩm chất và năng lực của giáo viên mầm non theo chuẩn nghề nghiệp.	2.2	3
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Tích cực tham gia các hoạt động trong quá trình học tập; chủ động nêu các vấn đề thắc mắc liên quan đến nội dung học tập.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1 Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	CB của sinh viên	HĐĐG
<p>Chương 1. HOẠT ĐỘNG SỰ PHẠM CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON</p> <p>1.1. <i>Khái niệm về nghề và nghề giáo viên mầm non.</i></p> <p>1.1.1. Khái niệm nghề.</p> <p>1.1.2. Khái niệm nghề giáo viên</p> <p>1.1.3. Nghề giáo viên mầm non</p> <p>1.1.4. Đặc thù hoạt động sự phạm của GVMN</p> <p>1.2. <i>Nhiệm vụ của giáo viên trong trường mầm non.</i></p> <p>1.3. <i>Hoạt động sự phạm của GVMN</i></p> <p>1.3.1. Hoạt động và hoạt động sự phạm.</p> <p>1.3.1.1. Hoạt động.</p> <p>1.3.1.2. Hoạt động sự phạm</p> <p>1.3.1.3. Tính chuyên nghiệp của nghề sự phạm.</p> <p>1.4. <i>Các kỹ năng nghề nghiệp của GVMN</i></p> <p>1.4.1. Kỹ năng.</p> <p>6.1. 1.Kỹ năng nghề nghiệp của GVMN.</p> <p>1.5. <i>Giao tiếp sự phạm và ứng xử sự phạm của giáo viên mầm non.</i></p> <p>1.5.1. Giao tiếp.</p> <p>1.5.2. Giao tiếp sự phạm.</p> <p>1.5.3. Giao tiếp sự phạm của giáo viên mầm non.</p> <p>1.6. <i>Khó khăn và những tình huống sự phạm trong công tác của GVMN</i></p>	12/24	5.1 5.2 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận nhóm - Đàm thoại - Giảng giải - PP semina (Nội dung 1.4 và 1.5) 	<ul style="list-style-type: none"> - SV đọc tài liệu [1], và nghiên cứu, nắm nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc. - Vở ghi chép nội dung học tập của SV - Tìm hiểu trước nội dung làm việc nhóm. - Nội dung seminar trên powerpoint. 	9.1 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	CB của sinh viên	HĐĐG
<p>Chương 2. NHÂN CÁCH VÀ NGHỀ CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON</p> <p>2.1. Nhân cách của người giáo viên mầm non.</p> <p>2.2. Chuẩn nghề nghiệp của người giáo viên mầm non.</p> <p>2.3. Hoạt động học tập và rèn luyện hình thành nhân cách của người giáo viên.</p> <p>Xử lý các tình huống sư phạm</p> <p>Ôn Tập; Kiểm tra; Kết thúc</p>	18/36	5.1 5.2 5.3	<p>- Thảo luận nhóm</p> <p>- Đàm thoại</p> <p>- Giảng giải</p> <p>- PP semina (Nội dung 2.1 và 2.2,2.3)</p>	<p>-SV nghiên cứu trước nội dung ở giáo trình [1] và trả lời các câu hỏi hướng dẫn.</p> <p>- Nội dung seminar trên powerpoint.</p> <p>Sinh viên lựa chọn tình huống trang 83, tài liệu [1] theo nhóm, phát thảo kịch bản, đóng vai thành tiểu phẩm.</p> <p>-Các nhóm thực hành theo thứ tự, nhóm SV tự đánh giá lẫn nhau, GV nhận xét, đánh giá chung và giải đáp thắc mắc.</p> <p>Chuẩn bị sẵn câu hỏi liên quan đến học phần; vở ghi chép.</p>	9.1 9.2

6.1 Thực hành, thí nghiệm, thực tế: Không có

7. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Hồ Lam Hồng	Giáo trình: Nghề Giáo viên mầm non	2008	NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê	X	

					Vũ Hùng		
2	Ngô Công Hoàn	Giao tiếp và ứng xử sơ phạm	1997	NXB ĐHQG Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
3	Vũ Mạnh Quỳnh	Tư vấn ứng xử sơ phạm với trẻ ở độ tuổi MG	2006	NXB ĐHSP	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
4	Nguyễn Văn Lê	Giao tiếp sơ phạm	2006	NXB ĐHSP	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
5	Phạm Thị Châu	Quản lý giáo dục mầm non	2008	NXB GD	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
6	Hoàng Minh Đức, Nguyễn Trí, Hồ Lam Hồng	Hướng dẫn áp dụng chuẩn nghề nghiệp GVMN	2012	NXB GDVN	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>	Chương 1, Chương 2	5.1; 5.2; 5.3	0.4
9.1.1	Bài tập cá nhân	Chương 1, Chương 2	5.1 5.2	0.2
9.1.2	Bài tập nhóm	Chương 1, chương 2	5.1 5.2 5.3	0.2
9.2	<i>Thi kết thúc học phần</i> Thi tự luận 90'	Chương 1, Chương 2	5.1 5.2	0.6

6.1.14. TÂM BỆNH HỌC

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4145N - TÂM BỆNH HỌC
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 2 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 30 (30/00/60)
- Học phần điều kiện (nếu có):
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Lê Thị Thanh Sang Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ
- Điện thoại: 0908.732.782 Email: sang.lethithanh@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Lê Thị Kim Anh Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Tiến sĩ
- Điện thoại: 0988 980929 Email: ltkanh@dthu.edu.vn
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học – Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Học phần “*Tâm bệnh học*” nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành tự chọn dành cho chuyên ngành GDMN. Học phần giúp người học hiểu các vấn đề cơ bản về cơ chế và cấu trúc của những rối loạn tâm lí trẻ em trong trạng thái bệnh, nắm được nguyên nhân, biểu hiện, biện pháp ngăn ngừa và chăm sóc trẻ rối loạn tâm lí. Vì vậy, môn học này chiếm một vị trí quan trọng trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non, góp phần hình thành ở người học động cơ học tập đúng, tinh thần trách nhiệm với công việc, rèn luyện phẩm chất đạo đức chân chính, tác phong chuẩn mực của một người giáo viên mầm non tương lai.

Học phần này làm nền tảng cho các học phần Giáo dục hòa nhập, Can thiệp sớm, Kỹ năng hỗ trợ trẻ có nhu cầu đặc biệt.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Khái quát được kiến thức tâm bệnh học trẻ em.

4.2. Kỹ năng và phẩm chất:

Chuẩn xác trong phân tích đặc điểm tâm sinh lý trẻ mầm non; có kỹ năng chăm sóc và giáo dục trẻ có biểu hiện bệnh tâm lí thường gặp ở trẻ; hình thành lòng yêu thương, tôn trọng, chu đáo trong chăm sóc trẻ.

4.3. Mức tự chủ – tự chịu trách nhiệm:

Có khả năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức, lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Giải thích được biểu hiện của một số bệnh tâm lí phổ biến ở trẻ em và nguyên nhân dẫn đến bệnh	1.2	3
5.1.2	Xác định một số phương pháp tâm lí trong phòng ngừa và chăm sóc bệnh		3
5.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			

5.2.1	Nhận diện được những dấu hiệu bệnh tâm lý ở trẻ; Tổ chức được các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ có bệnh tâm lý	2.1	4
5.2.2	Hình thành lòng yêu thương trẻ, tôn trọng, chu đáo	2.3	3
5.3. Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm			
5.3.1	Có khả năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức, lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
CHƯƠNG 1. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ 1.1 Quá trình lớn khôn 1.1.1 Sự lớn lên của trẻ theo hướng hoàn thiện về cấu tạo các cơ quan, bộ phận của cơ thể 1.1.2 Sự khôn lớn của trẻ 1.2 Đặc điểm tâm sinh lý cơ bản của các lứa tuổi 1.2.1 Sự phân chia lứa tuổi 1.2.2 Đặc điểm tâm sinh lý cơ bản của trẻ tuổi nhà trẻ 1.2.3 Đặc điểm tâm sinh lý cơ bản của trẻ tuổi mẫu giáo 1.3 Sự hình thành và phát triển nhân cách trẻ 1.4 Các mối quan hệ và sự thích ứng của trẻ 1.4.1 Mối quan hệ của trẻ với cha, mẹ 1.4.2 Mối quan hệ bạn bè và mối quan hệ giữa trẻ với nhau 1.4.3 Mối quan hệ xã hội 1.5 Nhu cầu cơ bản của con người 1.5.2 . Các nhu cầu về vật chất 1.5.3 . Các nhu cầu về cảm xúc 1.5.4 . Các nhu cầu về xã hội	06/12	5.1, 5.2.1, 5.2.5	- Thuyết giảng	- Photo tài liệu học tập... SV đọc tài liệu [1] từ trang 7-28, ghi chú nội dung cơ bản theo các đề mục.	9.1, 9.2
CHƯƠNG 2. TÂM BỆNH LÝ THƯỜNG GẶP 2.1 Tương tác mẹ - con 2.5 Các biểu hiện 2.2.1 Con giận dữ khóc thét 2.2.2 Rối loạn giấc ngủ 2.2.3 Rối loạn ăn uống 2.2.4 Trẻ tăng động, giảm chú ý (hiếu động) 2.2.5 Tic – sự rối loạn vận động 2.2.6 Chứng đái dầm 2.2.7. Chứng rối loạn ngôn ngữ	06/12	5.1, 5.2.1, 5.2.5	Semina	SV đọc tài liệu [1] từ trang 29-51. - SV xem thêm các tài liệu tham khảo khác..., mỗi nhóm chọn 1 nội dung, chuẩn bị semina.	9.1, 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
2.2.8. Trẻ đọc và viết kém 2.2.9. Rối loạn phát triển cảm xúc 2.3. Những phương pháp trị liệu					
CHƯƠNG 3: TRẺ CHẬM PHÁT TRIỂN TÂM THẦN 3.1. Khái niệm chung 3.1.1. Khái niệm về chậm phát triển tâm thần 3.1.2. Nguyên nhân đưa đến sự chậm phát triển tâm thần 3.1.3. Phân loại chậm phát triển tâm thần 3.1.4. Chăm chữa cho trẻ chậm phát triển tâm thần 3.2. Một số dạng chậm phát triển tâm thần đặc biệt 3.2.1. Trẻ bị Down 3.2.2. Dạng chậm phát triển tâm thần do thiếu năng Tuyên giáp	06/12	5.1, 5.2.1, 5.2.5	- Thuyết trình - Đàm thoại - Thảo luận nhóm - Trò chơi v.v...	SV đọc tài liệu [1] từ trang 53-65. SV xem thêm các tài liệu tham khảo khác...	9.1, 9.2
CHƯƠNG 4. MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRỊ TÂM LÝ THƯỜNG DÙNG 4.1. Những yêu cầu đối với giáo viên 4.2. Những hình thức chăm dạy trẻ 4.2.1. Hình vẽ đối với trẻ 4.2.2. Giao tiếp với qua ngôn ngữ 4.2.3. Chơi với trẻ 4.2.4. Hình thức tâm kịch 4.2.5. Âm thị 4.2.6. Thư giãn 4.2.7. Tập luyện chinh năng vận động	06/12	5.2.2	- Thuyết trình - Đàm thoại - Thảo luận nhóm - Trò chơi v.v...	SV đọc tài liệu [1] từ trang 67-78. - SV xem thêm các tài liệu tham khảo khác...	9.1, 9.2
CHƯƠNG 5. MỘT SỐ TRẮC NGHIỆM THƯỜNG DÙNG 5.1. Đại cương 5.2. Cách thức tiến hành một trắc nghiệm 5.2.1. Yêu cầu và điều kiện 5.2.2. Thái độ của người làm trắc nghiệm 5.3. Một số test thường dùng cho trẻ nhỏ 5.3.1. Test Denver (Kiểm tra VĐ thô – tinh, ngôn ngữ, MQH cá nhân – xã hội) 5.3.2. Test Binet - Simon (Phát hiện và giáo dục trẻ không học tiểu học= số câu hỏi và tình huống... trẻ giải đáp để đánh giá trí khôn) 5.3.3. Thang Brunet – Lezine (gần giống Test Denver và Test Binet - Simon) 5.3.4. Hình vẽ của trẻ	06/12	5.2.2, 5.2.3, 5.2.4, 5.2.5, 5.3	- Thuyết trình - Đàm thoại - Thảo luận nhóm - Trò chơi v.v...	SV đọc tài liệu [1] từ trang 81-87. - SV xem thêm các tài liệu tham khảo khác.	9.1, 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
(thông qua hình vẽ cung cấp nhiều tt về tâm lý – nhưng chưa đủ để kết luận)					

6.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế: không có

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Lại Thị Thúy	Tâm bệnh học	2001	NXB ĐHQG, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Lê Thu hương, Lê Thị Ánh Tuyết	Hướng dẫn thực hiện chương trình GDMN nhà trẻ (trọn bộ)	2009	NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
3	Nguyễn Thị Như Mai	Tâm bệnh học trẻ em lứa tuổi mầm non	2011	NXB Đại học Sư phạm	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số (%)
9.1.	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, 2, 3, 4, 5	5.1, 5.2, 5.3	0.4
9.2.	Đánh giá kết thúc học phần Thi tự luận đề mở (90 phút)	Chương 1, 2, 3, 4, 5	5.1, 5.2	0.6

6.1.15. DINH DƯỠNG CHO TRẺ MẦM NON**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: [KI4223] - DINH DƯỠNG CHO TRẺ MẦM NON
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ: 30 (22/16/60)
- Học phần điều kiện: KI4221 – Sự phát triển thể chất của trẻ mầm non
- Năm học: 2021 – 2021

2. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: **LÊ THỊ MỸ TRÁ**
Điện thoại: 0935.126.398

Chức danh, học vị: GVC – Thạc sỹ
Email: mytradhdt@gmail.com

Đơn vị: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

3. Mô tả tóm tắt/Tổng quan về học phần

Học phần *Dinh dưỡng cho trẻ mầm non* hình thành cho sinh viên (SV) kiến thức cơ bản về dinh dưỡng (DD) và chăm sóc bữa ăn cho trẻ mầm non. Học phần này có 3 chương trình bày các nội dung gồm: Phối hợp các thực phẩm hợp lý và cân đối trong xây dựng khẩu phần và thực đơn phù hợp từng lứa tuổi cho trẻ mầm non; Vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP); Chế biến một số món ăn theo các độ tuổi; Tổ chức và giáo dục trẻ bữa ăn ở trường mầm non đảm bảo tính khoa học, lịch sự. Thông qua đó, SV nhận thức được tầm quan trọng của DD đối với sự phát triển cả thể chất lẫn tinh thần của trẻ nhằm góp phần nâng cao chất lượng phục vụ và giáo dục DD cho trẻ ở trường mầm non.

4. Mục tiêu học phần:

Học xong học phần này, SV đạt các yêu cầu sau;

4.1. Kiến thức:

PHẦN IV: 4.1.1. Phân biệt giá trị DD, vai trò, nguồn thực phẩm cung cấp, tác hại thừa và thiếu của các chất dinh dưỡng, nguyên nhân ngộ độc thực phẩm do các tác nhân khác nhau gây ra.

PHẦN V: 4.1.2. Trình bày được các bước xây dựng thực đơn cho từng lứa tuổi cụ thể, biện pháp phòng tránh VSATTP cho trẻ ở trường mầm non và sự cần thiết trong việc giáo dục DD – sức khỏe cho trẻ mầm non.

4.2. Kỹ năng

PHẦN VI: 4.2.1. Xây dựng được thực đơn cho trẻ theo ngày, tuần phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

PHẦN VII: 4.2.2. Xử lý được một số tình huống cơ bản về ngộ độc thực phẩm và chế biến được một số món ăn và nước giải khát phù hợp cho từng lứa tuổi cụ thể.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

4.3.1. Lập kế hoạch và tổ chức làm độc lập và tham gia làm việc nhóm tiến độ, đồng thời, hợp tác với tập thể, trình bày ý kiến và có khả năng bảo vệ được quan điểm của bản thân và

chịu trách nhiệm với công việc; Tự định hướng phát triển năng lực cá nhân về chuyên môn.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Phân biệt giá trị DD, vai trò, nguồn thực phẩm cung cấp, tác hại thừa và thiếu của các chất dinh dưỡng, nguyên nhân ngộ độc thực phẩm do các tác nhân khác nhau gây ra.	1.2	3
5.1.2	Giải thích được các bước xây dựng thực đơn cho từng lứa tuổi cụ thể, biện pháp phòng tránh VSATTP cho trẻ ở trường mầm non và sự cần thiết trong việc giáo dục DD – sức khỏe cho trẻ mầm non.	1.4	3
5.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Tính được nhu cầu năng lượng cần thiết trong một ngày và xây dựng thực đơn cho trẻ theo ngày, tuần phù hợp với từng đối tượng cụ thể.	2.1.1	3
5.2.2	Xử lý được một số tình huống cơ bản về VSATTP và chế biến được một số món ăn và nước giải khát phù hợp cho từng lứa tuổi cụ thể.	2.1.4	3
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Lập kế hoạch và tổ chức làm độc lập và tham gia làm việc nhóm tiến độ, đồng thời, hợp tác với tập thể, trình bày ý kiến và có khả năng bảo vệ được quan điểm của bản thân và chịu trách nhiệm với công việc; Tự định hướng phát triển năng lực cá nhân về chuyên môn.	3.1 3.2	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
Chương 1: DINH DƯỠNG ĐẠİ CƯƠNG					
1.1. Khái niệm về DD và tầm quan trọng của DD đối với cơ thể 1.2. Năng lượng	02/00	1.2 3.1	- Vấn đáp hướng dẫn SV nghiên cứu tài liệu. - Tổ chức thảo nhóm cho SV nghiên cứu các vấn đề bài dạy. - Đàm thoại làm rõ nội dung bài giảng và thu thập thông tin phản hồi từ SV. - Giảng giải làm rõ các nội dung của chương	- Nghiên cứu tài liệu trước trả lời các câu hỏi sau: 1. Khái niệm DD gì? 2. DD có tầm quan trọng như thế nào đối với cơ thể? 3. Năng lượng là gì? 4. Đồng hóa và dị hóa là gì? 5. Năng lượng có vai trò gì đối với cơ thể? 6. Nhu cầu năng lượng cho cơ thể là gì?	9.1.1; 9.1.2; 3.1; 3.2
1.3. Các chất DD cần thiết đối với cơ thể. 1.4. Phối hợp các nhóm thực phẩm trong chế biến thức ăn	08/00		- Phân lớp làm 6 nhóm - Nhiệm vụ: Báo cáo 1: Mỗi nhóm tìm hiểu về + N1: Chất đạm (P); + N2: Chất béo (L); + N3: Chất đường (G); + N4: Vitamin; + N5: Chất khoáng;		

				<ul style="list-style-type: none"> + N6: Nước và cách phối hợp các chất DD. - Thời gian báo cáo mỗi nhóm: 5 – 10 phút. - Trình bày bằng Powerpoint 	
Chương 2: DINH DƯỠNG Ở TRẺ EM TUỔI NHÀ TRẺ, MẪU GIÁO					
<p>2.1. Vai trò quan trọng của DD đối với trẻ em</p> <p>2.2. DD cho trẻ em ở tuổi nhà trẻ - mẫu giáo</p> <p>2.3. Xây dựng khẩu phần và thực đơn cho trẻ mầm non (MN)</p> <p>2.4. VSATTP và đề phòng ngộ độc thực ăn</p> <p>2.5. Tổ chức bữa ăn cho trẻ</p> <p>2.6. Đánh giá tình trạng DD ở trẻ em</p>	08/00	<p>1.2</p> <p>1.4;</p> <p>2.1.1;</p> <p>2.1.4;</p> <p>3.1;</p> <p>3.2</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Vấn đáp hướng dẫn SV nghiên cứu tài liệu. - Tổ chức thảo nhóm cho SV nghiên cứu các vấn đề bài dạy. - Đàm thoại làm rõ nội dung bài giảng và thu thập thông tin phản hồi từ SV. - Giảng giải làm rõ các nội dung của chương 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu trước trả lời các câu hỏi sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. DD có vai trò như thế nào đối với trẻ? 2. Việc chăm sóc DD cho trẻ cần tuân thủ những nguyên tắc nào? Giải thích. 3. Đặc điểm tâm lý của từng độ tuổi có ảnh hưởng như thế nào đối với việc xây dựng khẩu phần? 4. VSATTP là gì? Nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm? Giải thích. 5. Làm thế nào phòng tránh ngộ độc thực phẩm? 6. Việc tổ chức ăn uống cho trẻ tại nhà trẻ – mẫu giáo có những bước nào? <ul style="list-style-type: none"> - Phân lớp làm 6 nhóm - Nhiệm vụ: Báo cáo 2: Các nhóm xây dựng thực đơn cho đối tượng đã bốc thăm thực hành. - Thời gian báo cáo mỗi nhóm: 5 – 10 phút. - Trình bày bằng Powerpoint 	<p>9.1.1;</p> <p>9.1.2;</p> <p>3.1;</p> <p>3.2</p>
Chương 3: GIÁO DỤC DINH DƯỠNG – SỨC KHỎE CHO TRẺ MẦM NON THEO HƯỚNG TÍCH HỢP					
<p>3.1. Cơ sở lý luận của GDDD – sức khỏe đối với trẻ MN</p> <p>3.2. Mục tiêu và nội dung</p> <p>3.3. Hình thức và Phương pháp GDDD – sức khỏe cho trẻ MN</p> <p>3.4. Tổ chức GDDD – sức khỏe cho trẻ theo hướng tích hợp</p> <p>3.5. Một số hoạt động GDDD – sức khỏe cho trẻ MN</p>	06/00	<p>1.2</p> <p>1.4;</p> <p>2.1.1;</p> <p>2.1.4;</p> <p>3.1;</p> <p>3.2</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Vấn đáp hướng dẫn SV nghiên cứu tài liệu. - Tổ chức thảo nhóm cho SV nghiên cứu các vấn đề bài dạy. - Đàm thoại làm rõ nội dung bài giảng và thu thập thông tin phản hồi từ SV. - Giảng giải làm rõ các nội dung của chương 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu trước trả lời các câu hỏi sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. GDDD là gì? 2. Vì sao phải GDDD cho trẻ? Giải thích. 3. Việc thực hiện GDDD cho trẻ có những mục tiêu, nội dung, hình thức và phương pháp nào? <ul style="list-style-type: none"> - Phân lớp làm 6 nhóm - Nhiệm vụ: Báo cáo 3: Mỗi nhóm soạn 1 giáo án GDDD cho trẻ; nhóm tự chọn đối tượng trẻ, chủ đề, nội dung về các loại rau củ quả, các món ăn phổ biến trong bữa ăn gia đình,... - Thời gian báo cáo mỗi nhóm: 5 – 10 phút. - Trình bày bằng Powerpoint 	<p>9.1.1;</p> <p>9.1.2;</p> <p>3.1;</p> <p>3.2</p>

Tổng	22/00				
-------------	--------------	--	--	--	--

6.2. Thực hành

Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
1. Các món ăn cho trẻ dưới 1 tuổi như: sữa đậu nành, sữa bắp, các loại bột vị ngọt và vị mặn,... 2. Các món ăn cho trẻ từ 1 – 2 tuổi như: các loại súp, cháo,... 3. Các món ăn cho trẻ từ 2 tuổi trở lên như: các món mặn, canh, xào,...	00/16	2.1.1; 2.1.4; 3.1; 3.2	- Thực hành theo nhóm - Thực hiện thao tác làm mẫu. - Giảng giải	- Thực hành theo nhóm. - Xây dựng thực đơn theo chủ đề mà nhóm đã bốc thăm. - Mua nguyên liệu và sơ chế theo hướng dẫn của GV. - Chế biến các món ăn	9.1.2` 3.1; 3.2
Tổng	00/16				

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Lê Thị Mai Hoa	Giáo trình <i>Vệ sinh – Dinh dưỡng</i>	2008	Giáo dục	Thư viện	X	
2	Lê Thị Mỹ Trà	Bài giảng <i>Dinh dưỡng cho trẻ mầm non</i>	2016	Lưu hành nội bộ	Giảng viên	X	
3	Nguyễn Kim Thanh	Giáo trình <i>Dinh dưỡng trẻ em</i>	2003	Đại học Quốc gia Hà Nội			X
4	Đào Thị Minh Tâm (chủ biên)	<i>Dinh dưỡng trẻ em</i>	2016	Đại học Sư phạm Tp. HCM	Thư viện		X
5		<i>Hướng dẫn xây dựng khẩu phần ăn cho trẻ em mầm non</i>	2016				X

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Mã	Hình thức đánh giá/ Tên	Nội dung đánh giá	Chuẩn đầu ra	Trọng số
----	-------------------------	-------------------	--------------	----------

9.1. Đánh giá thường xuyên				0.4
9.1.1	Kiểm tra viết cá nhân	Chương 1, 2, 3	1.2;1.4;	
9.1.2	Báo cáo nhóm theo nhiệm vụ phân công và thực hành chế biến món ăn		2.1.1; 2.1.4; 3.1; 3.2	
9.2. Đánh giá kết thúc học phần				0.6
	<ul style="list-style-type: none"> - Thi trắc nghiệm, - Thời gian: 60 phút. - Sinh viên không được sử dụng tài liệu. 	Chương 1, 2, 3	1.2; 1.4; 2.1.1; 2.1.4; 3.1; 3.2	

6.1.16. PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI CHO TRẺ MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4238- PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC CHO TRẺ VUI CHƠI
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 30 (15/15/45)
- Học phần điều kiện: Tâm lí học mầm non, Giáo dục học mầm non.
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Nguyệt
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non
- Điện thoại: 0919.520.999
- Email: nguyet76dhdt@gmail.com

3. Tổng quan về học phần

Học phần “*Phương pháp tổ chức cho trẻ vui chơi*” là một học phần thuộc nhóm kiến thức cơ bản đóng vai trò rất quan trọng cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục mầm non giúp sinh viên trang bị kiến thức về khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa, phân loại, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức cho trẻ vui chơi. Đồng thời, rèn luyện sinh viên có được kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non trong bối cảnh địa phương.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Khái quát những kiến thức về lý luận và phương pháp tổ chức cho trẻ vui chơi

4.2. Kỹ năng

Tổ chức các hoạt động vui chơi phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ mầm non trong điều kiện thực tiễn.

Yêu nghề, yêu trẻ, tận tụy, công bằng và tôn trọng trẻ.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có tư duy độc lập và chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. Lập kế hoạch cho trẻ vui chơi, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả hoạt động vui chơi của trẻ.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Phân tích được , đặc điểm, ý nghĩa, phân loại, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức cho trẻ vui chơi.	1.5	3
5.2. Kỹ năng			
5.2.1	Thiết kế môi trường tổ chức trò chơi an toàn, đa dạng, sáng tạo và kích thích trẻ tích cực tham gia vào các hoạt động	2.1.3	6
5.2.2	Tổ chức trò chơi trong các hoạt động chăm sóc – giáo dục phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ trong điều kiện thực tiễn.	2.1.4	5
5.2.3	Yêu nghề, yêu trẻ, tận tụy, công bằng và tôn trọng trẻ.	2.3	5
5.3. Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm			

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.3.1	Có tư duy độc lập và chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.	3.1	4
5.3.2	Lập kế hoạch cho trẻ vui chơi, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả hoạt động vui chơi của trẻ	3.3	4

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1 Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
CHƯƠNG 1: HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI CỦA TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON 1.1. Khái niệm hoạt động vui chơi 1.2. Đặc điểm của hoạt động vui chơi 1.3. Ý nghĩa của hoạt động vui chơi 1.4. Nguồn gốc và bản chất của hoạt động vui chơi (tự học) 1.5. Phân loại trò chơi của trẻ em (tự học) 1.6. Đồ chơi (tự học) 1.7. Các loại trò chơi - Trò chơi mô phỏng - Trò chơi xây dựng - Trò chơi đóng kịch – đóng vai - Trò chơi học tập - Trò chơi vận động - Trò chơi dân gian - Trò chơi điện tử (tự học)	08/16	4.1 4.3	- PP thảo luận nhóm: mục 1.3; 1.6 và 1.7 - PP đàm thoại - PP thuyết trình	SV đọc tài liệu [1]	9.1
CHƯƠNG 2: PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI CHO TRẺ MẦM NON 2.1. Mục tiêu tổ chức 2.2. Nguyên tắc tổ chức 2.3. Nội dung – hình thức – phương pháp tổ chức 2.3.1. Chơi trong giờ đón – trả trẻ 2.3.2. Chơi ở hoạt động góc 2.3.3. Chơi ngoài trời 2.3.4. Chơi trong hoạt động học tập có chủ đích 2.3.5. Chơi theo ý thích 2.3.6. Chơi trong sinh hoạt tập thể/ lễ hội 2.4. Sáng tạo các trò chơi mới	04/12	4.1 4.2	- PP thảo luận nhóm: mục 1.3; 1.6 và 1.7 - PP đàm thoại - PP thuyết trình		9.1
CHƯƠNG 3: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI THEO CHẾ ĐỘ SINH HOẠT MỘT NGÀY CỦA TRẺ	18/36	4.1 4.2 4.3	- PP thảo luận nhóm: mục 3.1; 3.2 và 3.3 - PP đàm thoại	SV đọc tài liệu [1] từ trang 214 – 227. Tham khảo tài	9.1

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
3.1. Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động vui chơi ở trường MN 3.2. Tổ chức HĐVC theo chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường MN 3.3. Đánh giá sự phát triển của trẻ trong HĐVC			- PP thuyết trình - PP thực hành Mỗi nhóm thực hành tập dạy các loại trò chơi 1. ĐVTCĐ 2. LG-XD 3. TCVD 4. TCHT 5. TC ẮN 6. TCDG	liệu [2]; [3]; [4]; [5]; [6] + Khi nhận bài tập: SV lên kế hoạch làm theo nhóm, đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng. + Các nhóm tự phân công lên tiết dạy. Phải xác định rõ: Mục đích yêu cầu, chuẩn bị, cách tiến hành. Tập dạy thử + Trưởng nhóm nộp danh sách <u>có ký tên</u> của từng thành viên trong nhóm và kế hoạch cho giảng viên trước khi tập dạy	

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác	Mục đích sử dụng	
						TL chính	Tham khảo
1	Đình Văn Vang	Giáo trình Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	2009	NXB GD Việt Nam	TT-HL Lê Vũ Hùng	X	
2	Đặng Thu Huỳnh	Trò chơi với chữ cái và phát triển ngôn ngữ	2004	NXB Giáo dục	TT-HL Lê Vũ Hùng		X
3	Lê Thị Thanh Nga	Bé chơi trò chơi vận động	2007	NXB Giáo dục	TT-HL Lê Vũ Hùng		X
4	Nguyễn Thị Thanh Giang	Hướng dẫn bé làm quen với toán qua các trò chơi	2014	NXB Giáo dục Việt Nam	TT-HL Lê Vũ Hùng		X
5	Lý Thu Hiền	Trò chơi âm nhạc cho trẻ từ 2-6 tuổi theo hướng tích hợp chủ đề	2007	NXB Giáo dục	TT-HL Lê Vũ Hùng		X
6	Trần Hoà Bình	Trò chơi dân gian trẻ em	2008	NXB Giáo dục	TT-HL Lê Vũ Hùng		X

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, 2, 3	5.1; 5.2; 5.3	0.4
9.1.1	Bài tập	Chương 1, 2, 3	5.1; 5.2; 5.3	
9.1.2	Bài kiểm tra	Chương 1,2, 3,	5.1; 5.2; 5.3	
9.1.3	Thực hành tập dạy	Chương 3	5.1; 5.2; 5.3	
9.2	Đánh giá kết thúc học phần: Thực hành-Vấn đáp	Chương 1,2,3	5.1; 5.2;	0.6

6.1.17. LÀM ĐỒ CHƠI VÀ THIẾT KẾ MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC CHO TRẺ MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4249 - LÀM ĐỒ CHƠI VÀ THIẾT KẾ MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC CHO TRẺ MẦM NON

- Mã lớp học phần: - Số tín chỉ: 03 Số tiết tín chỉ: 80 (10LT/70ThH/90TH)

- Học phần điều kiện: Mỹ thuật mầm non (KI4219)

- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Hồ Thị Huyền Chức danh, học vị: Giảng viên, CN

- Điện thoại: 0972718186 E-mail: hthiminhuyen@gmail.com

- Đơn vị: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Tuyết Minh Chức danh, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Điện thoại: 0915724600 E-mail: tuyetminh321979@yahoo.com.vn

- Đơn vị: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

3. Tổng quan về học phần

“*Làm đồ chơi và thiết kế môi trường giáo dục*” là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức chuyên nghiệp của chương trình đào tạo ngành giáo dục mầm non. Học phần trang bị cho người học những kiến thức chung về đồ chơi trẻ em và ý nghĩa của đồ chơi trong giáo dục trẻ; định hướng phương pháp làm từng loại hình đồ chơi và thiết kế môi trường giáo dục cho trẻ ở trường mầm non nhằm góp phần phát triển năng lực thực hành làm đồ chơi đơn giản bằng đa dạng các loại nguyên vật liệu tự nhiên và sẵn có; đồng thời biết tạo môi trường thực hiện hấp dẫn sinh động và linh hoạt cho trẻ vào các hoạt động chơi tập hàng ngày, đáp ứng yêu cầu đổi mới của chương trình giáo dục mầm non hiện hành.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Có kiến thức lí luận cơ bản về đồ chơi trẻ em, biết cách làm từng loại đồ chơi cho trẻ mầm non, hiểu vai trò và tầm quan trọng của đồ chơi, phối hợp hiệu quả vào việc thiết kế môi trường giáo dục cho trẻ.

4.2. Kỹ năng/ phẩm chất:

Thực hiện được các dạng đồ chơi từ các nguyên vật liệu khác nhau, tự tin hướng dẫn trẻ tạo ra một số đồ chơi đơn giản phục vụ thiết thực cho các hoạt động chơi tập hàng ngày. Thiết kế được môi trường giáo dục đối với các hoạt động cho trẻ ở trường mầm non.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Người học chủ động trình bày, chia sẻ thông tin về các sản phẩm mình thực hiện, biết phản hồi ý kiến, tương tác với các thành viên khác. Hình thành thói quen sưu tầm tư liệu, nguyên vật liệu; tích cực thực hành bài tập, yêu thích môn học; biết ứng dụng những kỹ năng làm đồ chơi, thiết kế môi trường giáo dục vào trong giảng dạy sau này.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1	Kiến thức		

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1.1	Nhận định những kiến thức khoa học cơ bản về làm đồ chơi và thiết kế môi trường giáo dục để sáng tạo được một số đồ dùng dạy học và đồ chơi đáp ứng nhiệm vụ tổ chức hoạt động tạo hình và tổ chức các hoạt động khác ở trường mầm non.	1.3	3
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Thực hiện khéo léo bằng đôi tay để tạo ra các sản phẩm đồ dùng, đồ chơi như đồ chơi học tập, miêu tả hình tượng, sân khấu âm nhạc, trang trí và xếp hình xây dựng bằng các kỹ thuật xử lý vật liệu từ thiên nhiên và tái chế, đáp ứng nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ và điều kiện thực tiễn.	2.1.6	3
5.2.2	Thiết kế môi trường giáo dục an toàn cho các hoạt động học, hoạt động góc, hoạt động ngoài trời đa dạng, sáng tạo và kích thích trẻ tích cực tham gia hoạt động.	2.1.3	6
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để tạo ra các sản phẩm đồ dùng, đồ chơi; biết phân tích, đánh giá, nhận xét sản phẩm; sử dụng những kiến thức lý luận đã học vào việc thiết kế môi trường giáo dục cho trẻ mầm non phù hợp điều kiện thực tiễn và có thể thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi.	3.	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương	Số tiết (10LT/20TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
Chương 1: Những vấn đề chung về đồ chơi cho trẻ mầm non 1.1. Khái niệm và đặc trưng của đồ chơi 1.2. Ý nghĩa giáo dục của đồ chơi đối với sự phát triển của trẻ mầm non 1.3. Phân loại đồ chơi 1.4. Những nguyên tắc cần đảm bảo khi làm đồ chơi 1.5. Các kỹ thuật làm đồ chơi từ những nguyên vật liệu khác nhau	(02/04)	5.1; 5.3	- Thuyết giảng; - Đưa vấn đề; - Giải quyết vấn đề; - Thảo luận nhóm; - Thuyết trình; - Tìm hiểu thực tế;... + GV giới thiệu ĐCCT và một số vấn đề lưu ý với học phần.	- Đọc ĐCCT. - Xem TL [1, tr.9 - 20]. + SV thảo luận và trình bày các nội dung trong chương 1. * Bài tự học: SV tìm hiểu thực tế đồ chơi trong trường mầm non.	- 9.1; - 9.2; - 9.3
Chương 2: Phương pháp làm đồ chơi 2.1. Đồ chơi học tập 2.1.1. Khái niệm, tác dụng và những yêu cầu của đồ chơi học tập ở trường mầm non 2.1.2. Cấu tạo, cách làm và cách chơi 2.2. ĐC miêu tả hình tượng 2.3. ĐC sân khấu, âm nhạc 2.4. Đồ chơi trang trí 2.5. ĐC xếp hình xây dựng	(04/08)	5.1; 5.3	- Thuyết giảng; - Đưa vấn đề; - Giải quyết vấn đề; - Thảo luận nhóm; - Thuyết trình; - Đàm thoại; - Tìm hiểu thực tế;...	- Xem TL [1, tr.21 - 75]. - Tham khảo TL [4]. - Xem lại kiến thức học phần Mỹ thuật. + SV thảo luận và trình bày các nội dung trong chương 2.	- 9.1; - 9.2; - 9.3

Chương	Số tiết (10LT/ 20TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
<p>Chương 3: Thiết kế môi trường giáo dục cho các hoạt động ở trường mầm non</p> <p>3.1. Nguyên tắc chung của việc thiết kế môi trường giáo dục trong trường mầm non</p> <p>3.2. Cách thiết kế môi trường giáo dục cho các hoạt động.</p> <p>3.2.1. Thiết kế môi trường giáo dục cho hoạt động học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý tưởng, sắp xếp trình tự hoạt động - Bố cục và trang trí không gian tổ chức hoạt động - Thực hiện <p>3.2.2. Thiết kế môi trường giáo dục cho hoạt động góc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm - Điều kiện cơ sở vật chất - Nguyên tắc thiết kế - Một số hoạt động góc: <ul style="list-style-type: none"> + Góc Phân vai + Góc Nghệ thuật tạo hình + Góc Nghệ thuật âm nhạc + Góc Thư viện (sách, truyện) + Góc Xây dựng (xd hình khối lớn, lắp ráp và ghép hình) + Góc Khám phá khoa học <p>3.3.3. Thiết kế môi trường giáo dục cho hoạt động ngoài trời</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khu vực sân cỏ, vườn hoa, cây xanh. - Khu vực đặt các thiết bị đồ chơi ngoài trời. - Khu vực chơi với cát, nước và các vật liệu tự nhiên. 	(04/08)	5.1; 5.2.2; 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng; - Thuyết trình; - Đàm thoại; - Tìm hiểu thực tế; - Hoạt động nhóm; + Công não,... 	<ul style="list-style-type: none"> - TL [2, tr.106 - 133]; - TL [3, 4] - SV đọc và nghiên cứu: <ul style="list-style-type: none"> + Khái niệm, ý nghĩa của việc thiết kế môi trường giáo dục trong trường MN. + Các nguyên tắc thiết kế môi trường giáo dục trong trường mầm non. - Tìm hiểu thực tế môi trường giáo dục một trường mầm non gần nhất. - SV thiết kế, trình bày kết hợp minh họa. 	- 9.1; - 9.2

6.2. Thực hành

Chương/ Chủ đề	Số tiết (70ThH/ 70TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
<p>Chương 2. Phương pháp làm đồ chơi</p> <p>2.6. Thực hành</p> <p>2.6.1. Đồ chơi học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lô tô, tranh bù chỗ thiếu - Bộ chồng tháp, lồng hộp <p>2.6.2. Đồ chơi miêu tả hình tượng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm các con vật, đồ vật bằng bìa cứng - May con vật bằng vải <p>2.6.3. Đồ chơi sân khấu âm nhạc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rối (rối dẹt, rối tay, rối que) - Mặt nạ, mũ múa 	(50/50)	5.1; 5.2.1; 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Trực quan; - Dự án; - Thực hành theo nhóm;... + GV hướng dẫn SV thực hành chương 2 với nguyên vật liệu tự chọn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị các NVL. - Xem TL[1], các ấn phẩm, internet,... * Bài tự học 2.6.1. Cờ đô mi nô, ghép tranh, chấp hình, khâu hạt, gài nút, ... 	- 9.1; - 9.2; - 9.3

Chương/ Chủ đề	Số tiết (70ThH/ 70TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp đạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
2.6.4. Đồ chơi trang trí - Làm hoa giấy - Làm lồng đèn 2.6.5. Đồ chơi xếp hình, xây dựng - Xếp hình bằng que, hạt hạt, lá cây, hình máng - Bộ đồ chơi xếp khối bằng bìa, nhựa, gỗ,...			+ GV hướng dẫn SV trung bày, thuyết minh, nhận xét, chỉnh sửa sản phẩm .	2.6.2. Làm đồ chơi có chủ đề (bác sĩ, bán hàng,...), búp bê, trang phục của bé, các loại quả,... 2.6.3. Làm một số rối ngón 2.6.4. Làm lẵng hoa trang trí lớp học. 2.6.5. Thiết kế một bộ đồ chơi lắp ráp xếp hình.	
Chương 3: Phương pháp thiết kế môi trường giáo dục cho các hoạt động ở trường mầm non 3.4. Thực hành 3.4.1. Thiết kế môi trường một giờ học cụ thể cho trẻ MG (5-6 tuổi). 3.4.2. Thiết kế môi trường một hoạt động góc cho trẻ MG (5-6 tuổi). (chủ đề tự chọn). 3.4.3. Thiết kế môi trường một hoạt động ngoài trời cho trẻ MG (5-6 tuổi).	(16/16)	5.1; 5.2.2; 5.3	- Hoạt động nhóm; - GV hướng dẫn nhóm thiết kế, trình bày kết hợp minh họa. <i>Có thể cho SV báo cáo trên power point hoặc sản phẩm mô hình môi trường giáo dục cho các hoạt động được sắp xếp từ các sản phẩm đồ chơi đã làm.</i>	- TL [2,tr.106- 133]; - TL [3, 4]. Phác thảo thiết kế và báo cáo. Bài tự học: <i>Tìm hiểu thực tế về môi trường giáo dục bên trong (nếu có thể) và tổng quan bên ngoài các cơ sở giáo dục mầm non.</i>	- 9.1; - 9.2
Thi kết thúc học phần <i>Thiết chế một hoặc nhóm sản phẩm đồ chơi trẻ em.</i>	(04/04)	5.1; 5.2.1; 5.3	Thi thực hành Thời gian: 150 phút. Tổ chức trưng bày, nhận xét, đánh giá bài thi.	- Chuẩn bị dụng cụ thi. - SV làm bài thi cá nhân theo đề đã cho.	9.3

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Phạm Thị Loan, Phạm Thị Thu	<i>Đồ chơi trẻ em</i>	2015	GDVN	TTHL LVH, GVHD	x	

2	Nguyễn Thị Thu Hiền	<i>Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non</i>	2007	GDVN	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
3	Lê Thị Huệ, Trần Thị Hương, Phạm Thị Tâm	<i>Thiết kế các hoạt động học có chủ đích, hoạt động góc và hoạt động ngoài trời trong trường mầm non. (Bộ sách)</i>	2011	GDVN	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Nguyễn Thị Tuyết Minh	<i>Bài giảng Làm Đồ chơi trẻ em và thiết kế môi trường GD cho trẻ MN.</i>	2021	ĐHĐT	GVHD		x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần.
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá/ Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Chuyên cần	Đánh giá quá trình Bài tập tại lớp và tự học Chương 1, 2, 3.	5.1; 5.2; 5.3	0.1
9.2	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, 2, 3.	5.1; 5.2; 5.3	0.3
9.2.1	Bài tập tại lớp	Chấm các bài tập tại lớp Chương 1, 2, 3.	5.1; 5.2; 5.3	
9.2.2	Bài tập về nhà	Chấm các bài tập tự học Chương 1, 2, 3.	5.1; 5.2; 5.3	
9.2.3	Kiểm tra	Chương 1, 2, 3.	5.1; 5.2; 5.3	
9.3	Đánh giá kết thúc học phần (Thực hành)	Chương 1, 2, 3.	5.1; 5.2.1; 5.3	0.6

6.1.18. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI225 - TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
- GIÁO DỤC MẦM NON
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ: 30 (30/00/60)
- Học phần điều kiện (nếu có): Không
- Học phần điều kiện: *GE4072N, GE4074N-*
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Trần Nguyễn Thị Như Mai Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ
- Điện thoại: 0983482042 Email: nguyennhumaidhdt@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học –Mầm non

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Lê Thị Bích Vân Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ
- Điện thoại: 0948. 332. 468 E-mail: levan.ltbv@gmail.com
- Đơn vị: Khoa GD Tiểu học –Mầm non

Giảng viên 3:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Khoa - Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ
- Điện thoại: 0914443524 Email: nthkhoadthu@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học –Mầm non

3. Tổng quan về học phần

“*Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non*” là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, là một học phần rất cần thiết đối với sinh viên ngành giáo dục mầm non.

Nội dung của học phần này cung cấp cho sinh viên hiểu một cách đúng đắn, đầy đủ về chương trình và cách tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non: phân tích về chương trình giáo dục mầm non, lập các loại kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non, tổ chức các hoạt động tích hợp theo chủ đề, tổ chức chương trình theo sự kiện, xây dựng môi trường giáo dục, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non. Từ đó sinh viên có thể vận dụng linh hoạt sáng tạo các kiến thức này vào các học phần phương pháp, rèn luyện và thực tập tốt nghiệp.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Khái quát các kiến thức về chương trình giáo dục mầm non cách tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non phù hợp với thực tiễn.

4.2. Kỹ năng:

Nhận định được những thay đổi của xu hướng giáo dục mầm non, chuẩn xác trong phân tích và phát triển chương trình, lập kế hoạch chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non phù hợp với thực tiễn..

4.3. Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc: SV tích cực tham gia các hoạt động trong quá trình học tập, tích cực nghiên cứu và học tập trạng bị kiến kiến chuẩn về môi trường xung quanh.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1. Kiến thức			
5.1.1	Diễn giải được cấu trúc, bản chất và cách sử dụng chương trình GDMN,	1.4	2
5.1.2	Sử dụng các kiến thức về chương trình GDMN trong xây dựng các loại kế hoạch giáo dục cho trẻ phù hợp với thực tiễn giáo dục		3
5.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Nhận định những thay đổi của xu hướng giáo dục mầm non trong bối cảnh hội nhập quốc tế trong phân tích và phát triển chương trình	2.1.1	2
5.2.2	Thiết kế kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ linh hoạt, phù hợp với thực tiễn	2.1.2	5
5.2.3	Phân tích cách xây dựng môi trường, giáo cụ phục vụ mục tiêu giáo dục mầm non trong các hoạt động giáo dục	2.1.4.	3
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.	3.1	4
5.3.2	Lập kế hoạch giáo dục, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động	3.3	4

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy - học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
CHƯƠNG 1: CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON VÀ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GDMN 1.1. Khái niệm về chương trình giáo dục và phát triển chương trình giáo dục mầm non. 1.2. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc phát triển chương trình giáo dục MN 1.2.1. Cơ sở lý luận 1.2.2. Cơ sở thực tiễn của việc phát triển chương trình giáo dục mầm non. 1.3. Các bước phát triển chương trình giáo dục.	06 09/18	5.1.1 5.2.1 5.3	- Thuyết giảng mục :1.1.1.2 - Thảo luận – báo cáo nhóm mục 1.4	- Nghiên cứu tài liệu [1], [2] - Đọc tài liệu [1] trang 4 đến 5, trả lời các câu hỏi [1] Chương trình là gì? Phát triển chương trình là gì? Vẽ sơ đồ biểu diễn quá trình phát triển chương trình giáo dục mầm non.	9.1.1 9.2

Chương/Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy - học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
1.4. Phân tích chương trình giáo dục mầm non.				<p>[2]Nêu tóm tắt nội dung cơ bản của các học thuyết về sự phát triển trẻ em, và cách vận dụng</p> <p>[3]Nguyên tắc xây dựng chương trình giáo dục mầm non nào?</p> <p>- Các nhóm Sinh viên chuẩn bị báo cáo ngắn gọn về chương trình: giáo dục Mầm non</p> <p>1. Chương trình được ban hành khi nào, do ai ban hành? Căn cứ để xây dựng chương trình?</p> <p>2. Chương trình được phân chia theo những độ tuổi nào / phân chia theo những lĩnh vực nào?</p> <p>3. Chương trình cho ta biết cụ thể những gì?</p> <p>4. Chương trình giúp ích gì cho giáo viên</p>	
<p>CHƯƠNG 2: LẬP KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON</p> <p>2.1. Khái niệm và ý nghĩa của việc lập kế hoạch.</p> <p>2.2. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non</p> <p>2.3 Các loại kế hoạch thực hiện chương trình, cấu trúc và nội dung của từng loại kế hoạch.</p>	13 10/20	5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3	<p>-Thuyết giảng mục :2.1;2.2;2.3</p> <p>-Thảo luận nhóm</p> <p>-Làm bài tập: mục 2.3</p>	<p>❖ Chuẩn bị tài liệu: [1], [2], [3], [5]</p> <p>- SV đọc và nghiên cứu, trả lời trước các câu hỏi (câu 1 đến câu 4)</p> <p>- Suu tầm đủ các bản kế hoạch cần phải có của một giáo viên mầm non.</p> <p>- Biết căn cứ vào chương trình GDMN →</p>	9.1.1 9.1.2 9.2

Chương/Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy - học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
				soạn được tất cả các loại kế hoạch. -Thành lập nhóm, thực hành lập các loại kế hoạch trước - Lập kế hoạch giáo dục năm học, kế hoạch giáo dục tháng / chủ đề, kế hoạch giáo dục tuần, hoạt động.	
<p>CHƯƠNG 3: TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TÍCH HỢP THEO CHỦ ĐỀ</p> <p>3.1. Quan điểm tích hợp.</p> <p>3.2. Tổ chức các hoạt động tích hợp theo chủ đề.</p> <p>3.3 Tiếp cận sự kiện trong quá trình thực hiện chương trình giáo dục mầm non và chương trình phát sinh</p>	04 04/08	5.2.2 5.2.5 5.3	-Thuyết giảng mục 3.1 -Thảo luận nhóm: mục 3.2;3.3 -Thực hành: mục 3.2;3.3	<p>❖ Chuẩn bị tài liệu: [1], [2], [3], [5]</p> <p>- SV đọc và nghiên cứu, nắm nội dung bài học.</p> <p>- Soạn bài tóm tắt trả lời trước các câu hỏi (câu 1 đến câu 3)</p> <p>- Xác định được các vấn đề có thể phát triển thành chủ đề → lập danh mục chủ đề.</p> <p>- Lập danh mục chủ đề gốc, chủ đề nhánh, chủ đề sự kiện, chủ đề phát sinh</p>	9.1.2 9.1.1 9.2
<p>CHƯƠNG 4: XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC TRONG TRƯỜNG MẦM NON</p> <p>4.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc xây dựng môi trường giáo dục mầm non</p> <p>4.2. Nguyên tắc chung của việc thiết kế môi trường giáo dục trong trường mầm non</p> <p>4.3. Qui trình xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non</p> <p>4.4. Hướng dẫn cách thiết kế môi trường giáo dục cho các hoạt động.</p>	04 04/08	5.1.2 5.2.3	-Thuyết giảng [4.1.4.2.4.3] - Trò chơi hiểu ý đồng đội [chương 4] - Hoạt động nhóm: ❖ Xem clip về môi trường GD, và phân tích về môi trường GD của một số	<p>❖ Chuẩn bị tài liệu: [1], [2], [5]</p> <p>- SV đọc và nghiên cứu, nắm nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc.</p> <p>- Bài viết tóm tắt trả lời trước các câu hỏi (câu 1 đến câu 2).</p>	9.1.2 9.2

Chương/Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy - học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
4.5. Đánh giá hiệu quả sử dụng môi trường giáo dục.			Trường Mầm non	- Hình ảnh minh họa mô tả môi trường giáo dục (toàn cảnh trường MN, cách bố trí của một lớp học). Thiết kế MTGD - Lờì nhận xét cụ thể, rõ ràng. Ý kiến đề xuất điều chỉnh phù hợp.	
CHƯƠNG 5: ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON 5.1. Khái niệm, ý nghĩa của đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non 5.2. Nội dung, phương pháp, hình thức đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non	03 03/06	5.1.1 5.1.2	-Thuyết giảng -Thảo luận nhóm -Thực hành: sưu tầm các mẫu phiếu đánh giá	❖ CB tài liệu: [1], [2], [3], [4], [5] - SV đọc và nghiên cứu, nắm nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc.	9.1.1

6.2: Thực hành: không có**7. Tài liệu học tập**

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Thị Thu Hiền	Giáo trình <i>Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non</i>	2008	NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu LÊ VŨ HÙNG	x	
2	Bộ GD &ĐT	Chương trình giáo dục mầm non (Ban hành kèm thông tư số 51/2021/TT-BGDĐT)	2020	NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu LÊ VŨ HÙNG		x
3	Bộ GD &ĐT	Hướng dẫn sử dụng Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi	Năm 2010	NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu LÊ VŨ HÙNG		x
4	Nguyễn Bá Minh (chủ biên) Trần Thị Ngọc Trâm Hoàng Thị Bình	Hướng dẫn Xây dựng môi trường trong các cơ sở giáo dục mầm non	2016	NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu LÊ VŨ HÙNG		x

5	Nguyễn Bá Minh (chủ biên) Trần Thị Ngọc Trâm Hoàng Thị Bình	Hướng dẫn Xây dựng kế hoạch giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non	, 2016	NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu LÊ VŨ HÙNG		x
---	---	--	--------	-----------------------------	--	--	---

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số %
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1,2,3,4,5	5.1,5.2;5.3	0.4
9.1.1	Bài tập cá nhân	Chương 1: Mô tả chương trình GDMN - kiểm tra	5.1'5.2/5.3	0.2
9.1.2	Bài tập nhóm	Chương 2: - Xây dựng loại kế hoạch GD: kế hoạch năm, kế hoạch tháng/ chủ đề, kế hoạch tuần, Chương 3: Thiết kế kế hoạch và tổ chức chương trình tích hợp sự kiện	5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.2.3 5.3	0.2
9.2	Thi kết thúc học phần: thi tự luận 90 phút	Chương 1,2,3,4	5.1 5.2 5.3	0.6

6.1.19. PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ MN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4229N-PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ MẦM NON
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 03 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 45 (15/30/60)
- Học phần điều kiện: *Tiếng Việt*
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Lê Thị Mai An** - Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ
- Điện thoại: 0919.107.161 - Email: lenthimaian.dth@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục TH-MN

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Phạm Thị Minh Hiếu** - Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ
- Điện thoại: 0914912759 - Email: phamhieu25182@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục TH-MN

3. Tổng quan về học phần

Học phần *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non* thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành bắt buộc, có vai trò quan trọng trong việc hình thành tri thức và kỹ năng thuộc lĩnh vực ngôn ngữ cho sinh viên (SV) mầm non. Học phần nhằm trang bị cho SV: (1) những vấn đề chung về phương pháp phát triển ngôn ngữ, (2) tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ, (3) cách đánh giá sự phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non. Học phần cung cấp toàn bộ những kiến thức về phát triển ngôn ngữ lần thực hành, ở các mặt ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chuẩn bị học đọc, học viết cho trẻ.

Từ những kiến thức và kỹ năng cơ bản trên, SV có thể tiếp tục học tập nâng cao ở các học phần: *Phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc, Dạy trẻ tập nói, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 5*. Đồng thời, học phần còn trang bị cho SV kỹ năng tổ chức quá trình dạy học một cách khoa học, có hiệu quả để có thể dạy tốt sau khi tốt nghiệp hoặc học tập ở trình độ cao hơn.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Phân tích được kiến thức về lí luận và phương pháp dạy học lĩnh vực ngôn ngữ ở mầm non.

4.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức

4.2.1. Tổ chức được các hoạt động giáo dục và đánh giá sự phát triển của trẻ ở lĩnh vực ngôn ngữ.

4.2.2. Vận dụng kỹ năng hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ chung. Yêu nghề, yêu trẻ, tận tụy, công bằng và tôn trọng trẻ

4.3. Mức tự chủ, chịu trách nhiệm:

Có tư duy độc lập, chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. Lập được kế hoạch giáo dục.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1. Kiến thức			

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1.1	Phân tích được những kiến thức cơ bản của Tiếng Việt vào quá trình giáo dục trẻ mầm non	1.3	3
5.2. Kỹ năng			
5.2.1	Tổ chức và đánh giá được các hoạt động ngôn ngữ (phát âm, từ, câu, làm quen đọc và viết) phù hợp lứa tuổi	2.1.3 2.1.5	5
5.2.2	Vận dụng kỹ năng hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ chung	2.2	3
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập, chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.	3.1	3
5.3.2	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động, phát triển ngôn ngữ cho trẻ	3.3	4

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/BT)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>Chương 1: Những vấn đề chung về hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non</p> <p>1.1. Đối tượng, mối liên hệ giữa phương pháp phát triển ngôn ngữ với các ngành khoa học khác</p> <p>1.2. Đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ từ 0 – 6 tuổi</p> <p>1.3. Vai trò ngôn ngữ đối với sự học tập và phát triển trẻ MN</p> <p>1.4. Nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non</p> <p>1.5. Nội dung chương trình, phương pháp và hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN</p> <p>1.6. Phát triển ngôn ngữ cho trẻ có khó khăn về ngôn ngữ và trong lớp MG ghép</p>	06 (03/03)	5.1.1 5.3.1	Giảng giải Thảo luận nhóm Tự học	<p>- <u>Đọc và ghi ý chính</u> mỗi mục.</p> <p>- <u>Thực hiện bài tập</u>:</p> <p>1. Đặc điểm ngôn ngữ của trẻ ở các mặt (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, mạch lạc)?</p> <p>2. Vai trò ngôn ngữ đối với sự học tập và phát triển trẻ MN.</p> <p>3. Nhiệm vụ PTNN cho trẻ mầm non. Trình bày cụ thể từng nhiệm vụ.</p> <p>4. Nội dung chương trình, phương pháp và hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN.</p> <p>- <u>Tư nghiên cứu</u>: 1) Mối liên hệ giữa phương pháp phát triển ngôn ngữ với các ngành khoa học khác.</p>	[9.1, 9.2]

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/BT)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
				2) Nội dung liên quan (thực tế, văn bản pháp quy...) đến PTNN cho trẻ có khó khăn về NN và trong LG.	
<p>Chương 2: Các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non</p> <p>2.1. Dạy trẻ nghe và phát âm đúng (7)</p> <p>2.1.1. Khái niệm</p> <p>2.1.2. Nội dung công tác luyện nghe và phát âm</p> <p>2.1.3. Các giai đoạn dạy trẻ phát âm</p> <p>2.1.4. Các phương pháp, biện pháp dạy trẻ phát âm</p> <p>2.1.5. Thiết kế bài tập luyện phát âm cho trẻ</p> <p>2.2. Phương pháp phát triển vốn từ (6)</p> <p>2.2.1. Nhiệm vụ hình thành và phát triển vốn từ cho trẻ</p> <p>2.2.2. Nội dung phát triển vốn từ</p> <p>2.2.3. Các biện pháp và hình thức phát triển vốn từ</p> <p>2.2.4. Thiết kế trò chơi phát triển vốn từ cho trẻ mầm non</p> <p>2.3. Dạy trẻ nói đúng các mẫu câu tiếng Việt (5)</p> <p>2.3.1. Những biện pháp dạy trẻ nói đúng câu theo độ tuổi</p> <p>2.3.2. Xây dựng trò chơi dạy trẻ nói đúng mẫu câu theo độ tuổi</p> <p>2.4. Chuẩn bị cho trẻ học đọc, học viết (20)</p> <p>2.4.1. Cơ sở của việc chuẩn bị cho trẻ học đọc, học viết</p> <p>2.4.2. Nội dung, CT chuẩn bị cho trẻ học đọc, học viết</p> <p>2.4.3. Các hoạt động làm quen với đọc, viết cho trẻ mẫu giáo</p> <p>2.4.4. Tổ chức các hoạt động làm quen với đọc, viết trẻ MG</p>	36 (12/24)	5.1 5.2 5.3	Giảng giải Thảo luận nhóm Luyện tập thực hành Tự học	<p>- <u>Đọc và ghi ý</u> chính mỗi mục.</p> <p>- <u>Thực hiện bài tập:</u></p> <p>1) Xây dựng trò chơi và bài tập <i>luyện phát âm âm s/x; tr/ch; r/g; v/d, p/b; các nguyên âm: o/ô/ơ; á/â; các nguyên âm đôi; các âm cuối: i/y; u/o; thanh hỏi/thanh ngã.</i></p> <p>2) Xây dựng trò chơi làm giàu vốn từ; trò chơi tăng cường khả năng hiểu nghĩa của từ; trò chơi giúp trẻ sử dụng từ chính xác, hay</p> <p>3) Xây dựng trò chơi giúp trẻ nói đúng các mẫu câu tiếng Việt</p> <p>4) Kế hoạch Làm quen với chữ cái và Hướng dẫn bé tập tô</p> <p>- <u>Luyện tập:</u></p> <p>1) Soạn giáo án</p> <p>2) Gửi giáo án trước 2 - 3 tuần</p> <p>3) Chuẩn bị ĐD</p> <p>4) Tập dạy</p> <p>[Lưu ý. Nhóm 8-10 SV. Dạy</p>	[9.1, 9.2, 9.3]

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/BT)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
				trên lớp SV. Gửi clip nếu không đủ thời gian]	
Chương 3: Lập kế hoạch thực hiện chương trình phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non 3.1. Mục đích và cơ sở của việc lập kế hoạch thực hiện chương trình phát triển ngôn ngữ của trẻ 3.2. Đánh giá sự phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non	03 (00/03)	5.2 5.3	Giảng giải Thảo luận nhóm Luyện tập thực hành Tự học	- <u>Đ</u> ọc và <u>g</u> hi ý chính mỗi mục. - <u>T</u> ự <u>n</u> ghiên <u>c</u> ứu khả năng ngôn ngữ của trẻ ở một trường mầm non <i>các mặt phát âm, vốn từ và sử dụng từ; sử dụng câu; nhận biết các chữ cái</i>).	[9.1, 9.2]

7. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác	Mục đích sử dụng		
						Tài liệu chính	Tham khảo	
1	Hồ Thị Thu Hà	<i>Bài giảng PP phát triển NN</i>	2017	Tài liệu nội bộ	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x		
2	Đình Hồng Thái	<i>Giáo trình Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ em</i>	2007	NXBGD				x
3	Bộ Giáo dục và Đào tạo	<i>Chương trình Giáo dục MN</i>	2017	NXBGD				x
4	Nguyễn Thị Phương Nga	<i>Tuyển tập trò chơi phát triển ngôn ngữ</i>	2005	NXBGD				x
5	Bùi Kim Tuyến	<i>Các hoạt động phát triển ngôn ngữ của trẻ MN</i>	2011	NXBGD				x
6	Đặng Thu Quỳnh	<i>Trò chơi với chữ cái và phát triển ngôn ngữ</i>	2009	NXBGD				x
7	Phan Lan Anh	<i>Giúp bé nhận biết và làm quen chữ cái</i>	2011	NXBGD				x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần.
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
----	--------------------	--	--------------	----------

1) Đánh giá thường kì			5.1, 5.2, 5.3	0.4
9.1	- Chuyên cần	- Thời gian dự học - Tích cực phát biểu (cá nhân)	5.2.3 5.3.1	
9.2	- Bài tập	- Làm bài tập [chương 1,2,3] - Tổ chức dạy – học [chương 2]	5.1, 5.2, 5.3	
9.3	- Kiểm tra	- Chương 1,2		
2) Đánh giá kết thúc			5.1, 5.2, 5.3	0.6
	Vấn đáp	- Dự đủ 80% số tiết - Lý thuyết+bài tập [chương 1,2]		

6.1.20. PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TẠO HÌNH CHO TRẺ MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4243 - PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TẠO HÌNH CHO TRẺ MẦM NON
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 03 Số tiết tín chỉ: 75 (15 LT/60ThH/90TH)
- Học phần điều kiện: Mỹ Thuật mầm non (KI4219)
- Học kỳ: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Hồ Thị Huyền Chức danh, học vị: Giảng viên, CN
- Điện thoại: 0972718186 E-mail: hthiminhuyen@gmail.com
- Đơn vị: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm Non

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Tuyết Minh Chức danh, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Điện thoại: 0915724600 E-mail: tuyetminh321979@yahoo.com.vn
- Đơn vị: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm Non

3. Tổng quan về học phần

“*Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non*” là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức chuyên nghiệp dành cho chương trình đào tạo ngành giáo dục mầm non. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức khoa học cơ bản về sự hình thành và đặc điểm phát triển hoạt động tạo hình của trẻ mầm non; hiểu vai trò của việc tổ chức hoạt động tạo hình trong cơ sở giáo dục đối với sự phát triển toàn diện cho trẻ; biết cách lập kế hoạch, vận dụng các nhóm phương pháp dạy - học vào tổ chức và đánh giá các giờ hoạt động tạo hình như vẽ, nặn, cắt - xếp dán, chấp ghép của trẻ theo từng độ tuổi ở trường mầm non.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Nhận định được một số vấn đề lý luận chung về nguồn gốc, bản chất và phương pháp dạy trẻ hoạt động tạo hình; hiểu cách lập kế hoạch, soạn giáo án và tổ chức, đánh giá các giờ hoạt động tạo hình như vẽ, nặn, cắt - xếp dán, chấp ghép hình ở trường mầm non.

4.2. Kỹ năng/ phẩm chất

Thực hành phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non; xây dựng kế hoạch khung, soạn giáo án, chuẩn bị đồ dùng, giáo cụ phù hợp; tổ chức giảng tập các giờ hoạt động tạo hình theo từng độ tuổi của trẻ.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Hiểu tầm quan trọng của việc nghiên cứu phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình trong công tác chăm sóc và giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non sau này. Biết yêu quý và tôn trọng sự sáng tạo của trẻ. Nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo, tìm tư liệu giảng dạy qua các website và thực tế trường mầm non.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1	Kiến thức		

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1.1	Khái quát hóa những kiến thức lý luận về sự hình thành và phát triển hoạt động tạo hình; vai trò, mục đích, nhiệm vụ và nội dung cơ bản của hoạt động tạo hình và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non.	1.3	3
5.1.2	Lập kế hoạch theo qui trình xây dựng gồm mục tiêu, điều kiện cơ sở vật chất, làm đồ dùng dạy học phù hợp và hình thức tổ chức, đánh giá các giờ hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non.	1.5	3
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Xây dựng kế hoạch về hình thức tổ chức và phương pháp thực hiện trong kế hoạch một giờ hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non.	2.1.2	6
5.2.2	Tổ chức cho trẻ thể hiện khả năng tạo hình, thưởng thức, đánh giá và chia sẻ kết quả sản phẩm tạo hình. Bước đầu hình thành và phát triển kỹ năng giáo dục nghệ thuật cho trẻ mầm non	2.1.4	5
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Vận dụng những hiểu biết về phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình trong việc giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non. Luôn đề cao ý thức tự học, tự nghiên cứu. Có tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, giúp đỡ khi làm việc theo nhóm, ứng dụng những điều đã học vào trong giảng dạy và trong thực tế cuộc sống.	3.	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương	Số tiết (15LT/30TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
Chương 1: Sự hình thành và phát triển hoạt động tạo hình của trẻ em 1.1. Nguồn gốc và bản chất HĐTH của trẻ em. 1.2. Quá trình hình thành và phát triển hoạt động vẽ của trẻ em. 1.3. Đặc điểm cơ bản của HĐTH ở tuổi mầm non. 1.4. Đặc điểm ngôn ngữ tạo hình trong tranh trẻ em.	(02/04)	5.1; 5.3	- Đàm thoại; - Trực quan; - Vấn đáp; - Thuyết trình; - Thảo luận nhóm;...	- Đọc tài liệu [2], [1, tr.9 - 35]. - Nghiên cứu trả lời các câu hỏi thảo luận và bài tập [1, tr.34]. (SV soạn trước ở nhà, vào lớp thảo luận cùng nhóm, nghe các nhóm nghe gv cùng cố, tự bổ sung, chỉnh ý, hoàn thiện bài học).	- 9.1; - 9.2; - 9.3
Chương 2: Vai trò, mục đích, nhiệm vụ và nội dung cơ bản của hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	(02/04)	5.1; 5.3	- Đàm thoại; - Trực quan; - Vấn đáp;	- Đọc TL [2];, [1, tr.37 - 76]. - Nghiên cứu trả lời các câu hỏi	- 9.1; - 9.2; - 9.3

Chương	Số tiết (15LT/ 30TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
2.1. Vai trò của HĐTH trong việc giáo dục toàn diện cho trẻ 2.2. Mục đích của HĐTH cho trẻ mầm non 2.3. Nhiệm vụ của việc tổ chức HĐTH cho trẻ mầm non 2.4. Nội dung cơ bản của HĐTH cho trẻ mầm non			- Thuyết trình; - Thảo luận nhóm;...	thảo luận và bài tập TL [1, tr.46, 76].	
Chương 3: Các nhóm phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non 3.1. Phương pháp tổ chức HĐTH cho trẻ mầm non 3.1.1. Nhóm phương pháp thông tin tiếp nhận 3.1.2. Nhóm phương pháp thực hành ôn luyện 3.1.3. Nhóm phương pháp tìm tòi, sáng tạo 3.1.4. Nhóm các biện pháp mang tính vui chơi 3.2. Hình thức tổ chức HĐTH cho trẻ mầm non (trên, ngoài tiết học).	(02/04)	5.1; 5.3	- Đàm thoại; - Trực quan; - Vấn đáp; - Thuyết trình; - Thảo luận nhóm;...	- Đọc TL [2], [1, tr. 77 - 106]. - Nghiên cứu trả lời các câu hỏi thảo luận và bài tập TL [1, tr.94, 106].	- 9.1; - 9.2; - 9.3
Chương 4: Lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non 4.1. Lập kế hoạch cho chương trình HĐTH 4.2. Tổ chức giờ HĐTH 4.3. Tổ chức môi trường cho HĐTH 4. Đánh giá HĐTH	(02/04)	5.1; 5.2.1; 5.3	- Đàm thoại; - Trực quan; - Vấn đáp; - Thuyết trình; - Thảo luận nhóm;...	- Đọc TL [2], [1, tr.107 - 127]. - Nghiên cứu các câu hỏi thảo luận và bài tập [1, tr.127], [2]. - Tham khảo mẫu kế hoạch trang 112.	- 9.1; - 9.2; - 9.3
Chương 5: Tổ chức hoạt động tạo hình trong trường mầm non 5.1. Nội dung giáo dục và phát triển của chương trình HĐTH 5.2. Điều kiện vật chất cho HĐTH 5.3. Tổ chức HĐTH - Hoạt động vẽ; - Hoạt động nặn; - Hoạt động xếp dán tranh; - Hoạt động chấp ghép; - Hoạt động cho trẻ làm quen với các tác phẩm nghệ thuật tạo hình.	(07/14)	5.1; 5.2.2; 5.3	- Đàm thoại; - Trực quan; - Vấn đáp; - Thuyết trình; - Thảo luận nhóm; - Trò chơi;...	- Đọc TL [2], [1, tr.129 - 270]. - Nghiên cứu trả lời các câu hỏi thảo luận TL[1], + tr.172 (vẽ); + tr.228(xếpdán); + tr.257 (chấp ghép);	- 9.1; - 9.2; - 9.3

Chương	Số tiết (15LT/ 30TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HDDG
5.4. Giáo án mẫu (gợi ý từ khung kế hoạch)				+ tr.270 (làm quen tác phẩm nghệ thuật),	

6.2. Thực hành

Chương/ Chủ đề	Số tiết (60ThH/ 60TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HDDG
<p>Chương 4: Lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá HĐTH cho trẻ mầm non</p> <p>4.5. Thực hành</p> <p>- Lập khung kế hoạch và giáo án tóm tắt cho một giờ HĐTH theo một chủ điểm cụ thể.</p>	(05/05)	5.1; 5.2.1; 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Công não; - Vấn đáp; - Thuyết trình; - Thảo luận; - Thực hành; - Hợp tác nhóm;... 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc TL [2], [1, tr.107 - 127]. - Tham khảo trang 112 cách lập kế hoạch khung các giờ HĐTH. 	- 9.1; - 9.2; - 9.3
<p>Chương 5. Tổ chức hoạt động tạo hình trong trường mầm non</p> <p>5.5. Thực hành</p> <p>5.5.1. Soạn giáo án chi tiết cho các giờ hoạt động vẽ (theo mẫu, theo đề tài cho sẵn và đề tài tự do) ở từng độ tuổi.</p> <p>5.5.2. Soạn giáo án chi tiết cho các giờ nặn (theo mẫu, theo đề tài và nặn tự do) ở từng độ tuổi.</p> <p>5.5.3. Soạn giáo án chi tiết cho các giờ hoạt động xếp dán (theo mẫu, theo đề tài cho sẵn và đề tài tự do) ở từng độ tuổi.</p> <p>5.5.4. Soạn giáo án tổ chức hoạt động vui chơi chấp ghép với các nguyên vật liệu khác nhau.</p> <p>5.5.5. Chọn một số tác phẩm tranh, tượng nghệ thuật tiêu biểu phù hợp với từng độ tuổi của trẻ; soạn giáo án, tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen những tác phẩm đó như là một dạng “Thường thức mỹ thuật” sơ bản.</p> <p>5.6.6. Chuẩn bị giáo cụ, đồ dùng phù hợp theo các giáo án đã soạn.</p> <p>5.7. Giảng tập trên lớp. (Ghi điểm KTTK)</p> <p>* Tìm hiểu thực tế giờ HĐTH ở trường mầm non theo kế hoạch RLNVSP của Khoa,...</p>	(50/50)	5.1; 5.2.2; 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Công não; - Vấn đáp; - Thuyết trình; - Thảo luận nhóm; - Trò chơi; - Thực hành... - GV hướng dẫn SV sưu tầm các giờ HĐTH qua video, website, ... - GV hướng dẫn SV soạn giảng, làm đồ dùng, ... - GV theo dõi, giúp đỡ SV giảng tập, nhận xét, rút kinh nghiệm trên lớp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc TL [2], [1, tr.129 - 270]. - TL[1], + tr.172 (vẽ) + tr.228 (xếp dán) +tr.257(chấpghép) + tr.270 (làm quen tác phẩm nghệ thuật). * Bài tự học 5.5. Soạn chính xác, khoa học nội dung các giờ hoạt động, lựa chọn các nhóm phương pháp phù hợp, làm đồ dùng đồ chơi có tính thẩm mỹ và đúng yêu cầu, tích cực tự giảng tập, ... * Xem triển lãm tranh sinh viên tổ chức hàng năm tại trường ĐHĐT. - Thực tế mỹ thuật tại không gian trưng bày các tác phẩm hội họa ở các Hội LH VHNT tỉnh, các Bảo tàng,... - Tham khảo sách Lịch sử mỹ thuật Việt Nam. 	- 9.1; - 9.2; - 9.3;

Chương/ Chủ đề	Số tiết (60ThH/ 60TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
				* Quan sát, theo dõi đầy đủ các giờ giảng tập, giờ đi thực tế, tự lập bản phân tích, nhận xét, đánh giá, kinh nghiệm,...	
Thi kết thúc học phần	(05/05)	5.1; 5.2; 5.3	- GV cho các nhóm SV bốc thăm đề thi trước một tuần và định hướng giáo án, giáo cụ. - GV tổ chức nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm sau thi.	- Các nhóm bốc thăm, tiến hành lập kế hoạch bài dạy, chuẩn bị giáo cụ phù hợp loại giờ tạo hình và độ tuổi của trẻ theo đề đã cho. - SV thực hiện tốt phần thi.	- 9.1; - 9.3

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Lê Thanh Thủy	Giáo trình <i>Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non</i>	2015	ĐHSP Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Lê Thị Đức, Lê Thanh Thủy, Phùng Thị Tường	<i>Các hoạt động tạo hình của trẻ mầm non</i>	2016	ĐHSP Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Nguyễn Thị Tuyết Minh	Bài giảng <i>Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non</i>	2021	ĐHĐT	GV		x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần.
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá/ Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Chuyên cần	Đánh giá quá trình Bài tập tại lớp và tự học. Chương 1, 2, 3, 4, 5.	5.1; 5.2; 5.3	0.1
9.2	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, 2, 3, 4, 5.	5.1; 5.2; 5.3	0.3

9.2.1	Bài tập tại lớp	Chương 1, 2, 3, 4, 5.	5.1; 5.2; 5.3	
9.2.2	Bài tập về nhà	Chương 1, 2, 3, 4, 5.	5.1; 5.2; 5.3	
9.2.3	Kiểm tra	Chương 1, 2, 3, 4, 5.	5.1; 5.2; 5.3	
9.3	Đánh giá kết thúc học phần (Thực hành tại lớp)	Chương 1, 2, 3, 4, 5.	5.1; 5.2; 5.3	0.6

6.1.21. MÚA VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY MÚA CHO TRẺ MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4233 - MÚA VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY MÚA CHO TRẺ MẦM NON
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 03 Số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 45 (15/60/90)
- Học phần điều kiện: *Không có*
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Bích Hằng Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc Sĩ
- Điện thoại: 0973.144.101 Email: bichhang5552000@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học - Mầm non

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Lê Thị Lan Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc Sĩ
- Điện thoại: 0834481070 Email: lelanthmn@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học - Mầm non

2.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Trinh Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc Sĩ
- Điện thoại: 0908.031.093 Email: ngoctrinh310@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học - Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Học phần “*Múa và phương pháp dạy múa cho trẻ mầm non*” là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc. Học phần đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên những tri thức và kỹ năng Múa và phương pháp dạy múa cho trẻ mầm non. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản chung về (1) nghệ thuật múa vào quá trình biên đạo múa cho trẻ mầm non, (2) phương pháp dạy trẻ vận động theo nhạc trong chương trình giáo dục mầm non, (3) khả năng vận động của trẻ trong quá trình biên đạo múa.

Từ những kiến thức và kỹ năng cơ bản trên, học phần còn trang bị cho sinh viên đầy đủ kiến thức, kỹ năng nhằm giúp sinh viên xác định được vai trò của nghệ thuật múa trong công tác giáo dục trẻ, phương pháp dạy trẻ múa trong chương trình giáo dục mầm non, sưu tầm các bài múa phù hợp với lứa tuổi mầm non, biên soạn được một số bài múa cho trẻ và tự tin hướng dẫn trẻ thực hiện các động tác theo chủ đề ở trường mầm non. Có khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn góp phần rèn luyện phát triển thể chất và phát triển thẩm mỹ cho trẻ. Từ đó, làm cơ sở chuẩn bị cho quá trình học tập học phần “*Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non*”.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Khái quát hóa được những kiến thức về nghệ thuật múa vào quá trình biên đạo múa cho trẻ mầm non; giải thích được những kiến thức về dạy trẻ vận động theo nhạc trong chương trình giáo dục mầm non nhằm phát triển thẩm mỹ cho trẻ.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

4.2.1. Xác định được phương pháp dạy trẻ vận động theo nhạc trong chương trình giáo dục mầm non; Nhận diện được đặc điểm tâm - sinh lí, khả năng vận động của trẻ trong quá trình biên đạo múa.

4.2.2. Đánh giá được khả năng vận động của trẻ và biên đạo tốt các bài múa cho trẻ mầm non phù hợp với chủ đề.

4.3. Mức tự chủ, chịu trách nhiệm

Có tư duy độc lập, lập luận theo chương trình GDMN để bảo vệ và dám chịu trách nhiệm về bài múa mà mình biên đạo; có khả năng dẫn dắt và có ý tưởng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; thích ứng tốt với hoạt động nhóm có sự thay đổi.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1. Kiến thức			
5.1.1	Trình bày được những kiến thức về nghệ thuật múa, điệu nhảy chachacha và chất liệu múa dân gian Việt Nam trong quá trình biên đạo múa cho trẻ mầm non.	1.3	3
5.1.2	Giải thích được những kiến thức về phương pháp dạy trẻ vận động theo nhạc, thực hành các bài múa trong chương trình giáo dục mầm non nhằm phát triển thẩm mỹ cho trẻ.	1.5	3
5.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Xác định được vai trò của nghệ thuật múa trong công tác giáo dục trẻ, các thể loại múa trong trường mầm non, phương pháp biên đạo múa cho trẻ và phương tiện dạy trẻ vận động theo nhạc trong chương trình GDMN; Xác định được đặc điểm phát triển vận động của trẻ theo từng độ tuổi trong quá trình biên đạo múa.	2.1.1	4
5.2.2	Thao tác chuẩn xác những kỹ năng thực hành múa, sử dụng hiệu quả các phương pháp trong quá trình biên đạo múa và dạy trẻ vận động theo nhạc phù hợp với khả năng vận động của trẻ.	2.1.5	4
	Đánh giá được khả năng vận động của trẻ ở từng độ tuổi và biên đạo tốt các bài múa cho trẻ mầm non phù hợp với từng chủ đề		5
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Giải quyết nhiệm vụ độc lập, dựa vào chương trình GDMN lập luận để bảo vệ quan điểm của bản thân, có khả năng dẫn dắt và có ý tưởng trong quá trình biên đạo múa;	3.1	3
5.3.2	Chủ động và tương tác tốt với các thành viên trong nhóm, thích ứng tốt với hoạt động nhóm có sự thay đổi.	3.2	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
PHẦN 1: MÚA CƠ BẢN CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NGHỆ THUẬT MÚA 1.1. Múa và nguồn gốc của múa. 1.2. Quan hệ giữa múa và âm nhạc. 1.3. Phân loại múa. 1.4. Chức năng của nghệ thuật múa 1.5. Đặc trưng của nghệ thuật múa. 1.6. Đặc trưng của ngôn ngữ múa. 1.7. Các kỹ năng múa cơ bản	03/06	5.1.1 5.3.1	- PP trò chơi: GV tổ chức trò chơi: “Hỏi nhanh đáp lẹ” - PP thảo luận nhóm: GV tổ chức cho SV thảo luận và báo cáo kết quả thực hiện, thảo luận.	- Nghiên cứu TL [1,2,4,5]. - Vở ghi chép - Xem trước đề cương học phần, kế hoạch dạy học, tài liệu,... - Chia nhóm (8-10 sinh viên);	

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
			- PP thuyết giảng: GV nhận xét và kết luận.	- Các nhóm đọc tài liệu, thảo luận và trình bày: Khái quát chung về nghệ thuật múa	
CHƯƠNG 2: CHẤT LIỆU MÚA DÂN GIAN VIỆT NAM 2.1 Các vị trí tay - chân cơ bản. 2.2. Chất liệu cơ bản múa dân gian Việt Nam 2.2.1. Tổ hợp nhún mềm 2.2.2. Tổ hợp guồn đèn 2.2.3. Tổ hợp nhún dật 2.2.4. Tổ hợp đi xuyên 2.2.5. Tổ hợp rung quạt 2.2.6. Tổ hợp Mõ 2.2.7. Tổ hợp dân tộc Tây 2.2.8. Tổ hợp dân tộc H'Mông 2.2.9. Tổ hợp xòe Thái 2.2.10. Tổ hợp đánh cồng	03/06	5.1.1 5.3.1	- PP trực quan: GV cho SV quan sát video các tổ hợp. - PP thuyết giảng: GV phân tích động tác từng tổ hợp	- Mỗi sinh viên chuẩn bị: Quạt múa (2 cái), khăn voan (2 cái) - Trang phục thể thao, giày múa. - Vở ghi chép	9.1.1
CHƯƠNG 3: ĐIỆU NHẢY CHACHACHA 3.1. Bước cơ bản 3.2. Bước nâng cao	03/06	5.1.1 5.3.1	- PP trực quan: GV cho SV quan sát video điệu nhảy chachacha - PP thuyết giảng: GV phân tích điệu nhảy	- Mỗi sinh viên chuẩn bị: + Trang phục thể thao, giày múa. + Vở ghi chép	9.1.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>PHẦN 2: MÚA CHUYÊN NGÀNH CHƯƠNG 1: PHƯƠNG PHÁP BIÊN ĐẠO MÚA CHO TRẺ MN</p> <p>1.1. Vai trò của nghệ thuật múa trong công tác giáo dục trẻ. 1.2. Đặc điểm phát triển vận động của trẻ theo từng độ tuổi. 1.3. Các thể loại múa trong trường mầm non. 1.4. Phương pháp biên đạo múa cho trẻ mầm non 1.5. Phương tiện dạy trẻ vận động theo nhạc</p>	03/06	5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	<ul style="list-style-type: none"> - PP trò chơi: GV tổ chức trò chơi: “Cặp đôi hoàn hảo” - PP thảo luận nhóm: GV tổ chức cho SV thảo luận và báo cáo kết quả thực hiện, thảo luận. - PP thuyết giảng: GV nhận xét và kết luận. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu TL [1,2,3,4,5]. + Trang phục thể thao, giày múa. + Vở ghi chép - Chia nhóm (8-10 sinh viên); - Các nhóm đọc tài liệu, thảo luận và trình bày: Phương pháp biên đạo múa cho trẻ mầm non 	
<p>CHƯƠNG 2: HỆ THỐNG CÁC BÀI MÚA CHO TRẺ MẦM NON</p> <p>2.1. Một số bài múa cho trẻ mầm non theo chủ đề 2.2. Một số bài múa cho trẻ xem.</p>	03/06	5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	<ul style="list-style-type: none"> - PP trực quan: GV cho SV quan sát video 1 số bài múa dạy cho trẻ MN theo các chủ đề - PP thảo luận nhóm: GV tổ chức cho SV thảo luận và báo cáo kết quả thực hiện, thảo luận. - PP thuyết giảng: GV nhận xét và kết luận. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu TL [1,2,3,4,5]. + Trang phục thể thao, giày múa. + Vở ghi chép - Chia nhóm (8-10 sinh viên) thảo luận - Các nhóm đọc tài liệu, thảo luận và trình bày: Một số bài múa cho trẻ mầm non theo chủ đề. 	9.1.3

6.2. Thực hành

Chương/ Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>PHẦN 1: MÚA CƠ BẢN CHƯƠNG 2: CHẤT LIỆU MÚA DÂN GIÀN VIỆT NAM</p>	24/24	5.1.1 5.2.2 5.3.1	<ul style="list-style-type: none"> - PP làm mẫu: GV múa mẫu các tổ hợp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi sinh viên chuẩn bị: Quạt múa (2 	9.1.1 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
			- PP thực hành: GV tiến hành cho SV chia nhóm tập luyện, GV quan sát và chỉnh sửa động tác	cái), khăn voan (2 cái) - Chia nhóm (8-10 sinh viên) tập luyện - Trang phục thể thao, giày múa.	
CHƯƠNG 3: ĐIỀU NHẢYCHACHACHA	09/09	5.1.1 5.2.2 5.3.1	- PP làm mẫu: GV thể hiện điệu nhảy. - PP thực hành: GV tiến hành cho SV chia nhóm tập luyện, GV quan sát, chỉnh sửa động tác.	- Trang phục thể thao, giày múa. - Chia nhóm (8-10 sinh viên) tập luyện	9.1.2
PHẦN 2: MÚA CHUYÊN NGÀNH CHƯƠNG 2: HỆ THỐNG CÁC BÀI MÚA CHO TRẺ MẦM NON	21/21	5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	- PP làm mẫu: GV múa mẫu 1 số bài múa cho phù hợp với các chủ đề - PP thực hành: GV tiến hành cho SV chia nhóm tập luyện, GV quan sát và chỉnh sửa động tác	- Trang phục thể thao, giày múa. - Đạo cụ - Chia nhóm (8-10 sinh viên) tập luyện	9.1.3 9.2
ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC HỌC PHẦN	06/06	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	- PP thực hành: GV đánh giá SV 2 nội dung: 1 tổ hợp động tác múa và 1 bài múa dành cho trẻ mầm non. - PP thuyết giảng: GV nhận xét, rút kinh nghiệm tiết mục múa của mỗi nhóm.	- Trang phục, giày múa, đạo cụ. +Dàn dựng một tổ hợp động tác múa đã học ở phần Chất liệu dân gian Việt Nam. +Biểu diễn một bài hát múa tập thể dành cho trẻ trên cơ sở một bài múa từ một chủ đề trong chương trình giáo dục mầm non.	9.2

7. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác	Mục đích sử dụng
----	-------------	--------------	--------------	-------------------	------------------

			Năm xuất bản			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Lê Trọng Quang	Giáo trình Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ	2004	NXB ĐHQG HN	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Trần Minh Trí	Múa và phương pháp dạy trẻ vận động theo nhạc	1997	NXB GDVN	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
3	Hoàng Văn Yên	Trẻ thơ hát	1996	NXB Âm nhạc	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
4	Hoàng Văn Yên	Trò chơi âm nhạc cho trẻ mầm non	1999	NXB GDVN	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
5	Lê Thu Hương – PGS.TS Lê Thị Ánh Tuyết	Hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục mầm non (3 tháng - 6 tuổi)	2009	NXB GDVN	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Phần 1: Chương 1, 2, 3 Phần 2: Chương 1, 2	5.1; 5.2; 5.3	0.4
9.1.1	Bài thực hành 1	Phần 1: Chương 2 (Thế tay - thế chân)	5.1.1; 5.2.2	
9.1.2	Bài thực hành 2	Phần 1: Chương 3 (Khiêu vũ chachacha)	5.1.1; 5.2.2	
9.1.3	Bài thực hành 3	Phần 2: Chương 2 (Bài múa cho trẻ MN)	5.1.2; 5.2.1; 5.2.2	
9.2	Đánh giá kết thúc học phần (Thi thực hành)	Phần 1: Chương 2 Phần 2: Chương 2	5.1; 5.2; 5.3	0.6

6.1.22. ỨNG DỤNG CNTT TRONG DẠY HỌC MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4154 - ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
- TRONG DẠY HỌC MẦM NON
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 30 (20/20/60)
- Học phần điều kiện (nếu có):
- Học kỳ: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Võ Thị Nhỏ Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Điện thoại: 0945.703.880 Email: vtkho@dtu.edu.vn
- Đơn vị: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Liễu Gia Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Điện thoại: 0977.341.028 Email: nnlgiao@dtu.edu.vn
- Đơn vị: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Lê Anh Tuấn Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Điện thoại: 0914.555.875 Email: latuan@dtu.edu.vn
- Đơn vị: Phòng Đào tạo

3. Tổng quan về học phần

Học phần “**Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học mầm non**” thuộc khối kiến thức bắt buộc dành cho chuyên ngành Giáo dục mầm non. Học phần *Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong dạy học Mầm non* giới thiệu công dụng của CNTT trong dạy học mầm non. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên (SV) những kiến thức và kỹ năng cơ bản chung về CNTT trong dạy học; sử dụng các dịch vụ Web 2.0 trong dạy học và khai thác mô hình E-Learning; công nghệ và thiết bị dạy học; thiết kế các trò chơi học tập, thiết kế bài dạy mầm non có ứng dụng CNTT theo hướng phát triển năng lực. Đồng thời, học phần giúp SV hình thành khả năng sử dụng phần mềm hỗ trợ giảng dạy mầm non theo xu hướng hiện đại. Học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức nhằm tránh những tác động tiêu cực của việc lạm dụng CNTT trong dạy. Từ những kiến thức và kỹ năng cơ bản trên, SV có thể tiếp tục học tập nâng cao ở các học phần: *Stem trong dạy học mầm non*.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

PHẦN VIII: - Trình bày kiến thức về lí luận môn Ứng dụng CNTT trong dạy học mầm non. Khai thác một số phần mềm: Gimp, ProShow Gold, Violet, MS PowerPoint, iMindMap, Adobe Presenter/iSpring Suite ... để xây dựng được các hoạt động dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của trẻ ở tất cả các lĩnh vực ở mầm non.

PHẦN IX: - Khả năng phân tích tài liệu học tập và thiết kế bài giảng, xác định rõ quy trình thiết kế bài giảng điện tử có ứng dụng CNTT ở mầm non. Có kỹ năng làm việc hợp tác và thuyết trình.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất

PHẦN X: Sử dụng được các phương tiện kỹ thuật để dạy học ở Mầm non. Sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng giáo dục tạo ra sản phẩm tin học cụ thể, để xây dựng các sản phẩm CNTT phục vụ cho dạy học. Biết lựa chọn những nội dung phù hợp cho việc ứng dụng CNTT có hiệu quả. Thực hành thiết kế một số tình huống, bài giảng cụ thể có sự hỗ trợ của CNTT.

PHẦN XI: 4.3. Mức độ tự chủ, chịu trách nhiệm

Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân. Có khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác làm việc theo nhóm. Có ý thức ứng dụng CNTT để nâng cao hiệu quả dạy học. Có ý thức tìm hiểu và cập nhật ứng dụng những phần mềm giáo dục mới vào dạy học cũng như hỗ trợ học tập và hoạt động nghề nghiệp của mình. Phát triển năng lực: khai thác, vận dụng được các phần mềm giáo dục mầm non để học tập và phát triển nghề nghiệp của bản thân. Có năng lực phát huy trí tuệ tập thể.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	- Diễn giải được mục tiêu môn Ứng dụng CNTT trong dạy học mầm non, định hướng tạo ra các sản phẩm tin học: xây dựng trò chơi, bài dạy mầm non có sử dụng CNTT. - Nêu được cách sử dụng các sản phẩm tin học như: trò chơi, bài dạy có UDCNTT... cách ứng xử văn hóa trong môi trường số vào tình huống cụ thể.	1.6	3
5.1.2	Xác định được các yếu tố cấu thành trò chơi; kế hoạch bài dạy có UDCNTT như: mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện, hình thức đánh giá trong việc thiết kế. Phác thảo được kế hoạch bài dạy có UDCNTT phù hợp với dạng bài và đối tượng trẻ cụ thể.	1.6	3
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Thực hiện được các thao tác thực hành tạo ra sản phẩm mầm non có UDCNTT theo cá nhân hoặc nhóm.	2.1.6	3
5.2.2	Tổ chức và thiết kế kế hoạch dạy học các bài học, chuẩn bị và sử dụng các đồ dùng, thiết bị dạy học, đánh giá có sử dụng CNTT khi dạy các lĩnh vực mầm non. Phát huy vai trò chủ động tích cực học tập của trẻ.	2.1.3	6
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Chuyên cần, tích cực tham gia hoạt động học tập. Chủ động, sáng tạo, cầu tiến trong học tập, thực hành. Hợp tác, có tinh thần trách nhiệm và ý thức kỉ luật.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ ỨNG DỤNG CNTT TRONG DẠY HỌC Ở MẦM NON	3/6	5.1.1	- Thuyết trình, - Thảo luận nhóm.	Nghiên cứu tài liệu 1, 2, 3 và trả lời câu hỏi	[5.1.1]
		5.1.2			[5.1.2]
1.1 Các khái niệm	5.2.1	[5.2.1]			

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
1.2 Vai trò của CNTT trong dạy học mầm non 1.2.1. CNTT là phương tiện dạy học 1.2.2. CNTT là môi trường tổ chức dạy học 1.3 Các phương thức ứng dụng CNTT trong dạy học mầm non 1.3.1. Sử dụng các dịch vụ We 2.0 trong dạy học 1.3.2. Khai thác các mô hình E-Learning 1.4 Một số yêu cầu đối với giáo viên khi ứng dụng CNTT trong dạy học mầm non		5.3.1	(Vấn đáp hướng dẫn SV tự nghiên cứu tài liệu, các vấn đề liên quan bài dạy và làm rõ nội dung bài) - Giảng giải làm rõ các nội dung bài - Hướng dẫn cách quan sát các ứng dụng CNTT trên quy trình làm quan sát, thực hiện thao tác nội dung mẫu hướng dẫn ứng dụng	theo yêu cầu giảng viên	[5.3.1]
CHƯƠNG 2: CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC 2.1 Các thiết bị dạy học hiện đại 2.1.1. Công nghệ in trong dạy học 2.1.2. Công nghệ nhìn trong dạy học 2.1.3. Công nghệ chiếu rọi trong dạy học 2.2. Lựa chọn công nghệ và thiết bị dạy học	2/4	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.3.1	- Thuyết trình, - Thảo luận nhóm. (Vấn đáp hướng dẫn SV tự nghiên cứu tài liệu, các vấn đề liên quan bài dạy và làm rõ nội dung bài) - Giảng giải làm rõ các nội dung bài - Hướng dẫn cách quan sát các công nghệ và lựa chọn công nghệ.	Nghiên cứu tài liệu 1, 2, 3 và trả lời các câu hỏi theo yêu cầu giảng viên	[5.1.1] [5.1.2] [5.2.1] [5.3.1]
CHƯƠNG 3: SỬ DỤNG PHẦN MỀM CHỈNH SỬA ẢNH, PHIM 3.1. Giới thiệu 3.2. Khai thác phần mềm chỉnh sửa ảnh 3.3. Khai thác phần mềm chỉnh sửa phim	3/12	5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	Diễn giảng và luyện tập thực hành	Nghiên cứu tài liệu 1, 4 và làm bài tập thực hành theo yêu cầu giảng viên	Bài tập cá nhân làm sản phẩm ở mục [5.1.1] [5.1.2] [5.2.1] [5.3.1]

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐIỆN TỬ TRÊN VIOLET 4.1 Các kỹ thuật thiết kế trên Violet 4.2 Khai thác các mẫu bài tập 4.3 Sử dụng các mô đun cắm thêm (Plugin)	4/14	5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	Diễn giảng và luyện tập thực hành	Nghiên cứu tài liệu 1, 2, 3, 4 và làm bài tập thực hành theo yêu cầu giảng viên	Bài tập cá nhân làm sản phẩm ở mục [5.1.1] [5.1.2] [5.2.1] [5.3.1]
CHƯƠNG 5: THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TRÌNH CHIẾU TRÊN MS POWERPOINT 5.1 Các kỹ thuật thiết kế trên MS PowerPoint 5.2 Thiết kế các trò chơi trong dạy học Tiểu học với MS PowerPoint 5.3 Thiết kế bài giảng ở Tiểu học với MS PowerPoint 5.4 Những công cụ hỗ trợ 5.4.1. Những Violet vào MS PowerPoint 5.4.2. Phần mềm vẽ sơ đồ tư duy (iMindMap) 5.4.3. Thiết kế bài giảng e-learning với Adobe Presenter / iSpring Suite	8/24	5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	Diễn giảng và luyện tập thực hành	Nghiên cứu tài liệu 1, 2, 3, 4 và làm bài tập thực hành theo yêu cầu giảng viên	Bài tập cá nhân làm sản phẩm ở mục [5.1.1] [5.1.2] [5.2.1] [5.3.1]

6.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế (nếu có)

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy - học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
CHƯƠNG 3: SỬ DỤNG PHẦN MỀM CHỈNH SỬA ẢNH, PHIM 3.1 Phần mềm chỉnh sửa ảnh (Gimp) 3.2 Phần mềm chỉnh sửa phim (ProShow Gold, Format Factory)	3/6	5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	Thực hành, thảo luận nhóm	Nghiên cứu tài liệu 1, 4 và làm bài tập thực hành theo yêu cầu giảng viên	Hoàn thành bài tập thực hành theo yêu cầu
CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐIỆN TỬ TRÊN VIOLET 4.1 Các kỹ thuật thiết kế trên Violet 4.2 Khai thác các mẫu bài tập 4.3 Sử dụng các mô đun cắm thêm (Plugin)	4/6	5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	Thực hành, thảo luận nhóm	Nghiên cứu tài liệu 1, 2, 3, 4 và làm bài tập thực hành theo yêu cầu giảng viên	Hoàn thành bài tập thực hành theo yêu cầu
CHƯƠNG 5: THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TRÌNH CHIẾU TRÊN MS POWERPOINT	8/8	5.1.2 5.2.1 5.2.2	Thực hành, thảo luận nhóm	Nghiên cứu tài liệu	Hoàn thành bài tập

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/ThH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy - học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
5.1 Các kỹ thuật thiết kế trên MS PowerPoint 5.2 Thiết kế các trò chơi trong dạy học Tiểu học với MS PowerPoint 5.3 Thiết kế bài giảng ở Tiểu học với MS PowerPoint 5.4 Nhúng các công cụ hỗ trợ 5.4.1. Nhúng Violet vào MS PowerPoint 5.4.2. Phần mềm vẽ sơ đồ tư duy (iMindMap) 5.4.3. Thiết kế bài giảng e-learning với Adobe Presenter / iSpring Suite		5.3.1		1, 2, 3, 4 và làm bài tập thực hành theo yêu cầu giảng viên	Thực hành theo yêu cầu

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Giảng viên	Bài giảng “Ứng dụng CNTT trong dạy học mầm non”	2022			x	
2	Dự án phát triển giáo viên tiểu học	Phương tiện kỹ thuật dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học (Tập 1)	2006		Thư viện Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	Dự án phát triển giáo viên tiểu học	Phương tiện kỹ thuật dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học (Tập 2)	2006		Thư viện Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Tony Buzan	Nền tảng và ứng dụng của bản đồ tư duy	2014	NXB Tổng hợp TP.HCM	Thư viện Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng		x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Mã	Hình thức đánh giá/Tên	Nội dung được đánh giá	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1. Đánh giá thường xuyên				0.4
9.1.1	Thực hành cá nhân	Chương 3,4,5	5.1; 5.2; 5.3	
9.1.2	Điểm sản phẩm giữa kỳ	Chương 3,4,5	5.1; 5.2; 5.3	
9.2. Đánh giá kết thúc học phần				0.6
	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành - Thời gian: 90 phút - Đề mở (Sinh viên được sử dụng tài liệu) 	Chương 1,2,3,4,5	5.1, 5.2, 5.3	

6.1.23. PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VĂN HỌC CHO TRẺ MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4254 - Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen văn học cho trẻ mầm non
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 3 Số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 45 (45/0/90)
- Học phần điều kiện: *Văn học trẻ em* (Học trước)
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Phạm Thị Minh Hiếu - Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Đồng Tháp
- Điện thoại: 0914 759 251
- Email: phamhieut2501@gmail.com

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Lê Thị Thanh Hồng
- Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Đồng Tháp
- Điện thoại: 0918 282 625
- Email: hongdhdt@gmail.com

3. Tổng quan về học phần

Học phần *Phương pháp cho trẻ làm quen văn học* thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với tác phẩm văn học. Học phần có những kiến thức trọng tâm như: khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của hoạt động cho trẻ làm quen văn học; nội dung chương trình thơ truyện cho trẻ mầm non; đặc điểm tiếp nhận văn học của trẻ mầm non; những nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học; cách thức tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen văn học ở từng độ tuổi với các dạng bài khác nhau. Từ những kiến thức trên, sinh viên có thể học tiếp các học phần như *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 5, Thực tập tốt nghiệp*.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận liên quan đến việc tổ chức các hoạt động làm quen văn học ở trường mầm non, hình thành tư duy lý luận, vận dụng và thiết kế được kế hoạch giáo dục cho trẻ làm quen với văn học theo từng độ tuổi (nhà trẻ/mẫu giáo) và từng thể loại (thơ/truyện).

4.2. Kỹ năng

Thiết kế và tổ chức được các hoạt động cho trẻ làm quen văn học ở trường mầm non.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường, làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, khả năng nhận định đánh giá và quyết định giải pháp phát triển nhiệm vụ công việc được giao.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Giải thích được khái niệm, nhiệm vụ của hoạt động cho trẻ làm quen văn học, đặc điểm của thơ - truyện viết cho trẻ lứa tuổi mầm non, đặc điểm tiếp nhận văn học của trẻ mầm non; Phân tích được các nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động làm quen văn học.	1.5.1	3
5.1.2	So sánh những điểm khác biệt giữa các độ tuổi trong các dạng bài tổ chức hoạt động làm quen văn học; phân tích, đánh giá các hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.	1.5.2	3
5.2 Kỹ năng			
5.2.1	Vận dụng được các nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động làm quen văn học để thiết kế và tổ chức được các hoạt động dạy học theo từng độ tuổi (nhà trẻ/mẫu giáo) và thể loại (thơ/truyện).	2.1.2	3
5.2.2	Đánh giá các hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non; Phân tích chuẩn xác kết quả kiểm tra, đánh giá trẻ trong giáo dục phát triển ngôn ngữ	2.1.5	3
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm; khả năng nhận định đánh giá và quyết định giải pháp phát triển nhiệm vụ công việc được giao.	3.1.	3
5.3.2	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	3.3	4

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	CDR	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của SV	HĐĐG
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG 1.1. Khái niệm làm quen với tác phẩm văn học 1.2. Ý nghĩa, nhiệm vụ của hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học 1.2.1 Tổ chức hoạt động LQTPVH góp phần mở rộng nhận thức, phát triển trí tuệ cho trẻ 1.2.2 Tổ chức hoạt động LQTPVH góp phần giáo dục đạo đức cho trẻ 1.2.3 Tổ chức hoạt động LQTPVH góp phần giáo dục thẩm mỹ - 1.2.4 Tổ chức hoạt động LQTPVH góp phần phát triển ngôn ngữ - 1.2.5. Tổ chức hoạt động LQTPVH phát triển ở trẻ hứng thú “đọc sách”, kỹ năng đọc và kể tác phẩm. 1.3. Chương trình thơ truyện cho trẻ mầm non 1.3.1 Đặc điểm của thơ, truyện viết cho trẻ lứa tuổi mầm non 1.3.2 Nội dung chương trình làm quen với văn học ở trường mầm non - 1.3.3 Các nguyên tắc lựa chọn tác phẩm văn học cho trẻ em	10/20	5.1.1 5.2.1 5.3.1	- - Thảo luận nhóm - Thuyết giảng - Đàm thoại -	- Đọc tài liệu [1, 2,3,4,5] - Câu hỏi: 1. Nêu và giải thích khái niệm cho trẻ làm quen với TPVH? 2. Nêu và cho ví dụ về ý nghĩa của hoạt động cho trẻ làm quen với TPVH? 3. Nêu và cho ví dụ về đặc điểm nội dung và nghệ thuật của thơ, truyện viết cho tuổi MN? 4. Nêu các nguyên tắc lựa chọn TPVH cho trẻ? 5. Nêu và phân tích những đặc	9.1.1 9.2

<p>1.4. Đặc điểm tiếp nhận văn học của trẻ mầm non</p> <p>1.4.1 Tiếp nhận mang tính gián tiếp</p> <p>1.4.2 Tiếp nhận mang tính tập thể</p> <p>1.4.3 Tiếp nhận phụ thuộc vào kinh nghiệm sống của trẻ</p> <p>- 1.4.4 Tiếp nhận chịu tác động của các yếu tố tâm lí</p>				điểm tiếp nhận văn học của trẻ MN?	
<p>CHƯƠNG 2. NGUYÊN TẮC, PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VĂN HỌC CHO TRẺ MẦM NON</p> <p>2.1. Nguyên tắc tổ chức hoạt động làm quen văn học</p> <p>2.1.1 Phát huy tính tích cực sáng tạo của chủ thể trẻ em trong hoạt động làm quen với tác phẩm văn học</p> <p>2.1.2 Đảm bảo tính vừa sức</p> <p>2.1.3 Đảm bảo tính sư phạm, hệ thống trong kế hoạch tổ chức các hoạt động làm quen với tác phẩm văn học</p> <p>2.1.4 Phải đảm bảo sự gọi cảm thẩm mĩ, hứng thú</p> <p>2.1.5 Hướng trẻ vào cảm nhận giá trị nội dung, hình thức của tác phẩm văn học</p> <p>2.1.6 Tích hợp nội dung hướng vào mục tiêu giáo dục, đặc biệt văn học và ngôn ngữ trong tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học</p> <p>2.1.7 Thống nhất các nguyên tắc, phối hợp các phương pháp, biện pháp</p> <p>2.2. Phương pháp cơ bản tổ chức hoạt động làm quen văn học</p> <p>2.2.1 Nhóm phương pháp sử dụng lời nói</p> <p>2.2.2 Nhóm phương pháp trực quan</p> <p>2.2.3 Nhóm phương pháp thực hành</p> <p>2.3. Hình thức tổ chức hoạt động làm quen văn học</p> <p>2.3.1 Kể chuyện, đọc thơ cho trẻ nghe mọi lúc, mọi nơi</p> <p>2.3.2 Kể chuyện, đọc thơ cho trẻ nghe trong hoạt động làm quen với thơ truyện</p>	15/30	5.1.1 5.2.1 5.3.1	Thảo luận nhóm Thuyết giảng Đàm thoại Tự nghiên cứu và thực hành Xem video tiết dạy mẫu	<p>- Đọc tài liệu [1, 2,3,4,5]</p> <p>- Câu hỏi:</p> <p>1. Trình bày các nguyên tắc tổ chức hoạt động làm quen với thơ truyện?</p> <p>2. Trình bày các phương pháp cơ bản tổ chức cho trẻ làm quen với thơ truyện?</p> <p>3. Rút ra các phương pháp được sử dụng trong tiết dạy mẫu (Tên? Mục đích, Thời điểm...)</p> <p>4. Chọn một số tác phẩm thơ, truyện hay và phân tích các kỹ thuật đọc-kể, thực hành đọc – kể diễn cảm trên lớp.</p>	9.1.1 9.2

<p>CHƯƠNG 3. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VĂN HỌC CHO TRẺ MẦM NON</p> <p>3.1. Tổ chức hoạt động làm quen văn học cho trẻ nhà trẻ</p> <p>3.1.1 Tổ chức hoạt động đọc thơ cho trẻ nghe</p> <p>3.1.2 Tổ chức hoạt động kể chuyện cho trẻ nghe</p> <p>3.1.3. Tổ chức hoạt động dạy trẻ kể lại truyện</p> <p>3.2. Tổ chức hoạt động làm quen văn học cho trẻ mẫu giáo</p> <p>3.2.1 Tổ chức hoạt động đọc thơ cho trẻ nghe</p> <p>3.2.2. Tổ chức hoạt động dạy trẻ đọc thuộc thơ diễn cảm</p> <p>3.2.3. Tổ chức hoạt động kể chuyện cho trẻ nghe</p> <p>3.2.4. Tổ chức hoạt động dạy trẻ kể lại truyện</p> <p>3.2.5. Tổ chức hoạt động đóng kịch theo cốt truyện</p>	20/40		<p>Thảo luận nhóm</p> <p>Thuyết giảng</p> <p>Đàm thoại</p> <p>Soạn giáo án theo sự phân công của GV</p> <p>Lên tiết dạy thực hành theo nhóm</p>	<p>- Đọc tài liệu [1,2,4,6] và trả lời các câu hỏi:</p> <p>1. Nêu quy trình tổ chức hoạt động đọc thơ, kể chuyện và tập cho bé kể chuyện đối với tuổi 24-36 tháng?</p> <p>- 2. Xác định mục tiêu, chuẩn bị, các hoạt động chính của cô và trẻ khi tổ chức hoạt động đọc thơ, kể chuyện lứa tuổi mẫu giáo?</p> <p>- 3. Xác định mục tiêu, chuẩn bị, các hoạt động chính của cô và trẻ khi tổ chức hoạt động dạy bé kể lại chuyện lứa tuổi mẫu giáo?</p> <p>4. Thiết kế kế hoạch dạy học, chuẩn bị đồ dùng, thực hành tiết dạy: nhóm gồm 8-10 SV; mỗi nhóm 1 chủ đề, thực hành 4 hoạt động khác nhau ở cả 2 độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo.</p>	<p>9.1.2</p> <p>9.1.3</p> <p>9.2</p>
---	--------------	--	---	---	--------------------------------------

7. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Hà Nguyễn Kim Giang	<i>Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học,</i>	2008	GD	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	

2	Ngô Thị Thái Sơn	<i>Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với tác phẩm văn học</i>	2006	GD	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X
3	Bộ GD&ĐT	<i>Chương trình Giáo dục Mầm non</i>	2017	GD	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x
4	Lê Thu Hương (Chủ biên)	<i>Hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục trong trường MN theo chủ đề (ở 3 độ tuổi).</i>	2009	GD	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x
5	Lê Thu Hương (Chủ biên)	<i>Tuyển chọn trò chơi, câu đố, bài hát, thơ truyện theo chủ đề (dành cho trẻ nhà trẻ và mẫu giáo).</i>	2015	GD	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x
6	Trần Thị Ngọc Trâm (chủ biên)	<i>Hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục mầm non (nhà trẻ, mẫu giáo)</i>	2009	GD	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x

8. Quy định đối với sinh viên

- Tham dự đủ từ 80% trở lên số tiết lý thuyết của học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>	<i>Chương 1, 2,3</i>	<i>5.1; 5.2; 5.3</i>	0.4
9.1.1	Thảo luận nhóm/ Bài kiểm tra	Chương 1,2	5.1.1; 5.2.1; .3.1	
9.1.2	Bài kiểm tra / Giáo án	Chương 3	5.1.2; 5.2.1; 5.2.2; 5.2.3; 5.2.4; 5.3.1	
9.1.3	Tập dạy	Chương 3	5.1.2; 5.2.1; 5.2.2; 5.2.3; 5.2.4; 5.3.1	
9.2	<i>Đánh giá kết thúc học phần</i> (Tự luận, 120 phút, không được sử dụng tài liệu)	<i>Chương 1,2,3</i>	<i>5.1; 5.2;</i>	0.6

6.1.24. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC ÂM NHẠC CHO TRẺ MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4106N – PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC ÂM NHẠC CHO TRẺ MẦM NON

- Mã lớp học phần:

- Số tín chỉ: 3

Số tiết tín chỉ (15LT/60Th.H/90TH):

- Học phần điều kiện (nếu có): KI4233, KI4220, GE4072N – GE4074N

- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên: Võ Ngọc Quyên

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Điện thoại: 0943229662

Email: ngocquyenspdt@gmail.com

- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Phương pháp Giáo dục Âm nhạc là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non (GVMN), nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về lý luận và phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ ở Trường Mầm non như: mục đích, vai trò, nhiệm vụ và các phương pháp dạy trẻ hát, nghe nhạc/ nghe hát, vận động theo nhạc... ở Trường Mầm non; Giúp sinh viên lập kế hoạch và đánh giá được các hoạt động giáo dục âm nhạc cho trẻ ở Trường Mầm non.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

4.1.1. Khái quát hóa về lý luận và phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non;

4.1.2. Xác định được vai trò, nhiệm vụ và các hình thức giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non.

4.2. Kỹ năng/ phẩm chất

4.2.1. Thiết kế được kế hoạch và tổ chức được các hoạt động giáo dục âm nhạc cho trẻ ở trường mầm non; Đánh giá được kế hoạch giáo dục âm nhạc cho trẻ ở trường mầm non.

4.2.2. Giao tiếp chuẩn mực, có tác phong sư phạm chuẩn mực, phẩm chất đạo đức tốt.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

4.3.1. Có sáng kiến, khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc; Có ý thức trách nhiệm với bản thân và tập thể, có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân/ quan điểm thống nhất của nhóm trong giờ học.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
<i>5.1 Kiến thức</i>			
5.1.1	Khái quát hóa về lý luận và phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non như: mục đích, vai trò, ý nghĩa và các phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non...	1.3	3
5.1.2	Xác định được vai trò, nhiệm vụ và các hình thức giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non.	1.3	3
<i>5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức</i>			
5.2.1	Thiết kế được kế hoạch tổ chức các hoạt giáo dục âm nhạc cho trẻ ở trường mầm non phù hợp với đặc điểm khả năng của trẻ và điều kiện thực tiễn.	2.1.2	6
5.2.2	Đánh giá được kế hoạch giáo dục âm nhạc cho trẻ ở trường mầm non. Cụ thể qua 4 hoạt động: dạy hát, dạy nghe nhạc/ nghe hát, vận động theo nhạc và trò chơi âm nhạc.	2.1.4	5

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.2.3	Giao tiếp chuẩn mực, tác phong sư phạm chuẩn mực, phẩm chất đạo đức tốt	2.2	3
<i>5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm</i>			
5.3.1	Có tư duy độc lập, sáng kiến, khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc;	3.1	3
5.3.2	Hướng dẫn trẻ tham gia các hoạt động âm nhạc	3.2	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1 Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	CB của sinh viên	HĐĐG
<p>Chương 1: Một số vấn đề chung về giáo dục Âm nhạc cho trẻ ở Trường Mầm non</p> <p>1.1. Vai trò và nhiệm vụ của giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non.</p> <p>1.2. Đặc điểm phát triển khả năng âm nhạc của trẻ mầm non</p> <p>1.3. Hệ thống các phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non.</p> <p>1.4. Các hình thức tổ chức giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non.</p>	6/12	5.1.1; 5.1.2; 5.2.1; 5.2.2; 5.2.3; 5.3;	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng. - Thảo luận nhóm: nội dung [1.1; 1.2] + Giảng viên nhận xét, tổng hợp nội dung trả lời các câu hỏi của sinh viên. - Làm việc nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị và tham khảo tài liệu: [2, 3, 4] - SV đọc tài liệu 1 [từ trang 5-16 và 76 -98] để chuẩn bị thảo luận. + Thực hiện nhóm: “<i>Quan sát những biểu hiện phản ứng với âm nhạc của trẻ</i>” 	9.1.1 9.1.2
<p>Chương 2: Phương pháp dạy các hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non</p> <p>2.1. Phương pháp dạy trẻ hát.</p> <p>2.2. Phương pháp dạy trẻ nghe nhạc.</p> <p>2.3. Phương pháp dạy trẻ vận động theo nhạc.</p> <p>2.4. Trò chơi âm nhạc.</p> <p>2.5. Phương pháp đánh giá và lập kế hoạch tổ chức hướng dẫn hoạt động âm nhạc.</p>	9/18	5.1.1; 5.1.2; 5.2.1; 5.2.2; 5.2.3; 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng. - Thảo luận nội dung (ND) [2.1] - Thực hành ND [2.3] 	<ul style="list-style-type: none"> - SV đọc tài liệu 1 [từ trang 17 – 75] chuẩn bị nội dung thảo luận [2.1; 2.2], cử đại diện trình bày - Luyện tập các kỹ năng hát và gõ đệm theo các dạng tiết tấu; cách bắt nhịp – đánh nhịp. 	9.1.1

6.2 Thực hành, thực tế

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	CB của sinh viên	HĐĐG
<p>Chương 3: Thiết kế bài dạy và tập dạy</p> <p>3.1 Phân phối chương trình</p>	15/30	5.1.1; 5.1.2; 5.2.2;	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành và thảo luận nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV tham khảo tài liệu [4; 5] và chuẩn 	9.1.1

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	CB của sinh viên	HĐĐG
<p>1.3.1. Các chủ đề ở lớp mẫu giáo 3 – 4, 4 – 5 tuổi</p> <p>1.3.2. Các chủ đề ở lớp mẫu giáo 5 – 6 tuổi</p> <p>3.2 Xây dựng kế hoạch và thực hành dạy</p> <p>3.2.1. Xây dựng kế hoạch.</p> <p>3.2.2. Thực hành tập dạy</p> <p>3.2.3. Ôn tập, kiểm tra</p> <p>3.3. Luyện tập một số bài hát trong chương trình.</p> <p>3.3.1. Một số bài hát tiêu biểu cho các tính chất AN.</p> <p>3.3.2. Luyện tập hát ru và dân ca</p> <p>3.3.3. Một số bài VĐTN, múa; luyện võ/gõ đệm các dạng tiết tấu.</p>		5.2.3; 5.3	+ Thảo luận nhóm + GV hướng dẫn, giải thích, sửa giáo án...	<p>bị các nội dung sau:</p> <p>+ Tìm hiểu các hoạt động âm nhạc cho trẻ ở từng giai đoạn từ nhà trẻ đến mẫu giáo.</p> <p>+ Tập hát một số bài hát trong/ ngoài chương trình kết hợp vỗ đệm theo hát.</p> <p>- Chia nhóm, thực hành soạn giáo án và tập dạy</p>	
3.4. Thực hành trải nghiệm ở Trường Mầm non	15/30	5.1.1; 5.1.2; 5.2.2; 5.2.3; 5.3	<p>- GV và lớp trưởng liên hệ trường MN Hoa Hồng xin kế hoạch dạy học theo tuần/ tháng.</p> <p>- Dựa theo kế hoạch ở trường mầm non phân công nhiệm vụ cho từng nhóm (4 nhóm), mỗi nhóm chuẩn bị 4 giáo án: Nhà trẻ (1 tiết), Mẫu giáo (3 tiết).</p> <p>- Hướng dẫn SV xây dựng được tiêu chí và kế hoạch đánh giá trẻ qua các hoạt động giáo dục âm nhạc.</p> <p>- Giám sát các hoạt động của SV.</p>	<p>- SV tuân thủ các quy tắc ở Trường Mầm non.</p> <p>- Nghiêm túc chuẩn bị đầy đủ giáo án, giáo cụ trước khi lên tiết dạy.</p> <p>- Quay video tiết dạy của nhóm.</p> <p>- Nộp video và sổ/ bảng ghi chép cá nhân đánh giá trẻ qua từng hoạt động giáo dục âm nhạc.</p>	9.1.1; 9.1.3

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo

1	Phạm Thị Hoà	Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ Mầm non	2011	Nxb GDVN	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Hoàng Nhị Bình, Võ Ngọc Quyên	Bài giảng PPGD Âm nhạc cho trẻ MN		Nội bộ	Giảng viên		x
3	Hoàng Văn Yên	Trẻ mầm non ca hát.	1993	Nxb Âm nhạc	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Hoàng Văn Yên	Trẻ thơ hát	1995	Nxb Âm nhạc	TTHL Lê Vũ Hùng		x
5	Các hoạt động âm nhạc của trẻ mầm non	Nhiều tác giả	2015	Nxb Giáo dục VN	Giảng viên	x	

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá/ Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1. Đánh giá thường xuyên				0.4
9.1.1	- Chuyên cần	Chương 1, 2, 3	5.1.1; 5.2.1; 5.2.2; 5.2.3; 5.3	0.1
9.1.2	- Bài tự học	Chương 1, 2	5.1.1; 5.2.1; 5.2.2; 5.2.3; 5.3	0.1
9.1.3	Video thực hành trải nghiệm ở trường mầm non.	Chương 3 [3.4]	5.2.1; 5.2.2; 5.2.3; 5.3.	0.2
9.2. Đánh giá kết thúc học phần				0.6
	Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận	Chương 1, 2, 3	5.1.1; 5.2.1; 5.2.2; 5.2.3; 5.3	

6.1.25. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC TRẺ MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4256 – TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC TRẺ MẦM NON
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 2 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): (30/00/60)
- Học phần điều kiện (nếu có):
- Học kì: I Năm học: 2021 – 2022

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Hồng Khoa** Chức danh, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ
- Điện thoại: 0914. 443. 524 E-mail: [nthkhoa@dthu.edu.vn](mailto: nthkhoa@dthu.edu.vn)
- Đơn vị: Khoa Giáo Dục THMN

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Lê Thị Kim Anh** Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Tiến sĩ
- Điện thoại: 0988 980929 Email: [ltkanh@dthu.edu.vn](mailto: ltkanh@dthu.edu.vn)
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: **Lê Thị Thanh Sang** Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Điện thoại: 0908732782 Email: [sang.lethithanh@gmail.com](mailto: sang.lethithanh@gmail.com)
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Học phần **Tổ chức hoạt động chăm sóc trẻ mầm non** nằm trong Khối kiến thức Chuyên ngành bắt buộc trong Chương trình đào tạo đại học ngành Giáo dục mầm non. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các hoạt động chăm sóc trẻ ở trường mầm non trong việc thực hiện chế độ sinh hoạt phù hợp với đặc điểm trẻ theo yêu cầu của chương trình giáo dục mầm non. Từ đó, giúp sinh viên có kiến thức, kỹ năng tích lũy được từ học phần này để vận dụng trong các môn phương pháp dạy trẻ mầm non, đặc biệt là phương pháp phát triển thể chất. Đồng thời, sinh viên sẽ có thể vận dụng trực tiếp trên trẻ tốt hơn khi tham gia các học phần RLNVSTPX và thực tập tốt nghiệp tại trường mầm non.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Khái quát hóa những kiến thức về tổ chức chế độ sinh hoạt trong một ngày của trẻ mầm non, phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc trẻ mầm non.

4.2. Kỹ năng:

Tổ chức được hoạt động chăm sóc trẻ phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ và điều kiện thực tiễn ở trường mầm non.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

Có tư duy độc lập, lập luận khoa học để bảo vệ và dám chịu trách nhiệm về kế hoạch của cá nhân soạn; có ý tưởng trong quá trình thiết kế kế hoạch tổ chức các hoạt động chăm sóc trẻ.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1. Kiến thức			

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1.1	Diễn giải được cấu trúc, bản chất và cách xây dựng kế hoạch chăm sóc trẻ mầm non.	1.4	2
5.1.2	Sử dụng các kiến thức về chương trình GDMN trong xây dựng các loại kế hoạch tổ chức hoạt động chăm sóc trẻ mầm non phù hợp với thực tiễn.	1.4	3
5.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Nhận định những thay đổi của xu hướng giáo dục mầm non trong bối cảnh hội nhập quốc tế trong phân tích và phát triển chương trình nhằm tổ chức hoạt động chăm sóc trẻ mầm non linh hoạt.	2.1.1	2
5.2.2	Xây dựng được kế hoạch chăm sóc, trẻ linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn.	2.1.2	6
5.2.3	Thiết kế được môi trường, mục tiêu chăm sóc trẻ mầm non.	2.1.3	3
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3	Có tư duy độc lập, lập luận khoa học để bảo vệ và dám chịu trách nhiệm về kế hoạch của cá nhân soạn; có ý tưởng trong quá trình thiết kế kế hoạch tổ chức các hoạt động chăm sóc trẻ.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON 1.1. Chế độ sinh hoạt của trẻ mầm non 1.2. Nguyên tắc thực hiện chế độ sinh hoạt cho trẻ	08/16	5.1 5.2 5.3	-Thuyết trình - Đàm thoại (1.1 , 1.2) - Trò chơi (1.3) - Thảo luận nhóm (1.4 đến 1.8)	- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu chương 1 trong giáo trình ; liệt kê sẵn các nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc. - Chuẩn bị giấy A4 hoặc giấy trắng -Nội dung câu hỏi: + Chế độ sinh hoạt của trẻ mầm non. + Nguyên tắc thực hiện chế độ sinh hoạt cho trẻ - Chơi trò chơi: nối tiếp ý tưởng	9.1.1

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>CHƯƠNG 2. TỔ CHỨC CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CỦA TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON</p> <p>2.1. Tổ chức chế độ sinh hoạt cho trong năm đầu</p> <p>2.2. Tổ chức chế độ sinh hoạt cho trong năm thứ 2</p> <p>2.3. Tổ chức chế độ sinh hoạt cho trong năm thứ 3</p> <p>2.4. Tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ mẫu giáo</p>	10/20	5.1 5.2 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng (2.1 , 2.2) - Trực quan (2.3) Xem video về trường MN, các hồ sơ sổ sách ở trường mầm non - Thảo luận nhóm (2.1 đến 2.4) - Thực hành Sưu tầm hình ảnh phù hợp với chế độ sinh hoạt cho một độ tuổi bất kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu chương 2; liệt kê sẵn các nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc. - Chuẩn bị nội dung trả lời các câu hỏi (sau Chương 2). 	9.1.2
<p>CHƯƠNG 3. HƯỚNG DẪN LẬP KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ MẦM NON</p> <p>3.3.1. Lập kế hoạch tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ nhà trẻ.</p> <p>3.3.2. Lập kế hoạch tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ mẫu giáo</p>	12/24	5.1.1; 5.1.3; 5.2.1; 5.2.3; 5.3.1; 5.3.2	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận nhóm (3.1 và bài tập cuối Chương 3) - Đàm thoại (3.1 – 3.8) - Trực quan Xem video các hoạt động của trẻ ở trường mầm non - Thực hành Lập chế độ sinh hoạt cho một độ tuổi bất kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu [1, tr116 – tr130], [2], [5]; liệt kê sẵn các nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc. - Chuẩn bị nội dung trả lời các câu hỏi (sau Chương 3 [1, tr157]. - Chuẩn bị bài tập thực hành trang [1, tr158 – tr159]. 	9.1.3

6.1. Thực hành, thí nghiệm, thực tế (nếu có): Không

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Thị Oanh	Tổ chức các hoạt động chăm sóc –	2009	NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm Học liệu	x	

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
		giáo dục cho trẻ ở trường mầm non			Lê Vũ Hùng		
2	Bộ GD & ĐT	Hướng dẫn Thực hiện Chế độ sinh hoạt cho trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non	2017	NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng	x	
3	Đào Thanh Âm	Giáo dục học mầm non (tập 1, tập 2, tập 3)	1995	Nhà Xuất bản ĐHSP	Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Bộ GD & ĐT	Chương trình giáo dục mầm non	2017	NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng	x	
5	TS. Trần Thu Hương, TS. Trần Thị Ngọc Trâm, PGS.TS. Lê Thị Ánh Tuyết	Hướng dẫn Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non Nhà trẻ (3 – 36 tháng tuổi)	2017	NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng		x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên			0.4
9.1.1	Semina lần 1	Chương 1	5.1.1	0.2
9.1.2	Semina lần 2 (Bài tập 1 + Bài tập 2)	Chương 2 Chương 3	5.1.1	0.2
9.2	Thi tự luận 90'	Chương 3 Chương 2 Chương 1	5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.2.3 5.3	0.6

6.1.26. PP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ỨNG DỤNG TRONG GDMN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4040E – PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ỨNG DỤNG TRONG GIÁO DỤC MẦM NON
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 2 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): (30/0/60)
- Học phần điều kiện (nếu có):
- Học kỳ: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên: Dương Huy Cẩn Chức danh, học vị: GVC.TS
- Điện thoại: 0918 716 959 Email: dhcandht@gmail.com
- Đơn vị: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non
- Họ và tên: Nguyễn Hoàng Anh Chức danh, học vị: GV.TS
- Điện thoại: 0939.399.177 Email: nhanh@dtu.edu.vn
- Đơn vị: Phòng Công tác Đảng- Đoàn thể

3. Tổng quan về học phần

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục ứng dụng trong Giáo dục mầm non là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở ngành Giáo dục mầm non.

Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về khoa học, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu khoa học Giáo dục mầm non, chọn đề tài, xây dựng đề cương đề tài nghiên cứu khoa học Giáo dục mầm non.

Kiến thức về nghiên cứu khoa học là cơ sở cho sinh viên trong học tập, nghiên cứu và thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học các vấn đề trong Giáo dục mầm non.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Khái quát kiến thức cơ bản về khoa học, nghiên cứu khoa học và nghiên cứu khoa học trong Giáo dục mầm non.

4.2. Kỹ năng

Thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học để giải quyết các vấn đề khác nhau trong Giáo dục mầm non

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Khả năng nghiên cứu độc lập, hợp tác nhóm để thực hành nghiên cứu đề tài và quyết định các vấn đề liên quan khi thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học trong Giáo dục mầm non.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1. Kiến thức			
5.1.1	Khái quát được kiến thức về nghiên cứu khoa học trong Giáo dục mầm non	1.4	3
5.1.2	Mô tả được các vấn đề về Giáo dục mầm non để thực hiện nghiên cứu khoa học phát triển toàn diện cho trẻ.	1.5	3
5.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.2.1	Thực hiện nghiên cứu khoa học, phát hiện và giải quyết được các vấn đề trong thực tiễn Giáo dục mầm non.	2.1.6	3
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập, lập luận khoa học trong giải quyết nhiệm vụ và chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	CDR	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC</p> <p>1.1. Khái niệm nghiên cứu khoa học</p> <p>1.1.1. Khoa học và nghiên cứu khoa học</p> <p>1.1.2. Các chức năng của nghiên cứu khoa học</p> <p>1.1.3. Các đặc điểm của nghiên cứu khoa học</p> <p>1.1.4. Các loại hình nghiên cứu khoa học</p> <p>1.2. Nghiên cứu khoa học trong Giáo dục mầm non</p> <p>1.2.1. Tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học trong Giáo dục mầm non</p> <p>1.2.2. Các hình thức nghiên cứu khoa học trong Giáo dục mầm non</p>	02/04	5.1 5.2 5.3	- Thuyết trình; - Đàm thoại; - Thảo luận; - Thực hành	- Tài liệu 1, Chương 1: mục 1.1 và 1.2 - Tài liệu 2, Phần I: Chương 1,2 - Câu hỏi: 1. Hiểu tính mới trong nghiên cứu khoa học và trong nghiên cứu khoa học Giáo dục mầm non như thế nào? 2. Các hình thức nghiên cứu khoa học trong Giáo dục mầm non? Ưu điểm, hạn chế?	HĐ 9.1 HĐ 9.2
<p>1.2. Những quan điểm tiếp cận trong nghiên cứu khoa học Giáo dục mầm non</p> <p>1.2.1. Quan điểm hệ thống – cấu trúc...</p> <p>1.2.2. Quan điểm tiếp cận lịch sử trong...</p> <p>1.2.3. Quan điểm tiếp cận tích hợp trong...</p> <p>1.2.4. Quan điểm tiếp cận hoạt động trong...</p> <p>1.2.5. Quan điểm tiếp cận thực tiễn trong...</p>				3. Hiểu quan điểm tiếp cận hệ thống – cấu trúc...; hoạt động...; tích hợp trong nghiên cứu khoa học Giáo dục mầm non như thế nào?	
<p>CHƯƠNG 2. THỰC HIỆN MỘT ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC MẦM NON</p> <p>2.1. Đề tài nghiên cứu khoa học</p> <p>2.1.1. Khái niệm đề tài nghiên cứu khoa học</p>	18/36	5.1 5.2 5.3	- Thuyết trình; - Đàm thoại; - Thảo luận; - Thực hành	- Tài liệu 1 chương 2: mục 2.1, 2.2 - Tài liệu 2, Phần IV - Tài liệu 4, 5 - Câu hỏi:	HĐ 9.1 HĐ 9.2

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	CDR	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>2.1.2. Yêu cầu với một đề tài nghiên cứu khoa học</p> <p>2.1.3. Các loại đề tài nghiên cứu khoa học</p> <p>2.2. Trình tự thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học</p> <p>2.2.1. Chọn đề tài nghiên cứu</p> <p>2.2.2. Xây dựng đề cương nghiên cứu</p> <p>Các phần theo cấu trúc đề cương đề tài nghiên cứu khoa học:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Mở đầu + Chương 1. Cơ sở lý luận + Chương 2. Thực trạng... + Chương 3. Biện pháp... + Kết luận + Tài liệu tham khảo + Phụ lục <p>2.2.3. Thực hiện việc nghiên cứu</p> <p>2.2.4. Viết báo cáo tổng kết đề tài</p> <p>2.2.5. Bảo vệ, nghiệm thu đề tài</p>				<p>4. Trong nghiên cứu khoa học Giáo dục mầm non cần quan tâm nghiên cứu những vấn đề gì?</p> <p>5. Đặt tên một đề tài nghiên cứu khoa học trong Giáo dục mầm non? Phân tích các thành phần có trong tên đề tài đó vừa đưa ra?</p> <p>6. Lập đề cương nghiên cứu cho đề tài Giáo dục mầm non ở trên?</p> <p>6.1. Mở đầu: Lí do, Mục tiêu, ...?</p> <p>6.2. Chương 1. Cơ sở lý luận...</p> <p>6.3. Chương 2. Thực trạng...</p> <p>6.4. Chương 3. Biện pháp...</p> <p>6.5. Kết luận</p> <p>6.6. Tài liệu tham khảo</p> <p>6.7. Phụ lục</p>	
<p>CHƯƠNG 3. CÁC PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC MẦM NON</p> <p>3.1. Các phương pháp nghiên cứu lý luận</p> <p>3.1.1. Thu thập tài liệu</p> <p>3.1.2. Phương pháp phân tích, tổng hợp lý thuyết</p> <p>3.1.3. Phương pháp phân loại và hệ thống hóa lý thuyết</p> <p>3.1.4. Phương pháp mô hình hóa</p> <p>3.2. Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn</p> <p>3.2.1. Phương pháp quan sát</p> <p>3.2.2. Phương pháp điều tra</p> <p>3.2.3. Phương pháp thực nghiệm</p>	10/20	5.1 5.2 5.3	- Thuyết trình; - Đàm thoại; - Thảo luận; - Thực hành	<p>- Tài liệu 1, Chương 3: mục 3.1</p> <p>- Tài liệu 2, Phần II: Chương IV</p> <p>- Câu hỏi:</p> <p>7. Thu thập các tài liệu lý luận nghiên cứu đề tài như thế nào?</p> <p>8. Lập phiếu khảo sát cho đề tài nghiên cứu đưa ra (câu 5):</p>	HD 9.1 HD 9.2

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	CDR	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
3.2.4. Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động 3.2.5. Phương pháp nghiên cứu tiểu sử trẻ em 3.3. Sử dụng toán học trong nghiên cứu khoa học Giáo dục mầm non 3.3.1. Các thống kê thường sử dụng trong nghiên cứu khoa học 3.3.2. Xử lý số liệu định tính, định lượng 3.3.3. Trình bày số liệu thống kê 3.3.4. Phân tích kết quả thống kê				8.1. Phiếu khảo sát với trẻ? 8.2. Phiếu khảo sát với phụ huynh, cô? 9. Lập bảng số liệu tương ứng với phiếu khảo sát 8.1, 8.2 ở trên?	

6.2. Thực hành (không)

7. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Dương Huy Cẩn	Bài giảng. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giáo dục mầm non	2020	(ĐHĐT)	Giảng viên	x	
2	Nguyễn Ánh Tuyết, Lê Thị Kim Anh, Đinh Văn Vang	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	2006	Đại học Sư phạm	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hung	x	
3	Bộ Giáo dục và Đào tạo- Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục	Tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học của giáo viên. <i>Dành cho Giáo dục mầm non</i>	2015	Giáo dục – Đại học Sư phạm	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hung		x
4	Lê Công Triêm – Nguyễn Đức Vũ	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2004	Đại học Sư phạm	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hung		x
5	Dương Huy Cẩn và Nguyễn Văn Bản	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Giáo dục tiểu học	2019	Đại học Cần Thơ	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hung		x

8. Quy định đối với sinh viên

- SV tham gia học tập đầy đủ số tiết trong thời gian nghiên cứu học phần.
- Tích cực tự học, nghiên cứu tài liệu, đưa ý kiến thảo luận nhóm
- Hoàn thành sản phẩm học tập: 2 bài kiểm tra thường kỳ, Bài tập lớn khi kết thúc học phần

theo đúng thời gian quy định.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	CDR	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên: Bài kiểm tra	Chương 1,2 Bài kiểm tra lần 1	5.1 5.2	0.4
		Chương 2,3 Bài kiểm tra lần 2	5.3	
9.2	Đánh giá kết thúc học phần: Bài tập lớn	Nội dung chương 1,2,3 Thực hiện xây dựng đề cương một đề tài nghiên cứu khoa học Giáo dục mầm non theo các bước thực hiện đã nghiên cứu trên.	5.1 5.2 5.3	0.6

6.1.27. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4226 – PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ MẦM NON

- Mã lớp học phần:

- Số tín chỉ: 03

Số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 45 (30/30/90)

- Học phần điều kiện: KI4221N

- Học kỳ:

Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

- Giảng viên: **Lê Thị Lan**

Chức danh, học vị: GV – Thạc sỹ

- Điện thoại: 0834.481.070

Email: lelanthmn@gmail.com

- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Học phần “*Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non*” là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc. Học phần đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên những tri thức và kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản chung về (1) đặc điểm phát triển thể chất của trẻ mầm non qua từng giai đoạn, (2) các nguyên tắc cần tuân thủ khi tổ chức phát triển thể chất cho trẻ, (3) những nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục thể chất phù hợp với từng độ tuổi của trẻ theo khung chương trình GDMN.

Từ những kiến thức và kỹ năng cơ bản trên, học phần còn trang bị cho sinh viên đầy đủ kiến thức, kỹ năng để tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển thể chất theo hướng tích hợp ở trường mầm non một cách khoa học, có hiệu quả và làm cơ sở chuẩn bị cho quá trình học tập học phần “*Rèn luyện NVSPTX6*”.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Khái quát hóa được những kiến thức về lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

Tổ chức được các hoạt động giáo dục phát triển thể chất cho trẻ mầm non linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn.

4.3. Mức tự chủ, chịu trách nhiệm

Có tư duy độc lập, lập luận theo chương trình GDMN để bảo vệ và dám chịu trách nhiệm về kế hoạch mà mình biên soạn; có khả năng dẫn dắt và có ý tưởng trong quá trình lập kế hoạch giáo dục phát triển thể chất; thích ứng tốt với hoạt động nhóm có sự thay đổi.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Mô tả được những đặc điểm và phương pháp GDTC trong việc lựa chọn các hoạt động giáo dục thể chất phù hợp với từng độ tuổi của trẻ.	1.5	2

5.1.2	Giải thích được những kiến thức về chương trình giáo dục mầm non trong việc thiết kế kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển thể chất cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp phù hợp với điều kiện thực tiễn.		3
5.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Thiết kế được kế hoạch phát triển vận động, thể dục sáng cho trẻ mầm non phù hợp với điều kiện thực tiễn.	2.1.2	3
5.2.2	Chuẩn bị môi trường giáo dục an toàn và kích thích trẻ tích cực tham gia hoạt động giáo dục phát triển thể chất.	2.1.3	3
5.2.3	Tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển thể chất cho trẻ phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ và điều kiện thực tiễn... phục vụ mục tiêu giáo dục thể chất trong chương trình giáo dục MN.	2.1.4	5
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có kỹ năng làm việc độc lập, chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1.1. Một số khái niệm cơ bản trong lý luận giáo dục thể chất 1.1.1. Phát triển thể chất 1.1.2. Giáo dục thể chất 1.1.3. Chuẩn bị thể chất 1.1.4. Hoàn thiện thể chất 1.1.5. Tổ chức thể lực 1.1.6. Kỹ năng vận động 1.1.7. Kỹ xảo vận động 1.2. Đối tượng nghiên cứu của lý luận giáo dục thể chất 1.3. Cơ sở lý luận của phương pháp giáo dục thể chất 1.4. Mối quan hệ giữa phương pháp giáo dục thể chất với các khoa học khác 1.5. Đặc điểm phát triển thể chất ở trẻ em lứa tuổi mầm non 1.5.1. Đặc điểm phát triển cơ thể ở trẻ em mầm non 1.5.2. Đặc điểm phát triển vận động ở trẻ em 1.6. Nhiệm vụ giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi MN 1.6.1. Nhiệm vụ bảo vệ sức khỏe	06/12	5.1.1 5.1.2 5.3.1	- PP trò chơi: GV tổ chức trò chơi: “Rung chuông vàng” - PP thảo luận nhóm: GV tổ chức cho SV thảo luận và báo cáo kết quả thực hiện, thảo luận. - PP thuyết giảng: GV nhận xét và kết luận.	- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu [1,2] - Vỡ ghi chép nội dung học tập - Chia nhóm thảo luận và trả lời các câu hỏi sau: 1. Phát triển thể chất là gì ? Thế nào là GD thể chất ? Chuẩn bị thể chất ? Hoàn thiện thể chất ? 2. Đối tượng nghiên cứu của lý luận giáo dục thể chất là gì ? 3. Hãy chỉ ra mối quan hệ giữa lý luận giáo dục thể chất với các môn khoa học khác ?	9.1.19.2

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
1.6.2. Nhiệm vụ giáo dục 1.6.3. Nhiệm vụ giáo dục 1.7. Các nguyên tắc giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non. 1.7.1. Nguyên tắc hệ thống 1.7.2. Nguyên tắc tự giác và tích cực 1.7.3. Nguyên tắc trực quan 1.7.4. Nguyên tắc vừa sức và giáo dục cá biệt 1.7.5. Nguyên tắc phát triển 1.7.6. Nguyên tắc đảm bảo an toàn trong tập luyện				4. Trình bày nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của lí luận GDTC ? 5. Hãy tóm tắt sơ lược lịch sử giáo dục thể chất ở Việt Nam. 6. Khái quát đặc điểm phát triển thể chất và phát triển vận động ở trẻ em lứa tuổi MN. 7. Sưu tầm các hình ảnh và minh họa chứng theo trình tự phát triển thể chất và vận động ở trẻ MN. 8. Khái quát bằng sơ đồ và trình bày 03 nguyên tắc đầu tiên trong GDTC cho trẻ em lứa tuổi MN. 9. Trình bày 03 nguyên tắc tiếp theo. - SV tự nghiên cứu và đặt câu hỏi cho các nhóm trình bày nội dung, mỗi nhóm ít nhất 3 câu hỏi.	
CHƯƠNG 2: NỘI DUNG GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON 2.1. Một số vấn đề về bài tập thể chất. 2.1.1. Nguồn gốc và bản chất của các bài tập TC 2.1.2. Nội dung và hình thức của BTTC 2.1.3. Kỹ thuật của các BTTC 2.1.4. Phân loại BTTC	03/06	5.1.1 5.1.2 5.3.1	- PP trực quan: GV cho SV xem video về tiết học thể dục, giờ TDS, trò chơi vận động - PP thảo luận nhóm: GV tổ chức cho SV thảo luận và	- Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu [1, 2, 3, 4, 5], nắm rõ nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc. - Hoàn thiện bảng tóm tắt những nội dung GDTC	9.1.1 9.2

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
			liên hệ nội dung của bài học - PP thuyết giảng: GV nhận xét và kết luận.	cho trẻ theo từng độ tuổi. - Vở ghi chép nội dung học tập của sinh viên. - Xem video, thảo luận và trả lời câu hỏi: 1. Nêu nội dung GDTC cho trẻ mầm non. 2. Trình bày một số vấn đề về bài tập thể chất? Bài tập thể dục và trò chơi vận động?	
<p>CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON.</p> <p>3.1. Quá trình hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động</p> <p>3.1.1. Đặc điểm của quá trình hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động</p> <p>3.1.2. Quá trình hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động</p> <p>3.2. Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi MN</p> <p>3.2.1. Nhóm PP trực quan</p> <p>3.2.2. Nhóm PP dùng lời</p> <p>3.2.3. Nhóm PP thực hành</p>	06/12	5.1.1 5.1.2 5.3.1	- PP trực quan: GV cho SV xem video về tiết học thể dục. - PP nêu vấn đề: GV nêu ra nội dung và dành thời gian cho SV suy nghĩ, phân tích các phương pháp GV đã sử dụng trong clip đã được xem. Gợi ý: 1. GV đã sử dụng những phương pháp nào? 2. Trình tự xuất hiện các phương pháp và ý nghĩa của việc sử dụng phương pháp trong qui trình hình thành KN, KX cho trẻ - PP thuyết giảng: GV nhận xét và kết luận.	- Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu [1, 2, 4, 5] - Cả lớp tích cực phát biểu, tranh luận, lời nhận xét cụ thể, rõ ràng. - Chuẩn bị tốt theo yêu cầu: 1. Phân biệt khái niệm kỹ năng và kỹ xảo vận động cho trẻ MN. 2. Phân tích quá trình hình thành kỹ năng và kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non 3. Trình bày các phương pháp GDTC cho trẻ MN - SV phân tích các phương pháp GV đã sử dụng trong video đã được xem	9.2

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>CHƯƠNG 4: HÌNH THỨC GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ EM LỬA TUỔI MẦM NON.</p> <p>4.1. Đặc điểm chung của các hình thức GD thể chất cho trẻ</p> <p>4.2. Các hình thức tổ chức giáo dục thể chất cho trẻ</p> <p>4.3. Các yêu cầu đối với giáo viên khi tổ chức các hình thức giáo dục thể chất cho trẻ.</p>	10/20	5.1.1 5.1.2 5.3.1	<ul style="list-style-type: none"> - PP trò chơi: GV tổ chức trò chơi: “Cặp đôi hoàn hảo” - PP thuyết giảng: GV nhận xét và kết luận. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu [1, 2, 3, 4, 5]. - Chuẩn bị tốt theo yêu cầu. - Cả lớp tích cực phát biểu, tranh luận, nhận xét cụ thể, rõ ràng. - Thiết kế hoạt động GDTC thực hành theo nhóm. 	9.1.2 9.2
<p>CHƯƠNG 5: TỔ CHỨC CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON.</p> <p>5.1. Đặc điểm chung</p> <p>5.2. Các phương tiện giáo dục thể chất cho trẻ em</p> <p>5.2.1. Phương tiện vệ sinh</p> <p>5.2.2. Phương tiện thiên nhiên</p> <p>5.2.3. Bài tập thể chất</p> <p>5.3. Nhiệm vụ của các phòng ban.</p> <p>5.4. Kế hoạch GDTC.</p> <p>5.4.1. Khái niệm và ý nghĩa</p> <p>5.4.2. Các loại kế hoạch</p>	05/10	5.1.1 5.1.2 5.3.1	<ul style="list-style-type: none"> - PP nêu vấn đề: GV nêu nội dung, dành thời gian cho SV suy nghĩ và trả lời câu hỏi. 1. Xác định nhiệm vụ chính của các phòng ban trong việc tổ chức GDTC cho trẻ ở trường MN. 2. Liệt kê các loại kế hoạch GDTC 3. Phân tích việc đánh giá công tác GDTC cho trẻ ở trường MN - PP thuyết giảng: GV nhận xét và kết luận. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu [1, 2] - Chuẩn bị tốt theo yêu cầu - Cả lớp tích cực phát biểu, tranh luận, lời nhận xét cụ thể, rõ ràng. - Đọc và trả lời câu hỏi: 1. Phân tích ý nghĩa của các phương tiện GDTC trong quá trình GDTC cho trẻ MN. 2. Tại sao bài tập thể chất là phương tiện GDTC cơ bản, đặc biệt? - Cả lớp tích cực phát biểu, tranh luận, lời nhận xét cụ thể, rõ ràng. - Thiết kế từng loại kế hoạch GDTC cho trẻ theo từng độ tuổi, đánh giá hiệu quả công tác GDTC và điều chỉnh phù hợp. Mỗi nhóm sưu tầm 01 kế 	9.1.29.2

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
				hoạch GDTC cho trẻ ở một độ tuổi cụ thể và phân tích, đánh giá kế hoạch đó.	

6.2. Thực hành

Chương/Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
CHƯƠNG 2: NỘI DUNG GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON 2.2. Bài tập thể dục 2.2.1. Khái niệm chung 2.2.2. Ý nghĩa 2.2.3. Phân loại 2.3. Trò chơi vận động 2.3.1. Khái niệm 2.3.2. Ý nghĩa 2.3.3. Phân loại 2.3.4. Nội dung TCVD đối với trẻ em các độ tuổi	06/12	5.2.1 5.2.2 5.2.3 5.3.1	- PP thực hành: GV tiến hành cho SV chia nhóm thực hành trò chơi vận động ở các độ tuổi - GV quan sát và góp ý, chỉnh sửa.	- Xem tài liệu [4,5] và tập trước các bài tập ở nhà - Thực hành theo nhóm nhỏ các trò chơi vận động cho trẻ ở các độ tuổi. - SV tiếp thu ghi nhận ý kiến đóng góp của GV.	9.1.3 9.2
CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON. 3.3. Phương pháp dạy bài tập thể dục cho trẻ em 3.3.1. PP dạy bài tập đội hình đội ngũ 3.3.2. PP dạy BT phát triển chung cho trẻ 3.3.3. PP dạy BT VĐ cơ bản cho trẻ	06/12	5.2.1 5.2.2 5.2.3 5.3.1	- PP thực hành: GV tiến hành cho SV chia nhóm thực hành các bài tập: BT đội hình đội ngũ, BTPTC, BT vận động cơ bản cho trẻ ở các độ tuổi - GV quan sát và góp ý, chỉnh sửa.	- Xem tài liệu [4,5] và tập trước các bài tập ở nhà - Thực hành theo nhóm nhỏ các bài tập vận động ở các độ tuổi + BT đội hình đội ngũ + Bài tập phát triển chung + BT vận động cơ bản - SV tiếp thu ghi nhận ý kiến đóng góp của GV.	9.1.3 9.2

Chương/Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>CHƯƠNG 4: HÌNH THỨC GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON.</p> <p>4.2. Các hình thức tổ chức giáo dục thể chất cho trẻ</p> <p>4.2.1. Tiết học thể dục</p> <p>4.2.2. Thể dục sáng</p> <p>4.2.3. Thể dục chống mệt mỏi</p> <p>4.2.4. Trò chơi vận động</p> <p>4.2.5. Dạo chơi</p> <p>4.2.6. Tham quan</p> <p>4.2.7. Hội thể dục thể thao</p> <p>4.2.8. Tổ chức GDTC trong thời gian tự hoạt động của trẻ</p>	09/09	5.2.1 5.2.2 5.2.3 5.3.1	<p>- PP thực hành: GV tiến hành cho SV chia nhóm thực hành: mỗi nhóm thiết kế và tổ chức hoạt động Thể dục sáng</p> <p>- GV quan sát và góp ý, chỉnh sửa.</p>	<p>- Xem tài liệu [4,5]</p> <p>- Mỗi nhóm chọn 1 độ tuổi trẻ và tổ chức hoạt động TDS cho trẻ theo nội dung đã chọn.</p> <p>-Tập dạy và lên tiết dạy cho cả lớp và giáo viên xem và nhận xét.</p> <p>- SV tiếp thu ghi nhận ý kiến đóng góp của GV.</p>	9.1.3 9.2
<p>CHƯƠNG 5: TỔ CHỨC CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON.</p> <p>5.5. Thực hiện kế hoạch giáo dục thể chất cho trẻ.</p> <p>5.6. Đánh giá công tác giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non.</p>	09/09	5.2.1 5.2.2 5.2.3 5.3.1	<p>- PP thực hành: GV tiến hành cho SV chia nhóm thực hành: mỗi nhóm thiết kế và tổ chức hoạt động Phát triển vận động</p> <p>- GV quan sát và góp ý, chỉnh sửa.</p>	<p>- Nghiên cứu tài liệu [4,5]</p> <p>- Mỗi nhóm chọn 1 độ tuổi trẻ và tổ chức hoạt động PTVD theo đề tài đã chọn.</p> <p>-Tập dạy và lên tiết dạy cho cả lớp và giáo viên xem và nhận xét.</p> <p>- SV tiếp thu ghi nhận ý kiến đóng góp của GV.</p>	9.1.3 9.2

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Đặng Hồng Phương	Giáo trình Lý luận và Phương pháp giáo dục	2008	NXB Đại học Sư phạm	Trung tâm học	X	

		thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non			liệu Lê Vũ Hùng		
2	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo	Chương trình giáo dục mầm non	2020	Bộ Giáo dục và đào tạo	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
3	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo	Hướng dẫn sử dụng Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi	2010	Bộ Giáo dục và đào tạo	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
4	Hoàng Thị Dinh, Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Thùy Dương	Các bài tập phát triển vận động và trò chơi vận động cho trẻ Nhà trẻ	2015	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
5	Hoàng Thị Dinh, Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Thùy Dương	Các bài tập phát triển vận động và trò chơi vận động cho trẻ Mẫu giáo	2015	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, 2, 3, 4, 5	5.1; 5.2; 5.3	0.4
9.1.1	Báo cáo nhóm	Chương 1, 2	5.1.1; 5.1.2	
9.1.2	Thiết kế kế hoạch	Chương 4, 5	5.2.1; 5.2.2; 5.2.3	
9.1.3	Thực hành	Chương 2, 3, 4, 5	5.2.1; 5.2.2; 5.2.3	
9.2	Đánh giá kết thúc học phần (Thi vấn đáp – thực hành)	Chương 1, 2, 3, 4, 5	5.1; 5.2; 5.3	0.6

6.1.28. PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN MTXQ CHO TRẺ MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4241- PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN MTXQ CHO TRẺ

- Mã lớp học phần:

- Số tín chỉ:03

Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 45 (33/24/90)

- Học phần điều kiện (nếu có): Tâm lý học mầm non; Giáo dục học mầm non, Phương pháp tổ chức cho trẻ vui chơi

- Học kì:

Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Lê Thị Thanh Sang

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Điện thoại: 0908732782

Email: sang.lethithanh@gmail.com

- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học Mầm non

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Nguyệt

- Chức danh, học vị: Thạc sĩ

- Điện thoại: 091952099

- Email: nguyet76dhdt@gmail.com

- Đơn vị công tác: Khoa Tiểu học –Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Học phần **Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen MTXQ cho trẻ mầm non** là một học phần thuộc nhóm kiến thức ngành bắt buộc đóng vai trò rất cần thiết trong việc trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản nhất về môi trường xung quanh (MTXQ). Những kiến thức tích lũy được từ nội dung học phần còn giúp sinh viên học tập hiệu quả rèn kỹ năng tổ chức hướng dẫn trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh. Giúp cho sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của công tác giáo dục trẻ bảo vệ môi trường trong trường mầm non. Từ học phần này sẽ giúp sinh viên có thể vận dụng tốt hơn khi tham gia học phần KTSP và thực tập tốt nghiệp tại trường mầm non.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Giải thích một số tri thức cơ bản về phương pháp làm quen với môi trường xung quanh, các hình thức, phương pháp, cách lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen môi trường xung quanh, cách xây dựng môi trường giáo dục, cách đánh giá việc thực hiện các hoạt động làm quen môi trường xung quanh trong chương trình giáo dục mầm non.

4.2. Kỹ năng/ phẩm chất

Lập kế hoạch thực hành, tổ chức, thiết kế các hoạt động thuộc lĩnh vực nhận thức giáo dục trẻ mầm non linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Yêu nghề, yêu trẻ, tận tụy, công bằng và tôn trọng trẻ; Thể hiện lối sống lành mạnh, văn minh, trung thực, tự trọng, có lòng nhân ái, yêu thiên nhiên

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để bảo vệ kết luận chuyên môn; có khả năng dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ, sáng kiến và chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Phân tích được những phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen môi trường xung quanh.	1.5	3
5.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Đánh giá được sự phát triển của trẻ mầm non và hiệu quả thực hiện chương trình giáo dục mầm non	2.1.5	5
5.2.2	Tổ chức hoạt động giáo dục trẻ mầm non linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tiễn.	2.1.4	5
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để bảo vệ kết luận chuyên môn; có khả năng dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ, sáng kiến và chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1 Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
Thảo luận đề cương, hướng dẫn khai thác tài liệu, hướng dẫn cách học, phân nhóm, thống nhất cách đánh giá học phần	01 /02	5.3.1	Đàm thoại Giảng giải	Đề cương Bài giảng Giáo trình Kế hoạch học tập	Sinh viên hiểu nhiệm vụ, thống nhất nội dung đánh giá
<p>CHƯƠNG 1. MỞ ĐẦU</p> <p>1.1. Đối tượng của môn học.</p> <p>1.1.1. Những khái niệm cơ bản</p> <p>1.1.2. Đối tượng nghiên cứu của môn học</p> <p>1.2. Nhiệm vụ của môn học</p> <p>1.2.1. Trang bị cho SV những kiến thức chung về môn học</p> <p>1.2.2. Hình thành và rèn luyện cho SV kỹ năng tổ chức các hoạt động cho trẻ LQMTXQ.</p> <p>1.2.3. Trang bị cho SV phương pháp nghiên cứu đánh giá thực tiễn về MTXQ.</p> <p>1.2.4. Hình thành cho SV hứng thú học tập...</p> <p>1.3. Những cơ sở khoa học của môn học</p> <p>1.3.1. Cơ sở triết học của môn học.</p> <p>1.3.2. Cơ sở khoa học tự nhiên và xã hội.</p>	02/04	5.1.1	- Thuyết trình - Đàm thoại - Thảo luận nhóm - Tự nghiên cứu	Chuẩn bị tài liệu: [1], [2] - SV nghiên cứu thảo luận ngắn (thời gian 5 phút) trả lời các câu hỏi Trang 7- 18	9.1; 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>1.3.3. Cơ sở tâm lý giáo dục học</p> <p>1.4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của môn học</p> <p>1.4.1. Chương pháp luận nghiên cứu.</p> <p>1.4.2. Các phương pháp nghiên cứu.</p>					
<p>CHƯƠNG 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG CỦA BỘ MÔN LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP HƯỚNG DẪN TRẺ LQVMTXQ</p> <p>2.1. Vai trò của tri thức đối với sự phát triển trẻ em.</p> <p>2.1.1. Chức năng thông tin của tri thức.</p> <p>2.1.2. Chức năng xúc cảm của tri thức.</p> <p>2.1.3. Chức năng điều khiển của tri thức.</p> <p>2.2. Quá trình lĩnh hội tri thức ở trẻ em</p> <p>2.2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ.</p> <p>2.2.2. Quy trình lĩnh hội tri thức của trẻ em.</p> <p>2.2.3. Các hình thức lĩnh hội tri thức của trẻ em</p> <p>2.2.4. Quan niệm về việc lĩnh hội tri thức hiện nay.</p> <p>2.3. Đặc điểm quá trình lĩnh hội tri thức của trẻ em</p> <p>2.3.1. Trẻ em có nhu cầu cao trong việc nhận thức thế giới xung quanh.</p> <p>2.3.2. Nhận thức của trẻ mang tính trực quan cảm tính.</p> <p>2.3.3. Quá trình hình thành khái niệm ở trẻ em là sự tự điều chỉnh.</p> <p>2.3.4. Khả năng nhận thức của trẻ phụ thuộc vào lứa tuổi.</p>	03/06	<p>5.1.1</p> <p>5.1.2</p> <p>5.2.1</p> <p>5.2.2.</p> <p>5.3</p>	<p>- Thuyết trình</p> <p>- Đàm thoại</p> <p>- Thảo luận nhóm</p> <p>- Tự nghiên cứu</p>	<p>- SV đọc và nghiên cứu, nắm nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc.</p> <p>- Bài viết tóm tắt trả lời trước các câu hỏi (câu 1 đến câu 3)</p> <p>- SV nắm được vai trò và đặc điểm quá trình lĩnh hội tri thức của trẻ MN.</p> <p>Tài liệu [1] trang 28- 42</p>	9.1; 9.2
<p>CHƯƠNG 3: MỤC ĐÍCH, NHIỆM VỤ VÀ NỘI DUNG HƯỚNG DẪN TRẺ LQVMTXQ</p> <p>3.1. Mục đích hướng dẫn trẻ LQVMTXQ.</p> <p>3.2. Nhiệm vụ hướng dẫn trẻ LQVMTXQ.</p> <p>3.2.1. Rèn luyện và phát triển các quá trình tâm lý nhận thức.</p> <p>3.2.1. Củng cố tri thức, mở rộng sự hiểu biết của trẻ về MTXQ.</p> <p>3.2.3. Kích thích hứng thú và phát triển tính ham hiểu biết của trẻ về MTXQ.</p> <p>3.2.4. Giáo dục đạo đức, thẩm mỹ, lao động, thể chất trong quá trình hướng dẫn trẻ LQVMTXQ.</p> <p>3.3. Nội dung hướng dẫn trẻ LQVMTXQ.</p>	08/16	<p>5.1.1</p> <p>5.1.2</p> <p>5.2.1</p> <p>5.2.2.</p> <p>5.3</p>	<p>- Thuyết trình</p> <p>- Đàm thoại</p> <p>- Thảo luận nhóm</p> <p>- Tự nghiên cứu</p>	<p>+ Xem tài liệu [1] trang 43 đến 64</p> <p>Các nhóm SV trình bày câu 1 đến câu 10</p>	9.1; 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>3.3.1. Các nguyên tắc xác định nội dung</p> <p>3.3.2. Nội dung hướng dẫn trẻ LQVMTXQ</p> <p>3.3.3. Cấu trúc nội dung hướng dẫn trẻ LQMTXQ trong chương trình giáo dục trẻ mầm non</p>					
<p>CHƯƠNG 4: PHƯƠNG PHÁP HƯỚNG DẪN TRẺ LQVMTXQ</p> <p>4.1. Cơ sở xác định phương pháp hướng dẫn trẻ LQVMTXQ.</p> <p>4.2. Các phương pháp hướng dẫn trẻ LQVMTXQ.</p> <p>4.2.1. Nhóm phương pháp trực quan.</p> <p>4.2.2. Nhóm phương pháp dùng lời.</p> <p>4.2.3. Nhóm phương pháp thực hành</p> <p>4.3. Mối quan hệ giữa các phương pháp hướng dẫn trẻ LQVMTXQ.</p> <p>4.3.1. Dựa vào đặc điểm quá trình nhận thức của trẻ em.</p> <p>4.3.2. Dựa vào nguồn tri thức về MTXQ.</p> <p>4.3.3. Dựa vào khả năng nhận thức của trẻ ở từng lứa tuổi.</p>	05/10	<p>5.1.2</p> <p>5.2.1</p> <p>5.2.2.</p> <p>5.3</p>	<p>- Thuyết trình</p> <p>- Đàm thoại</p> <p>- Thảo luận nhóm</p> <p>- Tự nghiên cứu</p>	<p>SV Chuẩn bị tài liệu: [1], [2], [5]</p> <p>- SV đọc và nghiên cứu, nắm nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc.</p> <p>- Bài viết tóm tắt trả lời trước các câu hỏi (câu 1 đến câu 3).</p> <p>- SV nắm được 3 nhóm phương pháp cơ bản và những ưu điểm và hạn chế của chúng.</p>	9.1; 9.2
<p>CHƯƠNG 5: CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC CHO TRẺ HOẠT ĐỘNG LQVMTXQ</p> <p>5.1. Cơ sở xác định các hình thức tổ chức cho trẻ hoạt động LQVMTXQ.</p> <p>5.2. Các hình thức tổ chức cho trẻ hoạt động LQVMTXQ.</p> <p>5.2.1. Giờ học hướng dẫn trẻ LQMTXQ.</p> <p>5.2.2. Hoạt động vui chơi.</p> <p>5.2.3. Hoạt động ngoài trời.</p> <p>5.2.4. Hoạt động tham quan.</p> <p>5.2.5. Hoạt động lao động.</p> <p>5.3. Mối quan hệ giữa các hình thức tổ chức cho trẻ hoạt động LQVMTXQ.</p>	03/06	<p>5.1.2</p> <p>5.2.1</p> <p>5.2.2.</p> <p>5.3</p>	<p>- Thuyết trình</p> <p>- Đàm thoại</p> <p>- Thảo luận nhóm</p> <p>- Tự nghiên cứu</p>	<p>Sinh viên chuẩn bị tài liệu: [1]</p> <p>SV trả lời câu hỏi 1,2</p> <p>Trang 120 – 127</p> <p>SV trả lời câu 3,4,5</p> <p>trang 128 – 139</p> <p>Sau khi đi tham quan về (hoặc clip)</p> <p>+ SV tự nhận xét và rút kinh nghiệm.</p> <p>+ GV cung cấp tri thức về các hình thức tổ chức cho trẻ hoạt động LQMTXQ, cung cấp tri</p>	9.1; 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
				thức về MTXH thông qua những di tích lịch sử của Tỉnh Đồng Tháp; Danh lam thắng cảnh đẹp địa phương vùng miền	
<p>CHƯƠNG 6 : CÁC PHƯƠNG TIỆN HƯỚNG DẪN TRẺ LQVMTXQ</p> <p>6.1. Nguyên tắc lựa chọn các phương tiện hướng dẫn trẻ LQVMTXQ.</p> <p>6.1.1. Đáp ứng mục đích hướng dẫn trẻ LQVMTXQ.</p> <p>6.1.2. Tạo tiềm năng lớn trong quá trình hướng dẫn trẻ LQVMTXQ.</p> <p>6.1.3. Có khả năng điều khiển từ phía người lớn.</p> <p>6.2. Các phương tiện hướng dẫn trẻ LQVMTXQ.</p> <p>6.2.1. Môi trường tự nhiên xung quanh trẻ.</p> <p>6.2.2. Hiện thực xã hội xung quanh trẻ.</p> <p>6.2.3. Thế giới đồ vật.</p> <p>6.2.4. Các phương tiện nghệ thuật</p> <p>6.3. Phối hợp sử dụng các phương tiện hướng dẫn trẻ LQVMTXQ</p>	02/04	5.1.2 5.2.1 5.2.2. 5.3	- Thuyết trình - Đàm thoại - Thảo luận nhóm - Tự nghiên cứu	- SV nghiên cứu trả lời câu hỏi 1,2 Tài liệu [1] trang 141- 150 - SV xuống trường MN Hoa Hồng để quan sát các phương tiện hướng dẫn trẻ LQVMTXQ. So sánh giữa lý thuyết và thực tiễn.	9.1; 9.2
<p>CHƯƠNG 7 : LẬP KẾ HOẠCH VÀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG LQVMTXQ CỦA TRẺ MẦM NON</p> <p>7.1. Lập kế hoạch hoạt động LQVMTXQ của trẻ ở trường MN</p> <p>7.1.1. Khái niệm.</p> <p>7.1.2. Lập kế hoạch chương trình LQVMTXQ cho trẻ.</p> <p>7.1.3. Lập kế hoạch hoạt động về MTXQ cho trẻ.</p> <p>7.2. Đánh giá hoạt động LQVMTXQ của trẻ.</p> <p>7.2.1. Khái niệm.</p> <p>7.2.2. Những đặc điểm của đánh giá hoạt động LQVMTXQ cho trẻ.</p> <p>7.2.3. Phương pháp đánh giá hoạt động LQVMTXQ cho trẻ</p>	04/08	5.1.2 5.2.1 5.2.2. 5.3	- Thuyết trình - Đàm thoại - Thảo luận nhóm - Tự nghiên cứu	Mỗi SV sưu tầm một kế hoạch tổ chức cho trẻ LQVMTXQ. Trình bày trước lớp	9.1; 9.2

6.1 Thực hành, thí nghiệm, thực tế (nếu có):

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>CHƯƠNG 5: CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC CHO TRẺ HOẠT ĐỘNG LQVMTXQ</p>	12/ 24	5.1.2 5.2.1 5.2.2. 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Đàm thoại - Thảo luận nhóm -Tự nghiên cứu - Thực hành 	1. Xem băng dạy mẫu. 2. Thực hành tập dạy tại lớp. + Khi nhận bài tập: SV lên kế hoạch thực hiện đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng. + Phải xác định rõ: Mục đích yêu cầu, chuẩn bị, cách tiến hành. Thực hành tập dạy: + Khi nhận bài tập: SV lên kế hoạch làm theo nhóm, đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng. + Các nhóm tự phân công lên tiết dạy. Tập dạy thử + Trưởng nhóm nộp danh sách nhóm có <i>ký tên</i> và bài thực hành cho GV trước khi dạy + SV tự tin, mạnh dạn dạy trước lớp. biết phối hợp các phương tiện hiện đại, các phương pháp, hình thức vào trong giờ dạy của mình. + Nhận xét đánh giá giờ dạy, những ưu hạn chế, những điều cần học hỏi rút kinh nghiệm	9.1 9.2

7. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Hoàng Thị Phương	<i>Li luận và phương pháp hướng dẫn trẻ LQVMTXQ</i>	2008	NXBĐHSP	TT- HL Lê Vũ Hùng	x	
2	Bộ GD & ĐT	<i>Chương trình giáo dục mầm non (Ban hành kèm thông tư số 51/2021/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo)</i>	2021	NXB Giáo dục,	TT- HL Lê Vũ Hùng		x
3	Bộ GD & ĐT	<i>Hướng dẫn sử dụng Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi, Năm 2010</i>	2012	NXB Giáo dục,	TT- HL Lê Vũ Hùng		x
4	Bộ GD & ĐT	<i>Tài liệu Hướng dẫn sử dụng Bộ công cụ đánh giá sự phát triển trẻ em năm tuổi</i>	2012	NXB Giáo dục,	TT- HL Lê Vũ Hùng		x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá/ Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, 2, 3, 4, 5, 6,7	5.1; 5.2; 5.3	0, 4
9.2	Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận	Chương 1, 2, 3, 4, 5, 6,7	5.1.2 5.2.1 5.2.2. 5.3	0,6

6.1.29. PHƯƠNG PHÁP CHO TRẺ MẦM NON LÀM QUEN VỚI TOÁN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4228 – PHƯƠNG PHÁP CHO TRẺ MẦM NON LÀM QUEN VỚI TOÁN
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 03 Số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 45 (45/00/90)
- Học phần điều kiện (nếu có): KI4222
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Lê Thị Tuyết Trinh Chức danh, học hàm, học vị: GVC, TS
- Điện thoại: 0888556869 Email: letrinh1282@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Phan Thị Hiệp Chức danh, học hàm, học vị: GV, ThS
- Điện thoại: 0919155680 Email: hiepdongthapmuoi@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Hà Thái Thủy Lam Chức danh, học hàm, học vị: GV, ThS
- Điện thoại: 0939277679 Email: httlam@dthu.edu.vn
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Học phần *Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán* thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành bắt buộc. Môn học này cung cấp cho người học những tri thức liên quan đến đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ mầm non và quy trình lĩnh hội tri thức của trẻ; tìm hiểu nội dung và lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển nhận thức biểu tượng toán cho trẻ mầm non theo độ tuổi; rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng được phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ làm quen với biểu tượng toán vào việc thiết kế kế hoạch bài dạy và tổ chức hoạt động giáo dục phát triển nhận thức làm quen với biểu tượng toán cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp. Môn học này phối hợp với các bộ môn khác trong trường Mầm non góp phần giáo dục toàn diện đưa trẻ, hướng tới việc xây dựng cơ sở đầu tiên của nhân cách con người. Môn học *Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán* là học phần điều kiện tiên quyết để sinh viên học tiếp môn học rèn luyện NVSPTX3.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

4.1.1. Trình bày được đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ mầm non và quy trình lĩnh hội tri thức của trẻ, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển nhận thức biểu tượng toán cho trẻ mầm non theo độ tuổi.

4.1.2. Phân tích được hoạt động nhận thức biểu tượng toán của trẻ theo độ tuổi và đặc điểm cá nhân của trẻ; Đề xuất được các định hướng phát triển nhận thức biểu tượng toán cho trẻ Mầm non theo lứa tuổi.

4.2. Kỹ năng

4.2.1. Thiết kế được trò chơi học tập cho trẻ làm quen với biểu tượng toán phù hợp chủ đề và đạt mục tiêu dạy học đáp ứng Chương trình giáo dục Mầm non.

4.2.2. Vận dụng được phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ làm quen với biểu tượng toán vào việc lập kế hoạch bài dạy và tổ chức hoạt động giáo dục phát triển nhận thức làm quen với biểu tượng toán cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp.

4.3. Mức tự chủ, chịu trách nhiệm

Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm, phát huy trí tuệ tập thể và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức, lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Mô tả được đặc điểm và quy trình linh hoạt tri thức, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển nhận thức biểu tượng toán cho trẻ mầm non theo độ tuổi.	1.5	3
5.1.2	Lựa chọn được những phương pháp, hình thức, phương tiện dạy học, phương pháp đánh giá phù hợp vào hoạt động hướng dẫn trẻ mầm non làm quen với biểu tượng toán.		3
5.2 Kỹ năng			
5.2.1	Xác định đúng yêu cầu cần đạt của bài dạy cụ thể; Xác định đúng tri thức cơ sở của trẻ mầm non để hình thành tri thức mới; Xác định được các hoạt động giáo dục chủ yếu hướng dẫn trẻ mầm non làm quen biểu tượng toán trên cơ sở yêu cầu cần đạt của bài học cụ thể.	2.1.2, 2.1.3	3
5.2.2	Thiết kế được kế hoạch bài dạy và tổ chức hoạt động giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ mầm non làm quen với biểu tượng toán theo hướng tích hợp.	2.1.4; 2.1.5	5
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng phát huy trí tuệ tập thể và lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1 Lý thuyết

Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG 1.1. Vai trò và nhiệm vụ của môn học 1.2. Những vấn đề cơ bản của chương trình LQVT cho trẻ	15/30	1.5	GV giới thiệu môn học, mục tiêu môn học, nội dung học, kế hoạch từng buổi học Hướng dẫn cách lấy tài liệu trên nền tảng <i>hocstructuyen.dthu.edu.vn</i> thông qua quy định và yêu cầu của môn học GV giảng giải, minh họa các vấn đề	SV nghiên cứu tài liệu trước. Trên lớp SV thảo luận theo nhóm (mỗi nhóm 1 đề tài). 1. Vì sao gọi là biểu tượng toán sơ đẳng? Liệt kê và phân loại những biểu tượng toán ở MN? 2. Chứng minh “Kiến thức kỹ năng toán ở MN	9.1.1

<p>1.3. Đặc điểm của việc LQVT</p> <p>1.4. Các nguyên tắc LQVT</p> <p>1.5. Các PP dạy trẻ làm quen với toán</p> <p>1.6. Các hình thức tổ chức dạy trẻ LQVT</p> <p>1.7. Trò chơi và tổ chức học tập toán cho trẻ</p> <p>1.7.1. Một số vấn đề về trò chơi học tập toán</p> <p>1.7.2 Cách tổ chức trò chơi học tập toán cho trẻ</p>			<p>Phân nhóm học viên.</p> <p>Học viên chuẩn bị theo yêu cầu để tham gia bài học, thảo luận nhóm:</p> <p>GV bóc sên 1 SV bất kì trong nhóm trình bày. Nhóm khác nhận xét. GV nhận xét điều chỉnh và chấm điểm.</p> <p>1. Cô cho sẵn 1 số câu hỏi và bài tập, Mỗi nhóm SV xác định từng c.hỏi / b.tập đó thuộc loại c.hỏi/b.tập nào? Vì sao?</p> <p>Cô cho sẵn 1 tình huống, Mỗi nhóm SV đặt các loại câu hỏi và bài tập theo tình huống đó?</p> <p>Nội dung:- Đặc điểm, vai trò, cấu trúc TCHT toán;- Sử dụng TCHT với toán; - Cách tổ chức trò chơi cho trẻ</p>	<p>là cơ sở chuẩn bị cho trẻ vào học toán lớp 1” (Mỗi nhóm chứng minh trên 1 mạch biểu tượng: Số lượng / Hình dạng / Kích thước).</p> <p>3. Mỗi SV cho VD minh họa 3 loại câu hỏi (sao chép, tái tạo, sáng tạo) và 3 loại bài tập (sao chép, tái tạo, sáng tạo).</p> <p>Sinh viên làm việc nhóm, báo cáo trước lớp:</p>	
<p>Chương 2: NỘI DUNG VÀ PP HƯỚNG DẪN TRẺ LÀM QUEN VỚI TOÁN</p> <p>2.1. Nội dung và PP LQ về tập hợp số và phép đếm</p>	4/8	2.1.2, 2.1.3, 2.1.4, 2.1.5	<p>Giảng viên hướng dẫn học viên/sinh viên thực hiện các công việc sau:</p> <p>1. NDCT giáo dục MN 2018</p> <p>2. Liệt kê các bài dạy, sắp xếp và đánh số thứ tự</p> <p>3. Vẽ sơ đồ</p> <p>4. Chọn bài dạy; soạn kế hoạch dạy học GV chỉnh sửa.</p> <p>Mỗi nhóm chọn một bài dạy trong NDCT, thảo luận xác định (kiến thức cơ sở, các hoạt động dạy học chủ yếu giúp trẻ khám phá kiến thức mới, dự kiến khó khăn của trẻ khi khám phá, biện pháp khắc phục).</p>	<p>1. Liệt kê NDCT theo chương trình GD năm 2018.</p> <p>2. Sắp xếp trật tự các bài dạy và đánh số thứ tự chúng.</p> <p>3. Vẽ sơ đồ cấu trúc giữa chúng (từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, các bài giống nhau gồm lại gần nhau, các mũi tên không được chồng chéo lên nhau).</p>	9.1.1 9.1.2 9.2
<p>2.2. Nội dung và PP Hướng dẫn trẻ làm quen <i>kích thước</i></p>	4/8		Thực hiện các công việc như trên	Thực hiện các công việc như trên	
<p>2.3. Nội dung và PP Hướng dẫn trẻ làm quen <i>hình dạng</i></p>	4/8		Thực hiện các công việc như trên	Thực hiện các công việc như trên	
<p>2.4. Nội dung và PP Hướng dẫn trẻ làm quen <i>định hướng không gian</i></p>	4/8		Thực hiện các công việc như trên	Thực hiện các công việc như trên	
<p>2.5. Nội dung và PP Hướng dẫn trẻ làm</p>	4/8		Thực hiện các công việc như trên	Thực hiện các công việc như trên	

quen định hướng thời gian 2.6. Tổ chức cho trẻ LQVT theo hướng tích hợp	4/8			<ul style="list-style-type: none"> - Trò chơi sắp xếp tranh về trình tự thời gian - Vì sao phải tích hợp? - Tích hợp như thế nào? - Liệt kê các môn học có thể tích hợp vào môn học này? VD? Liệt kê các chủ đề chủ điểm có thể tích hợp vào môn học này? VD?	
2.7. Thiết kế bài dạy và cách tổ chức	4/8		GV hướng dẫn hv/sv soạn kế hoạch dạy học hoàn chỉnh; với đầy đủ các yêu cầu cần đạt, chuẩn bị đồ dùng, tiến hành các hoạt động, các trò chơi bổ trợ	Sinh viên làm việc nhóm, soạn kế hoạch dạy học (GV chỉnh sửa), làm đồ dùng, <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhận biết chữ số... 2. So sánh chiều cao 2 ĐT 3. Phân biệt hình tròn – hình tam giác 4. Xác định phía Trên dưới trước sau của bạn khác 	
Kiểm tra, ôn tập cuối học phần	2/4	2.1.2, 2.1.3, 2.1.4, 2.1.5	Trực tiếp theo yêu cầu của GV		

6.2 Thực hành, thí nghiệm, thực tế: không có

7. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						TL chính	Tham khảo
1	Phạm Thị Kim Châu, Phan Thị Hiệp, Lê Thị Tuyết Trinh	Bài giảng Trò chơi và Phương pháp làm quen với biểu tượng toán, lưu hành nội	2017	Nội bộ	Giảng viên	X	
2	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chương trình giáo dục Mầm non	2018	Bộ GD & ĐT	Thư viện	X	
3	Đỗ Thị Minh Liên	Phương pháp hướng dẫn trẻ mầm non làm quen với Toán	2016	NXBGD	Thư viện		X
4	Nguyễn Ngọc Báo – Đỗ Thị Minh Liên	<i>Sử dụng trò chơi học tập nhằm hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mẫu giáo, , 2007</i>		NXBGD	Thư viện		X

5	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Tài liệu hướng dẫn sử dụng bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi,	2011	Bộ GD và ĐT, Huế	Thư viện		X
---	------------------------	---	------	------------------	----------	--	---

8. Quy định đối với sinh viên/ học viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, 2	1.5, 2.1.2, 2.1.3, 2.1.4, 2.1.5.	0.4
9.1.1	Xeminar	Chương 1, 2	1.5, 2.1.2, 2.1.3, 2.1.4, 2.1.5.	
9.1.2	Bài kiểm tra	Chương 1, 2	1.5, 2.1.2, 2.1.3, 2.1.4, 2.1.5.	
9.2	Đánh giá kết thúc học phần (Tự luận)	Chương 1, 2	2.1.2, 2.1.3, 2.1.4, 2.1.5.	0.6

6.1.30. QUẢN LÝ GDMN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4186 – QUẢN LÝ GIÁO DỤC MẦM NON
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 2 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): (30/00/60)
- Học phần điều kiện (nếu có): Tâm lý học mầm non; Giáo dục học mầm non
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Phan Thị Hoàng Nguyên
- Chức danh, học hàm, học vị: GV, Thạc sĩ
- Điện thoại: 0918041882 Email: pthnguyen8182@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Lê Thị Kim Anh
- Chức danh, học hàm, học vị: GVC, tiến sĩ
- Điện thoại: 0988 980929 Email: ltkanh@dthu.edu.vn
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học – Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Học phần **Quản lý giáo dục mầm non** là học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành bắt buộc, một học phần rất cần thiết và đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên ngành giáo dục mầm non tích lũy được hệ thống kiến thức và kỹ năng về: những vấn đề chung về quản lý giáo dục; (2) Nghiệp vụ quản lý trường mầm non và (3) Giáo viên mầm non và công tác quản lý nhóm lớp ở trường mầm non. Ngoài ra, sinh viên sẽ biết cách thực hiện nhiệm vụ về quản lý nhóm lớp mầm non tại cơ sở giáo dục mầm non.

Từ những kiến thức, kỹ năng tích lũy được từ học phần này, sinh viên sẽ có thể vận dụng tốt hơn khi tham gia học phần RLNVSPXT và thực tập tốt nghiệp tại trường mầm non.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Tổng hợp và hệ thống hóa được những tri thức cơ bản về quản lý giáo dục, nghiệp vụ quản lý trường mầm non, giáo viên mầm non và công tác tổ chức quản lý nhóm lớp ở trường mầm non.

4.2. Kỹ năng:

Vận dụng được các nội dung trong nghiệp vụ quản lý trường mầm non; Tổ chức được công tác quản lý nhóm lớp ở trường mầm non.

4.3. Thái độ:

Chủ động trình bày và chia sẻ các vấn đề liên qua đến nội dung học tập; Chủ động, tích cực tham gia các hoạt động nghiệp vụ quản lý trường mầm non trong quá trình tham gia trải nghiệm tại trường mầm non; Luôn lắng nghe, điều chỉnh hành vi và học hỏi trong học tập và thực hành nghề nghiệp tại cơ sở.

5. Chuẩn đầu ra học phần: thêm mới phần này.

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1.1	Xác định được những tri thức cơ bản về quản lý giáo dục, nghiệp vụ quản lý trường mầm non, giáo viên mầm non.	1.4	3
5.1.2	Đối chiếu được những vấn đề cần quản lý ở trường mầm non và đánh giá được công tác quản lý nhóm lớp ở trường mầm non.	1.5	3
5.2 Kỹ năng			
5.2.1	Phân biệt được các nội dung trong nghiệp vụ quản lý trường mầm non	2.1.1	4
5.2.2	Đánh giá được công tác quản lý nhóm lớp ở trường mầm non; Điều chỉnh kỹ năng quản lý nhóm lớp phù hợp với yêu cầu của thực tiễn giáo dục tại cơ sở.	2.1.2	6
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Chủ động, tích cực tham gia các hoạt động nghiệp vụ quản lý trường mầm non trong quá trình tham gia trải nghiệm tại trường mầm non; Luôn lắng nghe, điều chỉnh hành vi và học hỏi trong học tập và thực hành nghề nghiệp tại cơ sở.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1 Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC</p> <p>1.1. Một số khái niệm cơ bản về quản lý và quản lý giáo dục.</p> <p>1.1.1. Khái niệm chung về quản lý</p> <p>1.1.2. Khái niệm về quản lý giáo dục</p> <p>1.2. Mục tiêu quản lý giáo dục.</p> <p>1.2.1. Khái niệm mục tiêu quản lý giáo dục</p> <p>1.2.2. Hệ thống mục tiêu quản lý giáo dục</p> <p>1.3. Chức năng quản lý GD</p> <p>1.3.1. Khái niệm chức năng quản lý</p> <p>1.3.2. Phân loại chức năng quản lý giáo dục</p> <p>1.4. Nguyên tắc quản lý GD</p> <p>1.4.1. Khái niệm nguyên tắc quản lý</p> <p>1.4.2. Hệ thống các nguyên tắc quản lý giáo dục</p>	06/012	5.1 5.2 5.3	<p>PP</p> <p>- Thuyết giảng : 1.1 , 1.2</p> <p>- Trò chơi : 1.3</p> <p>- Thảo luận : 1.4 đến 1.8</p>	<p>- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu [1], [5] ; liệt kê sẵn các nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc.</p> <p>- Chuẩn bị giấy A4 hoặc giấy trắng.</p> <p>- Tham gia trò chơi điền khuyết [1.3]</p> <p>- Thảo luận các vấn đề sau:</p> <p>(1) Trình bày hệ thống mục tiêu QLGD. Tại sao trong hoạt động quản lý cần thiết phải xác định mục tiêu quản lý ?</p> <p>(2) Phân tích các nguyên tắc quản lý GD</p> <p>(3) Trình bày phương pháp QLGD và cho biết điều kiện để thực hiện có hiệu quả các phương pháp đó ?</p> <p>(4).QLGD thường được tiến hành thông qua những hình thức nào ? Tại sao nói hình thức ban hành các mệnh lệnh, quyết định quản lý là hình thức chủ yếu ?</p> <p>(5). Phân tích vai trò của thông tin trong QLGD và những yêu cầu đối với thông tin quản lý.</p>	9.1 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
1.5. Phương pháp quản lí giáo dục. 1.5.1. Khái niệm về phương pháp quản lí giáo dục 1.5.2. Các phương pháp quản lí giáo dục 1.6. Quá trình quản lí giáo dục 1.6.1. Khái niệm về quá trình quản lí 1.6.2. Các giai đoạn của quá trình quản lí giáo dục 1.7. Hình thức quản lí giáo dục 1.7.1. Ban hành các mệnh lệnh, quyết định quản lí 1.7.2. Hình thức hội nghị 1.7.3. Sử dụng các phương tiện kỹ thuật để điều hành bộ máy 1.8. Thông tin trong quản lí giáo dục					
Chương 2. QUẢN LÍ TRƯỜNG MẦM NON 2.1. Khái quát chung về trường mầm non 2.1.1. Vị trí của trường mầm non 2.1.2. Nhiệm vụ và quyền của trường mầm non 2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy của trường mầm non 2.1.4. Các loại hình trường lớp mầm non 2.2. Cán bộ quản lí trường mầm non 2.2.1. Vai trò, nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng 2.2.2. Yêu cầu đối với cán bộ quản lí trường mầm non 2.3. Công tác quản lí nhóm lớp trong trường mầm non 2.3.1. Quản lí trẻ trong nhóm lớp	16/32	5.1 đến 5.3	PP Thuyết giảng: 2.1 ,2.2 - Trực quan: Xem video về trường MN, các hồ sơ sổ sách ở trường mầm non - Thảo luận nhóm : 2.1 đến 2.3 - Thực hành - Đóng vai - Thảo luận nhóm	- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu [1], [2], [3]; [4]; liệt kê sẵn các nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc. - Chuẩn bị nội dung trả lời các câu hỏi (sau Chương 2). - Chuẩn bị bài tập thực hành trang 114 – 115. - Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu [1], liệt kê sẵn các nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc.	9.1 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>2.3.2. Đảm bảo chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ</p> <p>2.3.3. Đánh giá sự phát triển của trẻ</p> <p>2.3.4. Quản lí cơ sở vật chất của nhóm lớp</p> <p>2.3.5. Xây dựng mối quan hệ phối hợp giữa giáo viên với gia đình trẻ</p> <p>2.4. Nghiệp vụ quản lí trường mầm non</p> <p>2.4.1. Lập kế hoạch trong trường mầm non</p> <p>2.4.2. Quản lí số lượng trẻ trong trường mầm non</p> <p>2.4.3. Quản lí các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ</p> <p>2.4.4. Quản lí đội ngũ giáo viên, cán bộ công nhân viên</p> <p>2.4.5. Quản lí tài chính và cơ sở vật chất trong trường mầm non</p> <p>2.4.6. Quản lí công tác hành chính trong trường mầm non</p> <p>2.4.7. Trường mầm non với công tác xã hội hóa giáo dục</p> <p>2.4.8. Kiểm tra nội bộ trường mầm non</p> <p>2.4.9. Tổ chức khoa học lao động quản lí trong trường mầm non</p>			<p>- Thuyết giảng kết hợp đàm thoại: 4.1 – 4.6</p> <p>- Trực quan: Xem kế hoạch năm, tháng, tuần của giáo viên mầm non.</p>	<p>- Chuẩn bị nội dung trả lời các câu hỏi chương 3, tài liệu [1].</p> <p>- Chuẩn bị bài tập thực hành ở tài liệu [1] trang 162 – 163.</p>	
<p>Chương 3. LẬP DỰ ÁN MỞ TRƯỜNG MẦM NON TƯ THỰC</p> <p>3.1. Khái niệm trường mầm non tư thực và vai trò của trường mầm non tư thực</p> <p>3.2. Các văn bản có liên quan đến việc</p>	8/16	<p>5.1</p> <p>5.2</p> <p>5.3</p>	<p>PP</p> <p>- Thảo luận nhóm.</p> <p>- Thuyết giảng kết hợp đàm thoại: 3.1 đến 3.3.</p>	<p>Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu [2], liệt kê sẵn các nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc.</p>	<p>9.1</p> <p>9.2</p>

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
mở trường MN tư thực và những điều chủ yếu liên quan đến văn bản 3.3. Lập dự án mở trường mầm non tư thực					

6.1 Thực hành, thí nghiệm, thực tế (nếu có): Không có

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Phạm Thị Châu	Giáo trình <i>Quản lý giáo dục mầm non</i>	2008	NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Bộ GD&ĐT, Cục nhà giáo và CBQL cơ sở giáo dục	Module MN 38 <i>Quản lý nhóm/ lớp học mầm non</i>	2014	NXB GDVN NXBĐHSP	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
2	Nguyễn Mỹ Lộc – Nguyễn Thị Tuất	Tổ chức quản lý nhóm – lớp trẻ trường mầm non	1996	NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	Phạm thị Châu – Điền Thị Sinh	Một số vấn đề quản lý giáo dục mầm non	2002	NXB ĐHQG Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Nguyễn Thị Kim Thanh	Cẩm nang dành cho hiệu trưởng các trường mầm non	2005	NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
5	Bùi Minh Hiền Vũ Ngọc Hải Đặng Quốc Bảo	Quản lý giáo dục	2011	NXB ĐH Sư phạm	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
6	Nguyễn Bá Minh Trần Thị Ngọc Trâm Hoàng Thị Oanh	Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non	2018	NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>	Chương 1, Chương 2, Chương 3,	5.1; 5.2; 5.3	0.4
9.1.1	Bài tập cá nhân	Chương 1, Chương 2, Chương 3	5.1 5.2	
9.1.2	Bài tập nhóm	Chương 2, chương 3	5.2 5.3	
9.2	<i>Thi kết thúc học phần</i>	Chương 1, Chương 2, Chương 3	5.1 5.2 5.3	0.6

6.1.31. PHÁT TRIỂN TÍNH TÍCH CỰC VẬN ĐỘNG CHO TRẺ MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4257- Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 30 (15/15/45)
- Học phần điều kiện: Tâm lí học mầm non, Giáo dục học mầm non, Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên:
- Chức danh, học hàm, học vị:
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non
- Điện thoại:
- Email:

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên:
- Chức danh, học hàm, học vị:
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non
- Điện thoại:
- Email:

3. Tổng quan về học phần

Học phần **Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non** là học phần thuộc nhóm kiến thức bổ trợ đóng vai trò rất cần thiết trong việc trang bị thêm cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về lý luận phương pháp tổ chức và đánh giá chất lượng phát triển tính tích cực vận động của trẻ mầm non theo xu thế đổi mới. Những kiến thức tích lũy trong nội dung học phần giúp cho sinh viên tổ chức có hiệu quả hơn trong việc tổ chức cho trẻ vận động ở trường mầm non và chuẩn bị nền tảng cơ bản cho sinh viên rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên. Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ngành Sư phạm Giáo dục Mầm non của trường Đại học Đồng Tháp.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Khái quát hóa về những vấn đề lý luận và phương pháp phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non

4.2. Kỹ năng:

Tổ chức phù hợp các hoạt động phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Có tư duy độc lập và chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Nhớ được khái niệm vận động, phát triển, phát triển vận động, tính tích cực vận động, phát triển tính tích cực vận động.	1.3.1	1

5.1.2	Diễn giải được đặc điểm, quá trình phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non.		2
5.1.3	Xây dựng được các hoạt động tổ chức vận động cho trẻ mầm non.		3
5.2. Kỹ năng			
5.2.1	Nhận định được bối cảnh xã hội tác động đến việc tổ chức phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non.	2.1.1	2
5.2.4	Tổ chức phù hợp các hoạt động phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non.	2.1.4	3
5.3. Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập và chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1 Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	CB của sinh viên	HDDG
CHƯƠNG I: ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN TÍNH TÍCH CỰC VẬN ĐỘNG CỦA TRẺ MẦM NON 1.1. Một số vấn đề cơ bản 1.1.1. Vận động 1.1.2. Phát triển 1.1.3. Phát triển vận động 1.1.4. Tính tích cực vận động 1.1.5. Phát triển tính tích cực vận động 1.1.6. Bài tập vận động 1.2. Đặc điểm phát triển vận động của trẻ mầm non 1.2.1. Phát triển vận động của trẻ trong năm đầu. 1.2.2. Phát triển vận động của trẻ 2 tuổi. 1.2.3. Phát triển vận động của trẻ 3 tuổi. 1.2.4. Phát triển vận động của trẻ 4 tuổi 1.2.5. Phát triển vận động của trẻ 5 tuổi. 1.2.6. Phát triển vận động của trẻ 6 tuổi. 1.3. Đặc điểm phát triển sinh lý – vận động của trẻ mầm non. 1.4. Đặc điểm phát triển tâm lý – vận động của trẻ mầm non.	06/12	5.1.1;5.1.2;5.1.3	- GV giảng giải minh họa, vấn đáp các vấn đề cơ bản, đặc điểm phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non - SV nghe giảng, trả lời câu hỏi và thực hiện những công việc theo yêu cầu của GV - SV báo cáo kết quả thực hiện, thảo luận. - GV chỉnh sửa và kết luận	- Xem trước đề cương học phần, kế hoạch dạy học, bài giảng,...	9.1

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	CB của sinh viên	HĐĐG
<p>CHƯƠNG 2: QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN TÍNH TÍCH CỰC VẬN ĐỘNG CHO TRẺ MẦM NON</p> <p>2.1. Một số lí thuyết về quá trình dạy học phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non.</p> <p>2.2. Bản chất của quá trình dạy học theo hướng phát triển.</p> <p>2.3. Quá trình dạy học phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non.</p> <p>2.3.1.Mục đích</p> <p>2.3.2.Nội dung</p> <p>2.3.3.Phương pháp</p> <p>2.3.4.Hình thức</p> <p>2.3.5.Phương tiện</p> <p>2.3.6. Đánh giá</p>	06/12	5.1; 5.2;5.3	<ul style="list-style-type: none"> - GV giảng giải minh họa, vấn đáp các vấn đề về mục tiêu, nội dung môn Toán ở tiểu học. - SV nghe giảng, trả lời câu hỏi và thực hiện những công việc theo yêu cầu của GV - SV báo cáo kết quả thực hiện, thảo luận. - GV chỉnh sửa và kết luận 	- Nghiên cứu bài giảng, Chương trình giáo dục mầm non	9.1
<p>CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG PHÁT TRIỂN TÍNH TÍCH CỰC VẬN ĐỘNG CHO TRẺ MẦM NON</p> <p>3.1. Một số vấn đề cơ bản về đánh giá chất lượng phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non.</p> <p>3.1.1. Chất lượng</p> <p>3.1.2. Đánh giá</p> <p>3.2. Mục đích đánh giá</p> <p>3.3. Ý nghĩa đánh giá</p> <p>3.4. Chức năng của đánh giá.</p> <p>3.5. Một số yêu cầu sư phạm của đánh giá.</p> <p>3.6. Phương pháp đánh giá.</p> <p>3.6.1. Phương pháp quan sát.</p> <p>3.6.2. Phương pháp trao đổi, đàm thoại.</p> <p>3.6.3. Phương pháp trắc nghiệm.</p> <p>3.6.4.Phương pháp thống kê toán học.</p> <p>3.7. Quy trình đánh giá</p>	03/06	5.1; 5.2;5.3	<ul style="list-style-type: none"> - GV giảng giải minh họa, vấn đáp về các PPDH và hình thức dạy học môn Toán ở tiểu học. - SV nghe giảng, trả lời câu hỏi và thực hiện những công việc theo yêu cầu của GV. - SV báo cáo kết quả thực hiện, thảo luận. - GV chỉnh sửa và kết luận - PP thực hành <p>Mỗi nhóm thực hành tổ chức một hoạt động thể chất với mục đích phát triển tính tích cực vận động cho trẻ.</p>	- Nghiên cứu bài giảng, Chương trình giáo dục mầm non	9.1

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác	Mục đích sử dụng	
						TL chính	Tham khảo
1	Đặng Hồng Phương	Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non	2007	NXBĐHSP	TT-HL Lê Vũ Hùng	X	

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác	Mục đích sử dụng	
						TL chính	Tham khảo
2	Đặng Hồng Phương	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	2004	NXBĐHSP	TT-HL Lê Vũ Hùng		X
3	Bộ GD & ĐT	Chương trình giáo dục mầm non	2017	NXBGDVN	TT-HL Lê Vũ Hùng		X
4	Lê Thị Thanh Nga	Bé chơi trò chơi vận động	2007	NXB Giáo dục	TT-HL Lê Vũ Hùng		X
5	Trần Lan Hương	Hướng dẫn các hoạt động phát triển thể chất cho trẻ mầm non (Theo bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi)	2012	NXBGDVN	TT-HL Lê Vũ Hùng		X

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, 2, 3	5.1; 5.2; 5.3	0.4
9.1.1	Bài tập	Chương 1, 2, 3	5.1; 5.2; 5.3	
9.1.2	Bài kiểm tra	Chương 2, 3	5.1; 5.2; 5.3	
9.1.3	Thực hành tập dạy	Chương 3	5.1; 5.2; 5.3	
9.2	Đánh giá kết thúc học phần (Tự luận)	Chương 1,2,3	5.1; 5.2;	0.6

6.1.32. THẺ DỤC NHỊP ĐIỀU CHO TRẺ MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI 4165 – THẺ DỤC NHỊP ĐIỀU CHO TRẺ MẦM NON
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 30 (15/30/60)
- Học phần điều kiện (nếu có): KI 4116 – PP Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Lê Thị Kim Anh Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Tiến sĩ
- Điện thoại: 0988 980929 Email: ltkanh@dthu.edu.vn
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Trinh Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ
- Điện thoại: 0908031093 Email: ngoctrinh310@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Học phần **Thẻ dục nhịp điệu cho trẻ mầm non** đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, ý nghĩa, phương pháp, tư thế, động tác thẻ dục nhịp điệu và cách biên soạn một bài thẻ dục nhịp điệu cho trẻ mầm non.

Học phần này giúp sinh viên hình thành phương pháp sư phạm chuyên biệt để dạy thẻ dục nhịp điệu cho trẻ mầm non phù hợp với đặc điểm lứa tuổi của trẻ. Sinh viên sẽ tự tin vận dụng kiến thức, kỹ năng được học vào việc biên soạn và hướng dẫn trẻ tập thẻ dục nhịp điệu. Từ đó, làm cơ sở cho sinh viên vận dụng vào trong các hoạt động năng khiếu cho trẻ ở trường MN.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức

4.1.1. Vận dụng những tri thức cơ bản về thẻ dục nhịp điệu ở lứa tuổi mầm non và ý nghĩa của việc tổ chức dạy thẻ dục nhịp điệu đối với sự phát triển của trẻ

4.1.2. Vận dụng kiến thức cơ bản về thẻ dục nhịp điệu ở lứa tuổi mầm non và ý nghĩa của việc tổ chức dạy thẻ dục nhịp điệu đối với sự phát triển của trẻ

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

4.2.1. Trình bày được các đặc điểm, các nội dung và phương pháp phát triển thể chất của trẻ gắn liền với khả năng tham gia luyện tập thẻ dục nhịp điệu cho trẻ mầm non.

4.2.2. Thao tác thuần thục các tư thế và các động tác cơ bản trong thẻ dục nhịp điệu. Biên soạn và tổ chức được hoạt động tập thẻ dục nhịp điệu cho trẻ ở trường mầm non phù hợp với khả năng của trẻ và yêu cầu của thực tiễn giáo dục tại cơ sở.

4.3. Về thái độ

Có tư duy độc lập, dám chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. Chủ động, tích cực và tự tin tham gia tổ chức hoạt động hướng dẫn trẻ tập thẻ dục nhịp điệu ở trường mầm non; thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1	Kiến thức		

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1.1	Sử dụng tốt những kiến thức cơ bản của bộ môn thể dục nhịp điệu vào quá trình biên đạo múa cho trẻ mầm non.	1.3	3
5.1.2	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về thể dục nhịp điệu ở lứa tuổi mầm non trong thực hiện nhiệm vụ phát triển toàn diện cho trẻ.	1.5	3
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Vận dụng các nội dung, phương pháp dạy thể dục nhịp điệu cho trẻ mầm non phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ.	2.1.1	4
5.2.2	Thực hiện thuần thục các tư thế và các động tác cơ bản trong thể dục nhịp điệu. Biên đạo và tổ chức được hoạt động tập thể dục nhịp điệu cho trẻ ở trường mầm non phù hợp với khả năng của trẻ ở trường mầm non	2.1.5	3
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập, dám chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. Chủ động, tích cực và tự tin tham gia tổ chức hoạt động hướng dẫn trẻ tập thể dục nhịp điệu ở trường mầm non: thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1 Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
Chương 1. Những vấn đề chung về thể dục nhịp điệu 1.1. Lịch sử phát triển môn thể dục nhịp điệu 1.2. Khái niệm, đặc điểm và phân loại thể dục nhịp điệu 1.3. Ý nghĩa của thể dục nhịp điệu đối với sự phát triển của trẻ 1.4. Hoạt động tập thể dục nhịp điệu ở các trường mầm non	03/06	5.1.1 5.1.2 5.2.1	<ul style="list-style-type: none"> - GV đàm thoại, thuyết trình, vấn đáp các nội dung như: khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa và hoạt động TDND. - SV nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm và thực hiện những nhiệm vụ theo yêu cầu của GV. - SV báo cáo kết quả thảo luận nhóm - GV nhận xét và kết luận 	<ul style="list-style-type: none"> - Xem trước đề cương và nghiên cứu tài liệu, bài giảng,... - Xác định nội dung và trả lời các nội dung như: khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa và hoạt động TDND. - Thảo luận nhóm và báo cáo kết quả thực hiện. 	9.1.1
Chương 2. Nội dung dạy thể dục nhịp điệu cho trẻ mầm non 2.1. Các tư thế cơ bản trong thể dục nhịp điệu 2.1.1. Tư thế tay 2.1.2. Tư thế chân	08/16	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	<ul style="list-style-type: none"> - GV đàm thoại và sử dụng PP trực quan, thực hành về các tư thế cơ bản và các động tác cơ bản trong 	<ul style="list-style-type: none"> - SV và nghiên cứu tài liệu, bài giảng,... - SV thảo luận các nội dung GV yêu cầu. 	9.1.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>2.2. Các động tác cơ bản của thể dục nhịp điệu</p> <p>2.2.1. Diễu hành</p> <p>2.2.2. Chạy bộ</p> <p>2.2.3. Cách quăng</p> <p>2.2.4. Nâng gối</p> <p>2.2.5. Đá chân</p> <p>2.2.6. Bật tách ngang (Jack)</p> <p>2.2.7. Bật tách dọc (Lunge)</p> <p>2.3. Các đội hình dạy thể dục nhịp điệu</p>			<p>TDND cho trẻ MN.</p> <p>- SV nghe giảng, trả lời câu hỏi và thực hiện những công việc theo yêu cầu của GV</p> <p>- GV cho SV xem video, hướng dẫn SV thực hành, luyện tập theo cá nhân, nhóm.</p> <p>- SV tập luyện và báo cáo lại kết quả tập luyện</p> <p>- GV chỉnh sửa, nhận xét.</p>	<p>- SV thực hành dưới sự hướng dẫn của GV.</p> <p>- SV tập luyện theo nhóm và báo cáo kết quả tập luyện.</p>	
<p>Chương 3: Phương pháp, nguyên tắc dạy thể dục nhịp điệu cho trẻ mầm non</p> <p>3.1. Khái niệm, các nguyên tắc dạy thể dục nhịp điệu cho trẻ mầm non</p> <p>3.1.1 Khái niệm</p> <p>3.1.2. Các nguyên tắc dạy thể dục nhịp điệu cho trẻ</p> <p>3.2. Các phương pháp dạy thể dục nhịp điệu cho trẻ mầm non</p> <p>3.3. Các bước biên đạo thể dục nhịp điệu cho trẻ mầm non</p>	04/08	<p>5.1.1</p> <p>5.1.2</p> <p>5.2.1</p> <p>5.2.2</p> <p>5.3.1</p>	<p>- GV giảng giải, vấn đáp các nội dung về khái niệm, phương pháp, nguyên tắc trong TDND cho trẻ MN.</p> <p>- SV nghe giảng, trả lời câu hỏi và thực hiện những công việc theo yêu cầu của GV</p> <p>- GV cho SV xem video, hướng dẫn SV thực hành, luyện tập theo cá nhân, nhóm.</p> <p>- SV tập luyện và báo cáo lại kết quả tập luyện</p> <p>- GV chỉnh sửa, nhận xét.</p>	<p>- SV đọc và nghiên cứu tài liệu, bài giảng...</p> <p>- SV nghe giảng, trả lời câu hỏi và thực hiện những công việc theo yêu cầu của GV</p>	9.1.3

6.1 Thực hành, thí nghiệm, thực tế (nếu có):

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/ThH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
Chương 2: Nội dung dạy thể dục nhịp điệu cho trẻ mầm non	10/10	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	- GV làm mẫu, thực hành: hướng dẫn thực hiện các động tác, tư thế cơ bản của TDNĐ - GV cho SV chia nhóm tập luyện, GV quan sát và chỉnh sửa động tác	- SV chuẩn bị trang phục tập luyện phù hợp có giày thể thao. - SV chia nhóm tập luyện các động tác TDNĐ	9.1.2
Chương 3: Phương pháp, nguyên tắc dạy thể dục nhịp điệu cho trẻ mầm non	15/15	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	- GV cho mỗi nhóm SV lựa chọn nội dung thực hành 1 bài TDNĐ cho trẻ MN - GV cho SV chia nhóm tập luyện, GV quan sát và chỉnh sửa động tác	- SV thảo luận nhóm nội dung thực hành 1 bài TDNĐ cho trẻ MN - SV thực hành làm việc nhóm. - SV chuẩn bị: âm nhạc, trang phục, đạo cụ cho bài TDNĐ	9.1.3
THI THỰC HÀNH	05/05	5.1 5.2 5.3	- PP thực hành: SV sẽ được GV đánh giá 2 nội dung: 1 tổ hợp động tác múa và 1 bài múa dành cho trẻ mầm non. - PP thuyết giảng: GV nhận xét, rút kinh nghiệm tiết mục múa của mỗi nhóm.	- SV chuẩn bị: âm nhạc, trang phục, đạo cụ cho bài TDNĐ. - Nhóm SV thực hành 2 nội dung: + Kết hợp các động cơ bản tay và chân trong TDNĐ. + Biểu diễn 1 bài TDNĐ cho trẻ mầm non đã biên đạo.	9.2

7. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo

1	Lê Thị Kim Anh	Bài giảng Thể dục nhịp điệu cho trẻ mầm non	2018	ĐHĐT	Thư viện GV	x	
2	PGS – TS Trần Phúc Phong	Đồng diễn thể dục	2008	NXB Thể dục thể thao	Thư viện GV		x
3	Trương Anh Tuấn	Giáo Trình Thể Dục	2004	NXB ĐH Sư phạm	Thư viện GV		x
4	Đặng Hồng Phương	Giáo trình Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non	2008	NXB ĐH Sư phạm	Thư viện GV		x
5	Bộ GD và ĐT	Hướng dẫn tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển vận động cho trẻ trong trường mầm non	2015	NXB Giáo dục Việt Nam	Thư viện GV		x

8. Quy định đối với sinh viên

- Vào lớp đúng giờ, mang bảng tên; trang phục lịch sự; sinh viên vào lớp trễ 30' xem như vắng học buổi đó.
- Khi vắng học có lí do chính đáng phải xin phép giảng viên, nghỉ học quá 20% tổng số tiết của học phần sẽ không được dự thi HP.
- Tuân thủ theo lịch làm việc của nhóm, tham gia làm việc nhóm tích cực (có minh chứng: hình ảnh, biên bản, ...).
- Nghiêm túc chuẩn bị bài trước khi vào lớp; chủ động, mạnh dạn, tự tin phát biểu ý kiến xây dựng bài.
- Trong quá trình học, giảng viên có thể yêu cầu thực hiện các bài tập cá nhân để đánh giá thường xuyên.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>	Chương 1, 2, 3	5.1; 5.2; 5.3	0.4
9.1.1	Bài kiểm tra	Chương 1	5.1.1; 5.1.2; 5.2.1	
9.1.2	Bài tập thực hành	Chương 2	5.1.1; 5.1.2; 5.2.1; 5.2.2; 5.3.1	
9.1.3	Bài tập thực hành	Chương 3	5.1.1; 5.1.2; 5.2.1; 5.2.2; 5.3.1	
9.2	<i>Đánh giá kết thúc học phần (Thi thực hành)</i>	Chương 2,3	5.1; 5.2; 5.3	0.6

6.1.33. YOGA CHO TRẺ MẦM NON

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: **KI4258 – YOGA CHO TRẺ MẦM NON**

Mã lớp học phần:

Số tín chỉ: 2

Số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 30 (10/40/60)

Học phần điều kiện (nếu có): Sự phát triển thể chất trẻ em

Học kì:

Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Lê Thị Kim Anh Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Tiến sĩ
- Điện thoại: 0988 980929 Email: ltkanh@dthu.edu.vn
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Lê Thị Bích Vân Chức danh, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ
- Điện thoại: 0948. 332. 468 E-mail: levan.ltbv@gmail.com
- Đơn vị: Khoa Giáo Dục THMN

3. Tổng quan về học phần

Học phần “*Yoga cho trẻ mầm non*” là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành tự chọn dành cho chuyên ngành Giáo dục mầm non. Học phần giúp sinh viên trang bị kiến thức về yoga trẻ em. Đồng thời rèn luyện cho sinh viên chuẩn xác trong các kỹ thuật thở và thực hành các tư thế yoga. Từ đó, các em sinh viên biết hướng dẫn cho trẻ mầm non thực hành yoga. Qua học phần, sinh viên cũng được rèn luyện tính kiên trì, học cách quản lý cảm xúc.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Khái quát kiến thức về lý luận và phương tập yoga cho trẻ mầm non.

4.2. Kỹ năng và phẩm chất:

Thiết kế được giáo án và hướng dẫn trẻ thực hiện các bài tập yoga; đánh giá được trẻ qua mỗi buổi tập; quản lý được cảm xúc, điềm đạm, thương trẻ.

4.3. Mức tự chủ – tự chịu trách nhiệm:

Có khả năng tự nghiên cứu, siêng năng tập luyện.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Diễn giải được lợi ích của việc tập luyện yoga cho trẻ mầm non.	1.5	3
5.1.2	Diễn giải được các nội dung và phương pháp hướng dẫn yoga cho trẻ mầm non.		3
5.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Phác thảo và thiết kế được giáo án theo lộ trình hướng dẫn yoga cho trẻ; hướng dẫn trẻ tập yoga đúng kỹ thuật và đánh giá được kỹ thuật của trẻ.	2.1	3
5.2.2	Quản lý được cảm xúc, điềm đạm, thương trẻ.	2.3	3
5.3. Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm			

5.3.1	Chuyên cần rèn luyện, tự nghiên cứu, tìm tòi thêm tri thức.	3	3
-------	---	---	---

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá (thêm mới cột này)
PHẦN XII: CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ YOGA CHO TRẺ EM 1.1. Các trường phái yoga 1.2. Lợi ích của yoga 1.3. Đặc điểm yoga ở trẻ em	02/04	5.1.1	*Đàm thoại	SV tham khảo tài liệu trên internet, trả lời câu hỏi: 1) Yoga và thiền giống hay khác nhau? 2) Yoga có lợi ích gì cho trẻ? 3) Khi hướng dẫn yoga cho trẻ cần lưu ý những gì?	9.1.2, 9.2
CHƯƠNG 2. YOGA CĂN BẢN 2.1. Những bài tập thở 2.2. Các tư thế yoga cơ bản	03/06	5.1.2, 5.2.2	* Thuyết giảng	_ SV chuẩn bị tọa cụ _ Thực hiện theo hướng dẫn của GV	9.1.2, 9.2
CHƯƠNG 3. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP HƯỚNG DẪN YOGA CHO TRẺ EM 3.1. Một số đặc điểm tâm sinh lý trẻ mầm non 3.2. Các nguyên tắc tập yoga cho trẻ 3.3. Các bài tập yoga cho trẻ 3.4. Phương pháp tập yoga cho trẻ	05/10	5.1.2	*Thuyết trình *Thuyết giảng	SV tham khảo tài liệu, chuẩn bị bài thuyết trình theo nhóm	9.1.2, 9.2

6.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế: 20 = 40

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
CHƯƠNG 2. YOGA CĂN BẢN	5/5	5.2.1	Thực hành	SV chuẩn bị trang phục phù hợp, tham tập	9.1.1, 9.2
CHƯƠNG 3. TỔ CHỨC HƯỚNG DẪN TRẺ THỰC HÀNH YOGA	35/35	5.2, 5.3	Thực hành	SV chuẩn bị kế hoạch, kỹ năng thực hành chuẩn mực, mụn trẻ, thực hành hướng dẫn trẻ	

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Lê Thị Bích Vân	Bài giảng Yoga cho trẻ mầm non	2023	ĐHĐT	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Laura Santangelo White	Yoga for children	2009	Pediatric nursing	Google scholar		x
3	By Swenson, David	A shtanga Y oga: The Practice Manual	2011		Google scholar		X

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số (%)
9.1.	<i>Đánh giá thường xuyên</i>	<i>Chương 1, Chương 2, Chương 3</i>	<i>5.1, 5.2, 5.3</i>	0.4
9.1.1	Bài tập cá nhân	Chương 2, 3	5.2	
9.1.2	Bài tập nhóm	Chương 1, 3	5.1, 5.2, 5.3	
9.2.	<i>Đánh giá kết thúc học phần</i> (Thi thực hành)	<i>Chương 2, 3</i>	<i>5.2, 5.3</i>	0.6

6.1.34. GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG TRƯỜNG MN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4202 – GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG TRƯỜNG MẦM NON

- Mã lớp học phần:

- Số tín chỉ: 02

Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 30 (17/26/60)

- Học phần điều kiện (nếu có):

- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên: Lê Thị Thanh Sang

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Điện thoại: 0908732782

Email: sang.lethithanh@gmail.com

- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Học phần Giáo dục bảo vệ môi trường trong trường mầm non là một học phần thuộc nhóm kiến thức ngành tự chọn trong nhóm Nhóm Phát triển nhận thức và ngôn ngữ đóng vai trò rất cần thiết giúp người học hiểu biết cơ bản những kiến thức cơ bản giáo dục bảo vệ môi trường và rèn luyện kỹ năng thực hành, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục bảo vệ môi trường trong trường mầm non, biết thiết kế môi trường giáo dục phù hợp ở trường mầm non. Kiến thức từ môn học giúp người học có ý thức trau dồi phẩm chất, năng lực để tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường ở trường Mầm non.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Giải thích được tình hình về giáo dục bảo vệ môi trường nói chung và thực trạng giáo dục bảo vệ môi trường trong các trường mầm non hiện nay. Hướng dẫn tích hợp nội dung giáo dục bảo vệ môi trường trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ

4.2. Kỹ năng/ phẩm chất:

Thiết kế môi trường giáo dục an toàn, đa dạng, sáng tạo và kích thích trẻ tích cực tham gia hoạt động. Biết sưu tập và lưu trữ tài liệu theo hệ thống để sử dụng lâu dài. Tổ chức được các hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường theo hướng lồng ghép tích hợp cho trẻ mầm non.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để bảo vệ kết luận chuyên môn;

5. Chuẩn đầu ra học phần: thêm mới phần này.

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Giải thích các nội dung, phương pháp hình thức, luật giáo dục bảo vệ môi trường trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ	1.3	3
5.1.2	Khái quát định hướng tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường trong trường mầm non	1.3	3
5.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Thiết kế môi trường giáo dục an toàn, đa dạng, sáng tạo và kích thích trẻ tích cực tham gia hoạt động.	2.1.3	6
5.2.2	Thể hiện lối sống lành mạnh, văn minh, trung thực, tự trọng, có lòng nhân ái, yêu thiên nhiên	2.3	5
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.3.1	Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để bảo vệ kết luận chuyên môn;	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1 Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
Thảo luận đề cương, hướng dẫn khai thác tài liệu, hướng dẫn cách học, phân nhóm, thống nhất cách đánh giá học phần	01/02		Đàm thoại Giảng giải	Đề cương Bài giảng Giáo trình Kế hoạch học tập	Sinh viên hiểu nhiệm vụ, thống nhất nội dung đánh giá
<p>Chương 1: MỘT SỐ NHẬN THỨC CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG, Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG VÀ GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</p> <p>1.1. Khái niệm môi trường 1.2. Ô nhiễm môi trường 1.3. Giáo dục bảo vệ môi trường 1.4. Một số thách thức về môi trường hiện nay trên thế giới, ở Việt Nam</p>	03/06	5.1.1 5.1.2	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Đàm thoại - Thảo luận nhóm - Tự nghiên cứu - Thực hành 	<ul style="list-style-type: none"> - SV đọc và nghiên cứu, nắm nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc. - Bài viết tóm tắt trả lời trước các câu hỏi (câu 1 đến câu 4) Học xong chương này SV cần đạt được các mục tiêu sau: <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu khái niệm về môi trường, ô nhiễm môi trường và GDBVMT - Biết được thực trạng môi trường hiện nay trên thế giới, ở Việt Nam và ở địa phương của mình. - Phân tích được tình hình môi trường ở trường Mầm non hiện nay. 	9.1; 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
				- Có thái độ tận dụng các cơ hội để thực hiện GDBVMT cho trẻ Mầm non.	
<p>CHƯƠNG 2: MỤC TIÊU, NỘI DUNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</p> <p>2.1. Mục tiêu giáo dục bảo vệ môi trường trong trường Mầm non</p> <p>2.2. Nội dung giáo dục bảo vệ môi trường</p> <p>2.3. Các phương pháp GDBVMT cho trẻ Mầm non</p> <p>2.4. Hoạt động của nhà trường và lớp nhằm giáo dục bảo vệ môi trường</p>	04/08	5.1, 5.2, 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Đàm thoại - Thảo luận nhóm - Tự nghiên cứu - Thực hành 	<ul style="list-style-type: none"> - SV đọc và nghiên cứu, nắm nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc. - Bài viết tóm tắt trả lời trước các câu hỏi (câu 1 đến câu 5) <p>Học xong chương này SV cần đạt được các mục tiêu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được mục tiêu, nội dung GDBVMT. - Hiểu được các phương pháp GDBVMT cho trẻ Mầm non. - Nắm được các điều kiện thực hiện công tác GDBVMT trong trường Mầm non - Biết lựa chọn nội dung và vận dụng phương pháp để GDBVMT trong trường Mầm non. - Xác định được trách nhiệm của giáo viên trong việc GDBVMT ở trường Mầm non. 	9.1; 9.2
<p>CHƯƠNG 3: HƯỚNG DẪN TÍCH HỢP NỘI DUNG GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</p>	04/08	5.1, 5.2, 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Đàm thoại 	<ul style="list-style-type: none"> - SV đọc và nghiên cứu, nắm nội dung bài học. 	9.1; 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>3.1. Nguyên tắc tích hợp nội dung GDBVMT</p> <p>3.2. Tích hợp nội dung GDBVMT thông qua các chủ đề</p> <p>3.3. Tích hợp nội dung bảo vệ môi trường cho trẻ vào các hoạt động giáo dục</p>			<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận nhóm - Tự nghiên cứu - Thực hành 	<p>- Bài viết tóm tắt trả lời trước các câu hỏi (câu 1 đến câu 4)</p> <p>Học xong chương này SV cần đạt được các mục tiêu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết tích hợp nội dung GDBVMT vào các chủ đề. - Biết tích hợp nội dung GDBVMT cho trẻ thông qua các hoạt động giáo dục. - Biết tích hợp nội dung GDBVMT thông qua chế độ sinh hoạt của trẻ trong một ngày ở trường Mầm non. - Gương mẫu thực hiện các hành vi BVMT và có ý thức tận dụng mọi cơ hội để giáo dục trẻ BVMT. 	
<p>CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC, GIÁO DỤC CÓ TÍCH HỢP NỘI DUNG GDBVMT</p> <p>4.1. Thiết kế hoạt động chăm sóc, giáo dục có tích hợp nội dung GDBVMT</p> <p>4.2. Các bước thiết kế hoạt động chăm sóc giáo dục có tích hợp nội dung GDBVMT</p>	13/26	5.1, 5.2, 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Đàm thoại - Thảo luận nhóm - Tự nghiên cứu - Thực hành 	<p>Học xong chương này SV cần đạt được các mục tiêu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp thiết kế hoạt động chăm sóc, giáo dục có tích hợp nội dung GDBVMT. - Biết lựa chọn nội dung GDBVMT và biết tích hợp vào hoạt động chăm sóc, giáo dục. 	9.1; 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
				<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các hoạt động CSGD có tích hợp nội dung GDBVMT. - Các nhóm cử đại diện báo cáo mạnh dạn, tự tin, đúng với hoạt động có tích hợp nội dung giáo dục BVMT. 	
<p>CHƯƠNG 5: GIỚI THIỆU MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LÝ GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</p> <p>5.1. Các văn bản của Đảng và Nhà nước về bảo vệ môi trường</p> <p>5.2. Các văn bản của Bộ Giáo dục và đào tạo về bảo vệ môi trường</p>	02/04	5.1, 5.2, 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Đàm thoại - Thảo luận nhóm - Tự nghiên cứu - Thực hành 	<p>Học xong chương này SV cần đạt được các mục tiêu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được tầm quan trọng của công tác giáo dục BVMT. - Các văn bản của Đảng và Nhà nước về BVMT. - Các văn bản của Bộ GD&ĐT về BVMT 	9.1; 9.2
Ôn tập – kiểm tra	02	5.1, 5.2, 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Đàm thoại - Thảo luận nhóm - Tự nghiên cứu - Thực hành 	<ul style="list-style-type: none"> - Sau ôn tập, kiểm tra SV tự đánh giá mức độ kết quả học tập môn học. Kiểm tra kết thúc môn đạt từ 5 điểm trở lên. - Khái quát lại toàn bộ nội dung học phần. - Nắm vững nội dung và hình thức thi kết thúc môn học 	9.1; 9.2

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Nhà xuất bản	Mục đích sử dụng
-----	-------------	--------------	--------------	------------------

			Năm xuất bản		Địa chỉ khai thác tài liệu	Tài liệu chính	Tham khảo
1	Bộ GD & ĐT	<i>Tài liệu tập huấn Giáo dục bảo vệ môi trường cho giáo viên mầm non, Hà Nội</i>	2016	Tháng 02 Hà Nội	TT- HL Lê Vũ Hùng	x	
2	Hoàng Thị Thu Hương- Trần Thị Hòa- Trần Thị Thanh	<i>Hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục bảo vệ môi trường trong trường Mầm non</i>	2014	NXB Giáo dục Việt Nam	TT- HL Lê Vũ Hùng	x	
3	Bộ GD & ĐT	<i>Dự án VIE/98/018 Thiết kế mẫu một số mô đun giáo dục môi trường ngoài giờ lên lớp</i>	2004	Hà Nội	TT- HL Lê Vũ Hùng		x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, 2,3,4,5	5.1; 5.2; 5.3	0.4
9.2	Thi kết thúc học phần tự luận	Chương 1, 2,3,4,5	5.1; 5.2; 5.3	0.6

6.1.35. PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ KHOA HỌC CHO TRẺ MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4002 – PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ KHOA HỌC CHO TRẺ MẦM NON
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ: 30(30/00/60)
- Học phần điều kiện: KI4241
- Học kỳ: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Nguyệt. Chức danh, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ
- Điện thoại: 0919 520 999 E-mail: nguyet76dhdt@gmail.com
- Đơn vị: Khoa Giáo dục Tiểu học –Mầm non

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Trần Nguyễn Thị Như Mai .Chức danh, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ
- Điện thoại: 0983482042 Email: nguyennhumaidhdt@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học –Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Học phần “*Phương pháp tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho trẻ Mầm non*”. Là học phần nằm trong khối kiến thức bổ trợ, học phần này kế thừa những kiến thức về lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen môi trường xung quanh.

Học phần này giúp sinh viên nắm được khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa, vai trò của giáo viên trong việc khám phá khoa học, nắm được các hoạt động khám phá khoa học về môi trường xung quanh ở trường mầm non và thực hành tổ chức các hoạt động khám phá khoa học cho trẻ ở trường mầm non.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức::

Khái quát các kiến thức về lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động khám phá khoa học về môi trường xung quanh cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp.

4.2. Kỹ năng:

Tổ chức được các hoạt động giáo dục cho trẻ khám phá khoa học hiệu quả phù hợp với thực tiễn.

4.3. Mức tự chủ tự chịu trách nhiệm

Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, có khả năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức, lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1. Kiến thức			
5.1.1	Diễn giải được khái niệm, nhiệm vụ, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động khám phá khoa học cho trẻ trong trường mầm non	1.5	2
5.1.2	Lựa chọn những nội dung cho trẻ khám phá khoa học trong chương trình GDMN phù hợp với lứa tuổi, điều kiện thực tiễn giáo dục		3

5.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Thiết kế các kế hoạch, môi trường khám phá khoa học cho trẻ mầm non linh hoạt sáng tạo.	2.1.2	6
5.2.5	Tổ chức các hoạt động cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh hấp dẫn, kích thích tính tích cực hoạt động của trẻ	2.1.4	5
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, có khả năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức, lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1.Lý Thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>CHƯƠNG 1: SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC CỦA TRẺ</p> <p>1.2. Hoạt động khám phá khoa học với trẻ mầm non</p> <p>1.3. Ý nghĩa của khám phá khoa học đối với trẻ mầm non.</p> <p>1.4. Các quá trình khoa học thích hợp với trẻ nhỏ</p> <p>1.5. Cách tiếp cận quá trình trong dạy khoa học cho trẻ nhỏ</p> <p>1.6. Mục đích của việc giáo dục khoa học cho trẻ mầm non.</p> <p>1.7. Vai trò của giáo viên trong tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho trẻ mầm non</p>	13 13/26	5.1.1 5.1.2 5.3.1	-Thuyết giảng - Phương pháp đàm thoại - Thảo luận nhóm	<p>+ Đọc tài liệu: [1] + HV đọc và nghiên cứu, nắm nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc. + Thực hiện sơ đồ hóa các nội dung 1.1;1.2;1.3 + Đọc tài liệu [1]: mục 2. Cách xây dựng mục tiêu cấp độ lớp học.. (trang 22 đến 29) - Thảo luận các vấn đề sau: (1) Trình bày Ý nghĩa của khám phá khoa học đối với trẻ mầm non. (2) Phân tích các nguyên tắc quản lí GD (3) Trình bày Các quá trình khoa học thích hợp với trẻ nhỏ (4). Trình bày Cách tiếp cận quá trình trong dạy khoa học cho trẻ nhỏ (5) Trình bày mục đích của việc giáo dục khoa học cho trẻ mầm non. (6). Phân tích vai trò Vai trò của giáo viên trong tổ chức</p>	9.1.1 9.1.2 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
				hoạt động khám phá khoa học cho trẻ mầm non	
<p>CHƯƠNG 2: CÁC HOẠT ĐỘNG CHO TRẺ KHÁM PHÁ KHOA HỌC</p> <p>2.1. Các hoạt động cho trẻ nhà trẻ nhận biết thế giới xung quanh</p> <p>2.1.1. Các hoạt động và hướng dẫn thực hiện cho trẻ 3 – 12 tháng</p> <p>2.1.2. Các hoạt động và hướng dẫn thực hiện cho trẻ 12 – 24 tháng</p> <p>2.1.3. Các hoạt động và hướng dẫn thực hiện cho trẻ 24 – 36 tháng</p> <p>2.2. Các hoạt động khám phá khoa học cho trẻ mẫu giáo</p> <p>2.2.1. Các hoạt động và hướng dẫn thực hiện cho trẻ 3 – 4 tuổi</p> <p>2.2.2. Các hoạt động và hướng dẫn thực hiện cho trẻ 4 – 5 tuổi</p> <p>2.2.3. Các hoạt động và hướng dẫn thực hiện cho trẻ 5 – 6 tuổi</p>	17 17/34	5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3	- Thuyết giảng - Phương pháp đàm thoại - Thảo luận nhóm - Thực hành	SV đọc các tài liệu [1];[2][3][4][5][6] HV đọc và nghiên cứu, nắm nội dung bài học - Các nhóm bốc thăm chuẩn bị và trình bày nội dung được phân công. ND1. Các hoạt động và hướng dẫn thực hiện cho trẻ nhà trẻ ND 2. Các hoạt động và hướng dẫn thực hiện cho trẻ 3 – 4 tuổi ND 3. Khái quát bằng sơ đồ và trình bày 03 nguyên tắc đầu tiên trong GDTC cho trẻ em lứa tuổi MN. ND 4. . Các hoạt động và hướng dẫn thực hiện cho trẻ 4 – 5 tuổi. ND5. Các hoạt động và hướng dẫn thực hiện cho trẻ 5 – 6 tuổi. -Thiết kế hoạt động KPKH cho trẻ theo từng độ tuổi hiệu quả - - Mỗi nhóm sưu tầm 01 kế hoạch KPKH cho trẻ ở một độ tuổi cụ thể và phân tích, đánh giá kế hoạch đó. SV tự nghiên cứu trước và trả lời các câu hỏi: 1. Xác định các nội dung KPKH cho trẻ ở trường MN theo CTGDMN Ở các	9.1 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
				độ tuổi khác nhau. 2/ Phân tích cấu trúc của 1 hoạt động cho trẻ KPKH	

6.2. Thực hành: không có

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Hoàng Thị Oanh Nguyễn Thị Xuân	Giáo trình phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh	2008	NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Trần Thị Ngọc Trâm Nguyễn Thị Nga	Các hoạt động khám phá khoa học cho trẻ mầm non,	2011	NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	Lê Thu Hương – Lê Thị Ánh Tuyết	Hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục mầm non Nhà trẻ và Mẫu giáo (3 tháng – 6 tuổi)	2007	NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Nguyễn Thị Thu Hiền	Trò chơi, thí nghiệm tìm hiểu môi trường thiên nhiên trẻ 5 – 6 tuổi	2012	NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
5	Trần Thị Ngọc Trâm	Bé đến với khoa học qua trò chơi	2008	NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, chương 2	5.1;5.2;5.3	
9.1.1	Bài tập cá nhân	Chương 1: Thiết kế mục tiêu một bài dạy cụ thể (tên bài, lĩnh vực, lứa tuổi tùy chọn). Chương 2: Thiết kế một hoạt động khám phá khoa học cho trẻ mầm non	5.1.2; 5.2.1; 5.2.2; 5.3.1	0.4
9.1.2	Bài tập nhóm	Chương 1: thảo luận mục 1.2;1.3;1.4 Chương 2: Tổ chức một hoạt động KPKH (mục 2.2)	5.1.1; 5.1.2; 5.2.1; 5.2.2; 5.3	
9.2	Đánh giá kết thúc học phần (thi tự luận)	Chương 1, 2	5.1;5.2	0.6

6.1.36. DẠY TRẺ TẬP NÓI Ở NHÀ TRẺ

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4124 – DẠY TRẺ TẬP NÓI Ở NHÀ TRẺ

- Mã lớp học phần: Số tín chỉ: 2

Số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 30

(30/00/60)

- Học phần điều kiện:

- Học kì:

Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Phạm Thị Minh Hiếu** - Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

- Điện thoại: 0914759251

- Email: phamhieu25182@gmail.com

- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục TH-MN

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Lê Thị Mai An**

- Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

- Điện thoại: 0919.107.161

- Email: lenthimaiian.dth@gmail.com

- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục TH-MN

3. Tổng quan về học phần

Học phần *Dạy trẻ tập nói ở nhà trẻ* thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, hệ thống hóa và trang bị cho sinh viên những kiến thức về phát triển ngôn ngữ ở đối tượng từ 3 – 36 tháng tuổi. Học phần gồm hai chương. Chương 1 trình bày những vấn đề chung về dạy trẻ tập nói ở tuổi nhà trẻ như mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp, kết quả mong đợi và các chỉ số đánh giá. Chương 2 đi sâu vào các hoạt động dạy trẻ tập nói ở các độ tuổi từ 0- 12 tháng, 12- 24 tháng, 24- 36 tháng. Trọng tâm của học phần này là giới thiệu quy trình của các hoạt động dạy trẻ tập nói, phân tích sâu hơn cơ sở hình thành các hình thức và phương pháp dạy trẻ tập nói, rèn cho sinh viên kỹ năng vận dụng các kiến thức lý thuyết vào việc tổ chức các hoạt động dạy trẻ tập nói trên cơ sở tích hợp với các lĩnh vực khác ở trường mầm non. Từ những kiến thức trên, sinh viên có thể học tiếp các học phần như *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 5, Thực tập tốt nghiệp*.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận liên quan đến việc tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ tuổi nhà trẻ trong Chương trình giáo dục mầm non; hình thành tư duy lý luận, vận dụng và thiết kế được kế hoạch giáo dục cho trẻ nhà trẻ ở những nội dung khác nhau.

4.2. Kỹ năng

Vận dụng được lý luận và phương pháp giáo dục phát triển ngôn ngữ tuổi nhà trẻ trong thiết kế và tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ nhà trẻ.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường, làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, khả năng nhận định đánh giá và quyết định giải pháp phát triển nhiệm vụ công việc được giao.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1	Kiến thức		

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1.1	Giải thích được mục tiêu, nội dung, kết quả mong đợi, các chỉ số đánh giá về giáo dục phát triển ngôn ngữ tuổi nhà trẻ trong Chương trình giáo dục mầm non; So sánh được nội dung, kết quả mong đợi, các chỉ số đánh giá và cách tiến hành tổ chức các hoạt động dạy trẻ tập nói ở các độ tuổi.	1.3.1	3
5.1.2	Phân tích được các nội dung, hình thức và phương pháp tiến hành các hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ ở tuổi nhà trẻ.	1.3.2	3
5.2 Kỹ năng			
5.2.1	Vận dụng được mục tiêu, nội dung giáo dục phát triển ngôn ngữ, hình thức và phương pháp dạy trẻ tập nói để lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ nhà trẻ.	2.1.2	3
5.2.2	Đánh giá được sự phát triển của trẻ và hiệu quả thực hiện chương trình giáo dục mầm non ở tuổi nhà trẻ	2.1.5	3
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường, làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, khả năng nhận định đánh giá và quyết định giải pháp phát triển nhiệm vụ công việc được giao.	3.1.1	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	CDR	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của SV	HĐDG
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG 1.1. Mục tiêu phát triển ngôn ngữ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ 1.1.1 Mục tiêu chung 1.1.2 Mục tiêu phát triển ngôn ngữ của từng độ tuổi 1.2. Nội dung giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ 1.2.1 Rèn luyện kỹ năng nghe 1.2.2 Rèn luyện kỹ năng nói 1.2.3 Làm quen với sách tranh 1.3. Hình thức và phương pháp dạy trẻ tập nói 1.3.1 Hình thức dạy trẻ tập nói 1.3.2 Phương pháp dạy trẻ tập nói 1.4. Kết quả mong đợi về giáo dục PTNN cho trẻ nhà trẻ 1.4.1 Kết quả mong đợi về giáo dục PTNN cho trẻ 12 tháng 1.4.2 Kết quả mong đợi về giáo dục PTNN cho trẻ 24 tháng 1.4.3 Kết quả mong đợi về giáo dục PTNN cho trẻ 36 tháng PHẦN XIII: 1.5. Các chỉ số đánh giá sự phát triển của trẻ về mặt ngôn ngữ PHẦN XIV: 1.5.1. Các chỉ số đánh giá sự phát triển ngôn ngữ của trẻ đến 12 tháng tuổi	10/20	5.1.1 5.1.2 5.3.1	- Thuyết trình - Đàm thoại - Thảo luận nhóm - Tự nghiên cứu	- Đọc trước đề cương, tài liệu [1,2] - Câu hỏi thảo luận: 1.Trình bày mục tiêu phát triển ngôn ngữ cho trẻ nhà trẻ? 2. So sánh mục tiêu phát triển ngôn ngữ của trẻ nhà trẻ ở từng độ tuổi. 3. Phân tích nội dung giáo dục kỹ năng nghe, nói cho trẻ nhà trẻ. 4. Cho trẻ làm quen với sách ở độ tuổi nhà trẻ có phù hợp không, vì sao? 5. Dựa vào kiến thức thực tế, hãy trình bày sự vận dụng các phương pháp phát triển ngôn ngữ khi dạy trẻ tập nói. Phương pháp nào là quan trọng nhất, vì sao? 6. Đọc [tài liệu 1,2], ghi chép các	9.1.1 9.2

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	CDR	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của SV	HĐĐG
PHẦN XV: 1.5.2. Các chỉ số đánh giá sự PTNN của trẻ đến 24 tháng tuổi PHẦN XVI: 1.5.3. Các chỉ số đánh giá sự PTNN của trẻ đến 36 tháng tuổi				kết quả mong đợi về giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở từng độ tuổi nhà trẻ 7. Các chỉ số đánh giá sự phát triển ngôn ngữ của trẻ nhà trẻ [tài liệu 1]? Mục đích của các chỉ số này?	
CHƯƠNG 2. CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ LỨA TUỔI NHÀ TRẺ 2.1. Các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ từ 3 -12 tháng 2.1.1. Các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ từ 3 – 6 tháng 2.1.2. Các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ từ 6 -12 tháng 2.2. Các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ từ 12 – 24 tháng 2.2.1. Các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ từ 12 -18 tháng 2.2.2. Các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ từ 19 -24 tháng 2.3 Các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ từ 24 -26 tháng 2.3.1. Nghe các âm thanh, nghe và thực hiện các yêu cầu của lời nói 2.3.2. Trò chuyện 2.3.3. Đọc thơ, ca dao, đồng dao 2.3.4. Kể chuyện 2.3.5. Kể chuyện theo tranh 2.3.6. Đọc truyện với trẻ hàng ngày.	20/40	5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.2.3 5.3.1	- Thuyết trình - Đàm thoại - Thảo luận nhóm PHẦN XVII: PHẦN XVIII: - Lên tiết dạy thực hành theo nhóm (Mỗi nhóm gồm 8-10 SV; chủ đề, độ tuổi, dạng bài cụ thể theo sự phân công của GV)	- Đọc tài liệu [1,2,3,4,6] và trả lời các câu hỏi: PHẦN XIX: 1. Trình bày các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở từng độ tuổi (3 – 12 th; 12 – 18 th ; 19 – 24 th). PHẦN XX: 2. Trình bày các mức độ nhận thức của trẻ ở từng độ tuổi [tài liệu 1,2]. 3. Nêu quy trình tổ chức hoạt động đọc thơ, ca dao, đồng dao; kể chuyện và tập cho bé kể chuyện; trò chuyện và kể chuyện theo tranh. PHẦN XXI: 4. Xác định mục tiêu, chuẩn bị, các hoạt động chính của cô và trẻ trên một bài thơ/ truyện/ tranh cụ thể. - Thiết kế các kế hoạch giáo dục PTNN và thực hành tập dạy: + Trò chơi dân gian / Trò chơi bắt chước + Xem tranh và trò chuyện theo tranh + Đọc thơ, ca dao, đồng dao PHẦN XXII: + Kể chuyện / Tập kể chuyện	9.1.2 9.2

7. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Trần Thị Ngọc Trâm	<i>Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục Mầm non, Nhà trẻ (3 -36 tháng tuổi)</i>	2017	NXB GDVN	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Bộ GD&ĐT	<i>Chương trình Giáo dục Mầm non</i>	2017	NXB GDVN	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	Trần Ngọc Trâm (chủ biên)	<i>Hướng dẫn xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục theo chủ đề (trẻ 24 – 36 tháng tuổi)</i>	2015	NXB GDVN	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Phan Thị Thuận Nhi, Nguyễn Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	<i>Hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ từ 6 – 24 tháng tuổi,</i>	2017	NXB GDVN	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
5	Phan Thị Thuận Nhi, Nguyễn Thị Thanh Huyền	<i>Hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ từ 24 – 36 tháng tuổi</i>	2017	NXB GDVN	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
6	Vụ GDMN	<i>Tuyển tập thơ ca, truyện kể, câu đố dành cho nhà trẻ</i>	2010	NXB GDVN	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

8. Quy định đối với sinh viên

- Tham dự đủ từ 80% trở lên số tiết lý thuyết của học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, 2	5.1; 5.2; 5.3	0.4
9.1.1	Thảo luận nhóm/ Bài kiểm tra	Chương 1	5.1.1; 5.1.2; 5.2.1; 5.2.2; 5.3	
9.1.2	Giáo án/Tập dạy	Chương 2	5.2.1; 5.2.2; 5.3	
9.2	Đánh giá kết thúc học phần (Tự luận, 90 phút)	Chương 1,2	5.1; 5.2;	0.6

6.1.37. PP PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ MẠCH LẠC CHO TRẺ MẪU GIÁO

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4137-PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ MẠCH LẠC
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 30 (10/20/40)
- Học phần điều kiện: *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non, Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen văn học cho trẻ mầm non*
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Lê Thị Mai An** - Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ
- Điện thoại: 0919.107.161 - Email: lethimaian.dth@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục TH-MN

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Phạm Thị Minh Hiếu** - Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ
- Điện thoại: 0914912759 - Email: phamhieu25182@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục TH-MN

3. Tổng quan về học phần

Học phần *Phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ* (tiếp nối học phần *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non*) thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành tự chọn, có vai trò nâng cao kỹ năng thuộc lĩnh vực ngôn ngữ cho sinh viên (SV) mầm non. Học phần nhằm trang bị cho SV: (1) Sự phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ mầm non, (2) Nội dung chương trình, hình thức và các biện pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo, (3) Tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ mẫu giáo. Học phần cung cấp toàn bộ những kiến thức nâng cao về ngôn ngữ mạch lạc. Đồng thời, học phần còn trang bị kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ để SV có thể học tập ở trình độ cao hơn.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Phân tích được kiến thức chuyên sâu về lí luận và phương pháp dạy học lĩnh vực ngôn ngữ ở mầm non.

4.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức

4.2.1. Tổ chức được các hoạt động giáo dục và đánh giá sự phát triển ngôn ngữ mạch lạc ở mầm non.

4.2.2. Vận dụng kỹ năng hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ chung. Yêu nghề, yêu trẻ, tận tụy, công bằng và tôn trọng trẻ.

4.3. Mức tự chủ, chịu trách nhiệm:

Có năng lực phát huy trí tuệ tập thể; khả năng định hướng chuyên môn.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1. Kiến thức			
5.1	Lí giải được những kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ mạch lạc	1.5	3
5.2. Kỹ năng			

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.2.1	Tổ chức và đánh giá được các hoạt động dạy nói mạch lạc	2.1.4	5
5.2.2	Vận dụng kỹ năng hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ chung	2.2	3
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có năng lực phát huy trí tuệ tập thể; khả năng định hướng chuyên môn	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/BT)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>Chương 1: Ngôn ngữ mạch lạc và sự phát triển ngôn ngữ mạch của trẻ Mẫu giáo</p> <p>1.1 Khái niệm ngôn ngữ mạch lạc</p> <p>1.2 Sự phát triển ngôn ngữ mạch lạc của trẻ MG</p> <p>1.2.1 Sự phát triển ngôn ngữ mạch lạc của trẻ MGB</p> <p>1.2.2 Sự phát triển ngôn ngữ mạch lạc của trẻ MGN</p> <p>1.2.3 Sự phát triển ngôn ngữ mạch lạc của trẻ MGL</p> <p>1.3 Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển ngôn ngữ mạch lạc của trẻ mẫu giáo</p> <p>1.3.1 Yếu tố sinh lí</p> <p>1.3.2 Yếu tố tâm lí</p> <p>1.3.3 Yếu tố xã hội</p>	05 (02/03)	5.1 5.3	Giảng giải Thảo luận nhóm Tự học	<p>- <u>Đọc và ghi ý</u> chính mỗi mục.</p> <p>- <u>Thực hiện bài tập:</u></p> <p>1. Đặc điểm ngôn ngữ mạch lạc của trẻ mẫu giáo (MGB, MGN, MGL)?</p> <p>2. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển ngôn ngữ mạch lạc của trẻ mẫu giáo?</p> <p>- <u>Tự nghiên cứu</u> nội dung liên quan đến ngôn ngữ mạch lạc của trẻ mẫu giáo.</p>	[9.1, 9.2]
<p>Chương 2: Nội dung chương trình, các biện pháp và hình thức phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ Mẫu giáo</p> <p>2.1 Nội dung chương trình phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ Mẫu giáo</p> <p>2.1.1 Nội dung chương trình phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ MGB</p> <p>2.1.2 Nội dung chương trình phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ MGN</p> <p>2.1.3 Nội dung chương trình phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ MGL</p> <p>2.2 Các biện pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ Mẫu giáo</p> <p>2.2.1 Biện pháp sử dụng lời kể mẫu</p> <p>2.2.2 Biện pháp sử dụng hệ thống câu hỏi theo dần ý</p> <p>2.2.3 Phối hợp với hoạt động khác trong trường mầm non</p> <p>2.3 Các hình thức phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ Mẫu giáo</p>	05 (02/03)	5.1 5.3	Giảng giải Thảo luận nhóm Tự học	<p>- <u>Đọc và ghi ý</u> chính mỗi mục.</p> <p>- <u>Thực hiện bài tập:</u></p> <p>1. Nội dung phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ MG bé? MG nhỏ? MG lớn?</p> <p>2. Những biện pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ mẫu giáo? Ví dụ.</p> <p>- <u>Tự nghiên cứu</u> nội dung liên quan đến hình thức phát triển ngôn ngữ mạch lạc của trẻ mẫu giáo.</p>	[9.1, 9.2, 9.3]

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/BT)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>Chương 3: Tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ Mẫu giáo</p> <p>3.1 Tổ chức hoạt động kể chuyện theo kinh nghiệm</p> <p>3.2 Tổ chức hoạt động kể chuyện theo đồ vật, đồ chơi</p> <p>3.3 Tổ chức hoạt động kể chuyện theo tranh</p> <p>3.4 Tổ chức hoạt động kể lại tác phẩm văn học</p> <p>3.5 Tổ chức hoạt động kể chuyện theo chủ đề tự do</p>	<p>20 (06/14)</p>	<p>5.1 5.2 5.3</p>	<p>Thảo luận nhóm</p> <p>Làm việc cá nhân</p> <p>Luyện tập – thực hành</p>	<p>- <u>Đọc và ghi ý chính</u> mỗi mục.</p> <p>- <u>Thực hiện bài tập:</u></p> <p>1. Kể chuyện theo kinh nghiệm ở 3 độ tuổi (đề tài tự chọn).</p> <p>2. Kể chuyện theo tranh chủ đề 3 độ tuổi (tranh dùng để giới thiệu chủ đề). Mỗi nhóm 1 hình, in màu, cỡ lớn.</p> <p>3. Kể chuyện với đồ chơi, đồ dùng theo chủ đề 3 độ tuổi. Chọn đồ chơi, đồ dùng, vật thật phù hợp với chủ đề. Kích cỡ đủ lớn. Mỗi nhóm một chủ đề (khoảng 3-9 món).</p> <p>4. Kể theo chủ đề tự do. Chuẩn bị tranh về một chủ đề tự chọn. Mỗi nhóm tưởng tượng một câu chuyện. Tạo 04 tranh (cắt, xé, dán, vẽ...) về câu chuyện đó.</p> <p>- <u>Luyện tập:</u></p> <p>1) Soạn giáo án</p> <p>2) Gửi giáo án trước 2 – 3 tuần</p> <p>3) Chuẩn bị ĐD</p> <p>4) Tập dạy</p> <p>[Lưu ý. Nhóm 8-10 SV. Dạy trên lớp SV. Gửi clip nếu không đủ thời gian]</p> <p>- <u>Tự nghiên cứu</u> nội dung liên quan đến tổ chức hoạt động kể lại tác phẩm văn học.</p>	<p>[9.1, 9.2, 9.3]</p>

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Hồ Thị Thu Hà	<i>Bài giảng Phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc</i>	2017	Tài liệu nội bộ	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Nguyễn Thị Oanh	<i>Bài tập phát triển lời nói mạch lạc cho trẻ 5-6 tuổi</i>	2009	NXBGD		x	
3	Đình Hồng Thái	<i>Phương pháp phát triển ngôn ngữ</i>	2007	NXBGD			x
4	Bộ Giáo dục và Đào tạo	<i>Chương trình Giáo dục MN</i>	2017	NXBGD			x
5	Huỳnh Văn Sơn	<i>Phát triển tưởng tượng cho trẻ MG thông qua hình thức kể chuyện sáng tạo</i>	2012	NXB GDVN			x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần.
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
1) Đánh giá thường kì			5.1, 5.2, 5.3	0.4
9.1	- Chuyên cần	- Thời gian dự học - Tích cực phát biểu (cá nhân)	5.2.3 5.3	
9.2	- Bài tập	- Làm bài tập [chương 1,2,3] - Tổ chức dạy – học [chương 3]	5.1, 5.2, 5.3	
9.3	- Kiểm tra	- Chương 2,3	5.2	
2) Đánh giá kết thúc			5.1, 5.2, 5.3	0.6
	Tự luận 90 phút	- Dự đủ 80% số tiết - Lý thuyết+bài tập [chương 1,2,3]		

6.1.38. XÂY DỰNG KỊCH BẢN VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG NGHỆ THUẬT CHO TRẺ MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4104 – ĐÀN PHÍM ĐIỆN TỬ
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 30(04/52/60)
- Học phần điều kiện: Lý thuyết âm nhạc sơ giản
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Lê Thị Kim Chi Chức danh, học hàm, học vị: GV-Thạc sĩ
- Điện thoại: 0919191930 Email: 2010khanhtram@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Bích Hằng Chức danh, học hàm, học vị: GV-Thạc sĩ
- Điện thoại: 0988.980.929 Email: bichhang5552000@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Võ Ngọc Quyên Chức danh, học hàm, học vị: GV- Thạc sĩ
- Điện thoại: 0943229662 Email: ngocquyenspdt@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Đàn phím điện tử là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, rất cần thiết đối với sinh viên ngành Giáo dục Mầm non. Học phần cung cấp cho sinh viên Mầm non những nội dung về thế bấm tay trái và tay phải trên đàn organ, kỹ thuật luyện ngón hai tay, cách lựa chọn những chức năng trên đàn phù hợp cho bài hát... Qua học phần này sinh viên có thể tự đàn được những bài hát trong chương trình mầm non một cách thuần thục, có kỹ năng thực hành âm nhạc để đáp ứng mục tiêu giáo dục của trường Mầm non.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Khái quát và nắm rõ những kiến thức cơ bản trong phần lý thuyết âm nhạc sơ giản như: độ dài – tiết tấu, quãng, hợp âm, giọng, xác định giọng để áp dụng vào thực hành đàn bài hát thiếu nhi, phải biết chọn bài hát theo chủ đề trong chương trình mầm non.

4.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức

Thực hành những bài hát nằm trong học phần đàn phím điện tử và tài liệu trẻ thơ hát. Bên cạnh đó cần phải có tác phong sư phạm, chuẩn mực trong giao tiếp.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm và có trách nhiệm với công việc, thích nghi với môi trường làm việc

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Trình bày được cấu tạo của đàn organ, nắm được nội dung trọng tâm cần đạt được trong học phần đàn phím điện tử.	1.3	2

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1.2	Liệt kê những bài hát phù hợp với năng lực, chọn điệu, âm sắc (tiếng), tempo..., các chức năng cần thiết cho một bài hát.	1.3	2
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Đàn được những bài hát trong tài liệu học phần đàn phím điện tử và luôn có tính sáng tạo sao cho phù hợp với thực tiễn.	2.1.2	3
5.2.2	Yêu nghề, thể hiện lối sống lành mạnh, văn minh, trung thực, tự trọng.	2.3	3
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để bảo vệ kết luận chuyên môn; có khả năng dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ, sáng kiến và chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
Chương 1: GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ ĐÀN PHÍM ĐIỆN TỬ VÀ MỘT SỐ BÀI LUYỆN NGÓN CƠ BẢN 1.1. Giới thiệu sơ lược cây đàn Organ 1.1.1. Cấu trúc cơ bản 1.1.2. Nhận biết các nốt trên hàng phím đàn 1.1.3. Cách sử dụng một số chức năng, kí hiệu tay phải, tay trái	02/04	5.1.1; 5.2.1; 5.3.1	*Phương pháp: thuyết giảng -Hình thức tổ chức dạy học: hướng dẫn thực hành bài tập *Phương pháp: hướng dẫn thực hành : GV chuẩn bị Đàn organ làm mẫu cho cả lớp.	Ôn lại lý thuyết âm nhạc chương 1, 2 từ trang 2 đến trang 11 tài liệu [1]	9.1 9.1.1
1.2. Những bài luyện ngón ở 2 tay 1.2.1. Bài luyện tập 5 nốt (khóa sol)-tay phải, các nốt ngoài quãng tám 1.2.2. Bài luyện tập 5 nốt (khóa pha) tay trái, các nốt ngoài quãng tám nhỏ. 1.2.3. Bài luyện tập 5 nốt ở cả 2 tay	02/04	5.1.1; 5.2.1; 5.3.1	*Phương pháp: Thuyết giảng - GV nhắc lại số ngón tay của 2 bàn tay *Phương pháp: hướng dẫn thực hành cho từng nhóm nhỏ	-Cắt móng tay gọn gàng -Nghiên cứu bài sắp học trong tài liệu [1] trước khi đến lớp - Nhìn hình để biết tên gọi các phím đàn, đọc nốt trong các bài luyện tập, xếp ngón...	9.1 9.1.1

6.2. Thực hành

Chương/ Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
<p>Chương 2: MỘT SỐ BÀI TẬP THỰC HÀNH</p> <p>2.1. Kỹ thuật bấm ngón ở giọng Đô trưởng và La thứ</p> <p>2.1.1. Gam, các bài tập trong phạm vi từ một đến hai quãng tám.</p> <p>2.1.2. Cách bấm hợp âm của vòng công năng mẫu: C – F – G₇; Am – Dm – E₇.</p>	10/10	5.1.1; 5.1.2; 5.2.1; 5.3.1	<p>*Phương pháp thuyết giảng</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhắc nhở SV cần luyện kỹ năng đàn từng tay riêng, sau đó ghép cả hai tay. Đánh chậm từng nốt, chú ý điều chỉnh thể bấm của các ngón tay, bàn tay... - Tập chuyên H.Á ở tay trái, tập giai điệu ở tay phải. - Luyện nghe nhạc điệu, gõ phách, giữ nhịp... <p>Thực hiện nghiêm túc chỉ dẫn của GV</p>	<ul style="list-style-type: none"> -Chuẩn bị tài liệu [1] và bài hát cho buổi luyện tập - Những SV còn chậm có thể tập luyện thêm ngoài giờ lên lớp. -SV cần phân biệt được cách bấm H.Á trưởng- thứ cách bấm các H.Á có cùng âm chung có thể tham khảo tài liệu [2] - Chú ý cách bấm hợp âm bảy, tham khảo tài liệu [2][5] 	9.1 9.1.2 9.2
<p>2.2. Ứng dụng kỹ thuật ở các giọng trưởng – thứ từ không đến một dấu hóa:</p> <p>2.2.1. Làm quen với các gam Đô trưởng – La thứ ; Son trưởng – Mi thứ và Pha trưởng - Rê thứ.</p> <p>2.2.2. Làm quen với hợp âm và tiết điệu tự động.</p>	10/10	5.1.1; 5.1.2; 5.2.1; 5.3.1	<p>*Phương pháp thuyết giảng và hướng dẫn thực hành</p> <ul style="list-style-type: none"> -GV nhắc nhở SV cần xác định, phân biệt được sự khác nhau ở 2 cặp giọng song song này. Bên cạnh đó cần luyện kỹ năng đàn từng gam đô trưởng (C) gam la thứ (Am), son trưởng (G), gam mi thứ (Em), gam pha trưởng (F), gam rê thứ (Dm) chú ý việc di chuyển số ngón tay trong quá trình luyện gam 	<ul style="list-style-type: none"> -Chuẩn bị bài hát cho buổi thực hành, nằm trong tài liệu [1] tài liệu tham khảo [3] 	9.1 9.1.2 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
<p>2.3. Thực hành đàn một số bài hát trong chương trình giáo dục âm nhạc ở trường Mầm non ở một trong số các giọng sau:</p> <p>2.3.1. Giọng Đô trưởng 2.3.2. Giọng Son trưởng 2.3.3. Giọng Pha trưởng 2.3.4. Giọng La thứ 2.3.5. Giọng Mi thứ 2.3.6. Giọng Rê thứ</p>	32/32	5.1.1; 5.1.2; 5.2.1; 5.3.1	<p>*Phương pháp thuyết giảng và hướng dẫn thực hành</p> <p>cho từng nhóm nhỏ, giải thích và hướng dẫn những bài khó</p> <p>-GV có thể trao đổi cách thức lựa chọn bài hát theo khả năng của SV.</p>	<p>* Tiến hành theo từng bước: + Cần xác định đúng giọng bài hát + Đọc chính xác tên các nốt nhạc trong bài. (vị trí của từng nốt) + Nắm được cách bấm các hợp âm có trong bài. - Chú ý kéo dài đủ số phách với nốt trắng, nốt tròn, dấu nối, dấu chấm đôi, dấu lặng, đối với bài có nhịp 2/4,3/4,4/4. - Chú ý cách đặt số ngón tay phải vào phần giai điệu và số ngón tay trái đối với phần hợp âm của bài hát. - Xác định đúng quãng mà cao độ bài hát thể hiện.</p>	9.1 9.1.2 9.2

7. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Lê Thị Kim Chi	Bài giảng đàn phím điện tử		Nội bộ	Giảng viên	x	
2	Lê Thị Kim Chi	Lý thuyết âm nhạc sơ giản		Nội bộ	Giảng viên		x
3	Hoàng Văn Yên	Trẻ thơ hát	1995	NXB Âm nhạc	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

4	Lê Vũ	Phương pháp học đàn Organ keyboard (Tập I, II)	2001	NXB Trẻ	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x
5	Phạm Tú Hương	Lý thuyết âm nhạc cơ bản	1997	Nxb ĐHSP	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>	Chương 1, 2	5.1; 5.2; 5.3	0,4
9.2	<i>Thi kết thúc học phần (thực hành)</i>	Chương 2	5.1; 5.2	0,6

6.1.39. ĐÀN PHÍM ĐIỆN TỬ

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4104 – ĐÀN PHÍM ĐIỆN TỬ
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 30(04/52/60)
- Học phần điều kiện: Lý thuyết âm nhạc sơ giản
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Lê Thị Kim Chi Chức danh, học hàm, học vị: GV-Thạc sĩ
- Điện thoại: 0919191930 Email: 2010khanhtram@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Bích Hằng Chức danh, học hàm, học vị: GV-Thạc sĩ
- Điện thoại: 0988.980.929 Email: bichhang5552000@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Võ Ngọc Quyên Chức danh, học hàm, học vị: GV- Thạc sĩ
- Điện thoại: 0943229662 Email: ngocquyenspd@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Đàn phím điện tử là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, rất cần thiết đối với sinh viên ngành Giáo dục Mầm non. Học phần cung cấp cho sinh viên Mầm non những nội dung về thế bấm tay trái và tay phải trên đàn organ, kỹ thuật luyện ngón hai tay, cách lựa chọn những chức năng trên đàn phù hợp cho bài hát... Qua học phần này sinh viên có thể tự đàn được những bài hát trong chương trình mầm non một cách thuần thục, có kỹ năng thực hành âm nhạc để đáp ứng mục tiêu giáo dục của trường Mầm non.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Khái quát và nắm rõ những kiến thức cơ bản trong phần lý thuyết âm nhạc sơ giản như: độ dài – tiết tấu, quãng, hợp âm, giọng, xác định giọng để áp dụng vào thực hành đàn bài hát thiếu nhi, phải biết chọn bài hát theo chủ đề trong chương trình mầm non.

4.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức

Thực hành những bài hát nằm trong học phần đàn phím điện tử và tài liệu trẻ thơ hát. Bên cạnh đó cần phải có tác phong sư phạm, chuẩn mực trong giao tiếp.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm và có trách nhiệm với công việc, thích nghi với môi trường làm việc

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Trình bày được cấu tạo của đàn organ, nắm được nội dung trọng tâm cần đạt được trong học phần đàn phím điện tử.	1.3	2

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1.2	Liệt kê những bài hát phù hợp với năng lực, chọn điệu, âm sắc (tiếng), tempo..., các chức năng cần thiết cho một bài hát.	1.3	2
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Đàn được những bài hát trong tài liệu học phần đàn phím điện tử và luôn có tính sáng tạo sao cho phù hợp với thực tiễn.	2.1.2	3
5.2.2	Yêu nghề, thể hiện lối sống lành mạnh, văn minh, trung thực, tự trọng.	2.3	3
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để bảo vệ kết luận chuyên môn; có khả năng dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ, sáng kiến và chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>Chương 1: GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ ĐÀN PHÍM ĐIỆN TỬ VÀ MỘT SỐ BÀI LUYỆN NGÓN CƠ BẢN 1.1. Giới thiệu sơ lược cây đàn Organ</p> <p>1.1.1. Cấu trúc cơ bản</p> <p>1.1.2. Nhận biết các nốt trên hàng phím đàn</p> <p>1.1.3. Cách sử dụng một số chức năng, kí hiệu tay phải, tay trái</p>	02/04	5.1.1; 5.2.1; 5.3.1	<p>*Phương pháp: thuyết giảng</p> <p>-Hình thức tổ chức dạy học: hướng dẫn thực hành bài tập</p> <p>*Phương pháp: hướng dẫn thực hành : GV chuẩn bị Đàn organ làm mẫu cho cả lớp.</p>	Ôn lại lý thuyết âm nhạc chương 1, 2 từ trang 2 đến trang 11 tài liệu [1]	9.1 9.1.1
<p>1.2. Những bài luyện ngón ở 2 tay</p> <p>1.2.1. Bài luyện tập 5 nốt (khóa sol)-tay phải, các nốt ngoài quãng tám</p> <p>1.2.2. Bài luyện tập 5 nốt (khóa pha) tay trái, các nốt ngoài quãng tám nhỏ.</p> <p>1.2.3. Bài luyện tập 5 nốt ở cả 2 tay</p>	02/04	5.1.1; 5.2.1; 5.3.1	<p>*Phương pháp: Thuyết giảng</p> <p>- GV nhắc lại số ngón tay của 2 bàn tay</p> <p>*Phương pháp: hướng dẫn thực hành cho từng nhóm nhỏ</p>	<p>-Cắt móng tay gọn gàng</p> <p>-Nghiên cứu bài sắp học trong tài liệu [1] trước khi đến lớp</p> <p>- Nhìn hình để biết tên gọi các phím đàn, đọc nốt trong các bài luyện tập, xếp ngón...</p>	9.1 9.1.1

6.2. Thực hành

Chương/ Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
<p>Chương 2: MỘT SỐ BÀI TẬP THỰC HÀNH</p> <p>2.1. Kỹ thuật bấm ngón ở giọng Đô trưởng và La thứ</p> <p>2.1.1. Gam, các bài tập trong phạm vi từ một đến hai quãng tám.</p> <p>2.1.2. Cách bấm hợp âm của vòng công năng mẫu: C – F – G₇; Am – Dm – E₇.</p>	10/10	5.1.1; 5.1.2; 5.2.1; 5.3.1	<p>*Phương pháp thuyết giảng</p> <p>- GV nhắc nhở SV cần luyện kỹ năng đàn từng tay riêng, sau đó ghép cả hai tay. Đánh chậm từng nốt, chú ý điều chỉnh thể bấm của các ngón tay, bàn tay...</p> <p>- Tập chuyên H.Á ở tay trái, tập giai điệu ở tay phải.</p> <p>- Luyện nghe nhạc điệu, gõ phách, giữ nhịp...</p> <p>Thực hiện nghiêm túc chỉ dẫn của GV</p>	<p>-Chuẩn bị tài liệu [1] và bài hát cho buổi luyện tập</p> <p>- Những SV còn chậm có thể tập luyện thêm ngoài giờ lên lớp.</p> <p>-SV cần phân biệt được cách bấm H.Á trưởng- thứ cách bấm các H.Á có cùng âm chung có thể tham khảo tài liệu [2]</p> <p>- Chú ý cách bấm hợp âm bảy, tham khảo tài liệu [2][5]</p>	9.1 9.1.2 9.2
<p>2.2. Ứng dụng kỹ thuật ở các giọng trưởng – thứ từ không đến một dấu hóa:</p> <p>2.2.1. Làm quen với các gam Đô trưởng – La thứ ; Son trưởng – Mi thứ và Pha trưởng - Rê thứ.</p> <p>2.2.2. Làm quen với hợp âm và tiết điệu tự động.</p>	10/10	5.1.1; 5.1.2; 5.2.1; 5.3.1	<p>*Phương pháp thuyết giảng và hướng dẫn thực hành</p> <p>-GV nhắc nhở SV cần xác định, phân biệt được sự khác nhau ở 2 cặp giọng song song này. Bên cạnh đó cần luyện kỹ năng đàn từng gam đô trưởng (C) gam la thứ (Am), son trưởng (G), gam mi thứ (Em), gam pha trưởng (F), gam rê thứ (Dm) chú ý việc di chuyển số ngón tay trong quá trình luyện gam</p>	<p>-Chuẩn bị bài hát cho buổi thực hành, nằm trong tài liệu [1] tài liệu tham khảo [3]</p>	9.1 9.1.2 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
<p>2.3. Thực hành đàn một số bài hát trong chương trình giáo dục âm nhạc ở trường Mầm non ở một trong số các giọng sau:</p> <p>2.3.1. Giọng Đô trưởng 2.3.2. Giọng Son trưởng 2.3.3. Giọng Pha trưởng 2.3.4. Giọng La thứ 2.3.5. Giọng Mi thứ 2.3.6. Giọng Rê thứ</p>	32/32	5.1.1; 5.1.2; 5.2.1; 5.3.1	<p>*Phương pháp thuyết giảng và hướng dẫn thực hành</p> <p>cho từng nhóm nhỏ, giải thích và hướng dẫn những bài khó</p> <p>-GV có thể trao đổi cách thức lựa chọn bài hát theo khả năng của SV.</p>	<p>* Tiến hành theo từng bước: + Cần xác định đúng giọng bài hát + Đọc chính xác tên các nốt nhạc trong bài. (vị trí của từng nốt) + Nắm được cách bấm các hợp âm có trong bài. - Chú ý kéo dài đủ số phách với nốt trắng, nốt tròn, dấu nối, dấu chấm đôi, dấu lặng, đối với bài có nhịp 2/4,3/4,4/4. - Chú ý cách đặt số ngón tay phải vào phần giai điệu và số ngón tay trái đối với phần hợp âm của bài hát. - Xác định đúng quãng mà cao độ bài hát thể hiện.</p>	9.1 9.1.2 9.2

7. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Lê Thị Kim Chi	Bài giảng đàn phím điện tử		Nội bộ	Giảng viên	x	
2	Lê Thị Kim Chi	Lý thuyết âm nhạc sơ giản		Nội bộ	Giảng viên		x
3	Hoàng Văn Yến	Trẻ thơ hát	1995	NXB Âm nhạc	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

4	Lê Vũ	Phương pháp học đàn Organ keyboard (Tập I, II)	2001	NXB Trẻ	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x
5	Phạm Tú Hương	Lý thuyết âm nhạc cơ bản	1997	Nxb ĐHSP	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>	Chương 1, 2	5.1; 5.2; 5.3	0,4
9.2	<i>Thi kết thúc học phần (thực hành)</i>	Chương 2	5.1; 5.2	0,6

6.1.40. TẬP ĐỌC NHẠC VÀ HÁT

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4180 – TẬP ĐỌC NHẠC VÀ HÁT
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 30(4/52/60)
- Học phần điều kiện: Lý thuyết âm nhạc sơ giản
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Lê Thị Kim Chi Chức danh, học hàm, học vị: GV-Thạc sĩ
- Điện thoại: 0919191930 Email: 2010khanhtram@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Võ Ngọc Quyên Chức danh, học hàm, học vị: GV-Thạc sĩ
- Điện thoại: 0943229662 Email: ngocquyenspdt@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Hoàng Nhị Bình Chức danh, học hàm, học vị: GV-Cử nhân
- Điện thoại: 0904999787 Email: hoangnhibinh1973@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Tập đọc nhạc và hát là học phần rất cần thiết đối với sinh viên ngành Giáo dục Mầm non. Trong học phần này, sinh viên vận dụng lý thuyết âm nhạc sơ giản vào thực hành tập đọc nhạc và hát. Bước đầu hình thành các kỹ năng thực hành âm nhạc cho sinh viên mầm non. Học phần này giúp sinh viên Mầm non sau khi ra trường có thể đọc các bài tập đọc nhạc và có khả năng ca hát tốt.

4. Mục tiêu học phần

4.1 Kiến thức

Liệt kê được những nội dung cơ bản của học phần lý thuyết âm nhạc sơ giản và một số kỹ thuật ca hát để áp dụng vào bài hát ở thể loại bài hát thiếu nhi, ca khúc Việt Nam, xác định được từng bước thực hành của một bài tập đọc nhạc.

4.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức

Thực hành phân ứng dụng bài tập đọc nhạc và bài hát ở các giọng trưởng, thứ từ 0 đến 1 dấu hóa (C-Am; G-Em; F-Dm) bên cạnh đó cũng hỗ trợ cho môn học liên quan như: RLNVSPTX 2 (Hát, múa), phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non.

4.1. Mức tự chủ và trách nhiệm

Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm và có tinh thần trách nhiệm với công việc, luôn thích nghi với môi trường làm việc

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1.1	Khái quát được nội dung, kiến thức, xác định được mức độ yêu cầu cần đạt theo từng nội dung của học phần.	1.3	2
5.1.2	Trình bày được những nội dung cần thiết của học phần lý thuyết như: một số kỹ thuật trong ca hát, quãng, độ dài-tiết tấu, cách đọc gam, cách đọc âm rãi, cách xác định giọng để thể hiện một bài hát hay thực hành một bài tập đọc nhạc.	1.3	2
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Thực hành một số kỹ thuật hát largato và stacato, cách phát âm nhả chữ, luyện lấy... vào bài hát thiếu nhi, ca khúc Việt Nam mang luôn có tính sáng tạo, biết lựa chọn, tổ chức các hoạt động giáo dục sao cho phù hợp với trẻ ở trường mầm non.	2.1.2	3
5.2.2	Yêu nghề, công bằng, thể hiện lối sống lành mạnh, văn minh, trung thực, tự trọng.	2.3	3
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để bảo vệ kết luận chuyên môn; có khả năng dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ, sáng kiến và chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1 Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
Chương 1: MỘT SỐ KIẾN THỨC NHẠC LÝ CƠ BẢN 1.1 Âm thanh và các trường độ của âm thanh 1.1.1. Khái niệm về âm thanh và âm nhạc 1.1.2. Hệ thống âm thanh tên gọi, kí hiệu 1.1.3. Hệ thống ghi âm bằng nốt nhạc 1.1.4. Hệ điều hòa âm thanh, cung và nửa cung 1.1.5. Dấu hóa, trùng âm 1.1.6. Dấu lặng, các dấu tăng thêm độ dài, dấu viết tắt	02/04	5.1.2; 5.2.2; 5.3.1	*Phương pháp thuyết giảng - GV gợi ý cho SV nhớ lại những kiến thức đã được học trong học phần lý thuyết âm nhạc sơ giản - GV hát minh họa để SV nắm rõ hơn về những định nghĩa.	- SV xem trước 1.1 Tài liệu [1] và chương 2 trong tài liệu tham khảo [3] - SV đặt câu hỏi GV giải đáp (nếu có). - SV thực hành trả lời câu hỏi trang 11, tài liệu [1], trang 20, 21 tài liệu [3]	9.1 9.1.1
1.2 Trường độ âm thanh 1.2.1 Giá trị trường độ của các nốt nhạc 1.2.2 Nhịp và phách, tiết nhịp, loại nhịp, nhịp lấy đà 1.2.3. Nhịp đơn, nhịp phức, nhịp hỗn hợp 1.2.4. Đảo phách, nghịch phách 1.2.5. Nhịp độ.	01/02	5.1.2; 5.2.2; 5.3.1	* PP thuyết giảng - GV gợi ý cho SV nhớ lại những kiến thức đã được học trong học phần lý thuyết âm nhạc sơ giản	- Sinh viên nghiên cứu trước phần 1.2 trong tài liệu [1] và tài liệu tham khảo [3] - SV thực hành trả lời câu hỏi trang 11, tài liệu [1], trang	

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
			- GV hát minh họa đề SV nắm rõ hơn về những định nghĩa.	40, 41, 42, 43, tài liệu [3]	
1.3. Một số kỹ thuật trong ca hát 1.3.1. Tư thế ca hát 1.3.2. Cách sử dụng hơi thở trong ca hát 1.3.3. Một vài kỹ thuật trong ca hát	01/02	5.1.2; 5.2.1; 5.3.1	* PP Thuyết giảng - GV chọn ra một số bài hát đề minh họa và cho một số SV thực hành, nhận xét và sửa sai	- SV xem lại nội dung 1.3 trang 58 tài liệu [1]. - SV nghiên cứu và đặt những câu hỏi liên quan đến nội dung 1.3, tài liệu [1] thực hành theo yêu cầu của GV. Làm theo mẫu của GV	9.1

6.2. Thực hành

Chương/ Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
Chương 2: TẬP ĐỌC NHẠC VÀ HÁT 2.1 Giọng Đô trưởng 2.1.1. Luyện thanh 2.1.2. Đọc gam, quãng 2.1.3. Đọc âm rải (những âm chính của gam) 2.1.4. Bài tập ứng dụng	12/12	5.1.1; 5.1.2; 5.2.1; 5.3.1	*Phương pháp thuyết giảng và phương pháp hướng dẫn thực hành - GV chia từng nhóm nhỏ có cùng bài hát. - Quan sát, hướng dẫn từng nhóm phân tích bài. - Gọi nhóm, cá nhân SV đọc lại, hát lại và sửa sai cho SV.	* SV thực hành các bước của một bài tập ứng dụng. + Xác định giọng + Xác định nốt thấp và cao nhất trong bài hát, từ đó xây dựng gam cho bài hát. + Phân tích kí hiệu có trong bài hát, phân tích lời bài hát. + Xác định nốt nào được lặp lại nhiều nhất trong bài hát. + Luyện thanh (khởi động giọng) - SV thực hành hát cá nhân hoặc nhóm (cùng bài)	9.1 9.1.2 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
<p>2.2. Giọng La thứ</p> <p>2.2.1. Luyện thanh</p> <p>2.2.2. Đọc gam, quãng</p> <p>2.2.3. Đọc âm rải (những âm chính của gam)</p> <p>2.2.4. Bài tập ứng dụng</p>	06/06	5.1.1; 5.1.2; 5.2.1; 5.3.1	<p>*Phương pháp thuyết giảng và phương pháp hướng dẫn thực hành –</p> <p>nhỏ có cùng bài hát.</p> <p>- Quan sát, hướng dẫn từng nhóm phân tích bài.</p> <p>- Gọi nhóm, cá nhân SV đọc lại, hát lại và sửa sai cho SV.</p>	<p>* SV thực hành các bước của một bài tập ứng dụng.</p> <p>+ Xác định giọng</p> <p>+ Xác định nốt thấp và cao nhất trong bài hát, từ đó xây dựng gam cho bài hát.</p> <p>+ Phân tích kí hiệu có trong bài hát, phân tích lời bài hát.</p> <p>+ Xác định nốt nào được lập lại nhiều nhất trong bài hát.</p> <p>+ Luyện thanh (khởi động giọng)</p> <p>- SV thực hành hát cá nhân hoặc nhóm (cùng bài)</p>	9.1 9.1.2 9.2
<p>2.3. Giọng Pha trưởng</p> <p>2.3.1. Luyện thanh</p> <p>2.3.2. Đọc gam, quãng</p> <p>2.3.3. Đọc âm rải (những âm chính của gam)</p> <p>2.3.4. Bài tập ứng dụng</p>	15/15	5.1.1; 5.1.2; 5.2.1; 5.3.1	<p>*Phương pháp thuyết giảng và phương pháp hướng dẫn thực hành</p> <p>-GV chia nhóm nhỏ có cùng bài hát.</p> <p>- Quan sát, hướng dẫn từng nhóm phân tích bài.</p> <p>- Gọi nhóm, cá nhân SV đọc lại, hát lại và sửa sai cho SV.</p>	<p>* SV thực hành các bước của một bài tập ứng dụng.</p> <p>+ Xác định giọng</p> <p>+ Xác định nốt thấp và cao nhất trong bài hát, từ đó xây dựng gam cho bài hát.</p> <p>+ Phân tích kí hiệu có trong bài hát, phân tích lời bài hát.</p> <p>+ Xác định nốt nào được lập lại nhiều nhất trong bài hát.</p> <p>+ Luyện thanh (khởi động giọng)</p> <p>- SV thực hành hát cá</p>	9.1 9.1.2 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
				nhân hoặc nhóm (cùng bài)	
<p>2.4. Giọng Rê thứ</p> <p>2.4.1. Luyện thanh</p> <p>2.4.2. Đọc gam, quãng</p> <p>2.4.3. Đọc âm rải (những âm chính của gam)</p> <p>2.4.4. Bài tập ứng dụng</p>	06/06	5.1.1; 5.1.2; 5.2.1; 5.3.1	<p>*Phương pháp thuyết giảng và phương pháp hướng dẫn thực hành</p> <p>- GV chia nhóm nhỏ có cùng bài hát.</p> <p>- Quan sát, hướng dẫn từng nhóm phân tích bài.</p> <p>- Gọi nhóm, cá nhân SV đọc lại, hát lại và sửa sai cho SV.</p>	<p>* SV thực hành các bước của một bài tập ứng dụng.</p> <p>+ Xác định giọng</p> <p>+ Xác định nốt thấp và cao nhất trong bài hát, từ đó xây dựng gam cho bài hát.</p> <p>+ Phân tích kí hiệu có trong bài hát, phân tích lời bài hát.</p> <p>+ Xác định nốt nào được lập lại nhiều nhất trong bài hát.</p> <p>+ Luyện thanh (khởi động giọng)</p> <p>- SV thực hành hát cá nhân hoặc nhóm (cùng bài)</p>	9.1 9.1.2 9.2
<p>2.5. Giọng Son trưởng</p> <p>2.5.1. Luyện thanh</p> <p>2.5.2. Đọc gam, quãng</p> <p>2.5.3. Đọc âm rải (những âm chính của gam)</p> <p>2.5.4. Bài tập ứng dụng</p>	08/08	5.1.1; 5.1.2; 5.2.1; 5.3.1	<p>*Phương pháp thuyết giảng và phương pháp hướng dẫn thực hành</p> <p>- GV chia nhóm nhỏ có cùng bài hát.</p> <p>- Quan sát, hướng dẫn từng nhóm phân tích bài.</p> <p>- Gọi nhóm, cá nhân SV đọc lại, hát lại và sửa sai cho SV.</p>	<p>* SV thực hành các bước của một bài tập ứng dụng.</p> <p>+ Xác định giọng</p> <p>+ Xác định nốt thấp và cao nhất trong bài hát, từ đó xây dựng gam cho bài hát.</p> <p>+ Phân tích kí hiệu có trong bài hát, phân tích lời bài hát.</p> <p>+ Xác định nốt nào được lập lại nhiều nhất trong bài hát.</p>	9.1 9.1.2 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
				+ Luyện thanh (khởi động giọng) - SV thực hành hát cá nhân hoặc nhóm (cùng bài)	
2.6. Giọng Mi thứ 2.6.1. Luyện thanh 2.6.2. Đọc gam, quãng 2.6.3. Đọc âm rải (những âm chính của gam) 2.6.4. Bài tập ứng dụng	05/05	5.1.1; 5.1.2; 5.2.1; 5.3.1	*Phương pháp thuyết giảng và phương pháp hướng dẫn thực hành - GV chia nhóm nhỏ có cùng bài hát. - Quan sát, hướng dẫn từng nhóm phân tích bài. - Gọi nhóm, cá nhân SV đọc lại, hát lại và sửa sai cho SV.	* SV thực hành các bước của một bài tập ứng dụng. + Xác định giọng + Xác định nốt thấp và cao nhất trong bài hát, từ đó xây dựng gam cho bài hát. + Phân tích kí hiệu có trong bài hát, phân tích lời bài hát. + Xác định nốt nào được lập lại nhiều nhất trong bài hát. + Luyện thanh (khởi động giọng) - SV thực hành hát cá nhân hoặc nhóm (cùng bài)	9.1 9.1.2 9.2

7. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Lê Thị Kim Chi	Tập đọc nhạc và hát		Nội bộ	Giảng viên	x	
2	Lê Thị Kim Chi	Lý thuyết âm nhạc sơ giản		Nội bộ	Giảng viên		x
3	Phạm Tú Hương	Lý thuyết âm nhạc cơ bản	1997	Nxb Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

4	Hoàng Văn Yến	Trẻ mầm non ca hát	1993	Nxb Âm nhạc	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
---	---------------	--------------------	------	-------------	-------------------------------	--	---

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>	Chương 1 và 2	5.1; 5.2; 5.3	0,4
9.2	<i>Thi kết thúc học phần (Thực hành cá nhân)</i> (Thể hiện Ca khúc Việt Nam và những bài hát “cô hát cho cháu nghe”)	Chương 2	5.1; 5.2	0,6

6.1.41. DÀN DỰNG CHƯƠNG TRÌNH LỄ HỘI

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4103 – DÀN DỰNG CHƯƠNG TRÌNH LỄ HỘI

- Mã lớp học phần:

- Số tín chỉ: 02

Số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 30 (15/30/60)

- Học phần điều kiện : *không*

- Học kỳ:

Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Bích Hằng

Chức danh, học vị: Giảng viên – Thạc Sĩ

- Điện thoại: 0973.144.101

Email: Bichhang5552000@gmail.com

- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Lê Thị Lan

Chức danh, học vị: Giảng viên – Thạc Sĩ

- Điện thoại: 0834481070

Email: lelanthmn@gmail.com

- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học – Mầm non

2.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Trinh

Chức danh, học vị: Giảng viên – Thạc Sĩ

- Điện thoại: 0908.031.093

Email: ngoctrinh310@gmail.com

- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học – Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Học phần *Dàn dựng chương trình lễ hội* là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành tự chọn. Học phần có vai trò quan trọng trong việc hình thành tri thức, kỹ năng về Dàn dựng chương trình lễ hội và kỹ năng biên đạo múa cho sinh viên ngành giáo dục mầm non. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản chung về (1) mục đích, ý nghĩa, vai trò của của từng nhóm đối tượng trong việc tổ chức lễ hội; (2) những lễ hội trọng tâm, cách dàn dựng và tổ chức ngày lễ hội; (3) biên đạo múa cho trẻ ở trường mầm non.

Từ những kiến thức và kỹ năng cơ bản trên, sinh viên có thể tiếp tục học tập nâng cao và chuyên sâu ở học phần *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2*. Đồng thời, học phần còn trang bị cho sinh viên kỹ năng tổ chức quá trình dạy học một cách khoa học, có hiệu quả để có thể dạy tốt lĩnh vực phát triển thẩm mỹ cho trẻ mầm non sau khi tốt nghiệp và học tập ở trình độ cao hơn, góp phần đẩy mạnh công tác đào tạo – giáo dục thế hệ trẻ theo yêu cầu phát triển xã hội.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Khái quát kiến thức về Dàn dựng chương trình Lễ hội và Phương pháp Biên đạo múa cho trẻ ở trường mầm non.

4.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức:

Vận dụng những kiến thức và kỹ năng vào việc tổ chức các hoạt động nghệ thuật phát triển năng khiếu phù hợp với đặc điểm cá nhân cho trẻ và tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường mầm non. Có kỹ năng quản lý cảm xúc, làm việc nhóm và giao tiếp.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm:

Có kỹ năng làm việc độc lập, chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Trình bày được phương pháp Dàn dựng chương trình Lễ hội và phương pháp Biên đạo múa.	1.3	2
5.1.2	Nhận định được vai trò và vị trí của chương trình ca múa nhạc dành cho trẻ trong các chương trình Lễ hội ở trường mầm non.		3
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Vận dụng kiến thức vào lập kế hoạch chương trình, thiết kế kịch bản chương trình và dàn dựng chương trình Lễ hội ở trường mầm non.	2.1.2 2.1.3 2.1.4	5
5.2.2	Thực hành biên đạo các thể loại múa một cách thành thạo và sáng tạo cho từng nhóm đối tượng ở trường mầm non.	2.1.1	5
5.2.3	Có kỹ năng hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ chung.	2.2	3
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có kỹ năng làm việc độc lập, chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	PP dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
Chương 1. Một số vấn đề chung 1.1. Mục đích ý nghĩa của việc tổ chức ngày lễ hội trong trường mầm non. 1.2. Vai trò của nhà trường, giáo viên, trẻ, cha mẹ trẻ và tổ chức xã hội tại địa phương trong việc tổ chức lễ hội ở trường MN 1.3. Những ngày lễ hội cần tổ chức trong năm cho trẻ ở trường mầm non. 1.4. Cách dàn dựng và tổ chức ngày lễ hội trong trường mầm non.	10/20	5.1.1 5.1.2 5.2.3 5.3.1	* PP: Thuyết giảng, đàm thoại, thảo luận nhóm.	* Nội dung: (1.1; 1.2; 1.3; 1.4) - Sinh viên nghiên cứu tài liệu tham khảo [1,2]. - Vở ghi chép - Xem trước đề cương học phần, kế hoạch dạy học, tài liệu,... - Chia nhóm (3-5 sinh viên); - Các nhóm đọc tài liệu, thảo luận và trình bày.	9.2
Chương 2. Biên đạo múa phụ họa bài hát 2.1. Khái quát vài nét về nghệ thuật biên đạo 2.2. Mục đích yêu cầu của nghệ thuật biên đạo	05/10	5.1.1 5.2.3 5.3.1	* PP: Thuyết giảng, đàm thoại, thảo luận nhóm.	* Nội dung: (2.1; 2.2; 2.3; 2.4; 2.5) - Sinh viên nghiên cứu tài	9.1

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	PP dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
2.3. Nhiệm vụ của công tác biên đạo múa 2.4. Nguyên tắc biên đạo múa 2.5. Các bước biên đạo múa				liệu tham khảo [3,4]. - Vở ghi chép - Xem trước đề cương học phần, kế hoạch dạy học, tài liệu,... - Chia nhóm (3-5 sinh viên); - Các nhóm đọc tài liệu, thảo luận và trình bày.	

6.2. Thực hành

Chương/ Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	PP dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>Chương 1. Một số vấn đề chung</p> <p>1.4. Cách dàn dựng và tổ chức ngày lễ hội trong trường mầm non.</p> <p>1.4.1. Lập kế hoạch, thiết kế kịch bản chương trình Lễ hội cho trẻ ở trường mầm non.</p> <p>1.4.2. Dàn dựng một chương trình ca múa nhạc dành cho trẻ mầm non.</p>	20/20	5.2.1 5.2.3 5.3.1	<p>* PP: Thực hành, luyện tập</p> <p>* Tổ chức lớp học: Hoạt động nhóm.</p> <p>* Hướng dẫn thực hành: Giảng viên hướng dẫn, tư vấn, giải đáp, động viên và hỗ trợ sinh viên rèn luyện, thực hành các kỹ năng.</p>	<p>Nhóm sinh viên (15 – 20 SV) thực hiện những nội dung sau:</p> <p>* Nội dung (1.4.1)</p> <p>- B1: Lựa chọn ngày Lễ hội; - B2: Xác định tên chủ đề; - B3: Lập kế hoạch chương trình; - B4: Thiết kế kịch bản chương trình. - TLTK [1,2].</p> <p>* Nội dung (1.4.2)</p> <p>- B1: Lựa chọn tiết mục và thể loại phù hợp với nội dung và chủ đề chương trình; - B2: Lựa chọn âm nhạc cho từng tiết mục và thể loại trong chương trình;</p>	9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	PP dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
				- B3: Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm: dẫn chương trình, soạn thảo kế hoạch, soạn thảo kịch bản, trang phục, đạo cụ, âm thanh, ánh sáng, kỹ thuật hình ảnh,... ; - B4: Lập kế hoạch tập luyện và chạy chương trình. - TLTK [1,2,3,4].	
Chương 2. Biên đạo múa 2.5. Các bước biên đạo múa 2.5.1. Biên đạo tiết mục múa thể loại múa trang trí 2.5.2. Biên đạo tiết mục múa thể loại múa thuyết minh.	10/10	5.2.2 5.2.3 5.3.1	* PP: Thực hành, luyện tập * Tổ chức lớp học: Hoạt động nhóm. * Hướng dẫn thực hành: Trong quá trình SV thực hành GV hướng dẫn, tư vấn, giải đáp, động viên và hỗ trợ sinh viên.	Nhóm sinh viên (15 – 20 SV) thực hiện những nội dung sau: - B1: Lựa chọn thể loại múa; - B2: Lựa chọn âm nhạc; - B3: Xây dựng ý tưởng biên đạo; - B4: Lập kế hoạch tập luyện. - TLTK [3,4].	9.1

7. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Hoàng Công Dung	Tổ chức các hoạt động lễ hội ở trường mầm non	2013	NXB GDVN	TT học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Hoàng Văn Yên	Kịch bản lễ hội ở trường mầm non	1997	NXB GDVN	TT học liệu Lê Vũ Hùng		x

3	Lê Trọng Quang.	<i>Giáo trình Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ.</i>	2004.	Hà Nội	TT học liệu Lê Vũ Hùng	x
4	Trần Minh Trí.	<i>Múa và phương pháp dạy trẻ vận động theo nhạc.</i>	1997	NXB GDVN	TT học liệu Lê Vũ Hùng	x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1,2	5.1; 5.2; 5.3	0.4
9.2	Đánh giá kết thúc học phần	Chương 1,2	5.1; 5.2; 5.3	0.6

6.1.42. PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG SÁNG TẠO NGHỆ THUẬT CHO TRẺ TRONG TRƯỜNG MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4260 – PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG SÁNG TẠO NGHỆ THUẬT CHO TRẺ MẦM NON
- Mã lớp học phần: KI4260
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ: 30 (LT/ThH/TH): 30 (5/50/60)
- Học phần điều kiện:
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **HỒ THỊ HUYỀN** Chức danh, học vị: Giảng viên, CN
- Điện thoại: 0972718186 E-mail: hthminhhuyen@gmail.com
- Đơn vị: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm Non

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ TUYẾT MINH
- Chức danh, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Điện thoại: 0915724600 E-mail: tuyetminh321979@yahoo.com.vn
- Đơn vị: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm Non

3. Tổng quan về học phần

“*Phát triển khả năng sáng tạo mỹ thuật cho trẻ mầm non*” là học phần nằm trong khối kiến thức tự chọn của chương trình đào tạo ngành giáo dục mầm non trang bị cho sinh viên những vấn đề chung về sự phát triển khả năng sáng tạo trong nghệ thuật tạo hình, các thành tố tâm lý đã hình thành nên tư duy sáng tạo và trí tưởng tượng phong phú của trẻ khi được tham gia vào các hoạt động tạo hình đặc trưng ở trường mầm non; giúp phát huy hiệu quả vai trò giáo dục thẩm mỹ, phát hiện và bồi dưỡng sớm tiềm năng năng khiếu ở trẻ mầm non trong công tác giảng dạy sau này.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Có kiến thức tổ chức các dạng hoạt động tạo hình nâng cao với đa dạng hình thức để bản thân mỗi trẻ có thể phát huy được năng khiếu nghệ thuật đồng thời nâng cao năng lực thẩm mỹ của mình.

4.2. Kỹ năng/ phẩm chất

Tổ chức được các hoạt động nghệ thuật tạo hình nâng cao phù hợp với ngôn ngữ tạo hình của trẻ em ở mức sáng tạo. Có khả năng tự học, tự nghiên cứu từ giáo trình và những tài liệu tham khảo.

Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Đánh giá được tầm quan trọng của khả năng sáng tạo nghệ thuật nhằm xây dựng tâm hồn, trí tuệ và cảm xúc thẩm mỹ của trẻ thơ phát triển theo chiều hướng tích cực nhất, đặt nền móng nhân cách trong những năm đầu đời của trẻ.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1	Kiến thức		

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1.1	Nhận định được những kiến thức khoa học cơ bản về nghệ thuật tạo hình và các thành tố tâm lí hình thành nên khả năng sáng tạo nghệ thuật cho trẻ mầm non.	1.2	3
5.1.2	Chứng minh được khả năng tổ chức các hoạt động tạo hình đáp ứng thực tiễn công tác giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non.	1.3	3
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Tổ chức được các hoạt động sáng tạo nghệ thuật kết hợp hình thức vui chơi phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ và điều kiện thực tiễn.	2.1.4	5
5.2.2	Thành thạo việc giáo dục trẻ thông qua nghệ thuật, giúp trẻ thích và có hứng thú trong các hoạt động tạo hình ngày càng sáng tạo và phát triển toàn diện hơn.	2.3	5
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc giáo dục thẩm mỹ thông qua tổ chức các hoạt động tạo hình nâng cao, đặc biệt là phát hiện sớm và các kế hoạch bồi dưỡng trẻ mầm non năng khiếu.	3.	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương	Số tiết (5LT/10 TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
<p>Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ SỰ PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG SÁNG TẠO NGHỆ THUẬT CHO TRẺ MẦM NON</p> <p>1.1. Khái niệm nghệ thuật tạo hình và ngôn ngữ đặc trưng của nghệ thuật tạo hình.</p> <p>1.2. Vai trò của hoạt động tạo hình trong phát triển khả năng sáng tạo nghệ thuật cho trẻ.</p> <p>1.3. Mối quan hệ giữa nghệ thuật tạo hình với các hoạt động khác trong trường mầm non.</p> <p>1.4. Các thành tố tâm lý cơ bản trong sáng tạo nghệ thuật (tri giác, cảm xúc, tưởng tượng).</p>	(02/04)	5.1; 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng; - Thuyết trình; - Thảo luận nhóm; - GV giới thiệu ĐCT, TLHT,... - GV thuyết giảng, đưa vấn đề cho các nhóm thảo luận. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc ĐCCT, nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo, trang bị dụng cụ học tập. - TL [1,2,3,4,5]. - SV báo cáo theo nhóm, tương tác giữa các nhóm. 	-9.1; -9.2
<p>Chương 2. CÁC NGUYÊN TẮC PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG SÁNG TẠO NGHỆ THUẬT CHO TRẺ MẦM NON</p> <p>2.1. Lập kế hoạch nội dung hoạt động sáng tạo nghệ thuật cho trẻ theo các lứa tuổi khác nhau.</p> <p>2.2. Tổ chức các quá trình sáng tạo nghệ thuật theo từng giai đoạn.</p> <p>2.3. Tổ chức môi trường vật chất thích hợp.</p> <p>2.4. Tạo môi trường tinh thần lành mạnh, cảm xúc vui tươi.</p>	(01/02)	5.1; 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng; - Thuyết trình; - Thảo luận; - Trực quan;... GV đưa vấn đề cho SV cùng trao đổi, thảo luận các nội dung chương 2. 	<ul style="list-style-type: none"> - TL [1,2,3,4,5]. - Đọc tài liệu, nghiên cứu nội dung chương 2. - SV báo cáo theo nhóm, tương tác giữa các nhóm. - Ghi chép thành tư liệu riêng. 	-9.1; -9.2

Chương	Số tiết (5LT/ 10 TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
<p>2.5. Hình thành và phát triển trí tưởng tượng, khả năng quan sát và duy trì trí nhớ cho trẻ.</p> <p>2.6. Hình thức, phương tiện, phương pháp tổ chức hoạt động với trẻ theo cùng một chủ đề, cùng một loại nguyên vật liệu.</p> <p>2.7. Tích hợp các giờ sáng tạo nghệ thuật với các giờ làm quen với môi trường xung quanh, với các tác phẩm văn học, âm nhạc,...</p> <p>2.8. Phát hiện và kế hoạch bồi dưỡng trẻ có năng khiếu.</p>					
<p>Chương 3. CÁC HOẠT ĐỘNG SÁNG TẠO NGHỆ THUẬT KẾT HỢP HÌNH THỨC VUI CHƠI CHO TRẺ MẦM NON</p> <p>3.1. Sáng tạo với <i>hoạt động vẽ</i> qua trò chơi tìm hiểu thế giới xung quanh.</p> <p>3.2. Sáng tạo với hoạt động <i>nặn, xếp dán tranh</i> qua trò chơi miêu tả các chủ đề trường mầm non.</p> <p>3.3. Sáng tạo với hoạt động <i>chắp ghép, xếp hình</i> với “trò chơi hóa” sản phẩm tạo hình.</p> <p>3.4. Bồi dưỡng khả năng <i>cảm thụ các tác phẩm</i> nghệ thuật tạo hình.</p>	(02/04)	5.1; 5.2.2; 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng; - Trực quan; - Thuyết trình; - Thảo luận nhóm; - Trò chơi; + Trò chơi hóa;... - GV gợi ý SV thảo luận tìm hiểu các vấn đề chương 3, cùng cố các báo cáo thảo luận cho SV. - GV gợi ý các chất liệu, nguyên liệu cần có cho bài thực hành. 	<ul style="list-style-type: none"> - TL [1,2,3,4,5]. - Đọc tài liệu, xem thêm các ấn phẩm nghệ thuật tạo hình, internet,... - nghiên cứu nội dung chương 3. - SV thảo luận, báo cáo theo nhóm, tương tác giữa các nhóm. - Ghi chép nội dung chương 3 và chuẩn bị các nguyên vật liệu theo định hướng. 	- 9.1; - 9.2

6.2. Thực hành

Chương	Số tiết (46ThH/ 46 TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
<p>Chương 3. CÁC HOẠT ĐỘNG SÁNG TẠO NGHỆ THUẬT KẾT HỢP HÌNH THỨC VUI CHƠI CHO TRẺ MẦM NON</p> <p>3.5. Thực hành</p> <p>3.5.1. <i>Làm tranh theo chủ đề, tranh xé – dán, ... bằng các chất liệu tự nhiên và tái chế, ...</i></p> <p>3.5.2. <i>Nặn hoa, quả, con vật, đồ chơi, ...</i></p> <p>3.5.3. <i>Chắp ghép hình từ nguyên vật liệu tự nhiên và sẵn có (kiến trúc nhà, điêu khắc, trang trí, ...)</i></p> <p>3.5.4. <i>Làm quen tác phẩm hội họa, tranh minh họa các truyện, tác phẩm điêu khắc tương, phù điêu, đồ trang trí, thủ công mỹ nghệ, ...</i></p>	(46/46)	5.1; 5.2; 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Trực quan; - Thảo luận nhóm; - Trải nghiệm; - Trò chơi; + Trò chơi hóa; - Luyện tập;... Gv hướng dẫn SV thực hành. - GV hướng dẫn SV trưng bày, nhận xét, chỉnh sửa sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> TL[1,2,3,4,5]. Chuẩn bị dụng cụ thực hành phù hợp. Bài tự học: <i>Cá nhân tự làm thêm sản phẩm cho riêng mình.</i> 	- 9.1; - 9.2

Chương	Số tiết (46ThH/ 46 TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
Trung bày bốn nội dung thực hành ghi điểm KTTK.					
Thi kết thúc học phần Thi thực hành, thời gian: 150 phút. <i>Thực hành làm tranh theo chủ đề ở trường mầm non hoặc một họa vài sản phẩm trang trí trường, lớp mầm non.</i> <i>Đề tài và chất liệu: tự do.</i>	(04/04)	5.1; 5.2; 5.3	- GV hướng dẫn SV thể hiện tốt bài thi. - GV hướng dẫn SV trưng bày, nhận xét, đánh giá bài thi.	- TL [1]. Chuẩn bị dụng cụ thực hành phù hợp. - SV thể hiện tốt bài thi theo đề đã cho.	- 9.1; - 9.2

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Lê Thị Đức, Lê Thanh Thủy, Phùng Thị Tường	<i>Các hoạt động tạo hình của trẻ mầm non</i>	2005	GDVN	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Phạm Thị Việt Hà	<i>Hướng dẫn tạo hình bằng vật liệu thiên nhiên</i>	2008	GDVN	TTHL Lê Vũ Hùng		
3	Lê Thanh Thủy	<i>Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non</i>	2015	ĐHSPHN	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Nguyễn Ánh Tuyết (Chủ biên)	<i>Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non</i>	2015	ĐHSPHN	TTHL Lê Vũ Hùng		x
5	Nguyễn Thị Tuyết Minh	Bài giảng “ <i>Phát triển khả năng sáng tạo nghệ thuật trẻ mầm non</i> ”.	2021	ĐHĐT	GVHD		x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần.

- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần.

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.

- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá/ Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, 2, 3.	5.1; 5.2; 5.3	0.4
9.1.1	Bài tập tại lớp	Chương 1, 2, 3.	5.1; 5.2; 5.3	
9.1.2	Bài tập về nhà	Chương 1, 2, 3.	5.1; 5.2; 5.3	
9.1.3	Kiểm tra	Chương 1, 2, 3.	5.1; 5.2; 5.3	
9.3	Đánh giá kết thúc học phần: <i>Thực hành</i>	Chương 1, 2, 3.	5.1; 5.2; 5.3	0.6

4.1.2. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ để lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động, đánh giá về giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội của trẻ mầm non.

4.2. Kỹ năng và phẩm chất đạo đức

4.2.1. Có khả năng lập kế hoạch, thiết kế môi trường giáo dục, tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ trong quá trình thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

4.2.2. Đánh giá được sự phát triển của trẻ mầm non về lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội và hiệu quả thực hiện chương trình giáo dục mầm non về lĩnh vực này.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

Có tư duy độc lập, lập luận theo chương trình GDMN để bảo vệ và dám chịu trách nhiệm về kế hoạch mà mình xây dựng; có khả năng dẫn dắt và có ý tưởng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; thích ứng tốt với hoạt động nhóm có sự thay đổi.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Vận dụng được những kiến thức về khoa học giáo dục mầm non trong thực hiện nhiệm vụ phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội, góp phần phát triển toàn diện cho trẻ và kiến thức về đánh giá trong giáo dục mầm non.	1.5	3
5.2 Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Lập kế hoạch chăm sóc – giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn.	2.1.2	6
5.2.2	Tổ chức hoạt động chăm sóc – giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ và điều kiện thực tiễn.	2.1.4	5
5.2.3	Đánh giá được sự phát triển của trẻ mầm non về lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội và hiệu quả thực hiện chương trình giáo dục mầm non về lĩnh vực này.	2.1.5	5
5.2.4	Giao tiếp chuẩn mực, phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; có kỹ năng hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ chung.	2.2	3
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập, lập luận theo chương trình GDMN để bảo vệ và dám chịu trách nhiệm về kế hoạch mà mình xây dựng; có khả năng dẫn dắt và có ý tưởng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; chủ động và tương tác tốt, thích ứng tốt với hoạt động nhóm có sự thay đổi.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1 Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
Chương 1: Một số vấn đề chung về giáo dục phát triển tình cảm, xã hội cho trẻ mầm non 1.1. Khái niệm về phát triển tình cảm, xã hội của trẻ mầm non 1.2. Đặc điểm của sự phát triển tình cảm, xã hội của trẻ mầm non	08/16	5.1.1 5.2.4	- GV giảng giải minh họa, vấn đáp các vấn đề về khái niệm, đặc điểm, vai trò, nguyên tắc và hình thức, xây	- Nghiên cứu đề cương, tài liệu, Chương trình GDMN,... - Trình bày về các vấn đề về khái niệm, đặc	9.1.1 9.1.3 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>1.3. Vai trò của sự phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội đối với sự hình thành và phát triển nhân cách của trẻ mầm non</p> <p>1.4. Nguyên tắc và hình thức tổ chức phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non</p> <p>1.5. Xây dựng môi trường tổ chức phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non</p> <p>1.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội của trẻ</p>			<p>dựng môi trường, các yếu tố ảnh hưởng của học phần</p> <p>PTTC&KNXH cho trẻ.</p> <p>- SV nghe giảng, trả lời câu hỏi và thực hiện những công việc theo yêu cầu của GV</p> <p>- SV báo cáo kết quả thực hiện, thảo luận.</p> <p>- GV chỉnh sửa và kết luận</p>	<p>điểm, vai trò, nguyên tắc và hình thức, xây dựng môi trường, các yếu tố ảnh hưởng của học phần</p> <p>PTTC&KNXH cho trẻ.</p> <p>- Nêu ý kiến và cho ví dụ minh họa các nội dung.</p>	
<p>Chương 2: Tổ chức các hoạt động GD tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ MN</p> <p>2.1. Tổ chức các hoạt động giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ nhà trẻ</p> <p>2.2. Tổ chức các hoạt động giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mẫu giáo</p> <p>2.3. Đánh giá giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non</p>	18/36	<p>5.1.1</p> <p>5.2.1</p> <p>5.2.2</p> <p>5.2.3</p> <p>5.2.4</p> <p>5.3.1</p>	<p>- GV giảng giải minh họa, vấn đáp về cách thực hành tổ chức các hoạt động giá hoạt động PTTC&KNXH cho trẻ.</p> <p>- SV nghe giảng, trả lời câu hỏi và thực hiện những công việc theo yêu cầu của GV.</p> <p>- SV báo cáo kết quả thực hiện, thực hành nhiệm vụ được giao.</p> <p>- GV chỉnh sửa kế hoạch và kết luận.</p>	<p>- Nghiên cứu tài liệu, chương trình GDMN</p> <p>- SV thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>1. Mỗi SV chọn nội dung, xác định đề tài, lập kế hoạch.</p> <p>2. Mỗi nhóm xây dựng 1 kế hoạch, chuẩn bị đồ dùng và các phương tiện dạy học đầy đủ.</p>	<p>9.1.1</p> <p>9.1.2</p> <p>9.1.3</p> <p>9.2</p>
<p>Chương 3: Phối hợp với gia đình và cộng đồng trong giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non</p> <p>3.1. Vai trò của gia đình và cộng đồng trong giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non</p> <p>3.2. Nội dung phối hợp với gia đình và cộng đồng trong giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non</p>	04/08	<p>5.1.1</p> <p>5.2.4</p> <p>5.3.1</p>	<p>- GV giảng giải, vấn đáp về cách phối hợp với gia đình và cộng đồng trong giáo dục PTTC&KNXH cho trẻ.</p> <p>- SV nghe giảng, trả lời</p>	<p>- Nghiên cứu tài liệu, chương trình GDMN</p> <p>- SV thực hiện nhiệm vụ của GV. Trình bày các nội dung về cách phối hợp với gia đình và cộng</p>	<p>9.1.1</p> <p>9.1.3</p> <p>9.2</p>

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
3.3. Hình thức phối hợp với gia đình và cộng đồng trong giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non 3.4. Hướng dẫn cha mẹ giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ			câu hỏi và thực hiện những công việc theo yêu cầu của GV. - SV báo cáo kết quả thực hiện, thực hành nhiệm vụ được giao. - GV nhận xét và kết luận.	đồng trong giáo dục PTTC&KNXH cho trẻ.	

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Cao Thị Hồng Nhung, Lương Thị Bình, Nguyễn Thị Quyên, Chu Thị Hồng Nhung, Vũ Ngọc Dự	Hướng dẫn tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ trong trường mầm non	2019	NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Lương Thị Bình, Phan Lan Anh.	Các hoạt động giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non.	2011	NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	Bộ GD & ĐT	Chương trình giáo dục mầm non	2017	NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	TS. Trần Thu Hương, TS. Trần Thị Ngọc Trâm, PGS.TS. Lê Thị Ánh Tuyết	Hướng dẫn Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non Nhà trẻ (3 – 36 tháng tuổi), MG bé (3 – 4 tuổi), MG nhỡ (4 – 5 tuổi), MG lớn (5 – 6 tuổi)	2017	NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
5	Trần Lan Hương, Trần Thị Nga, Nguyễn Thị Thanh Thủy, Nguyễn Thị Thư,	<i>Hướng dẫn các hoạt động phát triển tình cảm và quan hệ xã hội cho trẻ mầm non (theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi)</i>	2012	NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>	Chương 1, Chương 2, Chương 3	5.1; 5.2; 5.3	0.4
9.1.1	Chuyên cần	- Dự lớp, tham gia làm việc nhóm. - Tham gia xây dựng bài	5.1; 5.2; 5.3	
9.1.2	Bài tập nhóm	Chương 2	5.1; 5.2; 5.3	
9.1.3	Kiểm tra cá nhân	Chương 1, Chương 2, Chương 3	5.2.1; 5.2.2; 5.3	
9.2	<i>Đánh giá kết thúc học phần (Tự luận)</i>	Chương 1, Chương 2, Chương 3	5.1; 5.2	0.6

6.1.44. GIÁO DỤC HÀNH VI VĂN HÓA

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4159 – GIÁO DỤC HÀNH VI VĂN HÓA
- Mã lớp học phần: KI4159
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): (30/00/60)
- Học phần điều kiện (nếu có):
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Lê Thị Thanh Sang Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Điện thoại: 0908732782 Email: sang.lethithanh@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học Mầm non

2.2. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Lê Thị Kim Chi Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Điện thoại: 0919191930 Email: ltkchi@dthu.edu.vn
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Học phần giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non là một học phần thuộc nhóm kiến thức ngành tự chọn trong nhóm Phát triển thẩm mỹ và TC-KNXH đóng vai trò rất cần thiết giúp người học hiểu biết cơ bản và rèn luyện kỹ năng thực hành giáo dục hành vi văn hóa cho các cháu nhỏ nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong trường mầm non. Kiến thức từ môn học giúp người học có ý thức trau dồi phẩm chất, năng lực để tham gia có hiệu quả các hoạt động phát triển, giáo dục hành vi văn hóa ở trường Mầm non.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Khái quát hóa những vấn đề về lý luận và phương pháp về giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non.

4.2. Kỹ năng/phẩm chất

Vận dụng kiến thức về lý luận và phương pháp phát triển tình cảm kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non. Thiết kế được các hoạt động giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để bảo vệ kết luận chuyên môn.

5. Chuẩn đầu ra học phần: thêm mới phần này.

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
	Diễn giải một số kỹ năng cần thiết trong việc tổ chức hướng dẫn giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ lứa tuổi mầm non.	1.3	3
5.1.1	Giải thích được các nội dung chương trình giáo dục mầm non để định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục hành vi văn hóa dạy trẻ phù hợp với các lứa tuổi	1.4	3
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Thiết kế các hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ và điều kiện thực tiễn.	2.1.4	5
5.2.2	Thể hiện lối sống lành mạnh, văn minh, trung thực, tự trọng, có lòng nhân ái, yêu thiên nhiên	2.3	5

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để bảo vệ kết luận chuyên môn	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1 Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá (thêm mới cột này)
Thảo luận đề cương, hướng dẫn khai thác tài liệu, hướng dẫn cách học, phân nhóm, thống nhất cách đánh giá học phần	01/02	5.3.1	Đàm thoại Giảng giải	Đề cương Bài giảng Giáo trình Kế hoạch học tập	Sinh viên hiểu nhiệm vụ, thông nhất nội dung đánh giá
CHƯƠNG 1. KHÁI NIỆM CHUNG VỀ HÀNH VI VĂN HÓA 1.1. Khái niệm về hành vi 1.2. Khái niệm về hành vi văn hóa 1.3. Hai hình thái bên trong và bên ngoài của hành vi văn hóa 1.4. Các loại hành vi văn hóa	03/06	5.1; 5.2;5.3	- Thuyết trình - Đàm thoại - Thảo luận nhóm - Tự nghiên cứu - Thực hành	- SV đọc và nghiên cứu, nắm nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc. - Bài viết tóm tắt trả lời trước các câu hỏi (câu 1 đến câu 3) - Bài viết mô tả tóm tắt những vấn đề chung về giáo dục hành vi văn hóa Học xong chương này SV cần đạt được các mục tiêu sau: - Hiểu khái niệm về hành vi. - Đặc điểm hành vi con vật - Đặc điểm hành vi con người.	9.1.; 9..2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá (thêm mới cột này)
				<ul style="list-style-type: none"> - So sánh được hai kiểu hành vi trên đề thấy rõ chúng khác nhau về chất. - Hiểu rõ bản chất và cấu trúc của hành vi văn hóa. Phân biệt được hành vi văn hóa với hành vi đạo đức và hành vi giao tiếp có văn hóa. 	
<p>CHƯƠNG 2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN HÀNH VI VĂN HÓA</p> <p>2.1. Sự hình thành và phát triển hành vi trong bậc thang tiến hóa</p> <p>2.2. Các trình độ hành vi ở người</p> <p>2.3. Tự ý thức và sự xuất hiện hành vi văn hóa</p> <p>2.4. Đặc điểm phát triển hành vi văn hóa của trẻ mẫu giáo</p>	04/08	5.1; 5.2;5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Đàm thoại - Thảo luận nhóm - Tự nghiên cứu - Thực hành 	<ul style="list-style-type: none"> - SV đọc và nghiên cứu, nắm nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc. - Bài viết tóm tắt trả lời trước các câu hỏi (câu 1 đến câu 4) - Sau khi học xong chương 2, SV cần đạt được các mục tiêu sau: <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rõ sự tiến hóa về hành vi của động vật bậc thấp nhất cho đến bậc cao và đến con người. - Biết được nhờ có tự ý thức mới xuất hiện hành vi văn hóa ở trẻ. - Nắm rõ sự tiến bộ về hành vi văn hóa từ mẫu giáo bé đến mẫu giáo lớn 	9.1.; 9..2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá (thêm mới cột này)
<p>CHƯƠNG 3: NỘI DUNG GIÁO DỤC HÀNH VI VĂN HÓA CHO TRẺ DƯỚI 6 TUỔI</p> <p>3.1. Nguyên tắc giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ dưới 6 tuổi</p> <p>3.2. Nội dung giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ dưới 6 tuổi</p>	06/12	5.1; 5.2;5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Đàm thoại - Thảo luận nhóm -Tự nghiên cứu - Thực hành - Semina 	<ul style="list-style-type: none"> - SV đọc và nghiên cứu, nắm nội dung bài học. - Bài viết tóm tắt trả lời trước các câu hỏi (câu 1 đến câu 6) Học xong chương này SV cần đạt được các mục tiêu sau: - Hiểu được tầm quan trọng của các mặt nội dung giáo dục hành vi cho trẻ dưới 6 tuổi. - Nắm chắc nội dung của từng vấn đề giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ dưới 6 tuổi. - Đối chiếu nội dung đó với nhu cầu phát triển của trẻ dưới 6 tuổi và yêu cầu giáo dục trẻ trong chương trình chăm sóc và giáo dục trẻ em ở trường Mầm non. - Chỉ ra mặt thiếu mặt thừa của chương trình nêu lý do. - So sánh được nội dung của chương trình chăm sóc cuối tuổi nhà trẻ và mẫu giáo bé, nhỡ, lớn (chương trình đổi mới) với 	9.1.; 9..2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá (thêm mới cột này)
				nội dung giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ dưới 6 tuổi.	
<p>CHƯƠNG 4: PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC HÀNH VI VĂN HÓA CHO TRẺ DƯỚI 6 TUỔI</p> <p>4.1. Phương pháp dùng tình cảm để giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ</p> <p>4.2. Phương pháp dùng tác phẩm nghệ thuật</p> <p>4.3. Phương pháp dùng trò chơi</p> <p>4.4. Phương pháp luyện tập thường xuyên</p> <p>4.5. Phương pháp dùng tạo dựng môi trường</p> <p>4.6. Phương pháp làm gương cho trẻ noi theo</p> <p>4.7. Phương pháp khen chê</p> <p>4.8. Phương pháp thống nhất tác động giáo dục</p> <p>4.9. Phương pháp lấy trẻ làm trung tâm</p>	08/16	5.1; 5.2;5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Đàm thoại - Thảo luận nhóm - Tự nghiên cứu - Thực hành - Semina 	<p>SV đọc và nghiên cứu, nắm nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài trước các nhiệm vụ 1,2,3 - Sau khi học xong chương 4, SV cần đạt được các mục tiêu sau: - Biết sử dụng các phương pháp giáo dục hành vi văn hóa để hình thành một loại hành vi văn hóa trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường Mầm non - Biết lựa chọn nội dung giáo dục hành vi văn hóa lồng ghép tích hợp vào hoạt động chăm sóc, giáo dục. - Tổ chức các hoạt động CSGD có tích hợp nội dung giáo dục hành vi văn hóa.. 	9.1.; 9.2
<p>CHƯƠNG 5: GIÁO DỤC HÀNH VI VĂN HÓA CHO TRẺ ĐẶC BIỆT</p> <p>5.1. Đối với trẻ khuyết tật</p> <p>5.2. Đối với trẻ gặp hoàn cảnh đặc biệt</p> <p>5.3. Đối với trẻ có hành vi lệch lạc</p>	06/12	5.1; 5.2;5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Đàm thoại - Thảo luận nhóm - Tự nghiên cứu 	<ul style="list-style-type: none"> - SV đọc và nghiên cứu, nắm nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc. 	9.1; 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá (thêm mới cột này)
5.4. Đối với trẻ phát triển sớm			- Thực hành	<p>Học xong chương này SV cần đạt được các mục tiêu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được trẻ đặc biệt có nhiều loại, mỗi loại có đặc điểm riêng. Nếu người lớn quan tâm và biết cách giáo dục thì cháu nào cũng có thể biểu hiện hành vi văn hóa đối với con người và thế giới xung quanh, tuy nhiên ở mức độ khác nhau. - Nắm được đề hình thành hành vi văn hóa cho trẻ đặc biệt đòi hỏi người lớn, cha mẹ, cô nuôi dạy trẻ... một tình yêu trẻ sâu sắc, một đức tính kiên trì và một phương pháp nhạy bén phù hợp. 	
ÔN TẬP – KIỂM TRA	02	5.1; 5.2;5.3	PP đàm thoại	<ul style="list-style-type: none"> - Sau ôn tập, kiểm tra SV tự đánh giá mức độ kết quả học tập học phần. Kiểm tra kết thúc học phần đạt từ 5 điểm trở lên. - Khái quát lại toàn bộ Nội dung học phần - Nắm vững nội dung và 	9.1; 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá (thêm mới cột này)
				hình thức thi kết thúc học phần	

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Ánh Tuyết	Giáo trình Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ em dưới 6 tuổi	2016	NXB Đại học Sư phạm	TT-HL Lê Vũ Hùng	x	
2	Đào Thanh Âm (chủ biên) – Trịnh Dân – Nguyễn Thị Hòa	Giáo dục học	2005	Đại học Sư phạm HN	TT-HL Lê Vũ Hùng		x
3	Nguyễn Ánh Tuyết (chủ biên) – Nguyễn Như Mai – Đinh Kim Thoa	Tâm lí học trẻ em lứa tuổi Mầm non	2005	Đại học Sư phạm Hà Nội	TT-HL Lê Vũ Hùng		x
4	Hoàng Thị Phương	Tài liệu bài giảng giáo dục hành vi văn hóa	2009	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	TT-HL Lê Vũ Hùng		x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, 2,3,4,5	5.1; 5.2; 5.3	0.4
9.2	Thi kết thúc học phần tự luận	Chương 1, 2,3,4,5	5.1; 5.2; 5.3	0.6

6.1.45. KIẾN THỨC VỀ MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH DÀNH CHO GIÁO VIÊN MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4175 - KIẾN THỨC VỀ MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH
- DÀNH CHO GIÁO VIÊN MẦM NON
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 30/00/60
- Học phần điều kiện (nếu có): *Không có*
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Lê Thị Kim Anh** Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Tiến sĩ
- Điện thoại: 0988 980929 Email: ltkanh@dthu.edu.vn
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Lê Thị Thanh Sang** Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Điện thoại: 0908732782 Email: sang.lethithanh@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Học phần **Kiến thức về môi trường xung quanh dành cho giáo viên mầm non** là một học phần thuộc nhóm kiến thức bổ trợ đóng vai trò rất cần thiết trong việc trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản nhất về môi trường xung quanh (MTXQ). Những kiến thức tích lũy được từ nội dung học phần còn giúp sinh viên học tập hiệu quả học phần Phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen MTXQ, tự tin tham gia hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên và góp phần nâng cao chất lượng đào tạo Ngành Sư phạm GDMN của Trường ĐH Đồng Tháp.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Khái quát được hệ thống kiến thức cơ bản về môi trường xung quanh và giải thích được bản chất của những sự vật – hiện tượng gần gũi trong môi trường xung quanh.

4.2. Kỹ năng/ phẩm chất:

Phát hiện và giải thích được các vấn đề về môi trường xung quanh gần gũi; Giao tiếp chuẩn mực, phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp, có kỹ năng hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ chung.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để bảo vệ kết luận chuyên môn.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Hiểu khái quát hệ thống kiến thức cơ bản về môi trường xung quanh (tự nhiên – xã hội).	1.3	2
5.1.2	Giải thích được bản chất của những sự vật – hiện tượng gần gũi trong môi trường xung quanh.	1.3	3
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.2.1	Phát hiện và giải thích được các vấn đề về môi trường xung quanh gần gũi.	2.1.3	3
5.2.2	Giao tiếp chuẩn mực, phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp, có kỹ năng hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ chung.	2.2	3
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
	Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để bảo vệ kết luận chuyên môn	2.3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1 Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
Chương 1. NHỮNG HIỂU BIẾT KHÁI QUÁT VỀ MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH 1.1. Khái niệm môi trường 1.2. Phân loại môi trường 1.3. Các chức năng chủ yếu của môi trường 1.4. Các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến con người và sinh vật 1.4. Tác động của con người đối với môi trường 1.5. Nội dung hướng dẫn trẻ làm quen môi trường trong chương trình GDMN	05 (05/10)	5.1.1 5.2.2	-PP mảnh ghép Nội dung 1.1 và 1.2) - PP đàm thoại (Nội dung 1.3) -PP Thảo luận nhóm (Nội dung 1.4, 1.5)	- SV đọc và nghiên cứu tài liệu [1], [3], nắm nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc. -Bài tập cá nhân: Tra cứu nội dung GDMT trong chương trình GDMN	9.1.
Chương 2. KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN VÀ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI 2.1. Kiến thức về môi trường tự nhiên 2.1.1. Kiến thức cơ bản về động vật phổ biến 2.1.2. Kiến thức cơ bản về thực vật phổ biến 2.1.3. Kiến thức cơ bản về giới vô sinh 2.1.4. Kiến thức cơ bản về các hiện tượng tự nhiên 2.2. Kiến thức về môi trường xã hội 2.2.1. Kiến thức cơ bản về con người 2.2.2. Kiến thức cơ bản về các mối quan hệ xã hội 2.2.3. Kiến thức cơ bản về những ngành nghề phổ biến trong xã hội 2.2.4. Kiến thức cơ bản về các sản phẩm trí tuệ của con người	15 (15/30)	5.1.1 5.1.2 5.2.2 5.3.	-PP Đàm thoại (Nội dung 2.1, 2.2) -PP dự án Tiến hành cho SV thảo luận và lựa chọn 1 trong số các dự án. Mỗi nhóm từ 3 – 5 SV. Mỗi dự án được thực hiện trong 02 tuần _Dự án 1: Tìm hiểu về các loài cây phổ biến Dự án 2: Tìm hiểu về các loài hoa phổ biến Dự án 3: Tìm hiểu về các	- SV đọc và nghiên cứu tài liệu [1], [2], [3], nắm nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc. - Bài tập cá nhân: Giấy A4 tự lập mạng nội dung về MTTN và MTXH - Sản phẩm của dự án đã lựa chọn	9.1 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
			<p>loại rau, củ, quả phổ biến</p> <p>Dự án 4: Tìm hiểu về các loài thực vật đặc trưng ở Vùng ĐBSCL</p> <p>Dự án 5: Tìm hiểu về các loài động vật nuôi trong gia đình</p> <p>Dự án 6: Tìm hiểu về các loài động vật sống trong rừng phổ biến</p> <p>Dự án 7: Tìm hiểu về các loài cá nước ngọt/ nước mặn phổ biến</p> <p>Dự án 8: Tìm hiểu về các loài động vật lưỡng cư phổ biến</p> <p>Dự án 9: Tìm hiểu về các loài chim phổ biến</p> <p>Dự án 10: Tìm hiểu về các ngành nghề phổ biến</p> <p>Dự án 11: Tìm hiểu về các phương tiện giao thông phổ biến</p> <p>Dự án 12: Tìm hiểu về các hiện tượng tự nhiên</p> <p>Dự án 13: Tìm hiểu về các phong tục tập quán và lễ hội truyền thống của một số tỉnh ĐBSCL</p> <p>Dự án 14: Tìm hiểu về các sản</p>		

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
			phẩm trí tuệ của con người		
<p>Chương 3. VẬN DỤNG KIẾN THỨC VỀ MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG CHO TRẺ MẦM NON LÀM QUEN VỚI MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH</p> <p>3.1. Hướng dẫn lập mạng nội dung cho hoạt động cho trẻ làm quen với môi trường</p> <p>3.2. Hướng dẫn vận dụng các kiến thức cơ bản về môi trường thành những tri thức tiên khoa học đơn giản cho trẻ</p> <p>3.3. Thực hành giải quyết một số vấn đề thường gặp khi trẻ đặt câu hỏi</p> <p>Ôn tập, giải đáp thắc mắc</p>	10 (10/20)	5.1.2 5.2 5.3	<p>-PP thực hành (Nội dung 3.1)</p> <p>- PP giải quyết vấn đề (Nội dung 3.2 – 3.3)</p> <p>- Thiết kế các tình huống sư phạm mà GVMN thường gặp khi cho trẻ tìm hiểu MTXQ để SV xử lý tình huống.</p>	<p>- SV đọc và nghiên cứu tài liệu [3], [4], [5], [6], nắm nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc.</p> <p>- Chuẩn bị giấy A0 + bút lông hoặc máy vi tính để thực hành (Lập mạng nội dung cho hoạt động cho trẻ làm quen với môi trường theo chủ đề)</p> <p>- Xử lý tình huống sư phạm.</p>	9.1. 9.2

6.1 Thực hành, thí nghiệm, thực tế: (không có)

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Sổ tay GVMN – Những kiến thức cơ bản về môi trường	2006	Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Hoàng Thị Phương	Lí luận và phương pháp hướng dẫn trẻ LQVMTXQ	2008	NXBĐHSP	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	Hoàng Thị Oanh, Nguyễn Thị Xuân	Giáo trình Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh	2008	NXB Giáo dục.	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Trần Thị Ngọc Trâm, Nguyễn Thị Nga	Các hoạt động khám phá khoa học của trẻ mầm non	2011	NXB GD Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
5	Tâm Thanh (chủ biên), Thanh Hà,	100 đề tài khám phá khoa học và khám phá xã hội dành cho trẻ mẫu giáo (tập 1, tập 2)	2009	NXB GD Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần.
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, Chương 2, Chương 3,	5.1; 5.2; 5.3	0.4
9.1.1	Chuyên cần	- Dự lớp, tham gia làm việc nhóm. - Tham gia xây dựng bài.	5.1; 5.2; 5.3	
9.1.2	Bài tập cá nhân	Chương 1, Chương 2	5.2.1 5.3.1	
9.1.3	Bài tập nhóm	Chương 2	5.1.1 5.2.1 5.3.1	
9.2	Thi kết thúc học phần	Chương 1, Chương 2, Chương 3 - Hình thức: <u>Thi tự luận</u> - Điều kiện được đánh giá: <u>Tham dự ít nhất 80 %</u> tổng số tiết của học phần	5.1 đến 5.3	0.6

5.2.1	Giao tiếp chuẩn mực, phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; có kỹ năng hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ chung và phát triển cộng đồng	2.1.4	5
5.2.2	Yêu nghề, yêu trẻ, tận tụy, công bằng và tôn trọng trẻ;	2.3	5
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để bảo vệ kết luận chuyên môn	5.3.1	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/ TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
-Thảo luận đề cương, hướng dẫn khai thác tài liệu, cách học, phân nhóm, thống nhất cách đánh giá học phần.	01 (01/02)	5.3.1	Đàm thoại; Giảng giải	Đề cương; Bài giảng; Giáo trình; Kế hoạch học tập.	Sinh viên hiểu nhiệm vụ, thống nhất nội dung ĐG.
CHƯƠNG 1: NHỮNG LÝ LUẬN CHUNG VỀ CẢM XÚC CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON 1.1. Tầm quan trọng và giá trị của việc quản lý cảm xúc hiệu quả và hậu quả của việc quản lý cảm xúc không hiệu quả 1.2. Khái niệm về cảm xúc trí tuệ, trí tuệ cảm xúc, quản lý cảm xúc 1.3. Phân loại cảm xúc và tiến trình phát triển của cảm xúc 1.4. Đặc điểm của người có trí tuệ cảm xúc 1.5. Các nguyên tắc và quản lý kỹ năng cảm xúc 1.6. Phương pháp giữ cảm xúc tích cực và loại bỏ cảm xúc tiêu cực	09/18	5.1; 5.2; 5.3.	- Thuyết trình - Đàm thoại - Thảo luận nhóm - Tự nghiên cứu - Thực hành	- SV đọc và nghiên cứu, nắm nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc. - Bài viết tóm tắt trả lời trước các câu hỏi (câu 1 đến câu 6).	9.1; 9.2
CHƯƠNG 2: KỸ NĂNG QUẢN LÝ CẢM XÚC CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON 2.1. Cảm xúc của GVMN 2.1.1. Các thành phần cơ bản của cảm xúc và đặc điểm cảm xúc 2.1.1.1. Các thành phần cơ bản của cảm xúc 2.1.1.2. Thành phần nhận thức của cảm xúc 2.1.1.3. Thành phần sinh lý của cảm xúc 2.1.1.4. Thành phần hành vi của cảm xúc 2.1.2. Các lý thuyết về cảm xúc 2.1.3. Các loại cảm xúc 2.1.4. Đặc điểm cảm xúc của GVMN 2.2. Quản lý cảm xúc bản thân GVMN 2.2.1. Các chiến lược quản lý cảm xúc cơ bản 2.2.1.1. Kiểm soát trạng thái cơ thể 2.2.1.2. Kiểm soát ý nghĩ	08 (08/16)	5.1; 5.2; 5.3.	- Thuyết trình - Đàm thoại - Thảo luận nhóm - Tự nghiên cứu - Thực hành	- SV đọc và nghiên cứu, nắm nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc. - Bài viết tóm tắt trả lời trước các câu hỏi (câu 1 đến câu 7).	9.1; 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/ TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>2.2.1.3. Kiểm soát hành vi</p> <p>2.3. Kỹ năng quản lý cảm xúc của GVMN</p> <p>2.3.1. Kỹ năng nhận biết cảm xúc của bản thân</p> <p>2.3.2. Kỹ năng kiểm soát cảm xúc của bản thân</p> <p>2.3.3. Kỹ năng điều khiển cảm xúc của bản thân</p> <p>2.3.4. Kỹ năng sử dụng cảm xúc của bản thân</p> <p>2.4. Rèn luyện kỹ năng quản lý cảm xúc của bản thân</p> <p>2.4.1. Kiểm soát sự khó chịu</p> <p>2.4.2. Kiểm soát sự lo lắng</p> <p>2.4.2. Kiểm soát sự tức giận</p> <p>2.4.2. Kiểm soát sự thất vọng</p>					
<p>CHƯƠNG 3: TĂNG CƯỜNG BỒI DƯỠNG CẢM XÚC TÍCH CỰC CHO GIÁO VIÊN MẦM NON TRONG CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC TRẺ MẦM NON</p> <p>4.1. Một số vấn đề lý luận về cảm xúc tích cực và bồi dưỡng cảm xúc tích cực của giáo viên mầm non trong chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non</p> <p>4.2. Thực trạng cảm xúc tích cực của người giáo viên mầm non và hoạt động bồi dưỡng cảm xúc tích cực cho giáo viên mầm non trong chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non</p> <p>4.3. Các biện pháp tăng cường cảm xúc tích cực của giáo viên mầm non trong chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non</p>	10 (10/20)	5.1; 5.2; 5.3.	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Đàm thoại - Thảo luận nhóm - Tự nghiên cứu - Thực hành 	<p>SV đọc và nghiên cứu, nắm nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài viết tóm tắt trả lời trước các câu hỏi (câu 1 đến câu 5). 	9.1; 9.2
<p>Ôn tập, giải đáp thắc mắc</p> <p>Công bố điểm thường kỳ</p>	02 (02/00)	5.1; 5.2; 5.3.	<ul style="list-style-type: none"> - Tự nghiên cứu - Thực hành 	<ul style="list-style-type: none"> - SV chuẩn bị sẵn giấy ghi câu hỏi. - Cả lớp tích cực phát biểu. 	Sinh viên nêu các vấn đề thắc mắc gv cần giải quyết.

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Lê Thị Thanh Sang	Bài giảng Kỹ năng quản lý cảm xúc của giáo viên mầm non	2020	Nội bộ	TT- HL Lê Vũ Hùng	x	

2	Hồ Lam Hồng	Nghề giáo viên mầm non	2008	NXB GD	TT- HL Lê Vũ Hùng	x
3	Hội đồng chuyên môn học viện Giáo dục quốc tế Victoria	Chuyên đề Quản lí cảm xúc hiệu quả của người giáo viên trong cơ sở giáo dục mầm non	2020	ĐHSP TPHCM	TT- HL Lê Vũ Hùng	x
4	Bộ GD và ĐT	Tài liệu BDTX nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp CBQL và GVMN năm học 2018 – 2019	2018	NXB GD Việt Nam	TT- HL Lê Vũ Hùng	x
5	Bộ GD và ĐT	Tài liệu BDTX nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp CBQL và GVMN năm học 2020 – 2021	2020	NXB GD Việt Nam	TT- HL Lê Vũ Hùng	x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phân bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, 2, 3, 4, 5	5.3.1; 5.3.2	0,4
9.2	Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận	Chương 1, 2, 3, 4, 5	5.1; 5.2; 5.3	0,6

6.1.47. KỸ NĂNG XỬ LÝ CÁC TÌNH HUỐNG SỰ PHẠM TRONG TRƯỜNG MẦM NON**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **KI4184 – KỸ NĂNG XỬ LÝ CÁC TÌNH HUỐNG SỰ PHẠM TRONG TRƯỜNG MẦM NON**

- Mã lớp học phần:

- Số tín chỉ: 2

Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 30 (30/00/60)

- Học phần điều kiện (nếu có):

- Học kì:

Năm học: 2021 – 2022

2. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: **Nguyễn Thị Hồng Khoa** Chức danh, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Điện thoại: 0914. 443. 524

E-mail: nthkhoa@dthu.edu.vn

Đơn vị: Khoa Giáo Dục THMN

3. Tổng quan về học phần

Học phần **Kỹ năng xử lý các tình huống sự phạm trong trường mầm non** là học phần nằm trong Khối kiến thức bổ trợ trong Chương trình đào tạo đại học ngành Giáo dục mầm non. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tình huống sự phạm, các tình huống sự phạm thường gặp ở trường mầm non, những lưu ý khi xử lý và những kỹ năng cần có của giáo viên mầm non trong quá trình giải quyết. Từ đó, giúp sinh viên có các biện pháp rèn luyện để hình thành kỹ năng nhận định, phân tích và giải quyết hợp lý các tình huống sự phạm ở trường mầm non. Từ những kiến thức, kỹ năng tích lũy được từ học phần này, sinh viên sẽ có thể vận dụng trực tiếp khi tham gia các học phần RLNVSPTX và thực tập tốt nghiệp tại trường mầm non.

4. Mục tiêu học phần**4.1. Kiến thức:**

Khái quát hóa được các nội dung cơ bản tình huống sự phạm và những kỹ năng cần có của người GVMN khi xử lý các tình huống sự phạm.

4.2. Kỹ năng:

Xử lý được xử lý tình huống sự phạm ở trường mầm non.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

Có tư duy độc lập, lập luận khoa học để bảo vệ chính kiến của bản thân và dám chịu trách nhiệm về các giả định trong xử các tình huống sự phạm; có ý tưởng tốt trong quá trình rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống sự phạm.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1. Kiến thức			

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1.1	Diễn giải được những kiến thức về khoa học chính trị - xã hội, pháp luật phù hợp trong việc xử lý các tình huống sự phạm ở trường mầm non.	1.1	2
5.1.2	Giải thích được nguyên nhân, diễn biến và hậu quả của các tình huống sự phạm tiêu cực, những kỹ năng cần có của người GVMN trong khi xử lý các tình huống sự phạm ở trường mầm non.	1.5	2
5.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Vận dụng được những hiểu biết đặc điểm tâm – sinh lí, nhu cầu và khả năng của trẻ mầm non trong xử lý các tình huống sự phạm phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ và điều kiện thực tiễn ở trường mầm non.	2.1.1	5
5.2.2	Giao tiếp chuẩn mực, phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; Có kỹ năng hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ chung và trong xử lý các tình huống sự phạm ở trường mầm non	2.2	3
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có khả năng hợp tác làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm với công việc được giao; SV lòng yêu thích môn học để học tập và vận dụng có hiệu quả trong xử lý các tình huống sự phạm ở trường mầm non	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÁC TÌNH HUỐNG SỰ PHẠM 1.1. Một số khái niệm cơ bản <i>1.1.1. Khái niệm Tình huống</i> <i>1.1.2. Khái niệm Tình huống sự phạm</i> 1.2. Phân loại tình huống sự phạm 1.3. Các thành tố cấu thành tình huống sự phạm 1.4. Ý nghĩa của tình huống sự phạm trong quá trình giáo dục	07/14	5.1 5.2 5.3	- Đàm thoại - Giảng giải - Thuyết trình (1.1, 1.2) - Trò chơi (1.3) - Thảo luận nhóm (1.4 đến 1.8)	- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu chương 1 trong giáo trình; liệt kê sẵn các nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc. - Chuẩn bị giấy A4 hoặc giấy trắng. - Tham gia trò chơi điền khuyết [1.3] - Thảo luận các vấn đề sau: (1) Một số khái niệm cơ bản: Tình huống, Tình huống sự phạm (2) Phân loại tình huống sự phạm (3) Các thành tố cấu thành tình huống sự phạm	9.1 9.1.1

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
				(4) Ý nghĩa của tình huống sư phạm trong quá trình giáo dục	
<p>CHƯƠNG 2. KỸ NĂNG XỬ LÝ CÁC TÌNH HUỐNG SƯ PHẠM TRONG TRƯỜNG MẦM NON</p> <p>2.1. Một số khái niệm</p> <p>2.1.1. <i>Khái niệm Tình huống sư phạm trong trường MN</i></p> <p>2.1.2. <i>Khái niệm Kỹ năng xử lý tình huống sư phạm trong trường MN</i></p> <p>2.2. Các tình huống sư phạm thường gặp trong trường mầm non</p> <p>2.3. Phân loại tình huống sư phạm trong trường mầm non</p> <p>2.3.1. <i>Dựa vào đối tượng giao tiếp</i></p> <p>2.3.2. <i>Dựa vào hoạt động sư phạm của GVMN</i></p> <p>2.4. Đặc thù hoạt động sư phạm của GVMN</p> <p>2.5. Những quy định về hành vi đạo đức của GVMN trong xử lý các tình huống sư phạm trong trường mầm non</p> <p>2.5.1. <i>Quy định ứng xử với trẻ</i></p> <p>2.5.2. <i>Quy định ứng xử với phụ huynh</i></p> <p>2.5.3. <i>Quy định ứng xử với đồng nghiệp</i></p>	10/20	5.1 5.2 5.3	<p>-Thuyết giảng (2.1 , 2.2)</p> <p>- Trực quan (2.3)</p> <p>Xem video về trường MN, các hoạt động ở trường mầm non, hồ sơ sổ sách ở trường mầm non</p> <p>- Thảo luận nhóm (2.1 đến 2.3)</p> <p>- Thực hành</p> <p>Mô phỏng buổi sinh hoạt chuyên môn</p>	<p>- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu chương 2; liệt kê sẵn các nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc.</p> <p>- Chuẩn bị nội dung trả lời các câu hỏi (sau Chương 2).</p>	9.1. 9.1.2
<p>CHƯƠNG 3. RÈN LUYỆN KỸ NĂNG XỬ LÝ CÁC TÌNH HUỐNG SƯ PHẠM TRONG TRƯỜNG MẦM NON</p> <p>3.1. Các kỹ năng cần có của giáo viên mầm non trong xử lý các tình huống sư phạm</p> <p>3.2. Nội dung của các tình huống sư phạm</p>	12/24	5.1 5.2 5.3 5.3	<p>- Thảo luận nhóm (3.1 và bài tập cuối Chương 3)</p> <p>- Đàm thoại (3.1 – 3.8)</p> <p>- Trực quan</p> <p>Xem video về tình huống sư phạm ở trường mầm non của các giáo viên trong</p>	<p>- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu [1, tr116 – tr130], [2], [5]; liệt kê sẵn các nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc.</p> <p>- Chuẩn bị nội dung trả lời các câu hỏi (sau Chương 3 [1, tr157]).</p>	9.1 9.1.3

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
thường gặp trong trường mầm non 3.2.1. Đối với trẻ 3.2.1. Đối với phụ huynh 3.2.3. Đối với đồng nghiệp 3.3. Rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống sư phạm trong trường mầm non 3.3.1. Phân tích tình huống sư phạm 3.3.2. Vận dụng xử lý một số tình huống sư phạm thường gặp trong trường mầm non. Ôn tập, giải đáp thắc mắc			các cuộc thi tuyên truyền viên giỏi - Đóng vai	- Chuẩn bị bài tập thực hành trang [1, tr158 – tr159]. - Xây dựng tình huống sư phạm và đóng kịch các tình huống -	

6.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế (nếu có): Không

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Lê Thị Kim Anh	Bài giảng Kỹ năng giải quyết các tình huống sư phạm trong trường mầm non	2020	Nội bộ	- Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng - Giảng viên	x	
2	Hồ Lam Hồng	Nghề giáo viên mầm non	2008	NXB Giáo dục	- Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng - Giảng viên		x
4	Bộ GD và ĐT	Chuẩn nghề nghiệp GVMN (2008)			Mạng internet		x
5	Bộ GD và ĐT	Tài liệu BD theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp GVMN hạng III	2017	NXB Giáo dục Việt Nam	Thư viện Giảng viên		x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;

- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>	<i>Chương 1, 2, 3</i>	<i>5.1; 5.2; 5.3</i>	0.4
9.1.1	Semina lần 1	Chương 1	5.1 5.2	
9.1.2	Semina lần 2	Chương 2 Chương 3	5.1 5.2	
9.2	<i>Thi kết thúc học phần (thi tự luận)</i>	Chương 1, Chương 2, Chương 3	<i>5.1; 5.2</i>	0.6

6.1.48. KỸ NĂNG THAM VẤN CỦA GVMN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **KI4183 – KỸ NĂNG THAM VẤN CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON**
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 30/00/60
- Học phần điều kiện (nếu có):
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

Họ và tên: **Lê Thị Kim Anh** Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Tiến sĩ

Điện thoại: 0988 980929 Email: ltkanh@dthu.edu.vn

Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2

Họ và tên: **Lê Thị Bích Vân** Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Điện thoại: 0948. 332. 468 Email: levan.ltbv@gmail.com

Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học Mầm non

2.3. Giảng viên 3

Họ và tên: **Phan Thị Hoàng Nguyên**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Điện thoại: 0918041882 Email: pthnguyen8182@gmail.com

Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học – Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Học phần **Kỹ năng tham vấn của giáo viên mầm non** là một học phần thuộc nhóm kiến thức bổ trợ đóng vai trò rất cần thiết trong việc trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về công tác tham vấn, ý nghĩa của công tác tham vấn học đường đối với chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non và các nội dung tham vấn trong trường mầm non. Bên cạnh đó, những kiến thức tích lũy được từ nội dung học phần sẽ giúp sinh viên có thể vận dụng được các phương pháp, các hình thức tham vấn trong quá trình tham gia trải nghiệm thực tế ở trường mầm non, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo Ngành Sư phạm GDMN của Trường ĐH Đồng Tháp.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức: Giải thích làm sáng tỏ những kiến thức cơ bản về tâm – sinh lí, giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non, tổng hợp được những kiến thức về khoa học giáo dục mầm non để vận dụng trong công tác tham vấn.

4.2. Kỹ năng/ phẩm chất: Tư vấn chăm sóc sức khỏe tinh thần cho trẻ, cha mẹ trẻ và các lực lượng giáo dục trong thực hiện nhiệm vụ phát triển toàn diện cho trẻ thông qua kết quả đánh giá sự phát triển của trẻ và hiệu quả thực hiện chương trình giáo dục mầm non; Phát hiện và giải quyết được các vấn đề trong thực tiễn giáo dục mầm non; Giao tiếp chuẩn mực, phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm: Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để bảo vệ kết luận chuyên môn.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Giải thích được những biểu hiện về tâm – sinh lí, giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non trong hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ.	1.2	3
5.1.2	Tổng hợp được những kiến thức về khoa học giáo dục mầm non để vận dụng trong công tác tham vấn.	1.5	3
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Tư vấn chăm sóc sức khỏe tinh thần cho trẻ, cha mẹ trẻ và các lực lượng giáo dục trong thực hiện nhiệm vụ phát triển toàn diện cho trẻ;	2.1.5	5
5.2.2	Giao tiếp chuẩn mực, phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp.	2.2	3
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để bảo vệ kết luận chuyên môn	3.1	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1 Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THAM VẤN VÀ THAM VẤN HỌC ĐƯỜNG Ở TRƯỜNG MẦM NON</p> <p>1.1. Một số khái niệm cơ bản</p> <p>1.1.1. Phân biệt các khái niệm: Tham vấn, tư vấn, cố vấn, kĩ năng tham vấn</p> <p>1.1.2. Khái niệm Tham vấn học đường</p> <p>1.2. Bản chất của hoạt động tham vấn</p> <p>1.3. Các nguyên tắc trong tham vấn</p> <p>1.4. Tiến trình tham vấn</p> <p>1.5. Ý nghĩa của hoạt động tham vấn học đường ở trường mầm non</p>	(08/16)	5.1.2	<p>-PP đàm thoại</p> <p>-PP Trò chơi (TC Ghép đôi)</p> <p>(Nội dung 1.1)</p> <p>GV chuẩn bị từ khoá và khái niệm tương ứng.</p> <p>SV chọn ghép từ khoá với điển đạt khái niệm phù hợp nhất.</p> <p>-PP Thảo luận nhóm</p> <p>(Nội dung 1.2 – 1.5)</p> <p>- PP trò chơi TC Xếp đúng thứ tự (Nội dung 1.4)</p> <p>GV chuẩn bị sẵn từng giai đoạn của quá trình tham vấn.</p> <p>SV chơi theo cá nhân hoặc nhóm để xếp</p>	<p>- SV đọc tài liệu [1], [2] và nghiên cứu, nắm nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc.</p> <p>- Vở ghi chép nội dung học tập của SV</p> <p>- Tìm hiểu trước nội dung làm việc nhóm.</p>	9.1.1 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
			đúng thứ tự tiến trình tham vấn		
<p>Chương 2. KĨ NĂNG THAM VẤN CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON</p> <p>2.1. Các kĩ năng cần có trong khi tham vấn</p> <p>2.2. Vai trò của cá nhân, gia đình, nhà trường và các tổ chức xã hội đối với chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non</p> <p>2.3. Các nội dung tham vấn học đường ở trường mầm non</p> <p>2.3.1. Nội dung tham vấn cho phụ huynh</p> <p>2.3.2. Nội dung tham vấn cho các tổ chức xã hội về</p> <p>2.3.3. Nội dung tham vấn cho đồng nghiệp</p> <p>2.4. Các phương pháp và hình thức tham vấn học đường</p> <p>2.4.1. Các phương pháp tham vấn học đường</p> <p>2.4.2. Các hình thức tham vấn học đường</p> <p>2.4.3. Quy trình thực hiện công tác tham vấn ở trường mầm non</p>	(10/20)	5.2.1	<p>- PP đàm thoại (Nội dung 2.1, 2.2)</p> <p>- PP semina (Nội dung 2.3, 2.4)</p>	<p>- SV đọc và nghiên cứu tài liệu [1], [2], nắm nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc.</p> <p>- Tích cực tham gia các HĐ.</p> <p>- Bài viết trả lời trước các câu hỏi trong tài liệu</p> <p>- Nội dung seminar trên powerpoint.</p>	9.1.3 9.2
<p>A.1. Chương 3. Hướng dẫn thực hiện công tác tham vấn học đường</p> <p>A.2. 3.1. Tìm hiểu Luật trẻ em và những văn bản pháp qui về nhiệm vụ tham vấn của giáo viên mầm non</p> <p>A.3. 3.1.1. Tìm hiểu Luật trẻ em</p> <p>A.4. 3.1.2. Những văn bản pháp qui về nhiệm vụ tham vấn của giáo viên mầm non</p> <p>A.5. 3.2. Đặc thù hoạt động sư phạm của GVMN</p> <p>A.6. 3.3. Vận dụng tổ chức các hình thức tham vấn học đường ở trường mầm non</p> <p>Ôn tập, giải đáp thắc mắc</p> <p>A.7. Công bố điểm thường kỳ</p>	(12/24)	5.1 5.2 5.3	<p>- PP đàm thoại (Nội dung 3.1)</p> <p>-PP công nã (Nội dung 3.2)</p> <p>Phân tích đặc thù hoạt động sư phạm của GVMN</p> <p>-PP đóng vai, giải quyết tình huống sư phạm (Nội dung 3.3)</p>	<p>- SV đọc và nghiên cứu, nắm nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc.</p> <p>A.8. - Bài viết trả lời trước câu hỏi (Tìm hiểu Luật trẻ em và những văn bản pháp qui về nhiệm vụ tham vấn của giáo viên mầm non)</p> <p>- Sản phẩm của nhóm, biên bản họp nhóm</p> <p>- Tích cực hoạt động nhóm và giải quyết các vấn đề thuộc nội dung HP.</p>	A.9. 9.1.2 A.10. A.11. 9.1.3 A.12. 9.2

6.2 Thực hành, thí nghiệm, thực tế: (không có)

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Lê Thị Kim Anh	Bài giảng Kỹ năng tham vấn của GVMN	2021		Giảng viên	x	
2	Hoàng Thị Thu Hương	Module Mầm non 10, 12	2011	Cục Nhà giáo	Giảng viên		x
3	Lương Thị Bình, Nguyễn Thị Quyên	Module Mầm non 11	2011	Cục Nhà giáo	Giảng viên		x
4	Bùi Văn Quân, Nguyễn Hữu Độ	Module Mầm non 13	2011	Cục Nhà giáo	Giảng viên		x
5	A.13. Hồ Lam Hồng	A.14. Nghề giáo viên mầm non	2008	NXB GD	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần.
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, Chương 2, Chương 3	5.1; 5.2; 5.3	0.4
9.1.1	Chuyên cần	- Dự lớp, tham gia làm việc nhóm. - Tham gia xây dựng bài.	5.1; 5.2; 5.3	
9.1.2	Bài tập cá nhân	Chương 1, Chương 2	5.1 5.2	
9.1.3	Bài tập nhóm	Chương 2, Chương 3	5.2 5.3	
9.2	Thi kết thúc học phần - Hình thức: Thi tự luận 90' - Điều kiện được đánh giá: Tham dự ít nhất 80 % tổng số tiết của học phần	Chương 1, Chương 2, Chương 3	5.1 đến 5.3	0.6

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Diễn giải được mục tiêu môn <i>KNTK&KTNTL trong dạy học Mầm non</i> , sử dụng được các chức năng của một số website mầm non, phần mềm ứng dụng tin học trong công tác chăm sóc, giáo dục, lập kế hoạch, đánh giá trẻ, quản lý hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ và hỗ trợ khả năng tự học tập và nâng cao trình độ của mỗi cá nhân; định hướng sử dụng các tư liệu tìm được vào xây dựng trò chơi, bài dạy Mầm non có sử dụng CNTT.	1.6	3
5.1.2	Diễn giải được mục tiêu, nội dung, hình thức, tiêu chí, nắm vững phương pháp, kỹ thuật tìm kiếm và đánh giá các nguồn tài nguyên thông tin trong thư viện và trên Internet. Xử lý kết quả học tập môn <i>KNTK&KTNTL trong dạy học Mầm non</i> .	1.6	3
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Thực hiện được các thao tác thực hành tạo ra sản phẩm mầm non có UDCNTT theo cá nhân hoặc nhóm.	2.1.6	3
5.2.2	Tổ chức và thiết kế kế hoạch dạy học các bài học, chuẩn bị và sử dụng các đồ dùng, thiết bị dạy học, đánh giá có sử dụng CNTT khi dạy các lĩnh vực mầm non. Phát huy vai trò chủ động tích cực học tập của trẻ.	2.1.3	6
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Chuyên cần, tích cực tham gia hoạt động học tập. Chủ động, sáng tạo, cầu tiến trong học tập, thực hành. Hợp tác, có tinh thần trách nhiệm và ý thức kỉ luật.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KNTK&KTNTL TRONG DẠY HỌC MẦM NON 1.1 Các khái niệm 1.2. Thiết kế quy trình TK&KTNTL 1.2 Giới thiệu các nguồn thông tin tham khảo 1.3 Các mô hình tìm kiếm thông tin hỗ trợ trong dạy học Mầm non 1.4. Tìm kiếm và đánh giá nguồn thông tin tham khảo	3/6	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.3.1	- Thuyết trình, - Thảo luận nhóm. (Vấn đáp hướng dẫn SV tự nghiên cứu tài liệu, các vấn đề liên quan bài dạy và làm rõ nội dung bài) - Giảng giải làm rõ các nội dung bài - Hướng dẫn cách quan sát các ứng dụng CNTT trên quy trình làm quan sát, thực hiện thao tác nội dung mẫu	Nghiên cứu tài liệu 1, 2, 3 và trả lời câu hỏi theo yêu cầu giảng viên	[5.1.1] [5.1.2] [5.2.1] [5.3.1]

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
			hướng dẫn ứng dụng		
CHƯƠNG 2: VẬN DỤNG CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC 2.1 Các thiết bị dạy học hiện đại 2.1.1. Công nghệ in trong dạy học 2.1.2. Công nghệ nhìn trong dạy học 2.1.3. Công nghệ chiếu rọi trong dạy học 2.2. Lựa chọn công nghệ và thiết bị dạy học	2/4	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.3.1	- Thuyết trình, - Thảo luận nhóm. (Vấn đáp hướng dẫn SV tự nghiên cứu tài liệu, các vấn đề liên quan bài dạy và làm rõ nội dung bài) - Giảng giải làm rõ các nội dung bài - Hướng dẫn cách quan sát các công nghệ và lựa chọn công nghệ.	Nghiên cứu tài liệu 1, 2, 3 và trả lời các câu hỏi theo yêu cầu giảng viên	[5.1.1] [5.1.2] [5.2.1] [5.3.1]
CHƯƠNG 3: TÌM KIẾM & ĐÁNH GIÁ CÁC NGUỒN THÔNG TIN THAM KHẢO 3.1. Các yếu tố hình thành phương pháp tìm kiếm 3.2. Các kỹ thuật tìm kiếm thông tin 3.3. Sự cần thiết của việc đánh giá các nguồn thông tin 3.4. Các tiêu chuẩn đánh giá các nguồn thông tin 3.5. Kỹ thuật và phương pháp đánh giá các nguồn thông tin.	2/10	5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	Diễn giảng và luyện tập thực hành	Nghiên cứu tài liệu 1, 4 và làm bài tập thực hành theo yêu cầu giảng viên	Bài tập cá nhân làm sản phẩm ở mục [5.1.1] [5.1.2] [5.2.1] [5.3.1]
CHƯƠNG 4: CÁC NGUỒN THÔNG TIN VỀ TIỂU SỬ, THÔNG TIN THỐNG KÊ VÀ CÁC NGUỒN THÔNG TIN CỦA CHÍNH PHỦ 3.1. Nguồn thông tin về tiểu sử là gì? 3.2. Phương pháp & kỹ thuật tìm kiếm thông tin 3.3. Nguồn thông tin thống kê & nguồn thông tin chính phủ là gì? 3.4. Tiêu chí đánh giá cho các nguồn thông tin thống kê & thông tin chính phủ 3.5. Phương pháp và kỹ thuật tìm kiếm	3/12	5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	Diễn giảng và luyện tập thực hành	Nghiên cứu tài liệu 1, 2, 3, 4, 5 và làm bài tập thực hành theo yêu cầu giảng viên	Bài tập cá nhân làm sản phẩm ở mục [5.1.1] [5.1.2] [5.2.1] [5.3.1]
CHƯƠNG 5: CÁC NGUỒN THÔNG TIN KHOA HỌC KỸ THUẬT VÀ THÔNG TIN THƯƠNG MẠI 5.1. Nguồn thông tin khoa học kỹ thuật là gì?	3/12	5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	Diễn giảng và luyện tập thực hành	Nghiên cứu tài liệu 1, 2, 3, 4 và làm bài tập thực hành theo	Bài tập cá nhân làm sản phẩm

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
5.2. Loại thông tin: nguồn điện tử hay in ấn 5.3. Phương pháp tìm kiếm 5.4. Thông tin thương mại là gì? Nhu cầu thông tin thương mại? 5.5. Các loại nguồn thông tin thương mại 5.6. Các nguồn thông tin thương mại				yêu cầu giảng viên	phẩm ở mục [5.1.1] [5.1.2] [5.2.1] [5.3.1]
CHƯƠNG 6: THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TRÌNH CHIẾU TRÊN MS POWERPOINT 5.1 Các kĩ thuật thiết kế trên MS PowerPoint 5.2 Thiết kế các trò chơi trong dạy học Mầm non với MS PowerPoint 5.3 Thiết kế bài giảng ở Mầm non với MS PowerPoint 5.4 Nhúng các công cụ hỗ trợ 5.4.1. Nhúng Violet vào MS PowerPoint 5.4.2. Phần mềm vẽ sơ đồ tư duy (iMindMap) 5.4.3. Thiết kế bài giảng e-learning với Adobe Presenter / iSpring Suite	7/22	5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	Diễn giảng và luyện tập thực hành	Nghiên cứu tài liệu 1, 2, 3, 4, 5 và làm bài tập thực hành theo yêu cầu giảng viên	Bài tập cá nhân làm sản phẩm ở mục [5.1.1] [5.1.2] [5.2.1] [5.3.1]

6.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế (nếu có)

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
CHƯƠNG 3: TÌM KIẾM & ĐÁNH GIÁ CÁC NGUỒN THÔNG TIN THAM KHẢO 3.1. Phần mềm TK&KTNTL (Google; Q&A...) 3.2. Phần mềm Msn, bamboo.....	2/6	5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	Thực hành, thảo luận nhóm	Nghiên cứu tài liệu 1, 4 và làm bài tập thực hành theo yêu cầu giảng viên	Hoàn thành bài tập thực hành theo yêu cầu
CHƯƠNG 4: CÁC NGUỒN THÔNG TIN VỀ TIỂU SỬ, THÔNG TIN THỐNG KÊ VÀ CÁC NGUỒN THÔNG TIN CỦA CHÍNH PHỦ 3.1. Nguồn thông tin về tiểu sử là gì? 3.2. Phương pháp & kỹ thuật tìm kiếm thông tin 3.3. Nguồn thông tin thống kê & nguồn thông tin chính phủ là gì? 3.4. Tiêu chí đánh giá cho các nguồn thông tin thống kê & thông tin chính phủ 3.5. Phương pháp và kỹ thuật tìm kiếm	3/6	5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	Thực hành, thảo luận nhóm	Nghiên cứu tài liệu 1, 2, 3, 4 và làm bài tập thực hành theo yêu cầu giảng viên	Hoàn thành bài tập thực hành theo yêu cầu
CHƯƠNG 5: CÁC NGUỒN THÔNG TIN KHOA HỌC KỸ THUẬT VÀ THÔNG TIN THƯƠNG MẠI	3/6	5.1.2 5.2.1 5.2.2	Thực hành, thảo luận nhóm	Nghiên cứu tài liệu 1, 2, 3, 4 và làm bài tập	Hoàn thành bài tập thực

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/ThH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
5.1. Nguồn thông tin khoa học kỹ thuật là gì? 5.2. Loại thông tin: nguồn điện tử hay in ấn 5.3. Phương pháp tìm kiếm 5.4. Thông tin thương mại là gì? Nhu cầu thông tin thương mại? 5.5. Các loại nguồn thông tin thương mại 5.6. Các nguồn thông tin thương mại		5.3.1		thực hành theo yêu cầu giảng viên	hành theo yêu cầu
CHƯƠNG 6: THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TRÌNH CHIẾU TRÊN MS POWERPOINT 5.1 Các kỹ thuật thiết kế trên MS PowerPoint 5.2 Thiết kế các trò chơi trong dạy học Mầm non với MS PowerPoint 5.3 Thiết kế bài giảng ở Mầm non với MS PowerPoint 5.4 Những công cụ hỗ trợ 5.4.1. Những Violet vào MS PowerPoint 5.4.2. Phần mềm vẽ sơ đồ tư duy (iMindMap) 5.4.3. Thiết kế bài giảng e-learning với Adobe Presenter / iSpring Suite	7/8	5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	Thực hành, thảo luận nhóm	Nghiên cứu tài liệu 1, 2, 3, 4 và làm bài tập thực hành theo yêu cầu giảng viên	Hoàn thành bài tập thực hành theo yêu cầu

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Giảng viên	Bài giảng “KNTK&KTNTL trong dạy học Mầm non”	2022			x	
2	Dự án phát triển giáo viên tiểu học	Phương tiện kỹ thuật dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học (Tập 1)	2006		Thư viện Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	Dự án phát triển giáo viên tiểu học	Phương tiện kỹ thuật dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học (Tập 1, 2)	2006		Thư viện Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Hoàng Thị Nho	Phương pháp tìm kiếm, khai thác, xử lý thông tin phục vụ xây dựng và tổ chức các hoạt động giáo dục (module MN 19)					X

5	Tony Buzan	Nền tảng và ứng dụng của bản đồ tư duy	2014	NXB Tổng hợp TP.HCM	Thư viện Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng		x
---	------------	--	------	---------------------	--	--	---

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Mã	Hình thức đánh giá/Tên	Nội dung được đánh giá	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1. Đánh giá thường xuyên				0.4
9.1.1	Thực hành cá nhân	Chương 3,4,5,6	5.1; 5.2; 5.3	
9.1.2	Điểm sản phẩm giữa kỳ	Chương 6	5.1; 5.2; 5.3	
9.2. Đánh giá kết thúc học phần				0.6
	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành - Thời gian: 90 phút - Đề mở (Sinh viên được sử dụng tài liệu) 	Chương 1,2,3,4,5,6	5.1, 5.2, 5.3	

6.1.50. QUẢN LÝ NHÓM LỚP CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4203 – QUẢN LÝ NHÓM LỚP CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 2 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): (30/00/60)
- Học phần điều kiện (nếu có): Tâm lý học MN; Giáo dục học MN
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Phan Thị Hoàng Nguyên
- Chức danh, học hàm, học vị: GV, Thạc sĩ
- Điện thoại: 0918041882
- Email: pthnguyen8182@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Khoa
- Chức danh, học hàm, học vị: GV, Thạc sĩ
- Điện thoại: 0914443524
- Email: nthkhoa@dthu.edu.vn
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học – Mầm non

3. Tổng quan về học phần

“*Quản lý nhóm lớp của giáo viên mầm non*” là học phần thuộc nhóm kiến thức bổ trợ, một học phần rất cần thiết đối với sinh viên ngành giáo dục mầm non. Học phần này giúp cho sinh viên hiểu biết một cách đúng đắn, đầy đủ về trách nhiệm và công tác tổ chức quản lý nhóm lớp của giáo viên mầm non, thấy được tầm quan trọng của môn học, hình thành động cơ học tập đúng đắn, biết cách thực hiện nhiệm vụ tổ chức quản lý nhóm lớp, ứng dụng vào thực tiễn giảng dạy sau này.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Xác định được một số tri thức cơ bản về công tác tổ chức quản lý nhóm lớp của giáo viên mầm non.

4.2. Kỹ năng

Vận dụng lý luận để liên hệ thực tế, từ đó nhận xét, giải thích thực tiễn và có khả năng thực hiện công tác tổ chức quản lý nhóm lớp của giáo viên mầm non.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm, phát huy trí tuệ tập thể và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức, lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CĐR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Xác định được một số tri thức cơ bản về công tác tổ chức quản lý nhóm lớp của giáo viên mầm non	1.2	3

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1.2	Chọn lựa phẩm chất và năng lực của GVMN để tự rèn luyện nhân cách nghề cho bản thân.	1.5	3
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Đánh giá kiến thức đã học, liên hệ thực tế để nhận xét, giải thích thực tiễn công tác tổ chức quản lý nhóm lớp của giáo viên mầm non.	2.1.2	6
5.2.2	Tổ chức quản lý nhóm lớp	2.1.4 2.3	5
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Tích cực tham gia các hoạt động trong quá trình học tập; chủ động nêu các vấn đề thắc mắc liên qua đến nội dung học tập.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1 Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	CB của sinh viên	HĐĐG
<p>Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TRƯỜNG LỚP MẦM NON</p> <p>1.1. Trường Mầm non</p> <p>1.1. 1.Trường mầm non là gì ?</p> <p>1.1.2. Vị trí của trường mầm non.</p> <p>1.1.3. Nhiệm vụ và quyền của trường mầm non.</p> <p>1.1.4.Cơ cấu bộ máy trường mầm non.</p> <p>1.1.5. Các loại hình trường mầm non</p> <p>1.1.6 Trường mầm non khác trường phổ thông ở điểm nào ?</p> <p>1.1.7. Lợi ích của việc cho trẻ đến trường mầm non.</p> <p>1.1.8. Lớp học được tổ chức như thế nào ?</p> <p>1.1.9. Mục tiêu giáo dục mầm non</p> <p>1.1.10. Kết thúc lớp học trẻ phải đạt những yêu cầu nào ?</p> <p>1.2. Người giáo viên mầm non</p> <p>1.2.1. Đặc điểm lao động của người giáo viên mầm non</p> <p>1.2.2. Vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của giáo viên mầm non</p> <p>1.2.3. Yêu cầu đối với người giáo viên mầm non</p> <p>1.2.3.1. Yêu cầu chung</p> <p>1.2.3.2. Yêu cầu về phẩm chất</p> <p>1.2.3.4. Yêu cầu về năng lực sư phạm</p>	14/28	5.1 5.2.1 5.3.1	<p>- Giảng viên giảng lý thuyết, hỏi đáp kết hợp hoạt động nhóm.</p> <p>- Phân công nhóm seminar mục 1.2 .</p> <p>- Giảng viên đánh giá và tổng kết chương.</p>	<p>SV nghiên cứu trước nội dung ở giáo trình và trả lời các câu hỏi hướng dẫn.</p> <p>- Đọc GTC [1] và tài liệu tham khảo [3].</p> <p>- Đọc thêm ở các TLTK [2], [4], [5] ,ứng với các nội dung liên quan</p> <p>- Trả lời các câu hỏi liên quan của GV</p>	9.1 9.2
<p>Chương 2. QUẢN LÝ NHÓM LỚP MẦM NON</p> <p>2.1. Quản lý các loại kế hoạch, hồ sơ sổ sách của GVMN.</p>	16/32	5.1.1 5.2 5.3	<p>- Giảng viên giảng lý thuyết, hỏi đáp</p>	<p>-SV nghiên cứu trước nội dung ở giáo trình và trả lời</p>	9.1 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	CB của sinh viên	HĐĐG
2.2. Quản lý chất lượng các hoạt động trong ngày. 2.3. Quản lý hoạt động đánh giá trẻ trong nhóm lớp. 2.4. Quản lý hoạt động phối hợp với cha mẹ trẻ trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ mầm non. 2.5. Quản lý hoạt động huy động cộng đồng trong chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ mầm non * Bài tập thực hành			kết hợp hoạt động nhóm. - Phân công nhóm Seminar mục 3 và mục 8 - Phân công làm bài tập trang 158-159. - Giảng viên đánh giá và tổng kết chương. + Phương pháp thực hành: Tổ chức cho sinh viên làm bài tập thực hành SV đặt câu hỏi;GV giải đáp thắc mắc.	các câu hỏi hướng dẫn. - Đọc GTC [1] trang 116-159.. - Đọc thêm ở các TLTK [2], [3], [4], ứng với các nội dung liên quan - Trả lời các câu hỏi liên quan của GV chương. Sinh viên thực hành bài tập trong GTC [1] theo nhóm, phát thảo kịch bản, đóng vai thành tiểu phẩm.(BT 2,3,4,8 trang 158-159) -Chuẩn bị sẵn câu hỏi liên quan đến học phần; vở ghi chép.	
Ôn Tập; Kiểm tra; Kết thúc					

6.1 Thực hành, thí nghiệm, thực tế: Không có

7. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Bộ GD&ĐT, Cục nhà giáo và CBQL cơ sở giáo dục	Module MN 37 <i>Quản lý nhóm/ lớp học mầm non</i>	2014	NXB GDVN NXBĐHSP	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Bộ GD & ĐT, Vụ GDMN, TT nghiên cứu GV	Chăm sóc – giáo dục trẻ MG	2002	NXB Giáo dục	Trung tâm học		X

					liệu Lê Vũ Hùng		
3	Phạm Thị Châu	Giáo trình <i>Quản lý giáo dục mầm non</i>	2008	NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
4	Hồ Lam Hồng	Giáo trình <i>Nghề GVMN</i>	2008	NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng Nhà sách		X
5	PTS. Nguyễn Mỹ Lộc – Nguyễn Thị Tuất	Tổ chức quản lý nhóm – lớp trẻ trường mầm non	1996	NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, Chương 2	5.1; 5.2; 5.3	0.4
9.1.1	Bài tập cá nhân	Chương 1, Chương 2	5.1 5.2	
9.1.2	Bài tập nhóm	Chương 1, chương 2	5.1 5.2 5.3	
9.2	Thi kết thúc học phần	Chương 1, Chương 2 - Hình thức: Thi tự luận 90'	5.1 5.2	0.6

6.1.51. DẠY HỌC LỚP GHEP TRONG TRƯỜNG MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **KI4162 – DẠY HỌC LỚP GHEP TRONG TRƯỜNG MẦM NON**
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 02 - Số tiết tín chỉ: 30 (30 /00/60)
- Học phần học trước:
- Học kỳ Năm học

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Trần Nguyễn Thị Như Mai – Chức danh, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ
- Điện thoại: 0983482042 - Email: nguyennhumaidhdt@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Khoa – Chức danh, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ
- Điện thoại: 0914443524 - Email: nthkhoadthu@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

3. Tổng quan về học phần

- Học phần *Dạy học lớp ghép trong trường mầm non* là học phần nằm trong khối kiến thức bổ trợ, học phần này giúp sinh viên hiểu biết về cách tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non ở lớp mẫu giáo ghép một cách khoa học.

- Nội dung của học phần tiếp tục trang bị cho sinh viên các kiến thức về dạy học trong lớp mẫu giáo ghép; phân tích đặc điểm, nội dung, phương pháp, hình thức, thiết kế mục tiêu phù hợp với mọi lứa tuổi trong cùng một lớp học; cách tổ chức các hoạt động giáo dục, góp phần giúp cho việc triển khai tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non phù hợp với bối cảnh thực tế của địa phương

4. Mục tiêu học tập

4.1. Kiến thức:

Khái quát các kiến thức cơ bản về tâm – sinh lí, lý luận về tổ chức các hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ, kiến thức về chương trình giáo dục mầm non các mục tiêu, nội dung giáo dục trẻ ở các độ tuổi khác nhau trong lớp ghép.

4.2. Kỹ năng:

Tổ chức các hoạt động giáo dục trong lớp mẫu giáo ghép theo 5 lĩnh vực; hợp tác với bạn, cùng thực hiện các nhiệm vụ về thiết kế hoạch, tổ chức hoạt động trong lớp ghép.

4.3. Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm :

Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc, có khả năng bảo vệ quan điểm chuyên môn của cá nhân.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1. Kiến thức			
5.1.1	Khái quát kiến thức đặc điểm tâm sinh lý của trẻ mầm non; đặc điểm lớp ghép, nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục trong lớp ghép vào quá trình xây dựng kế hoạch chăm sóc giáo dục phù hợp với tất cả các độ tuổi có trong lớp ghép.	1.2	3
5.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.2.1	Xây dựng được kế hoạch giáo dục cho lớp ghép linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn.	2.1.2	6
5.2.2	Tổ chức được các hoạt động giáo dục trẻ ở lớp ghép phù hợp với điều kiện thực tiễn	2.1.4	5
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc. Coi lại	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1.Lý Thuyết:

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG</p> <p>1.1. Một số đặc điểm của lớp mẫu giáo ghép</p> <p>1.2. Nguyên tắc thực hiện chương trình giáo dục mầm non ở lớp mẫu giáo ghép</p>	3 03/06	5.1.1 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng - Phương pháp đàm thoại - Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu [1] [2] - Sinh viên trả lời các câu hỏi: <ol style="list-style-type: none"> 1. Bạn hiểu thế nào về lớp ghép trong trường mầm non? 2. Phác thảo và mô tả về lớp ghép. 3. Chỉ ra những đặc điểm riêng biệt về lớp ghép so với lớp có cùng một độ tuổi. 4. Nêu thuận lợi, khó khăn khi dạy học ở lớp ghép. 5. Phân tích các nguyên tắc thực hiện chương trình giáo dục mầm non ở lớp mẫu giáo ghép 	9.1.3
<p>CHƯƠNG 2. HƯỚNG DẪN LẬP KẾ HOẠCH GIÁO DỤC</p> <p>2.1. Thời gian biểu</p> <p>2.2. Lập kế hoạch giáo dục</p> <p>2.2.1. Lập kế hoạch giáo dục năm học</p> <p>2.2.2. Lập kế hoạch giáo dục chủ đề</p> <p>2.2.3. Lập kế hoạch giáo dục tuần</p> <p>2.2.4. Lập kế hoạch giáo dục ngày</p>	10 10/20	5.1.1 5.2.1 5.3	<ul style="list-style-type: none"> -Thuyết giảng -Phương pháp đàm thoại -Thảo luận nhóm - Thực hành 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu [1] [2] - Căn cứ vào tài liệu, nội dung học các môn phương pháp SV chuẩn bị, lập kế hoạch, gồm: 	9.1.2 9.1.3 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
				1. Kế hoạch giáo dục năm học 2. Kế hoạch giáo dục chủ đề 3. Kế hoạch giáo dục tuần 4. Kế hoạch giáo dục ngày/ hoạt động (đủ các loại hoạt động) - SV trình bày kế hoạch - GV nhận xét, rút kinh nghiệm	
CHƯƠNG 3: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC 3.1. Tổ chức hoạt động chơi 3.1.1. Hình thức tổ chức chơi 3.1.2. Cách tổ chức chơi 3.1.3. Hướng dẫn tổ chức các loại trò chơi trong lớp mẫu giáo ghép 3.2. Tổ chức hoạt động học 3.2.1. Đặc điểm tổ chức hoạt động học ở lớp mẫu giáo ghép 3.2.2. Chuẩn bị hoạt động học 3.2.3. Soạn giáo án 3.2.4. Thực hiện hoạt động học 3.2.5. Đánh giá hoạt động học 3.3. Chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ 3.3.1. Đặc điểm tiếng Việt của trẻ ở lớp mẫu giáo ghép 3.3.2. Nguyên tắc chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ ở lớp mẫu giáo ghép 3.3.3. Yêu cầu về chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ ở lớp mẫu giáo ghép 3.3.4. Phương pháp chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ ở lớp mẫu giáo ghép 3.3.5. Cách thức tổ chức các hoạt động tăng cường tiếng Việt ở lớp mẫu giáo ghép 3.4. Tổ chức hoạt động lao động 3.5. Tổ chức hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh	14 14/28	5.1.1 5.2.1 5.2.2 5.3	-Thuyết giảng -Phương pháp đàm thoại -Thảo luận nhóm - Thực hành	+ Đọc tài liệu [1] [2][3] + Căn cứ vào Kế hoạch tổ chức các hoạt động, SV chuẩn bị đầy đủ các phương tiện và tổ chức các hoạt động cho lớp ghép: <i>* Bài tập nhóm: chia nhóm soạn kế hoạch hoạt động trong lớp ghép</i> 1. Hoạt động chơi - Trò chơi vận động và trò chơi dân gian - Trò chơi học tập - Trò chơi đóng vai - Trò chơi lắp ghép, xây dựng <i>* Nhóm soạn –dạy một hoạt động học ở lớp ghép theo các lĩnh vực</i>	9.1.1 9.1.2 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
				<p>* Thảo luận</p> <p>+ SV chuẩn bị và trả lời câu hỏi sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Nêu đặc điểm tiếng Việt của trẻ ở lớp mẫu giáo. Chỉ ra yêu cầu ,phương pháp chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ ở lớp mẫu giáo ghép Trình bày cách thức tổ chức các hoạt động tăng cường tiếng Việt ở lớp mẫu giáo ghép. Ví dụ minh họa. 	
<p>CHƯƠNG 4: HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC</p> <p>4.1. Đặc điểm môi trường giáo dục ở lớp ghép</p> <p>4.2. Nguyên tắc xây dựng môi trường giáo dục ở lớp ghép</p> <p>4.3. Xây dựng môi trường giáo dục ở lớp ghép</p> <p>4.3.1. Môi trường trong lớp học</p> <p>4.3.2. Môi trường ngoài lớp học</p> <p>4.4. Đánh giá môi trường giáo dục ở lớp ghép.</p>	3 03/00	5.1.1 5.2.1	<p>Thuyết giảng</p> <p>-Phương pháp đàm thoại</p> <p>-Thảo luận nhóm</p>	<p>+ Đọc tài liệu [1] [2]</p> <p>+ SV chuẩn bị và trả lời câu hỏi sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Nêu đặc điểm môi trường giáo dục ở lớp ghép. Nguyên tắc xây dựng môi trường giáo dục ở lớp ghép là gì? Cách trang trí, sắp xếp, trưng bày đồ dùng, đồ chơi, nguyên liệu trong các góc như thế nào? 	9.1.2 9.1.3

- **6.2: Thực hành:** không có

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo

1	Phan Thị Lan Anh, Lý Thị Hằng, Lương Thị Bình, Nguyễn Thị Thanh Giang, Hồ Lam Hồng, Lê Bích Ngọc, Nguyễn Thị Quyên	Hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục mầm non trong các lớp mẫu giáo ghép	2014	NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Bộ GD & ĐT	Chương trình giáo dục mầm non	2020	NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	Nguyễn Thị Mai Chi, Nguyễn Thị Thanh Giang, Lý Thu Hiền, Hồ Lam Hồng, Hoàng Thị Thu Hương, Hồ Thị Minh, Đặng Thị Thu Quỳnh, Nguyễn Thị Quyên, Lê Bạch Tuyết,	Tài liệu bồi dưỡng Chăm sóc – Giáo dục trẻ ở lớp mẫu giáo ghép	Năm 2008	NXB Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

8. Quy định đối với học viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
 - Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần;
 - Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường;
 - Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.
- + Nhóm trưởng hoàn thành tốt nhiệm vụ quản nhóm được cộng 0,5 điểm.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số %
9.1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>	<i>Chương 1, 2,3,4</i>	<i>5.1;5.2;5.3</i>	<i>0.4</i>
9.1.1	Bài tập cá nhân	<i>Chương 3: thiết kế trò chơi trong lớp ghép</i>	5.2.1	
9.1.2	Bài tập nhóm	<i>Chương 2: Xây dựng kế hoạch giáo dục năm học, kế hoạch chủ đề, kế hoạch tuần</i> <i>Chương 3, chương 4: Tổ chức một giờ học cho lớp mẫu giáo ghép</i>	5.2.1 5.2.2 5.3	
9.2	<i>Thi kết thúc học phần: thi tự luận</i>	<i>Chương 1,2,3</i>	<i>5.1;5.2;5.3</i>	<i>0.6</i>

6.1.52. BIÊN ĐẠO MÚA

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI 4157 – BIÊN ĐẠO MÚA
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 30(10/40/60)
- Học phần điều kiện: *không*
- Học kỳ: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Bích Hằng Chức danh, học vị: Giảng viên – Thạc Sĩ
- Điện thoại: 0973.144.101 Email: Bichhang5552000@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Lê Thị Lan Chức danh, học vị: Giảng viên – Thạc Sĩ
- Điện thoại: 0834481070 Email: lelanthmn@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học – Mầm non

2.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Trinh Chức danh, học vị: Giảng viên – Thạc Sĩ
- Điện thoại: 0908.031.093 Email: ngoctrinh310@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học – Mầm non

3. Tổng quan về học phần

- Học phần *Biên đạo múa* là học phần nằm trong khối kiến thức bổ trợ. Học phần có vai trò quan trọng trong việc hình thành tri thức và kỹ năng Biên đạo múa cho sinh viên ngành giáo dục mầm non. Học phần nhằm trang bị cho SV những kiến thức và kỹ năng cơ bản chung về (1) khái niệm múa, phân loại múa, đặc trưng ngôn ngữ múa và kỹ năng thực hành múa; (2) phương pháp biên đạo múa dành cho sinh viên ngành giáo dục mầm non.

- Từ những kiến thức và kỹ năng cơ bản trên học phần còn trang bị cho sinh viên kỹ năng tổ chức quá trình dạy học một cách khoa học, có hiệu quả để có thể dạy tốt lĩnh vực phát triển thẩm mỹ cho trẻ mầm non sau khi tốt nghiệp và học tập ở trình độ cao hơn, góp phần đẩy mạnh công tác đào tạo – giáo dục thế hệ trẻ theo yêu cầu phát triển xã hội.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Khái quát kiến thức về nghệ thuật Múa và Phương pháp Biên đạo múa.

4.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức:

Vận dụng những kiến thức và kỹ năng vào việc thực hành Múa và Biên đạo các thể loại múa ở trường mầm non. Có kỹ năng quản lý cảm xúc, làm việc nhóm và giao tiếp.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm:

Có kỹ năng làm việc độc lập, lập luận theo kiến thức chuyên môn để bảo vệ và dám chịu trách nhiệm về kết quả mà mình thực hiện, thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1.1	Phân biệt được các thể loại múa trong trường mầm non và các kỹ năng múa cơ bản.	1.3	2
5.1.2	Trình bày được phương pháp Biên đạo múa.	1.3	3
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Vận dụng kiến thức vào rèn luyện kỹ năng Múa và Biên đạo múa cho các nhóm đối tượng ở trường mầm non.	2.1.1	5
5.2.2	Thực hành biên đạo các dạng múa ở trường mầm non một cách thành thạo và sáng tạo.	2.1.4	5
5.2.3	Có kỹ năng hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ chung.	2.2	3
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có kỹ năng làm việc độc lập, lập luận theo kiến thức chuyên môn để bảo vệ và dám chịu trách nhiệm về kết quả mà mình thực hiện, thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	PP dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NGHỆ THUẬT MÚA</p> <p>1.1. Khái niệm Múa. 1.2. Quan hệ giữa múa và âm nhạc. 1.3. Phân loại múa. 1.4. Đặc trưng của nghệ thuật múa. 1.5. Đặc trưng của ngôn ngữ múa. 1.6. Các kỹ năng múa cơ bản</p>	02/04	5.1.1 5.2.3 5.3.1	* PP: Thuyết giảng, đàm thoại, thảo luận nhóm.	<p>* <i>Nội dung:</i> (1.1, 1.2, 1.3; 1.4; 1.5; 1.6) sinh viên tự nghiên cứu tài liệu, liệt kê các nội dung liên quan và nêu câu hỏi thắc mắc (xem TLTK [1,3]).</p> <p>* <i>Nội dung (1.6):</i> sinh viên nghiên cứu đặc điểm các kỹ năng múa cơ bản và thực hành theo sự hướng dẫn của giáo viên (xem TLTK [1,3]).</p> <p>* <i>Yêu cầu SV</i> - Chuẩn bị vở ghi chép - Xem trước đề cương học phần, kế hoạch dạy học, tài liệu, ... - Chia nhóm (3-5 sinh viên);</p>	9.1

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	PP dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
				- Các nhóm đọc tài liệu, thảo luận và trình bày.	
<p>Chương 2. KHÁI QUÁT VỀ BIÊN ĐẠO MÚA</p> <p>2.1. Biên đạo múa là gì ?</p> <p>2.2. Mục đích yêu cầu của nghệ thuật biên đạo</p> <p>2.3. Nhiệm vụ của công tác biên đạo múa</p> <p>2.4. Nguyên tắc biên đạo múa</p> <p>2.5. Các bước biên đạo múa</p>	03/06	5.1.2 5.2.3 5.3.1	* PP: Thuyết giảng, đàm thoại, thảo luận nhóm.	<p>* <i>Nội dung:</i> (2.1; 2.2; 2.3; 2.4; 2.5) sinh viên tự nghiên cứu tài liệu, liệt kê các nội dung liên quan và nêu câu hỏi thắc mắc (xem TLTK [1,2]).</p> <p>* <i>Yêu cầu SV</i></p> <p>- Chuẩn bị vở ghi chép</p> <p>- Xem trước đề cương học phần, kế hoạch dạy học, tài liệu,...</p> <p>- Chia nhóm (3-5 sinh viên);</p> <p>- Các nhóm đọc tài liệu, thảo luận và trình bày.</p>	9.1
<p>Chương 3: PHƯƠNG PHÁP BIÊN ĐẠO MÚA CHO TRẺ MẦM NON</p> <p>3.1. Vai trò của nghệ thuật múa trong công tác giáo dục trẻ.</p> <p>3.2. Đặc điểm phát triển vận động của trẻ theo từng độ tuổi.</p> <p>3.3. Các thể loại múa trong trường mầm non.</p> <p>3.4. Phương pháp biên đạo múa cho trẻ mầm non</p> <p>3.5. Phương tiện dạy trẻ vận động theo nhạc</p>	05/10	5.1.1 5.1.2 5.2.3 5.3.1	* PP: Thuyết giảng, đàm thoại, thảo luận nhóm.	<p>* <i>Nội dung:</i> (3.1; 3.2; 3.3; 3.4; 3.5) sinh viên tự nghiên cứu tài liệu, liệt kê các nội dung liên quan và nêu câu hỏi thắc mắc (xem TLTK [2,3]).</p> <p>* <i>Yêu cầu SV</i></p> <p>- Chuẩn bị vở ghi chép</p> <p>- Xem trước đề cương học phần, kế hoạch dạy học, tài liệu,...</p> <p>- Chia nhóm (3-5 sinh viên);</p> <p>- Các nhóm đọc tài liệu, thảo luận và trình bày.</p>	9.2

6.2. Thực hành

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	PP dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
Chương 2. KHÁI QUÁT VỀ BIÊN ĐẠO MÚA 2.5. Các bước biên đạo múa	20/20	5.1.1 5.2.1 5.2.2 5.2.3 5.3.1	* PP: Thực hành, luyện tập * Tổ chức lớp học: Hoạt động nhóm. * Hướng dẫn thực hành: Trong quá trình SV thực hành GV hướng dẫn, tư vấn, giải đáp, động viên và hỗ trợ sinh viên.	* Nội dung: (2.5) Nhóm sinh viên (15 – 20 SV) thực hiện những nội dung sau: - B1: Lựa chọn thể loại múa; - B2: Lựa chọn âm nhạc; - B3: Xây dựng ý tưởng biên đạo; - B4: Lập kế hoạch tập luyện. - TLTK [1,2].	9.1
Chương 3: PHƯƠNG PHÁP BIÊN ĐẠO MÚA CHO TRẺ MẦM NON 3.4. Phương pháp biên đạo múa cho trẻ mầm non	20/20	5.1.1 5.2.1 5.2.2 5.2.3 5.3.1	* PP: Thực hành, luyện tập * Tổ chức lớp học: Hoạt động nhóm. * Hướng dẫn thực hành: Trong quá trình SV thực hành GV hướng dẫn, tư vấn, giải đáp, động viên và hỗ trợ sinh viên.	* Nội dung: (3.4) Nhóm sinh viên (15 – 20 SV) thực hiện những nội dung sau: - B1: Lựa chọn thể loại múa; - B2: Lựa chọn âm nhạc; - B3: Xây dựng ý tưởng biên đạo; - B4: Lập kế hoạch tập luyện. - TLTK [2,3].	9.2

7. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Trần Minh Trí	<i>Múa</i>	2005	NXB Đại học Sư phạm	TT học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Lê Trọng Quang.	<i>Giáo trình Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ.</i>	2004.	Hà Nội	TT học liệu Lê Vũ Hùng		x

3	Trần Minh Trí	<i>Múa và phương pháp dạy trẻ vận động theo nhạc.</i>	1997	NXB GDVN	TT học liệu Lê Vũ Hùng	x
---	---------------	---	------	----------	------------------------	---

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1,2	5.1; 5.2; 5.3	0.4
9.2	Đánh giá kết thúc học phần	Chương 1,2	5.1; 5.2; 5.3	0.6

6.1.53. GIÁO DỤC HÒA NHẬP CHO TRẺ MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4235 – GIÁO DỤC HÒA NHẬP CHO TRẺ MẦM NON
- Mã lớp học phần: KI4235
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): (26/08/60)
- Học phần điều kiện (nếu có): Tâm lí học học
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Lê Thị Thanh Sang Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Điện thoại: 0908732782 Email: sang.lethithanh@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học Mầm non

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Nguyễn Chí Gót Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Điện thoại: 0918054950 Email: ncgot@dthu.edu.vn
- Đơn vị công tác: Phòng Thanh Tra – Pháp Chế

2.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: Trần Văn Phúc Chức danh, học hàm, học vị: GVC- Thạc sĩ
- Điện thoại: 0908138237 Email: tvphuc@dthu.edu.vn
- Đơn vị công tác: Phòng tổ chức cán bộ

3. Tổng quan về học phần

Môn học **Giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non thuộc kiến thức bổ trợ trong chương trình GDMN**, trang bị những kiến thức cơ bản về giáo dục hòa nhập cho trẻ các loại tật: khiếm thính, khiếm thị, khuyết tật trí tuệ, ngôn ngữ, vận động và tự kỉ. Môn học này còn giúp cho người học đi sâu vào cách phát hiện sớm và can thiệp sớm cho từng loại tật đối với trẻ khuyết tật lứa tuổi Mầm non. Cách tư vấn cho phụ huynh trẻ khuyết tật, Phương pháp tổ chức giáo dục hòa nhập. Nắm được vai trò của người giáo viên Mầm non trong công tác can thiệp cho trẻ khuyết tật.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Giải thích được các phương thức giáo dục: chuyên biệt, bán hòa nhập, hòa nhập. Nhận diện được đặc điểm tâm – sinh lí, nhu cầu đặc biệt và khả năng của trẻ mầm non trong quá trình chăm sóc – giáo dục. Hiểu được những đặc điểm một số nhóm trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non.

4.2. Kỹ năng/ phẩm chất:

Thiết kế được môi trường, giáo cụ phục vụ mục tiêu giáo dục mầm non. Tổ chức được các hoạt động chăm sóc trẻ mầm non. Có kĩ năng tổ chức và hợp tác trong hoạt động dạy học và hỗ trợ TKT trong trường mầm non. Đánh giá được trẻ qua quá trình giáo dục và hiệu quả các hoạt động giáo dục. Hình thành lối sống lành mạnh, văn minh, yêu trẻ, yêu nghề.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để bảo vệ kết luận chuyên môn; có khả năng dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ, sáng kiến và chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi

5. Chuẩn đầu ra học phần: thêm mới phần này.

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1. Kiến thức			
5.1.1	Giải thích được bối cảnh giáo dục trong phát triển chương trình giáo dục trẻ khuyết tật tuổi mầm non; Nhận diện được đặc điểm tâm – sinh lí, nhu cầu đặc biệt và khả năng của trẻ khuyết tật mầm non trong quá trình chăm sóc – giáo dục.	2.1.1	4
5.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Phân tích được các mô hình giáo dục cho trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non; Tổ chức hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ khuyết tật và điều kiện thực tiễn.	2.1.4	5
5.2.2	Yêu nghề, yêu trẻ, tận tụy, công bằng và tôn trọng trẻ	2.3	3
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để bảo vệ kết luận chuyên môn	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1 Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá (thêm mới cột này)
Thảo luận đề cương, hướng dẫn khai thác tài liệu, hướng dẫn cách học, phân nhóm, thống nhất cách đánh giá học phần	01	5.1.1	Đàm thoại Giảng giải	Đề cương Bài giảng Giáo trình Kế hoạch học tập	Sinh viên hiểu nhiệm vụ, thống nhất nội dung đánh giá
Chương 1: Những vấn đề cơ bản về trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non 1.1. Khái niệm trẻ khuyết tật 1.2. Phân loại TKT 1.3. Nguyên nhân gây KT 1.3.1. Nguyên nhân trước sinh 1.3.2. Nguyên nhân trong khi sinh 1.3.3. Nguyên nhân sau khi sinh 1.4. Đặc điểm một số nhóm trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non 1.4.1. Trẻ khiếm thính 1.4.2. Trẻ khiếm thị 1.4.3. Trẻ khuyết tật trí tuệ 1.4.4. Trẻ khuyết tật ngôn ngữ	09	5.1; 5.2; 5.3.	- Thuyết trình - Đàm thoại - Thảo luận nhóm - Tự nghiên cứu - Thực hành	- SV đọc và nghiên cứu, nắm nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc. - Bài viết tóm tắt trả lời trước các câu hỏi (câu 1 đến câu 5) tài liệu trang 34 tài liệu [1] - Sau khi học xong chương 1, SV nắm chắc những	9.1; 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá (thêm mới cột này)
1.4.5. Trẻ khuyết tật vận động 1.4.6. Trẻ tự kỉ				vấn đề chung về trẻ khuyết tật; Phân loại trẻ khuyết tật; Nguyên nhân gây khuyết tật; Đặc điểm một số nhóm trẻ khuyết tật Mầm non.	
Chương 2: Giáo dục hòa nhập bậc học mầm non 2.1. Các mô hình giáo dục TKT lứa tuổi mầm non 2.1.1. GD chuyên biệt 2.1.2. GD bán hòa nhập 2.1.3. GD hòa nhập 2.2. Tổ chức giáo dục hòa nhập ở bậc mầm non. 2.2.1. Đặc điểm trường mầm non hòa nhập 2.2.2. Các định nhu cầu và khả năng của TKT 2.2.3. Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân 2.2.4. Tổ chức môi trường học tập 2.2.5. Điều chỉnh chương trình GD phù hợp với nhu cầu và khả năng của TKT 2.2.6. Phối hợp các lực lượng trong GDHN TKT	10	5.1; 5.2; 5.3.	- Thuyết trình	- SV đọc và nghiên cứu, nắm nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc. - Bài viết tóm tắt trả lời trước các câu hỏi (câu 1 đến câu 6) trang 73 tài liệu [1] - Sau khi học xong chương 2, sinh viên nắm rõ các mô hình giáo dục trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non. Biết phối hợp các lực lượng trong giáo dục hòa nhập TKT.	9.1; 9.2
Chương 3: Hỗ trợ trẻ khuyết tật trong trường mầm non hòa nhập 3.1. Hỗ trợ trẻ khiếm thính 3.1.1. Giúp trẻ đọc hình miệng 3.1.2. Trực quan hóa các nội dung học tập 3.1.3. Điều chỉnh giao tiếp khi hướng dẫn và hỗ trợ trẻ 3.1.4. Phát triển ngôn ngữ và giao tiếp cho trẻ khiếm thính thông qua hoạt động chơi, học tập, sinh hoạt hàng ngày	08	5.1; 5.2; 5.3.	- Đàm thoại	- SV đọc và nghiên cứu, nắm nội dung bài học. - Bài viết tóm tắt trả lời trước các câu hỏi (câu 1 đến câu 6) tài liệu [1], trang 111 - Sau khi học xong chương	9.1; 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá (thêm mới cột này)
<p>3.1.5. Sử dụng một số phương tiện trợ thính cho trẻ khiếm thính</p> <p>3.2. Hỗ trợ trẻ khiếm thị</p> <p>3.2.1. Tận dụng tối đa các giác quan còn lại của trẻ khiếm thị trong các hoạt động</p> <p>3.2.2. Phát triển kỹ năng định hướng – di chuyển và tự phục vụ</p> <p>3.2.3. Phát triển kỹ năng xúc giác và tiền đọc chữ nổi cho trẻ khiếm thị</p> <p>3.2.4. Sử dụng các công cụ hỗ trợ cho trẻ khiếm thị</p> <p>3.3. Hỗ trợ trẻ khuyết tật trí tuệ</p> <p>3.3.1. Thu hút và duy trì sự chú ý của trẻ vào hoạt động</p> <p>3.3.2. Hỗ trợ khả năng ghi nhớ và khái quát hóa thông tin</p> <p>3.3.3. Hướng dẫn trẻ thực hiện nhiệm vụ</p> <p>3.3.4. giáo dục hành vi cho trẻ khuyết tật trí tuệ</p> <p>3.3.5. Sử dụng một số phương tiện hỗ trợ cho trẻ khuyết tật trí tuệ</p> <p>3.4. Hỗ trợ trẻ khuyết tật ngôn ngữ</p> <p>3.4.1. Hiểu nhu cầu của trẻ và cố gắng lắng nghe trẻ</p> <p>3.4.2. Tổ chức cho trẻ chơi các trò chơi hỗ trợ</p> <p>3.4.3. Hỗ trợ và khuyến khích ngôn ngữ tiếp nhận</p> <p>3.4.4. Hỗ trợ và khuyến khích ngôn ngữ biểu đạt</p> <p>3.4.5. Sử dụng các phương tiện thiết bị hỗ trợ</p> <p>3.5. Hỗ trợ trẻ khuyết tật vận động</p> <p>3.5.1. Sắp xếp môi trường học tập phù hợp</p> <p>3.5.2. Tổ chức hoạt động học tập phù hợp với khả năng tham gia của trẻ</p> <p>3.5.3. Sử dụng các thiết bị, phương tiện hỗ trợ</p> <p>3.6. Hỗ trợ trẻ tự kỉ</p> <p>3.6.1. Thu hút sự tập trung chú ý, thiết lập mối quan hệ gần gũi, thân mật giữa giáo viên và các trẻ khác với trẻ tự kỉ</p> <p>3.6.2. Hướng dẫn, giải thích nội dung học tập trực quan, có cấu trúc</p>				3, sinh viên biết Hỗ trợ trẻ khuyết tật trong trường mầm non hòa nhập. Tổ chức hoạt động học tập phù hợp với khả năng tham gia của trẻ	

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá (thêm mới cột này)
3.6.3. Khuyến khích trẻ sử dụng ngôn ngữ và giao tiếp bằng nhiều cách khác nhau 3.6.4. Tổ chức các hoạt động chuyển tiếp 3.6.5. Sử dụng một số phương tiện hỗ trợ					
Ôn tập – kiểm tra	02	5.1.1 5.2.1; 5.3.1	-Tự nghiên cứu - Thực hành	- Sau ôn tập, kiểm tra SV tự đánh giá mức độ kết quả học tập học phần. - Khái quát lại toàn bộ nội dung môn học. - Nắm vững nội dung và hình thức thi kết thúc môn học	9.1; 9.2

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Lã Thị Bắc Lý – Bùi Thị Lâm – Hoàng Thị Nho,	<i>Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non</i>	2016	NXB Đại học sư phạm,	TT- HL Lê Vũ Hùng	x	
2	Bùi Thị Lâm	<i>Can thiệp sớm cho trẻ khiếm thính</i>	2016	NXB Đại học sư phạm	TT- HL Lê Vũ Hùng		x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1,2,3	5,1; 5.2;5.3	0,4
9.1.1	Chuyên cần	- Dự lớp, tham gia chủ động làm việc nhóm, trách nhiệm cao	5,1; 5.2;5.3	
9.1.2	Bài tập nhóm	- Từ chương 2 đến chương 3	5,1; 5.2;5.3	
9.1.3	Kiểm tra giữa kỳ	Kiểm tra viết (tự luận) 45 phút	5,1; 5.2;5.3	
9.2	Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận	Chương 1,2,3	5.1.1 5.2.1; 5.3.1	0,6

6.1.54. CAN THIỆP SỚM CHO TRẺ MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4161- CAN THIỆP SỚM CHO TRẺ MẦM NON
- Mã lớp học phần: KI4161
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): (24/06/60)
- Học phần điều kiện (nếu có): Tâm lí học mầm non
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Lê Thị Thanh Sang Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Điện thoại: 0908732782 Email: sang.lethithanh@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học Mầm non

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Nguyễn Chí Gót Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Điện thoại: 0918054950 Email: ncgot@dtu.edu.vn
- Đơn vị công tác: Phòng Thanh Tra – Pháp Chế

2.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: Trần Văn Phúc Chức danh, học hàm, học vị: GVC- Thạc sĩ
- Điện thoại: 0908138237 Email: tvphuc@dtu.edu.vn
- Đơn vị công tác: Phòng tổ chức cán bộ

3. Tổng quan về học phần

Môn học Can thiệp sớm cho trẻ mầm non thuộc kiến thức bổ trợ trong chương trình GDMN trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản về can thiệp sớm. Môn học này còn giúp cho người học đi sâu vào cách phát hiện sớm và can thiệp sớm cho từng loại tật đối với trẻ khuyết tật lứa tuổi Mầm non. Cách tư vấn cho phụ huynh trẻ khuyết tật, phương pháp tổ chức giáo dục hòa nhập. Nắm được vai trò của người giáo viên Mầm non trong công tác can thiệp cho trẻ khuyết tật.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Giải thích kiến thức Can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật mầm non Cung cấp cho SS những nguyên tắc ý nghĩa của CTS, những vấn đề lí luận về hệ thống gia đình. Biết cách hướng dẫn điều chỉnh môi trường, đồ dung dạy học và thiết bị phù hợp tật mầm non

4.2. Kỹ năng/ phẩm chất:

Thiết kế được môi trường, giáo cụ phục vụ mục tiêu giáo dục mầm non. Phát hiện và can thiệp sớm trẻ khuyết tật mầm non. Tổ chức được các hoạt động chăm sóc trẻ mầm non. Có kỹ năng tổ chức và hợp tác trong hoạt động dạy học và hỗ trợ TKT trong trường mầm non. Đánh giá được trẻ qua quá trình giáo dục và hiệu quả các hoạt động giáo dục. Hình thành lối sống lành mạnh, văn minh, yêu trẻ, yêu nghề.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để bảo vệ kết luận chuyên môn; có khả năng dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ, sáng kiến và chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi

5. Chuẩn đầu ra học phần: thêm mới phần này.

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1. Kiến thức			
5.1.1	Giải thích được bối cảnh giáo dục trong phát triển chương trình giáo dục trẻ khuyết tật tuổi mầm non; Nhận diện được đặc điểm tâm – sinh lí, nhu cầu đặc biệt và khả năng của trẻ khuyết tật mầm non trong quá trình chăm sóc – giáo dục.	2.1.1	4
5.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Phân tích được các mô hình giáo dục cho trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non; Tổ chức hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ khuyết tật và điều kiện thực tiễn.	2.1.4	5
5.2.2	Yêu nghề, yêu trẻ, tận tụy, công bằng và tôn trọng trẻ	2.3	3
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để bảo vệ kết luận chuyên môn;	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1 Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá (thêm mới cột này)
Thảo luận đề cương, hướng dẫn khai thác tài liệu, hướng dẫn cách học, phân nhóm, thống nhất cách đánh giá học phần	01/02	5.3.1	Đàm thoại Giảng giải	Đề cương Bài giảng Giáo trình Kế hoạch học tập	Sinh viên hiểu nhiệm vụ, thống nhất nội dung đánh giá
Chương 1: Những vấn đề chung về can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật 1.1. Khái niệm, nguyên tắc, hiệu quả và ý nghĩa của can thiệp sớm trẻ khuyết tật 1.2. Sự hình thành và phát triển của công tác CTS cho trẻ khuyết tật trên thế giới và ở VN 1.3. Tổ chức CTS cho trẻ khuyết tật	06/12	5.1; 5.2; 5.3	- Thuyết trình - Đàm thoại - Thảo luận nhóm - Tự nghiên cứu - Thực hành	- SV đọc và nghiên cứu tài liệu 1 từ trang 5 đến trang 46 - SV nắm nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc. - Bài viết tóm tắt trả lời trước các câu hỏi (câu 1 đến câu 8) tài liệu trang 46 tài liệu [1] - Sau khi học xong chương 1, SV nắm chắc những vấn đề chung	9.1; 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá (thêm mới cột này)
				về can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật. Tổ chức can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật	
Chương 2: Đánh giá, xây dựng kế hoạch can thiệp và giáo dục cá nhân 2.1. Những vấn đề chung về đánh giá 2.2. Quy trình đánh giá trẻ khuyết tật 2.3. Xây dựng kế hoạch can thiệp và giáo dục cá nhân	03/06	5.1; 5.2; 5.3	- Thuyết trình	SV đọc và nghiên cứu tài liệu 1 từ trang 47 đến trang 88 - Bài viết tóm tắt trả lời trước các câu hỏi (câu 1 đến câu 9) trang 88 tài liệu [1] - Sau khi học xong chương 2, sinh viên nắm rõ Những vấn đề chung về đánh giá; Quy trình đánh giá trẻ khuyết tật; Xây dựng kế hoạch can thiệp và giáo dục cá nhân	9.1; 9.2
Chương 3: Can thiệp sớm và hỗ trợ gia đình trẻ khuyết tật 3.1. Lí thuyết về hệ thống gia đình 3.2. Can thiệp và hỗ trợ gia đình 3.3. Vai trò của cha mẹ và chuyên gia CTS	05/10	5.1; 5.2; 5.3	- Đàm thoại	- SV đọc và nghiên cứu tài liệu 1 từ trang 89 đến trang 124 - Bài viết tóm tắt trả lời trước các câu hỏi (câu 1 đến câu 1) tài liệu [1], trang 111 - Sau khi học xong chương 3, sinh viên biết Can thiệp và hỗ trợ gia đình TKT	9.1; 9.2
Chương 4: Can thiệp sớm và hỗ trợ trẻ khuyết tật ở trường mầm non 4.1. Môi trường học tập cho trẻ khuyết tật ở trường mầm non	05/10	5.1; 5.2; 5.3	- Thuyết trình - Đàm thoại - Thảo luận nhóm	- SV đọc và nghiên cứu tài liệu 1 từ trang 125 đến trang 169	9.1; 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá (thêm mới cột này)
4.2. Các phương thức hỗ trợ trẻ khuyết tật trong trường mầm non 4.3. Hoạt động chuyên tiếp trẻ khuyết tật			- Tự nghiên cứu - Thực hành.	- Bài viết tóm tắt trả lời trước các câu hỏi (câu 1 đến câu 10) tài liệu [1], trang 169,170 - Sau khi học xong chương 4, sinh viên biết Các phương thức hỗ trợ trẻ khuyết tật trong trường mầm non	
Chương 5: Hoạt động hỗ trợ và can thiệp sớm đối với các nhóm trẻ khuyết tật 5.1. Trẻ khiếm thị 5.2. Trẻ khiếm thính 5.3. Trẻ khuyết tật trí tuệ 5.4. Trẻ khuyết tật ngôn ngữ 5.5. Trẻ khuyết tật vận động 5.6. Trẻ có rối loạn hành vi và cảm xúc	08/16	5.1; 5.2; 5.3	- Thuyết trình - Đàm thoại - Thảo luận nhóm - Tự nghiên cứu - Thực hành	- SV đọc và nghiên cứu tài liệu 1 từ trang 171 đến trang 198 - Bài viết tóm tắt trả lời trước các câu hỏi (câu 1 đến câu 12) tài liệu [1], trang 197,198 - Sau khi học xong chương 3, sinh viên biết Các phương thức hỗ trợ trẻ khuyết tật trong trường mầm non	9.1; 9.2
Ôn tập – kiểm tra	02	5.1; 5.2; 5.3	- Tự nghiên cứu - Thực hành	- Sau ôn tập, kiểm tra SV tự đánh giá mức độ kết quả học tập học phần. - Khái quát lại toàn bộ nội dung môn học. - Nắm vững nội dung và hình thức thi kết thúc môn học - Bài kiểm tra đạt yêu cầu từ 5 điểm trở lên	9.1; 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá (thêm mới cột này)

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Trần Thị Thiệp, Hoàng Thị Nho, Trần Thị Minh Thành	<i>Cần thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật</i>	2016	NXB Giáo dục	TT- HL Lê Vũ Hùng	x	
2	Lã Thị Bắc Lý – Bùi Thị Lâm – Hoàng Thị Nho,	<i>Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non</i>	2016	NXB Đại học sư phạm,	TT- HL Lê Vũ Hùng		x
3	Bùi Thị Lâm	<i>Cần thiệp sớm cho trẻ khiếm thính</i>	2016	NXB Đại học sư phạm	TT- HL Lê Vũ Hùng		x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1,2,3,4,5	5.1; 5.2;5.3	0,4
9.1.1	Chuyên cần	- Dự lớp, tham gia chủ động làm việc nhóm, trách nhiệm cao	5.1; 5.2;5.3	
9.1.2	Bài tập nhóm	- Từ chương 3 đến chương 5	5.1; 5.2;5.3	
9.1.3	Kiểm tra giữa kỳ	Chương 1,2,3,4,5	5.1; 5.2;5.3	
9.2	Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận	Chương 1,2,3,4,5	5.1.1 5.2.1; 5.3.1	0,6

6.1.55. CHUẨN BỊ CHO TRẺ VÀO LỚP 1

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4101- CHUẨN BỊ CHO TRẺ VÀO LỚP MỘT
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 30 (15/15/45)
- Học phần điều kiện: Tâm lí học mầm non, Giáo dục học mầm non, Phương pháp tổ chức cho trẻ vui chơi, Phương pháp tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho trẻ mầm non.
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Nguyệt
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non
- Điện thoại: 0919.520.999
- Email: nguyet76dhdt@gmail.com

3. Tổng quan về học phần

Học phần **Chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một** là học phần thuộc nhóm kiến thức bổ trợ đóng vai trò rất cần thiết trong việc trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về tầm quan trọng của việc chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một, những khó khăn tâm lí của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi, nhiệm vụ, nội dung, hình thức tổ chức và các biện pháp thực hiện việc chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một. Đồng thời, rèn luyện sinh viên có được kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức hoạt động giáo dục chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một phù hợp với trẻ trong bối cảnh địa phương.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Khái quát hóa những vấn đề về lý luận và phương pháp chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một để phát triển toàn diện cho trẻ mầm non.

4.2. Kỹ năng

Tổ chức các hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ 5-6 tuổi phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ trong điều kiện thực tiễn.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có tư duy độc lập và chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Hiểu được tầm quan trọng của việc chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một	1.5	2
5.1.2	Phân tích được nhiệm vụ, nội dung, hình thức, biện pháp tổ chức hoạt động giáo dục chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một		3
5.2. Kỹ năng			
5.2.1	Phân tích được bối cảnh giáo dục trong phát triển chương trình giáo dục mầm non; nhận diện được đặc điểm tâm sinh lí, nhu cầu đặc biệt và khả năng của trẻ mầm non trong quá trình chăm sóc- giáo dục chuẩn bị cho trẻ vào lớp một.	2.1.1	4

5.2.2	Tổ chức các hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ 5-6 tuổi phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ trong điều kiện thực tiễn.	2.1.4	5
5.2.3	Yêu nghề, yêu trẻ, tận tụy, công bằng và tôn trọng trẻ.	2.3	5
5.3. Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập, chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1 Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>CHƯƠNG 1: CHUẨN BỊ CHO TRẺ ĐẾN TRƯỜNG PHỔ THÔNG – MỘT VẤN ĐỀ KHOA HỌC</p> <p>1.1. Những quan điểm chưa đúng về việc chuẩn bị cho trẻ đến trường phổ thông</p> <p>1.2. Tại sao cần chuẩn bị cho trẻ đến trường phổ thông</p> <p>1.3. Tâm quan trọng của việc chuẩn bị cho trẻ đến trường phổ thông</p> <p>1.4. Thực chất của việc chuẩn bị cho trẻ đến trường phổ thông</p>	04/08	4.1	<ul style="list-style-type: none"> - PP thảo luận nhóm mục 1.1 và 1.2 - PP đàm thoại - PP thuyết trình 	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Chuẩn bị tài liệu: [1] Chuẩn bị trình bày báo cáo của nhóm theo phân công	9.1 9.1.1 9.1.2 9.1.3
<p>CHƯƠNG 2. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ CỦA TRẺ MẪU GIÁO 5-6 TUỔI BƯỚC NGOẶT 6 TUỔI VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN TÂM LÝ KHI TRẺ VÀO LỚP 1</p> <p>2.1. Một số đặc điểm tâm lý của trẻ mẫu giáo 5 -6 tuổi</p> <p>2.2. Chuẩn phát triển của trẻ 5 tuổi</p> <p>2.3. Bước ngoặt 6 tuổi</p> <p>2.4. Một số khó khăn tâm lý của trẻ 6 tuổi khi vào lớp 1</p> <p>2.5. Một số thay đổi cơ bản trong sự phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo 5 -6 tuổi chuyển sang học tiểu học</p>	04/08	4.1	<ul style="list-style-type: none"> - PP thảo luận nhóm mục 2.1 và 2.4 - PP đàm thoại: mục 2.3 - PP thuyết trình 	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Chuẩn bị tài liệu: [1] Chuẩn bị trình bày báo cáo của nhóm theo phân công	9.1 9.1.1 9.1.2 9.1.3

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
CHƯƠNG 3: HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP Ở TRẺ LỚP 1 VÀ NHỮNG YÊU CẦU ĐẶC TRƯNG CỦA TRƯỜNG TIỂU HỌC 3.1. Khái niệm về hoạt động học tập 3.2. Đặc trưng về hoạt động học tập của học sinh tiểu học và học sinh lớp 1 3.3. Một số yêu cầu đặc trưng của trường tiểu học so với trường mầm non	02/04	4.1	- PP thảo luận nhóm mục 3.2 - PP thuyết trình	❖ Chuẩn bị tài liệu: [1] Chuẩn bị trình bày báo cáo của nhóm theo phân công	9.1 9.1.1 9.1.2 9.1.3
CHƯƠNG 4: NHIỆM VỤ VÀ NỘI DUNG CỦA VIỆC CHUẨN BỊ CHO TRẺ ĐẾN TRƯỜNG PHỔ THÔNG 4.1. Nhiệm vụ của việc chuẩn bị cho trẻ đến trường phổ thông 4.2. Nội dung của việc chuẩn bị cho trẻ đến trường phổ thông	05/10	4.1	- PP thảo luận nhóm mục 4.1 và 4.2 - PP đàm thoại - PP thuyết trình	❖ Chuẩn bị tài liệu: [1] Chuẩn bị trình bày báo cáo của nhóm theo phân công	9.1 9.1.1 9.1.2 9.1.3
CHƯƠNG 5: HÌNH THỨC TỔ CHỨC & CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN VIỆC CB CHO TRẺ ĐẾN TRƯỜNG PHỔ PT 5.1. Hình thức tổ chức thực hiện việc chuẩn bị cho trẻ đến trường phổ thông 5.2. Các biện pháp thực hiện việc chuẩn bị cho trẻ đến trường phổ thông 5.3. Đánh giá công tác chuẩn bị cho trẻ đến trường phổ thông	15/30	4.1;4.2;4.3	- PP thảo luận nhóm mục 5.1 và 5.2 - PP đàm thoại - PP thuyết trình - PP thực hành Mỗi nhóm thực hành tập dạy 2 loại trò chơi – LQVToán - LQCC.	❖ Chuẩn bị tài liệu: [1] Chuẩn bị trình bày báo cáo của nhóm theo phân công Thực hành tập dạy: + Chia lớp thành 4 nhóm. Mỗi nhóm khoảng 10 – 12 SV. + Mỗi nhóm dạy 3 tiết: TCLQVT & TCLQCC	9.1 9.1.1 9.1.2 9.1.3

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác	Mục đích sử dụng	
						TL chính	Tham khảo
1	Huỳnh Văn Sơn	Chuẩn bị cho trẻ đến trường phổ thông	2012	NXBGDVN	TT-HL Lê Vũ Hùng	x	
2	Trần Lan Hương	Hướng dẫn các hoạt động phát triển ngôn ngữ và giao tiếp cho trẻ mầm non (Theo bộ	2012	NXBGDVN	TT-HL Lê Vũ Hùng		x

		chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi)				
3	Trần Lan Hương	Hướng dẫn các hoạt động phát triển nhận thức cho trẻ mầm non (Theo bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi)	2012	NXBGDVN	TT-HL Lê Vũ Hùng	x
4	Trần Lan Hương	Hướng dẫn các hoạt động phát tình cảm và quan hệ xã hội cho trẻ mầm non (Theo bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi)	2012	NXBGDVN	TT-HL Lê Vũ Hùng	x
5	Trần Lan Hương	Hướng dẫn các hoạt động phát triển thể chất cho trẻ mầm non (Theo bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi)	2012	NXBGDVN	TT-HL Lê Vũ Hùng	x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, 2, 3,4,5	5.1; 5.2; 5.3	0.4
9.1.1	Bài tập	Chương 1, 2, 3,4,5	5.1; 5.2; 5.3	
9.1.2	Bài kiểm tra	Chương 2, 3,4,5	5.1; 5.2; 5.3	
9.1.3	Thực hành tập dạy	Chương 5	5.1; 5.2; 5.3	
9.2	Đánh giá kết thúc học phần (Tự luận)	Chương 1,2,3,4,5	5.1; 5.2;	0.6

6.1.56. GIÁO DỤC GIỚI TÍNH CHO TRẺ MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4292 – GIÁO DỤC GIỚI TÍNH CHO TRẺ MẦM NON
- Mã lớp học phần: :
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 30 (30/00/60)
- Học phần điều kiện: Tâm lí học mầm non, Giáo dục học mầm non.
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Nguyệt
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non
- Điện thoại: 0919.520.999
- Email: nguyet76dhdt@gmail.com

3. Tổng quan về học phần

Học phần “**Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non**” là học phần thuộc nhóm hỗ trợ đóng vai trò rất cần thiết trong việc trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cần thiết trong việc chăm sóc – giáo dục trẻ. Từ những kiến thức, kỹ năng tích lũy được từ học phần này, sinh viên sẽ có thể vận dụng tốt hơn trong thực tiễn giáo dục mầm non.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Khái quát hóa những vấn đề lý luận và phương pháp giáo dục giới tính cho trẻ mầm non

4.2. Kỹ năng

Tổ chức các hoạt động giáo dục giới tính phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ mầm non trong điều kiện thực tiễn.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có tư duy độc lập và chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Hiểu được tầm quan trọng của việc giáo dục giới tính cho trẻ mầm non	1.5	2
5.1.2	Phân tích được nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện giáo dục giới tính cho trẻ mầm non		3
5.2. Kỹ năng			
5.2.1	Tổ chức các hoạt động giáo dục giới tính phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ mầm non trong điều kiện thực tiễn.	2.1.4	5
5.2.2	Hợp tác với các thành viên trong nhóm thực hiện nhiệm vụ học tập.	2.2	3
5.3. Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập và chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1 Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIỚI TÍNH</p> <p>1.1. Những khái niệm cơ bản về giới tính</p> <p>1.1.1. Giới</p> <p>1.1.2. Giới tính</p> <p>1.1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển giới tính</p> <p>1.1.4. Một số vấn đề về giới và chăm sóc sức khỏe</p> <p>1.1.5. Giới và phòng tránh nhiễm khuẩn đường sinh sản, lây truyền qua đường tình dục</p> <p>1.1.6. Giới và việc tiếp cận các dịch vụ sinh sản</p> <p>1.1.7. Giới và chống bạo lực tình dục nữ</p> <p>1.1.8. Một số biện pháp nâng cao sự bình đẳng giới trong việc chăm sóc sức khỏe sinh sản</p> <p>1.2. Một số vấn đề cần biết về cơ thể</p> <p>1.2.1. Trứng và tinh trùng</p> <p>1.2.2. Học môn</p> <p>1.2.2.1. Hệ sinh dục nam giới</p> <p>1.2.2.2. Hệ sinh dục nữ giới</p> <p>1.2.2.3. Hành kinh và chu kì kinh nguyệt</p> <p>1.2.2.4. Sự thụ thai- phép màu của tạo hóa</p> <p>1.2.3. Tuổi dậy thì</p> <p>1.2.3.1. Tuổi dậy thì của nam giới</p> <p>1.2.3.2. Tuổi dậy thì của nữ giới</p> <p>1.2.4. Những thay đổi về tâm lý ở tuổi dậy thì</p> <p>1.2.4.1. Những điều kiện tạo nên sự biến đổi về tâm lý</p> <p>1.2.4.2. Những biến đổi tâm lý của tuổi dậy thì</p> <p>1.2.5. Những vấn đề về sinh lý và tâm lý của cả hai giới</p>	10/20	4.1 4.2 4.3	-PP thảo luận nhóm: mục 1.1 và 1.2 - PP đàm thoại - PP thuyết trình	- SV nêu thắc mắc, trao đổi, thống nhất yêu cầu, nhiệm vụ Tài liệu [1]	9.1
<p>CHƯƠNG 2: GIÁO DỤC GIỚI TÍNH CHO TRẺ MẦM NON</p> <p>2.1. Khái niệm về giới tính</p> <p>2.2. Sự cần thiết của việc lồng ghép giới trong trường mầm non</p> <p>2.2.1. Đảm bảo chất lượng giáo dục mầm non, giúp trẻ em phát triển toàn diện</p>	20/40	4.1 4.2 4.3	PP thảo luận nhóm: mục 2.2; 2.4;2.5;2.6 và 2.7 - PP đàm thoại - PP thuyết trình	Sinh viên chuẩn bị đọc tài liệu [1][2][3][4][5]	9.1

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
2.2.2. Đảm bảo thực hiện các quy định pháp lý về bình đẳng giới 2.2.3. Góp phần giải quyết các bất bình đẳng trong cơ sở giáo dục mầm non - 2.3. Đặc điểm tâm – sinh lý lứa tuổi mầm non - 2.3.1. Đặc điểm tâm – sinh lý trẻ sơ sinh - 2.3.2. Đặc điểm tâm – sinh lý trẻ hài nhi - 2.3.3. Đặc điểm tâm – sinh lý trẻ ấu nhi - 2.3.4. Đặc điểm tâm – sinh lý trẻ mẫu giáo - 2.4. Vai trò của cha mẹ trong giáo dục giới tính cho trẻ em 2.5. Vai trò của giáo viên mầm non trong việc lồng ghép giới trong chương trình giáo dục mầm non 2.6. Nội dung giáo dục giới tính cho trẻ mầm non 2.6.1. Giáo dục giới tính cho trẻ từ 0 – 3 tuổi 2.6.2. Giáo dục giới tính cho trẻ tuổi mẫu giáo 2.6.3. Giáo dục hành vi giới tính 2.6.4. Giáo dục kỹ năng sống 2.7. Phương pháp giáo dục giới tính 2.7.1. Phương pháp dùng lời giải thích 2.7.2. Phương pháp tổ chức hoạt động 2.7.3. Phương pháp thực hành. 2.7.4. Phương pháp tạo tình huống 2.7.5. Phương pháp sử dụng tranh ảnh, bài thơ, bài hát. 2.8. Hình thức giáo dục giới tính 2.9. Những phương tiện giáo dục giới tính 2.10. Tổ chức các hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mầm non			- Thực hành đóng kịch bản giải quyết các tình huống về giới tính ở trường mầm non		

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Thị Thanh Nguyệt	Bài giảng Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non Lưu hành nội bộ	2013		TT-HL Lê Vũ Hùng	X	

2	TS. Trần Thu Hương, TS. Trần Thị Ngọc Trâm, PGS.TS. Lê Thị Ánh Tuyết	Hướng dẫn Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non Nhà trẻ và Mẫu giáo	2017	NXB Giáo dục Việt Nam	TT-HL Lê Vũ Hùng		X
3	Hồ Đức Hùng	Cẩm nang chương trình Giáo dục giới tính ERA dành cho trẻ 3-5 tuổi	2019	NXBGDVN	TT-HL Lê Vũ Hùng		X
4	Hồ Đức Hùng	Giáo dục giới tính ERA kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ 3-5 tuổi (Khối Mầm – Chồi – Lá)	2019	NXBGDVN	TT-HL Lê Vũ Hùng		X
5	Bộ giáo dục và đào tạo	Tài liệu tập huấn: Hướng dẫn thực hiện chương trình GDMN sau sửa đổi, bổ sung	2021	Hà nội	TT-HL Lê Vũ Hùng		X

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, 2,	5.1; 5.2; 5.3	0.4
9.1.1	Bài tập	Chương 1, 2	5.1; 5.2; 5.3	
9.1.2	Bài kiểm tra	Chương 1,2	5.1; 5.2; 5.3	
9.1.3	Thực hành tập dạy	Chương 2	5.1; 5.2; 5.3	
9.2	Đánh giá kết thúc học phần (Tự luận)	Chương 1,2	5.1; 5.2;	0.6

6.1.57. GIÁO DỤC GIA ĐÌNH**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: KI4108 – GIÁO DỤC GIA ĐÌNH
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ: 30 (30/00/60)
- Học phần điều kiện (*nếu có*):
- Học kỳ: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên (bổ trống)**2.1. Giảng viên 1**

- Họ và tên: Lê Thị Mỹ Trà Chức danh, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ
- Điện thoại: 0935.126.398 E-mail: mytradhdt@gmail.com
- Đơn vị: Khoa Giáo Dục THMN

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Lê Thị Bích Vân Chức danh, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ
- Điện thoại: 0948. 332. 468 E-mail: levan.ltbv@gmail.com
- Đơn vị: Khoa Giáo Dục THMN

3. Tổng quan về học phần

Học phần “*Giáo dục gia đình*” nằm trong khối kiến thức bổ trợ dành cho chuyên ngành Giáo dục mầm non. Học phần có 2 chương, giúp sinh viên trang bị kiến thức về trẻ em, quyền trẻ em; Chức năng và các mối quan hệ trong gia đình; Mục đích, nguyên tắc, nội dung và phương pháp giáo dục con trong gia đình. Đồng thời, hình thành kỹ năng lựa chọn được phương pháp, hình thức giáo dục trẻ trong bối cảnh hội nhập quốc tế và tư vấn được cho phụ huynh các biện pháp giáo dục trẻ hợp lý.

4. Mục tiêu học phần**4.1. Kiến thức:**

Trình bày được kiến thức về tâm lí, giáo dục học mầm non về giáo dục con trong gia đình.

4.2. Kỹ năng và phẩm chất:

Phân tích được những thay đổi về phương pháp giáo dục trẻ trong bối cảnh hiện nay, từ đó lựa chọn phương pháp phù hợp để xử lý các tình huống giáo dục trẻ; Hợp tác với các thành viên trong nhóm thực hiện nhiệm vụ học tập.

4.3. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

Có khả năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức, lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.

5. Chuẩn đầu ra học phần: thêm mới phần này.

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1. Kiến thức			
5.1.1	Diễn giải được khái niệm, chức năng gia đình (GD), các mối quan hệ trong GD, GD với nhà trường và xã hội.	1.2	2
5.1.2	Trình bày mục đích, nguyên tắc, nội dung và phương pháp giáo dục con trong GD.		2
5.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Phân tích được những thay đổi về phương pháp giáo dục trẻ trong giáo dục hiện nay, từ đó lựa chọn phương pháp phù hợp để xử lý các tình huống giáo dục trẻ.	2.1.1	4

5.2.2	Hợp tác với các thành viên trong nhóm thực hiện nhiệm vụ học tập.	2.2	3
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có khả năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức, lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1 Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>CHƯƠNG 1: LÍ LUẬN CHUNG VỀ GIA ĐÌNH</p> <p>1.1. Trẻ em và công ước về quyền trẻ em.</p> <p>1.2. Lý luận chung về gia đình</p> <p>1.2.1. Khái niệm chung về gia đình</p> <p>1.2.2. Chức năng của gia đình</p> <p>1.2.3. Mối quan hệ trong gia đình</p>	12/12	5.1.1	<ul style="list-style-type: none"> * Vấn đáp * Thảo luận nhóm * Thuyết giảng 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu 2, 5 và trả lời các câu hỏi: <ul style="list-style-type: none"> - 1. Khái niệm TE? - 2. Bốn nhóm quyền TE của Công ước quốc tế? Quyền TE Việt Nam? -Nghiên cứu trước nội dung ở tài liệu 1, 3, 4, 6 và trả lời các câu hỏi: <ul style="list-style-type: none"> - 4. Chức năng và những mối quan hệ cơ bản của GD? - 5. Vai trò và trách nhiệm của mỗi thành viên trong GD? Đề xuất biện pháp để mọi người làm tròn vai trò và trách nhiệm của mình? 	9.1.1, 9.2
<p>CHƯƠNG 2: GIÁO DỤC CON TRONG GIA ĐÌNH</p> <p>2.1. Mục đích giáo dục con trong gia đình</p> <p>2.2. Nguyên tắc giáo dục con trong gia đình</p> <p>2.3. Nội dung giáo dục giáo dục con trong gia đình</p> <p>2.4. Phương pháp giáo dục giáo dục con trong gia đình</p> <p>2.5. Mối quan hệ của gia đình, nhà trường và xã hội</p>	12/24	5.1.2, 5.2, 5.3	<ul style="list-style-type: none"> *Thuyết trình *Thuyết giảng * Thực hành đóng kịch 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu 1, 2, chuẩn bị bài thuyết trình: <ol style="list-style-type: none"> 1.Mục đích và nguyên tắc GD con trong GD? 2. Nội dung và PPGD đặc thù cho từng lứa tuổi (4 giai đoạn – 4 nhóm) Giải thích. 3. Những biện pháp phối hợp GD với nhà 	9.1.1, 9.1.2, 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
				trường và xã hội? - * Đóng kịch: - - Chia thành 6 nhóm, bắt thăm chủ đề - - Xây dựng kịch bản, chuẩn bị đầy đủ đạo cụ, hóa trang, diễn kịch theo chủ đề. - Thời gian diễn kịch của mỗi nhóm: 10 – 15	

6.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế: Không có

7. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Ngô Công Hoàn	Giáo trình Giáo dục gia đình	2008	Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Lê Thị Mỹ Trà	Bài giảng Giáo dục gia đình	2018	Nội bộ	Giảng viên		X
3	Quốc hội	Luật trẻ em	2016		Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số (%)
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, Chương 2	5.1, 5.2	0.4

9.1.1	Bài tập cá nhân	Chương 1, Chương 2	5.1.2	
9.1.2	Thực hành nhóm (đồng kịch)	Chương 1, Chương 2	5.2, 5.3	
9.2	<i>Đánh giá kết thúc học phần</i> Thi tự luận đề mở (90 phút)	<i>Chương 1, Chương 2</i>	<i>5.1, 5.2</i>	<i>0.6</i>

6.1.58. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO TRẺ MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4177 – TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO TRẺ MẦM NON

- Mã lớp học phần:

- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ: 30 (30/00/60)

- Học phần điều kiện (nếu có): *Không có*

- Học kỳ: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Lê Thị Lan

Chức danh, học vị: GV – Thạc sỹ

- Điện thoại: 0834.481.070

E-mail: lelanthmn@gmail.com

- Đơn vị: Khoa GD Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Trần Nguyễn Thị Như Mai

Chức danh, học vị: GV – Thạc sỹ

- Điện thoại: 0983.482.042

E-mail: nguyenhumaidhdt@gmail.com

- Đơn vị: Khoa GD Tiểu học – Mầm non

2.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Lê Thị Bích Vân

Chức danh, học vị: GV – Thạc sỹ

- Điện thoại: 0948.332.468

E-mail: levan.ltbv@gmail.com

- Đơn vị: Khoa GD Tiểu học – Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Học phần “*Tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non*” là học phần nằm trong khối kiến thức bổ trợ. Học phần đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên những tri thức về (1) lí luận giáo dục theo hướng trải nghiệm, (2) lập kế hoạch và giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Từ những kiến thức và kĩ năng cơ bản trên, học phần còn trang bị cho sinh viên những hiểu biết một cách đúng đắn, đầy đủ về việc tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non. Từ đó có thể vận dụng sáng tạo mô hình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non vào thực tiễn một cách hiệu quả. Góp phần đẩy mạnh công tác đào tạo và giáo dục thế hệ trẻ theo yêu cầu phát triển của xã hội.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Phân tích được các xu hướng giáo dục mầm non và kiến thức về chương trình giáo dục mầm non trong xây dựng kế hoạch giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ phù hợp với điều kiện thực tiễn.

4.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức

Tổ chức được các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn.

4.3. Mức tự chủ, chịu trách nhiệm

Có kỹ năng làm việc độc lập, lập luận theo kiến thức chuyên môn để bảo vệ và dám chịu trách nhiệm về kết quả mà mình thực hiện, thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1. Kiến thức			
5.1.1	Giải thích được các xu hướng giáo dục mầm non và kiến thức về chương trình giáo dục mầm non trong lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ phù hợp với điều kiện thực tiễn.	1.4	3
5.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Xây dựng được kế hoạch giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn.	2.1.2	6
5.2.2	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ và điều kiện thực tiễn... phục vụ mục tiêu chương trình giáo dục mầm non.	2.1.4	5
5.2.3	Giao tiếp chuẩn mực, phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; có kỹ năng hợp tác: cùng nhau thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ chung.	2.2	3
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có kỹ năng làm việc độc lập, lập luận theo kiến thức chuyên môn để bảo vệ và dám chịu trách nhiệm về kết quả mà mình thực hiện, thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC THEO HƯỚNG TRẢI NGHIỆM CHO TRẺ MẦM NON</p> <p>1.1. Khái niệm “Giáo dục theo hướng trải nghiệm” cho trẻ mầm non</p> <p>1.1.1. Khái niệm “trải nghiệm”</p> <p>1.1.2. Khái niệm “Giáo dục theo hướng trải nghiệm” cho trẻ mầm non</p> <p>1.2. Quy trình giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non</p> <p>1.3. Vai trò của trải nghiệm đối với việc giáo dục trẻ mầm non</p> <p>1.3.1. Thực hiện mục tiêu phát triển năng lực trẻ mầm non</p> <p>1.3.2. Tích hợp nội dung giáo dục trẻ mầm non</p> <p>1.3.3. Tạo cơ hội để sử dụng các phương pháp giáo dục tích cực</p> <p>1.3.4. Phối hợp các lực lượng giáo dục và kết nối kinh nghiệm trẻ học được ở trường với gia đình và cộng đồng</p> <p>1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non</p> <p>1.4.1. Trẻ mầm non</p> <p>1.4.2. Môi trường giáo dục</p>	06/12	5.1.1; 5.2.3; 5.3.1	<p>- PP nêu vấn đề: GV nêu nội dung, dành thời gian cho SV suy nghĩ và trả lời câu hỏi.</p> <p>- PP thảo luận nhóm: GV tổ chức cho SV thảo luận và báo cáo kết quả thực hiện, thảo luận.</p> <p>- PP thuyết giảng: GV nhận xét và kết luận.</p>	<p>+ Đọc tài liệu: [1] trang 7 đến trang 30, nghiên cứu tài liệu [2,3,4,5]</p> <p>+ Mang tài liệu: [1], bút lông, giấy Ao</p> <p>+ SV đọc và nghiên cứu, nắm nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc.</p> <p>+ Nhóm (từ 3 đến 5 SV) nghiên cứu tài liệu viết ra giấy Ao và cử 1 SV trình bày ý kiến trước lớp.</p> <p>-SV lắng nghe và ghi chép</p> <p>+ Bài viết trả lời các câu hỏi:</p>	9.1.1 9.2

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
1.4.3. Nhà giáo dục 1.5. Các hình thức hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non				1. Nêu khái niệm “Trải nghiệm”? 2. Nêu khái niệm “Giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non”? 3. Quy trình học tập theo hướng trải nghiệm của trẻ mầm non bao gồm mấy giai đoạn? 4. Vai trò của giáo dục theo hướng trải nghiệm được thể hiện như thế nào? 5. Những yếu tố nào ảnh hưởng đến quá trình giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non? 6. Kể tên các hình thức hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non. Cho ví dụ cụ thể từng hình thức?	

<p>CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO HƯỚNG TRẢI NGHIỆM CHO TRẺ MẦM NON</p> <p>2.1. Khái niệm “Mô hình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non”</p> <p>2.2. Căn cứ và nguyên tắc xây dựng mô hình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non</p> <p>2.2.1. Căn cứ xây dựng mô hình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non”</p> <p>2.2.2. Các nguyên tắc xây dựng mô hình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non</p> <p>2.3. Cấu trúc và nội dung mô hình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non</p> <p>2.3.1. Chương trình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non</p> <p>2.3.2. Xây dựng môi trường hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non</p> <p>2.3.3. Hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non</p> <p>2.3.4. Đánh giá hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non</p> <p>2.4. Hướng dẫn sử dụng mô hình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>2.4.1. Sử dụng mô hình trải nghiệm trong các hoạt động giáo dục trẻ MN</p> <p>2.4.2. Sử dụng mô hình trải nghiệm cho trẻ các độ tuổi</p> <p>2.4.3. Sử dụng mô hình trải nghiệm trong các loại hình trường mầm non</p>	08/16	5.2.1; 5.2.2; 5.2.3; 5.3.1	<p>- PP trò chơi: GV tổ chức trò chơi: “Hỏi nhanh đáp lẹ”</p> <p>- PP thảo luận nhóm: GV tổ chức cho SV thảo luận và báo cáo kết quả thực hiện, thảo luận.</p> <p>- PP thuyết giảng: GV nhận xét và kết luận.</p>	<p>+ Mang tài liệu: [1] và laptop, nghiên cứu tài liệu [2,3,4,5]</p> <p>+ Xem tài liệu [1] trang 31 đến trang 82.</p> <p>+ Nhóm (từ 3 đến 5 SV) nghiên cứu tài liệu chuẩn bị trên laptop.</p> <p>- Cử 1 SV đại diện nhóm trình bày ý kiến trước lớp</p> <p>- SV lắng nghe và ghi chép</p> <p>+ Bài viết trả lời trước các câu hỏi (câu 1 đến câu 4)</p> <p>1. Nêu khái niệm “Mô hình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non” ?</p> <p>2. Mô hình tổ chức hoạt động GD theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non được xây dựng dựa vào căn cứ nào ?</p> <p>3. Mô hình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non được xây dựng dựa trên nguyên tắc nào ?</p> <p>4. Mô hình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non có cấu trúc và nội dung như thế nào ?</p>	9.1.1
---	-------	-------------------------------------	---	--	-------

<p>CHƯƠNG 3: HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO HƯỚNG TRẢI NGHIỆM CHO TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON</p> <p>3.1. Tổ chức hoạt động học theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>3.1.1. Xác định chủ đề hoạt động học</p> <p>3.1.2. Xác định mục tiêu hoạt động học</p> <p>3.1.3. Xác định cấu trúc và nội dung hoạt động học</p> <p>3.1.4. Chuẩn bị hoạt động học</p> <p>3.1.5. Cách tiến hành hoạt động học</p> <p>3.2. Tổ chức hoạt động chơi theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>3.2.1. Xác định chủ đề hoạt động chơi</p> <p>3.2.2. Xác định mục tiêu hoạt động chơi</p> <p>3.2.3. Xác định cấu trúc và nội dung hoạt động chơi</p> <p>3.2.4. Chuẩn bị hoạt động chơi</p> <p>3.2.5. Cách tiến hành hoạt động chơi</p> <p>3.3. Tổ chức hoạt động lao động theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>3.4. Tổ chức hoạt động tham quan theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>3.5. Tổ chức hoạt động lễ hội theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>3.6. Tổ chức hoạt động giao lưu theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non</p>	16/32	5.1.1; 5.2.1; 5.2.2; 5.2.3; 5.3.1	<p>- PP trò chơi: GV tổ chức trò chơi: “Ô cửa bí mật”</p>	<p>+ Mang tài liệu: [1] + Xem tài liệu [1] trang 83 đến 200, nghiên cứu tài liệu [2,3,4,5] +SV tích cực tham gia vào trò chơi + Bài viết trả lời trước các câu hỏi (câu 1 đến câu 6).</p> <p>1. Phân tích các bước tổ chức hoạt động học theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non?</p> <p>2. Phân tích các bước tổ chức hoạt động chơi theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non?</p> <p>3. Phân tích các bước tổ chức hoạt động lao động theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non?</p> <p>4. Phân tích các bước tổ chức hoạt động tham quan theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non?</p> <p>5. Phân tích các bước tổ chức hoạt động lễ hội theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non?</p> <p>6. Phân tích các bước tổ chức hoạt động tham quan theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non?</p>	9.1.1 9.1.2 9.2
---	-------	---	---	--	-----------------------

				<p>+ Nhóm (từ 3 đến 5 SV) nghiên cứu tài liệu chuẩn bị trên laptop.</p> <p>- Cử 1 SV đại diện nhóm trình bày ý kiến trước lớp</p> <p>- SV lắng nghe và ghi chép</p> <p>-SV chia thành 6 nhóm; vận dụng kiến thức đã học vào việc thực hành</p> <p>-SV chuẩn bị ĐDDH, kế hoạch và các phương tiện cần thiết phục vụ cho hoạt động trải nghiệm của nhóm mình: Tổ chức hoạt động học; hoạt động chơi; hoạt động lao động; hoạt động tham quan; hoạt động lễ hội; hoạt động giao lưu.</p> <p>+ PP thảo luận nhóm: GV tổ chức cho SV thảo luận và báo cáo kết quả thực hiện, thảo luận.</p> <p>- PP thuyết giảng: GV nhận xét và kết luận.</p> <p>- PP thực hành: GV tiến hành cho SV tổ chức các hoạt động theo nhóm: Tổ chức hoạt động học; hoạt động chơi; hoạt động lao động; hoạt động lễ hội; hoạt động tham quan; hoạt động giao lưu.</p> <p>+ PP thuyết giảng: GV nhận xét, rút kinh nghiệm tiết dạy của mỗi nhóm.</p>	
--	--	--	--	---	--

6.2. Thực hành: Không có

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Hoàng Thị Phương	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non	2018	NXB Đại học sư phạm	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Bộ GD & ĐT	Chương trình giáo dục mầm non	2020	Bộ trưởng Bộ GD & ĐT	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

3	Bộ GD & ĐT	Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm	2013	Tài liệu tập huấn nâng cao năng lực GVMN	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X
4	Nguyễn Thị Hòa	Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non	2013	NXB Đại học sư phạm	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X
5	Hoàng Thị Phương	Giáo trình Lí luận và phương pháp hướng dẫn làm quen với môi trường xung quanh	2008	NXB Đại học sư phạm	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, 2, 3	5.1; 5.2; 5.3	0.4
9.1.1	Bài tập cá nhân	Chương 1, 2, 3 (Kiểm tra trắc nghiệm)	5.1; 5.2; 5.3	
9.1.2	Bài tập nhóm	Chương 3 (Tổ chức tiết dạy)	5.2.2; 5.2.3; 5.3.1	
9.2	Đánh giá kết thúc học phần (Tự luận)	Chương 1, 3	5.1; 5.2; 5.3	0.6

6.1.59. ỨNG DỤNG STEAM TRONG DẠY HỌC MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4250 - ỨNG DỤNG STEAM TRONG DẠY HỌC MẦM NON
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 30 (30/00/60)
- Học phần điều kiện: *Không có*
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: **Lê Thị Kim Anh** Chức danh, học vị: Giảng viên – Tiến sĩ.GVC
- Điện thoại: 0988.980.929 Email: ltkanh@.dthu.edu.vn
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2:

Họ và tên: **Trần Nguyễn Thị Như Mai**

- Chức danh, học vị: Giảng viên – Thạc Sĩ
- Điện thoại: 0983.482.042 Email: nguyennhumaidht@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: **Lê Thị Lan** Chức danh, học vị: Giảng viên – Thạc Sĩ
- Điện thoại: 0834.481.070 Email: lelanthmn@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.4. Giảng viên 4:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Khoa
- Chức danh, học vị: Giảng viên – Thạc Sĩ
- Điện thoại: 0914.443.524 Email: nthkhoadthu@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Học phần “*Ứng dụng steam trong dạy học mầm non*” là học phần nằm trong khối kiến thức bổ trợ. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về giáo dục STEAM và việc thiết kế, tổ chức các hoạt động giáo dục STEAM cho trẻ ở trường mầm non.

Từ những kiến thức và kỹ năng cơ bản trên, học phần còn giúp sinh viên hiểu sâu hơn về tích hợp, tạo ra cơ hội trải nghiệm học tập đa dạng, sát thực tiễn, giàu ý nghĩa và phát triển các năng lực cần thiết.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Giải thích được những kiến thức về lý luận giáo dục STEAM trong việc thiết kế, tổ chức các hoạt động giáo dục STEAM cho trẻ ở trường mầm non.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

Tổ chức được các hoạt động giáo dục STEAM cho trẻ phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ và điều kiện thực tiễn..

4.3. Mức tự chủ, chịu trách nhiệm

Có kỹ năng làm việc độc lập, chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1. Kiến thức			
5.1.1	Giải thích được những kiến thức về lý luận giáo dục STEAM trong việc thiết kế, tổ chức các hoạt động giáo dục STEAM cho trẻ ở trường mầm non phù hợp với thực tiễn.	1.3	3
5.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Xây dựng được kế hoạch giáo dục STEAM cho trẻ mầm non linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn.	2.1.2	6
5.2.2	Tổ chức hoạt động giáo dục STEAM cho trẻ phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ và điều kiện thực tiễn... phục vụ mục tiêu chương trình giáo dục mầm non.	2.1.4	5
5.2.3	Giao tiếp chuẩn mực, phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; có kỹ năng hợp tác: cùng nhau bàn bạc, trao đổi, thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ chung.	2.2	3
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có kỹ năng làm việc độc lập, chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC STEAM CHO TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON - 1.1. Những vấn đề chung về STEAM - 1.1.1. Khái niệm - 1.1.2. Nguồn gốc, các thành tố đặc trưng - 1.1.3. Đặc trưng của giáo dục STEAM - 1.2. Giáo dục STEAM cho trẻ ở trường MN - 1.2.1. Khái niệm - 1.2.2. Phân biệt STEM/STEAM trong giáo dục mầm non - 1.2.3. Đặc trưng các thành tố STEAM trong GDMN và tích hợp STEAM trong các hoạt động của trẻ ở trường MN - 1.2.4. Mục đích của giáo dục STEAM cho trẻ mầm non. - 1.2.5. Lợi ích của STEM/STEAM trong giáo dục mầm non.	06/12	5.1.1 5.2.3 5.3.1	- PP nêu vấn đề: GV nêu nội dung, dành thời gian cho SV suy nghĩ và trả lời câu hỏi. - PP thuyết giảng: GV nhận xét và kết luận.	- Tài đề cương, nghiên cứu đề cương và tài liệu. + Mang theo tài liệu: [1], nghiên cứu tài liệu [2,3,4,5] - Nghiên cứu và trả lời các câu hỏi sau: 1) Trình bày sơ lược lịch sử giáo dục STEAM trên thế giới và ở Việt Nam. 2) Hiểu như thế nào về STEAM? Giáo dục STEAM cho trẻ MN? Mục đích giáo	9.1.1 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>- 1.2.6. Tích hợp STEAM với chương trình giáo dục MN</p>				<p>dục STEAM cho trẻ MN? 3) Bạn hãy phân biệt STEM/STEAM cho trẻ mầm non? 4) Trình bày các đặc trưng thành tố STEAM trong GDMN và việc tích hợp STEAM trong hoạt động của trẻ MN. 5) Lợi ích của STEM/STEAM trong GDMN. 6) Trình bày tích hợp STEAM vào chương trình GDMN.</p>	
<p>CHƯƠNG 2: CÁC MÔ HÌNH GIÁO DỤC STEAM CHO TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON</p> <p>- 2.1. Các mức độ ứng dụng giáo dục STEAM cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>- 2.1.1. Mức độ 1: Tích hợp giáo dục STEAM vào các hoạt động ở trường MN</p> <p>- 2.1.2. Mức độ 2: Xây dựng dự án STEAM</p> <p>- 2.1.3. Mức độ 3: Xây dựng chương trình STEAM tổng thể</p> <p>- 2.2. Hướng dẫn thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục STEAM cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>- 2.2.1. Nguyên tắc thiết kế hoạt động giáo dục STEAM cho trẻ mầm non</p> <p>- 2.2.2. Cấu trúc thiết kế hoạt động giáo dục STEAM cho trẻ mầm non</p> <p>- 2.2.3. Quy trình thiết kế hoạt động giáo dục STEAM cho trẻ mầm non</p> <p>- 2.2.4. Thực hành thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục STEAM cho trẻ MN</p>	12/24	<p>5.1.1</p> <p>5.2.1</p> <p>5.2.2</p> <p>5.2.3</p> <p>5.3.1</p>	<p>- PP trò chơi: GV tổ chức trò chơi: “Rung chuông vàng”</p> <p>- PP thảo luận nhóm: GV tổ chức cho SV thảo luận và báo cáo kết quả thực hiện, thảo luận.</p> <p>- PP thuyết giảng: GV nhận xét và kết luận.</p> <p>- PP thực hành: GV tiến hành cho SV tổ chức hoạt động giáo dục STEAM cho trẻ ở</p>	<p>+ Mang theo và nghiên cứu tài liệu: [1, 2,3,4,5]</p> <p>+ Bút lông, giấy Ao</p> <p>- Chia lớp thành 4 nhóm. Mỗi nhóm hoàn thành nội dung sau: Thiết kế 1 hoạt động giáo dục STEAM cho trẻ mầm non và trình bày, báo cáo trước lớp.</p> <p>- Cử 1 SV đại diện nhóm trình bày ý kiến trước lớp</p> <p>- SV lắng nghe và ghi chép</p> <p>- Giảng viên và các nhóm khác nhận xét và góp ý.</p> <p>- Chia lớp thành 4 nhóm. Mỗi nhóm tổ chức 1 hoạt động giáo</p>	<p>9.1.1</p> <p>9.1.2</p> <p>9.2</p>

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
			trường mầm non - - - - PP thuyết giảng: GV nhận xét, rút kinh nghiệm tiết dạy của mỗi nhóm.	dực STEAM cho trẻ ở trường mầm non. -SV chuẩn bị ĐDDH, kế hoạch và các phương tiện cần thiết phục vụ cho hoạt động giáo dục STEAM của nhóm mình. - Lắng nghe giảng viên và các nhóm khác nhận xét và góp ý.	
<p>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG GIÁO DỤC STEAM CHO TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3.1. Gợi ý áp dụng được công thức PIE trong thiết kế các hoạt động học STEM/STEAM ở trường mầm non - 3.2. Gợi ý áp dụng được công thức 5E trong thiết kế các hoạt động học STEM/STEAM ở trường mầm non - 3.3. Một số ứng dụng STEAM trong giáo dục MN đơn giản - 3.4. Hướng dẫn đánh giá hiệu quả giáo dục STEM/STEAM trong giáo dục mầm non 	12/24	5.1.1 5.2.1 5.2.2 5.2.3 5.3.1	<ul style="list-style-type: none"> - PP trò chơi: GV tổ chức trò chơi: “Ô cửa bí mật” - PP thảo luận nhóm: GV tổ chức cho SV thảo luận và báo cáo kết quả thực hiện, thảo luận. - PP thuyết giảng: GV nhận xét và kết luận. - PP thực hành: GV tiến hành cho SV tổ chức hoạt động giáo dục STEAM cho trẻ ở trường MN - - - - - PP thuyết giảng: GV nhận xét, rút kinh nghiệm tiết dạy của mỗi nhóm. 	+ Mang theo và nghiên cứu tài liệu: [1]. Nghiên cứu tài liệu [2,3,4,5] - Mỗi thành viên hoàn thành nội dung sau: Áp dụng công thức PIE, 5E vào việc thiết kế 1 hoạt động giáo dục STEAM cho trẻ ở trường mầm non. - Mỗi nhóm tổ chức nội dung sau: Áp dụng công thức PIE, 5E vào việc thiết kế 1 hoạt động giáo dục STEAM cho trẻ ở trường mầm non. -SV chuẩn bị ĐDDH, kế hoạch và các phương tiện cần thiết phục vụ cho hoạt động giáo dục STEAM của nhóm mình. - Lắng nghe giảng viên và các nhóm khác	9.1.1 9.1.2 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
				nhận xét và góp ý.	

6.2. Thực hành: Không có

7. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Chu Thị Hồng Nhung – Đinh Bích Hà	Hướng dẫn thiết kế bài giảng stem/steam cho lớp mẫu giáo 3-4 tuổi, 4-5 tuổi, 5 -6 tuổi	2020	NXB GDVN	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Nguyễn Thị Nga (Chủ biên)	Hướng dẫn dạy học theo định hướng giáo dục STEM ở bậc tiểu học	2019	NXB ĐHSP TP HCM	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
3	Nguyễn Thị Nga (Chủ biên)	Giáo dục STEM – Hướng dẫn thực hiện kế hoạch bài dạy đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học	2021	NXB ĐHSP TP HCM	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
4	Nguyễn Thanh Hải	Giáo Dục Stem/ Steam: Từ Trải Nghiệm Thực Hành Đến Tư Duy Sáng Tạo	2019	NXB Trẻ	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
5	Nguyễn Văn Biên – Trương Duy Hải (Đồng Chủ biên)	Giáo dục STEM trong nhà trường phổ thông	2021	NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>	<i>Chương 1, 2, 3</i>	<i>5.1; 5.2; 5.3</i>	0.4
9.1.1	Bài tập cá nhân	Chương 1, 2, 3 <i>(Kiểm tra)</i>	5.1; 5.2; 5.3	
9.1.2	Bài tập nhóm	Chương 2, chương 3 <i>(Tổ chức tiết dạy)</i>	5.1; 5.2	
9.2	<i>Đánh giá kết thúc học phần (Tự luận)</i>	<i>Chương 1, 2, 3</i>	<i>5.1; 5.2; 5.3</i>	0.6

6.1.60. VẬN DỤNG THUYẾT "ĐA TRÍ TUỆ" Ở TRƯỜNG MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4251 – VẬN DỤNG THUYẾT “ĐA TRÍ TUỆ” Ở TRƯỜNG MẦM NON

- Mã lớp học phần:

- Số tín chỉ: 2

Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 30 (30/00/60)

- Học phần điều kiện (nếu có):

- Học kì:

Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Lê Thị Kim Anh

Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Tiến sĩ

- Điện thoại: 0988 980929

Email: ltkanh@dthu.edu.vn

- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Lê Thị Bích Vân

Chức danh, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

- Điện thoại: 0948. 332. 468

E-mail: levan.ltbv@gmail.com

- Đơn vị: Khoa Giáo Dục THMN

3. Tổng quan về học phần

Học phần *Vận dụng thuyết “đa trí tuệ” ở trường mầm non* nằm trong khối kiến thức bổ trợ dành cho chuyên ngành Giáo dục mầm non. Học phần giúp trang bị cho sinh viên kiến thức về quan điểm các loại hình trí thông minh, phương pháp phát triển đa trí thông minh cho trẻ. Đồng thời giúp sinh viên nhận diện được đặc điểm của từng loại hình trí thông minh ở trẻ, từ đó, xây dựng được kế hoạch, môi trường và tổ chức được các hoạt động phù hợp giúp trẻ phát huy năng lực bản thân.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Khái quát được kiến thức về lý luận và phương pháp phát triển đa trí tuệ cho trẻ mầm non.

4.2. Kỹ năng và phẩm chất:

Nhận định những thay đổi của xu hướng giáo dục mầm non trong bối cảnh hội nhập quốc tế, tổ chức được các hoạt động phát triển đa trí thông minh cho trẻ.

4.3. Mức tự chủ – tự chịu trách nhiệm:

Có khả năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức, lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Diễn giải được các biểu hiện của từng loại hình trí thông minh và các giải pháp giúp trẻ phát triển đa dạng trí thông minh.	1.5	3
5.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Phân tích chính xác đặc điểm trí thông minh của từng trẻ.	2.1.1	4
5.2.2	Thiết kế được kế hoạch và môi trường theo hướng phát triển đa dạng trí thông minh cho trẻ.	2.1.2, 2.1.3	3
5.2.3	Tổ chức được các hoạt động phát triển đa trí thông minh cho trẻ.	2.1.4	3
5.3. Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm			

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.3.1	Có khả năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức, lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
PHẦN XXIII: CHƯƠNG 1. HỌC THUYẾT ĐA TRÍ TUỆ 1.1. Học thuyết đa trí tuệ của Howard Gardner 1.2. Sự phát triển học thuyết đa trí tuệ	02/04	5.1	*Thuyết giảng *Thảo luận nhóm	SV đọc trước tài liệu 1, trả lời các câu hỏi: 1) Bạn biết những gì về học thuyết đa trí tuệ? 2) Có tất cả bao nhiêu loại hình trí thông minh? Vì sao có sự khác biệt?	9.1.1, 9.2
CHƯƠNG 2. CÁC LOẠI HÌNH TRÍ THÔNG MINH 2.1. Thông minh ngôn ngữ 2.2. Thông minh toán học 2.3. Thông minh âm nhạc 2.4. Thông minh vận động 2.5. Thông minh không gian 2.6. Thông minh tự nhiên 2.7. Thông minh nội tâm	10/20	5.1	*Semina	SV đọc tài liệu 2, mỗi nhóm vẽ 1 sơ đồ tư duy về 1 loại hình trí thông minh, phân tích các đặc điểm của trí thông minh đó	9.1.2, 9.2
CHƯƠNG 3. PHÁT TRIỂN ĐA TRÍ THÔNG MINH CHO TRẺ MẦM NON 3.1. Thiết kế môi trường phát huy đa trí thông minh 3.2. Phương pháp phát triển đa trí thông minh cho trẻ mầm non	18/36	5.1, 5.2, 5.3	* Bộ sưu tập *Thảo luận nhóm * Tổ chức hoạt động	SV đọc tài liệu 1, 2, chuẩn bị các nội dung: 1) Sưu tầm các tranh ảnh về thiết kế môi trường nhằm phát triển đa trí thông minh cho trẻ 2) Thảo luận nhóm về các phương pháp phát triển đa trí thông minh cho trẻ mầm non * Lập kế hoạch, chuẩn bị môi trường, học cụ, rèn luyện trên bạn và tổ chức hoạt động	9.1.2, 9.2

6.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế: không có

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Lê Thị Bích Vân, Lê Thị Kim Anh	Bài giảng “Vận dụng thuyết đa trí tuệ ở trường mầm non”	2023	ĐHĐT	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Thomas Armstrong	Bảy loại hình trí thông minh			Ebook		x
3	Howard Gardner	Cơ cấu trí khôn, lí thuyết về nhiều dạng trí khôn	1998	Nxb Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số (%)
9.1	<i>Đánh giá thường xuyên (bài tập cá nhân/nhóm)</i>	<i>Chương 1, Chương 2, Chương 3</i>	<i>5.1, 5.2, 5.3</i>	<i>0.4</i>
9.1.1	Bài tập cá nhân	Chương 1	5.1.1	
9.1.2	Bài tập nhóm	Chương 2, Chương 3	5.1, 5.2, 5.3	
9.2	<i>Đánh giá kết thúc học phần (Bài tập lớn)</i>	<i>Chương 1, 2, 3</i>	<i>5.1, 5.2</i>	<i>0.6</i>

6.1.61. DẠY HỌC MẦM NON THEO BỐI CẢNH ĐỊA PHƯƠNG

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: **KI4252 - DẠY HỌC MẦM NON THEP BỐI CẢNH ĐỊA PHƯƠNG**

Mã lớp học phần:

Số tín chỉ: 02

Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 30/00/60

Học phần điều kiện (nếu có): *Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non*

Học kì:

Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

Họ và tên: **Lê Thị Kim Anh** Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Tiến sĩ

Điện thoại: 0988 980929

Email: ltkanh@dthu.edu.vn

Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2

Họ và tên: **Lê Thị Thanh Sang** Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Điện thoại: 0908732782

Email: sang.lethithanh@gmail.com

Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học Mầm non

2.3. Giảng viên 3

Họ và tên: **Lê Thị Bích Vân** Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Điện thoại: 0948. 332. 468

Email: levan.ltbt@gmail.com

Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Học phần **Dạy học mầm non theo bối cảnh địa phương** là một học phần thuộc nhóm kiến thức bổ trợ đóng vai trò rất cần thiết trong việc hình thành cho sinh viên hệ thống kiến thức và kỹ năng về: phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo bối cảnh nhà trường và bối cảnh địa phương. Những kiến thức được sinh viên tích lũy từ học phần này sẽ giúp sinh viên có thể vận dụng tốt hơn khi tham gia học phần KTSP và thực tập tốt nghiệp tại trường mầm non.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Khái quát hóa kiến thức về chương trình giáo dục mầm non và các xu hướng giáo dục mầm non để tổ chức các hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ phù hợp với bối cảnh địa phương.

4.2. Kỹ năng/ phẩm chất:

Phân tích được bối cảnh giáo dục trong phát triển chương trình giáo dục mầm non; tổ chức được hoạt động chăm sóc- giáo dục trẻ phù hợp với bối cảnh địa phương; Có kỹ năng hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ chung và phát triển cộng đồng.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để bảo vệ kết luận chuyên môn.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Khái quát được các xu hướng giáo dục mầm non	1.4	2

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1.2	Giải thích được các nội dung chương trình giáo dục mầm non để tổ chức hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ phù hợp với bối cảnh địa phương.	1.4	3
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Phân tích được bối cảnh giáo dục trong phát triển chương trình giáo dục mầm non.	2.1.1	4
5.2.3	Tổ chức các hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ an toàn, đa dạng, sáng tạo và kích thích trẻ tích cực tham gia hoạt động.	2.1.3	6
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
	Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để bảo vệ kết luận chuyên môn	2.3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1 Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DẠY HỌC MẦM NON THEO BỐI CẢNH ĐỊA PHƯƠNG 1.1. Một số khái niệm 1.1.1. Khái niệm Chương trình Giáo dục mầm non 1.1.2. Khái niệm Chương trình giáo dục nhà trường 1.2. Cấu trúc của Chương trình giáo dục mầm non hiện hành 1.3. Cơ sở khoa học về phát triển chương trình giáo dục mầm non phù hợp bối cảnh địa phương	08/16	5.1.1 5.1.2 5.2.3	-PP thuyết trình -PP đàm thoại (Nội dung 1.1, 1.2) -PP thảo luận nhóm (Nội dung 1.3)	- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu [1, tr9 – tr14], [2]; liệt kê sẵn các nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc. - Chuẩn bị giấy A4 hoặc giấy trắng, bút lông.	9.1.1 9.2
PHẦN XXIV: Chương 2. QUY TRÌNH PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG THEO BỐI CẢNH ĐỊA PHƯƠNG 2.1. Các nguyên tắc phát triển chương trình giáo dục nhà trường trong các cơ sở giáo dục mầm non 2.2. Phân tích bối cảnh, điều kiện cụ thể của nhà trường và địa phương 2.1.1. Phân tích bối cảnh bên trong và bên ngoài nhà trường 2.1.2. Phân tích chương trình giáo dục mầm non hiện hành 2.3. Xác định mục tiêu chương trình giáo dục nhà trường theo bối cảnh nhà trường, địa phương 2.4. Xây dựng chương trình giáo dục nhà trường theo bối cảnh địa phương 2.3.1. Xác định mục tiêu cụ thể theo các lĩnh vực giáo dục 2.3.2. Lựa chọn nội dung giáo dục	10/20	5.2.1 5.2.3 5.3	- PP thảo luận nhóm (Nội dung 2.1, 2.2) Phân tích bối cảnh bên trong và bên ngoài nhà trường -PP Trực quan (Nội dung 2.3) Cho SV tham khảo, phân tích cấu trúc các loại kế hoạch giáo dục ở trường mầm non	- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu [1, tr15 – tr67], [2], [3]; liệt kê sẵn các nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc. - Chuẩn bị nội dung cá nhân: Tìm hiểu các loại kế hoạch giáo dục được quy định ở trường mầm non	9.1.1 9.1.2 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
2.3.3. Xác định kết quả mong đợi của các lĩnh vực giáo dục 2.3.4. Xác định các hoạt động giáo dục, hình thức tổ chức, phương pháp và cách đánh giá kết quả giáo dục 2.5. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường theo bối cảnh địa phương PHẦN XXV: 2.5.1. Xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình PHẦN XXVI: 2.5.2. Thực hiện kế hoạch giáo dục trong nhóm/lớp PHẦN XXVII: 2.5.3. Đánh giá và điều chỉnh kế hoạch 2.6. Đánh giá và điều chỉnh chương trình PHẦN XXVIII:					
Chương 3. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON THEO BỐI CẢNH ĐỊA PHƯƠNG 3.1. Hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục theo bối cảnh địa phương 3.2. Hướng dẫn thiết kế môi trường giáo dục theo bối cảnh địa phương PHẦN XXIX: Ôn tập, giải đáp thắc mắc	12/24	5.1 5.2 5.3	-PP thảo luận nhóm (Nội dung 3.1 và 3.2) - PP trực quan Xem hình ảnh góc tìm hiểu văn hóa địa phương -PP thực hành - PP Thực hành (Nội dung 3.1 và 3.2) + Xây dựng mạng nội dung và mạng hoạt động cho chủ đề tìm hiểu văn hóa địa phương. + Thiết kế các loại kế hoạch giáo dục	- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu [2], liệt kê sẵn các nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc. - Chuẩn bị bài tập cá nhân: Thiết kế mạng nội dung và mạng hoạt động cho chủ đề giáo dục - Chuẩn bị đồ dùng, đồ chơi cần cho các hoạt động và các khu vực chơi - Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục trẻ theo chủ đề	9.1. 9.2.

6.2 Thực hành, thí nghiệm, thực tế: (không có)

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo

1	Nguyễn Bá Minh (chủ biên) và các tác giả khác	Hướng dẫn phát triển chương trình giáo dục nhà trường trong các cơ sở giáo dục mầm non	2019	NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Lê Thị Kim Anh	Bài giảng Dạy học mầm non theo bối cảnh địa phương	2021	Nội bộ	ĐHĐT		x
3	Cục nhà giáo và CB quản lý giáo dục	Tài liệu BDTX nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp CBQL và GVMN năm học 2019 – 2020	2019	NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Phạm thị Châu – Điền Thị Sinh	Một số vấn đề quản lý giáo dục mầm non	2002	NXB ĐHQG Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
5	Nguyễn Bá Minh Trần Thị Ngọc Trâm Hoàng Thị Oanh	Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non	2018	NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần.
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>	Chương 1, Chương 2, Chương 3,	5.1; 5.2; 5.3	0.4
9.1.1	Chuyên cần	- Dự lớp, tham gia làm việc nhóm. - Tham gia xây dựng bài.	5.1; 5.2; 5.3	
9.1.2	Bài tập cá nhân	Chương 2, Chương 3	5.1 5.2	
9.1.3	Bài tập nhóm	Chương 2, chương 3	5.2 5.3	
9.2	<i>Thi kết thúc học phần</i> - Hình thức: <u>Thi tự luận 90'</u> - Điều kiện được đánh giá: <u>Tham dự ít nhất 80%</u> tổng số tiết của học phần	Chương 1, Chương 2, Chương 3	5.1 đến 5.3	0.6

6.1.62. PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN TIẾNG ANH CHO TRẺ MẦM NON

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: **KI4253 – PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG**

LÀM QUEN TIẾNG ANH CHO TRẺ MẦM NON

Mã lớp học phần:

Số tín chỉ: 2

Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 30 (15/30/60)

Học phần điều kiện (nếu có):

Học kì:

Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1

Họ và tên: Lê Thị Kim Anh Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Tiến sĩ

Điện thoại: 0988 980929

Email: ltkanh@dthu.edu.vn

Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học – Mầm non

Giảng viên 2

Họ và tên: Lê Thị Bích Vân

Chức danh, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Điện thoại: 0948. 332. 468

E-mail: levan.ltbv@gmail.com

Đơn vị: Khoa Giáo Dục THMN

3. Tổng quan về học phần

Học phần “**Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen tiếng Anh cho trẻ mầm non**” nằm trong khối kiến thức bổ trợ dành cho chuyên ngành Giáo dục mầm non. Học phần giúp sinh viên trang bị kiến thức về các cơ sở pháp lý và cơ sở khoa học xung quanh vấn đề cho trẻ mầm non làm quen tiếng Anh (LQTA), nắm được các nội dung và phương pháp LQTA cho trẻ. Từ đó rèn luyện cho Sv kỹ năng thiết kế bài dạy, thiết kế môi trường, giáo cụ và tổ chức được hoạt động cho trẻ LQTA.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Khái quát kiến thức ngoại ngữ chuyên ngành giúp trẻ làm quen tiếng Anh.

4.2. Kỹ năng và phẩm chất:

Lập được kế hoạch, xây dựng môi trường, tổ chức hoạt động làm quen tiếng Anh và đánh giá hiệu quả của hoạt động.

4.3. Mức tự chủ – tự chịu trách nhiệm:

Có khả năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức, lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Hiểu cơ sở pháp lý và cơ sở khoa học việc cho trẻ mầm non LQTA.	1.6	2
5.1.2	Khái quát được nội dung và phương pháp LQTA phù hợp với lứa tuổi mầm non.		3

5.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Lập được các kế hoạch cho trẻ LQTA.	2.1.2,	3
5.2.2	Tổ chức được môi trường đa dạng giúp trẻ tích cực LQTA và các hoạt động LQTA cho trẻ mầm non.	2.1.3, 2.1.4	3
5.3. Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm			
5.3.1	Có khả năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức, lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá (thêm mới cột này)
PHẦN XXX: CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CHO TRẺ LQTA 1.1. Cơ sở pháp lý việc cho trẻ MN LQTA 1.2. Cơ sở khoa học về việc cho trẻ MN LQTA 1.3. Chương trình cho trẻ MN LQTA	04/08	5.1	*Thảo luận nhóm *Thuyết giảng	Xem tài liệu, trả lời các câu hỏi: 1) Căn cứ vào đâu để tổ chức hoạt động cho trẻ MN LQTA? 2) Sử dụng chương trình nào để trẻ MN LQTA?	9.1.1, 9.2
CHƯƠNG 2. MÔI TRƯỜNG VÀ THIẾT KẾ MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ LQTA 2.1. Vai trò của môi trường trong việc LQTA của trẻ MN 2.2. Thiết kế học liệu cho trẻ LQTA 2.3. Thiết kế môi trường cho trẻ LQTA	06/12	5.2.1	*Thuyết giảng *Thực hành	Sv nghiên cứu trước tài liệu, thực hiện nhiệm vụ: 1) Sưu tầm hình ảnh về giáo cụ và môi trường ngoại ngữ cho trẻ mầm non 2) Thiết kế các sản phẩm	9.1.1, 9.2
CHƯƠNG 3. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CHO TRẺ LQTA 3.1. Các phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ LQTA 3.1.1. Phương pháp trò chơi 3.1.2. PP sử dụng tác phẩm nghệ thuật 3.1.3. PP trò chuyện 3.1.4. PP tiếp nhận ngôn ngữ thụ động 3.2. Tổ chức hoạt động cho trẻ LQTA	05/10	5.1.2	Thuyết trình	SV chia nhóm, tìm hiểu về PP hiệu quả cho trẻ LQTA, trình bày sản phẩm	9.1.2, 9.2

6.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế:

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
CHƯƠNG 3. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CHO TRẺ LQTA 3.2.1. Luyện phát âm	05/05	5.2.1	*Làm mẫu *Luyện tập thường xuyên	_Sv xem video clip hướng dẫn trước ở nhà. _Sv thực hiện theo hướng dẫn của GV. _Tích cực rèn luyện cá nhân.	9.1.1, 9.1.2, 9.2
3.2.2. Sử dụng ngôn ngữ giao tiếp trong lớp mầm non	05/05	5.2.1	*Làm mẫu *Luyện tập thường xuyên	_Sv chủ động xem clip ở nhà. _Sv thực hiện theo hướng dẫn của GV _Tích cực rèn luyện nhóm	
3.2.3. Tổ chức hoạt động cho trẻ LQTA	20/20	5.2, 5.3	Thực hành	_Sv lập kế hoạch tổ chức hoạt động cho trẻ LQTA. _Chuẩn bị học liệu, môi trường _Luyện tập với nhóm _Tổ chức hoạt động	

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Lê Thị Bích Vân, Lê Thị Kim Anh	Bài giảng “Hướng dẫn trẻ mầm non làm quen tiếng Anh”	2023	Trường ĐHĐT	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Lê Thị Bích Vân	English for kids (Student book and Activity book)	2020	Tài liệu lưu hành nội bộ	Giảng viên		x
3	Jenny Dooley, Virginia Evans	Happy hearts	2015	Express Publishing	Giảng viên		x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số (%)
9.1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>	<i>Chương 2, 3</i>	<i>5.2, 5.3</i>	<i>0.4</i>
9.1.1	Bài tập cá nhân	Chương 1, 2, 3	5.2.2	
9.1.2	Bài tập nhóm	Chương 2, Chương 3	5.1.2, 5.2, 5.3	
9.2	<i>Đánh giá kết thúc học phần (Thi thực hành)</i>	<i>Chương 2, 3</i>	<i>5.2, 5.3</i>	<i>0.6</i>

6.1.63. RÈN LUYỆN NVSPTX 1 (NGHE, NÓI, ĐỌC VIẾT)**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: KI4401P – RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM THƯỜNG XUYÊN 1 (ĐỌC, KỂ, NÓI, VIẾT)
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 01 Số tiết tín chỉ: 00/30/30
- Học phần điều kiện (*nếu có*):
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên**2.1. Giảng viên 1:**

- Họ và tên: Trần Hoàng Anh Chức danh, học vị: GVC, Tiến sĩ
- Điện thoại: 0979.671.678 E-mail: tranhoanganh678@gmail.com
- Đơn vị: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Vũ Thị Hiền Chức danh, học vị: GV, Thạc sĩ
- Điện thoại: 0974.814.712 E-mail: hienvuth123@gmail.com
- Đơn vị: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

3. Mô tả tóm tắt/ Tổng quan về học phần

- RLNVSPX1 là học phần thuộc nhóm thực hành, thực tập nghề nghiệp, có vai trò quan trọng trong việc rèn luyện cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non về các kỹ năng: đọc, kể, nói, viết. Học phần chú trọng tính tự học, tự thực hành, làm việc nhóm của sinh viên dưới sự kiểm tra, đánh giá của giảng viên hướng dẫn.

4. Mục tiêu học phần**4.1. Kiến thức:**

Giải thích được kiến thức về Tiếng Việt khi vận dụng vào hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm trong quá trình chăm sóc – giáo dục trẻ mầm non.

4.2. Kỹ năng

Vận dụng được các kỹ năng cơ bản: đọc, kể, nói, viết vào việc tổ chức các hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ phù hợp với nhu cầu, hứng thú và khả năng của trẻ ở trường mầm non.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Không ngừng học hỏi, phấn đấu nhằm hoàn thiện năng lực, phẩm chất và hình thành lý tưởng, lương tâm của người giáo viên mầm non.

5. Chuẩn đầu ra

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1. Kiến thức			
5.1.1	Giải thích được kiến thức về Tiếng Việt: ngữ âm, chữ viết; xác định đúng ngữ điệu kể của một câu chuyện; biết cách để thể hiện tốt kỹ năng nói của mình; biết viết đúng, đẹp mẫu chữ hiện hành để vận dụng vào hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm phục vụ cho quá trình chăm sóc – giáo dục trẻ mầm non.	1.3	2
5.2. Kỹ năng			
5.2.1	Có năng lực tổ chức các hoạt động phát triển năng khiếu phù hợp với đặc điểm, nhu cầu, hứng thú và khả năng cá nhân của trẻ ở trường mầm non.	2.1.4	3
5.2.2	Có kỹ năng giao tiếp chuẩn mực, phù hợp với các đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp. Luôn có ý thức hoàn thành nhiệm vụ chung trong môi trường sư phạm.	2.2	3

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác làm việc theo nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc. Không ngừng học hỏi, phấn đấu nhằm hoàn thiện năng lực và phẩm chất của người giáo viên mầm non	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/ Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
Nội dung 1. Rèn kĩ năng đọc diễn cảm	08	5.1, 5.2, 5.3.	- Thực hành trực quan. - Rèn luyện cá nhân.	- Đọc TLTK [1], [3]. Chọn các tác phẩm thơ, truyện để luyện kĩ năng đọc diễn cảm. - Luyện cách cầm sách, lật sách, vị trí đứng và cách đọc mẫu, tốc độ đọc mẫu - Luyện đọc diễn cảm các văn bản thuộc các thể loại khác nhau (Yêu cầu phát âm chuẩn; đọc rõ ràng, lưu loát; có cảm xúc; có ngữ điệu, nhịp điệu, tốc độ, cường độ phù hợp; biết kết hợp động tác, cử chỉ...) + Thơ, câu đố, ca dao, đồng dao: đọc thuộc lòng một bài tự chọn + Truyện: Cầm sách đọc một truyện tự chọn.	9.2.1
Nội dung 2. Rèn kĩ năng kể chuyện	08	5.1, 5.2, 5.3.	- Thực hành trực quan. - Rèn luyện cá nhân.	- Đọc TLTK [1], [3]. Chọn tác phẩm truyện để luyện kĩ năng kể chuyện. - Luyện kể diễn cảm toàn bộ chuyện (Xác định giọng điệu cơ bản, ngữ điệu lời kể; cách ngừng nghỉ, nhấn giọng, chuyển giọng, giả giọng, tốc độ kể; kết hợp động tác, cử chỉ...) - Biết kể chuyện sáng tạo (đổi ngôi kể, trang phục, tranh ảnh minh họa,...) Nhận xét đánh giá cách kể chuyện của bạn.	9.2.2
Nội dung 3. Rèn kĩ năng nói	06	5.1, 5.2, 5.3.	- Thực hành trực quan. - Rèn luyện cá nhân.	- Xây dựng nội dung bài nói. - Luyện tập kĩ năng trình bày. - Xác định các yếu tố phụ trợ: thái độ, giọng	9.2.3

Chương/ Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
				nói, giao cảm với người nghe. - GV đưa ra các chủ đề: <i>Giới thiệu về quê hương; Thuyết trình về các vấn đề liên quan đến giáo dục hoặc xã hội; Bình luận vấn đề yêu thích; Nghề giáo viên mầm non; Ý nghĩa, tác động của việc đọc thơ, kể chuyện đối với trẻ mầm non, ...</i> SV lựa chọn chủ đề, xây dựng nội dung và tập thực hiện bài nói.	
Nội dung 4. Rèn kĩ năng viết chữ	08	5.1, 5.2, 5.3.	- Thực hành trực quan. - Rèn luyện cá nhân.	- Tập cầm viết đúng quy định. PHẦN XXXI: - Luyện viết chữ viết thường, chữ số trong vở tập viết tiểu học (lớp 1, lớp 2, mỗi lớp 01 cuốn) - Luyện viết chữ: thường, in thường, in hoa, chữ số và viết văn bản vào tập ô li. (Chọn các văn bản thuộc các thể loại khác nhau trong chương trình MN, mỗi SV viết đủ một cuốn tập dày 200 trang). Chú ý viết đúng chính tả và đúng mẫu chữ, cỡ chữ theo quy định.	9.2.4
Tổng cộng: 30 tiết (00/30/60)					

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	NXB	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Lê Thị Ánh Tuyết	<i>Phương pháp đọc, kể diễn cảm thơ, truyện cho trẻ mầm non</i>	2006	Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Lê Thu Hương (Chủ biên)	<i>Tuyển tập trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố dành theo chủ đề</i>	2011	Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
3	Phan Lan Anh (Chủ biên)	<i>Tuyển chọn trò chơi, thơ ca, truyện kể, câu đố.</i>	2018	Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần.
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số	Tổng số
9.2.1	Kỹ năng Đọc diễn cảm	- Nội dung thi: 1, 2, 3, 4. - Thi thực hành cá nhân theo bộ đề thống nhất.	5.1, 5.2, 5.3.	0.3	1.0
9.2.2	Kỹ năng Kể chuyện			0.3	
9.2.3	Kỹ năng Nói			0.2	
9.2.4	Kỹ năng Viết chữ			0.2	

PHỤ LỤC: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ**1. Kỹ năng đọc diễn cảm.**

- Phát âm chuẩn: 3.0 điểm.
- Đọc rõ ràng, lưu loát theo đặc trưng thể loại: 3.0 điểm.
- Biết sử dụng cảm xúc, ngữ điệu đọc: 3.0 điểm.
- Sử dụng yếu tố ngoài ngôn ngữ phù hợp: 1.0 điểm.

2. Kỹ năng kể chuyện.

- Kể đúng cốt truyện: 3.0 điểm.
- Biết thể hiện ngữ điệu: 3.0 điểm.
- Điệu bộ, cử chỉ phù hợp: 2.0 điểm.

- Lôi cuốn, hấp dẫn: 2.0 điểm

3. Kỹ năng nói.

- Đề cương rõ ràng, cấu trúc hợp lí: 2.0 điểm.
- Nội dung đầy đủ: 2.0 điểm.
- Trình bày lưu loát: 3.0 điểm.
- Phối hợp với các yếu tố phi ngôn ngữ: 1.0 điểm.
- Lôi cuốn, hấp dẫn: 2.0 điểm

4. Kỹ năng viết chữ.

- Chữ viết đúng hình dạng, kích cỡ: 3.0 điểm.
- Viết liền mạch: 2.0 điểm.
- Nét thanh, nét đậm: 2.0 điểm.
- Khoảng cách giữa các tiếng, dấu thanh: 1.0 điểm.
- Đúng chính tả: 1.0 điểm.
- Tốc độ: 1.0 điểm.

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1.2	Phân biệt được khả năng vận động cho từng nhóm đối tượng năng khiếu khi rèn luyện kỹ năng múa.	1.3	3
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Xác định và thể hiện đúng tính chất, sắc thái,... của những bài hát. Từ đó hình thành các kỹ năng âm nhạc cần thiết trong giáo dục âm nhạc cho trẻ ở trường mầm non.	2.1.4	4
5.2.2	Thực hành rèn luyện các kỹ năng múa và biên đạo các dạng múa ở trường mầm non một cách thành thạo và sáng tạo.	2.1.4	5
5.2.3	Có kỹ năng quản lý cảm xúc; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp.	2.2	3
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có kỹ năng làm việc độc lập, chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/ Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	PP dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>Chương 1. HƯỚNG DẪN RÈN LUYỆN KỸ NĂNG HÁT</p> <p>1.1. Ôn tập một số kỹ thuật trong ca hát</p> <p>1.1.1 Tư thế ca hát</p> <p>1.1.2. Cách sử dụng hơi thở trong ca hát</p> <p>1.1.3. Một vài kỹ thuật trong ca hát</p> <p>1.2. Rèn luyện kỹ năng hát: cá nhân hoặc nhóm từ 2 – 3 SV thể hiện một ca khúc Việt Nam. Ca khúc được Bộ văn hóa cho phép lưu hành. Không hát nhạc nước ngoài lời Việt.</p>	15/15	5.1.1 5.2.1 5.2.3 5.3.1	<p>* PP: Đàm thoại (nội dung 1.1)</p> <p>* PP: Thực hành (nội dung 1.2)</p> <p>* Tổ chức lớp học: Hoạt động nhóm.</p> <p>* Hướng dẫn thực hành: Giảng viên hướng dẫn, tư vấn, giải đáp, động viên và hỗ trợ sinh viên rèn luyện các kỹ năng.</p>	<p>* Nội dung: (1.1) sinh viên tự nghiên cứu tài liệu [1], liệt kê các nội dung liên quan và nêu câu hỏi thắc mắc.</p> <p>* Nội dung: (1.2) mỗi sinh viên lựa chọn ca khúc phù hợp với chất giọng và tâm cữ giọng hát của mình và thực hành theo hướng dẫn của giảng viên.</p> <p>- Chuẩn bị nhạc đệm cho ca khúc;</p> <p>- Chuẩn bị trang phục phù hợp với nội dung cần thể hiện.</p>	9.1
<p>Chương 2. HƯỚNG DẪN RÈN LUYỆN KỸ NĂNG MÚA</p> <p>2.1. Ôn tập một số nội dung lý thuyết</p> <p>2.1.1. Nguyên tắc biên đạo múa phụ họa một bài hát</p>	15/15	5.1.2 5.2.2 5.2.3 5.3.1	<p>* PP: Đàm thoại (nội dung 2.1)</p> <p>* PP: Thực hành (nội dung 2.2)</p>	<p>* Nội dung: (2.1) sinh viên tự nghiên cứu tài liệu [2], liệt kê các nội dung liên quan</p>	9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	PP dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
2.1.2. Các bước biên đạo múa phụ họa một bài hát 2.1.3. PP biên đạo múa phụ họa một bài hát 2.2. Hướng dẫn thực hành: cá nhân hoặc nhóm từ 10 – 12 sinh viên thể hiện một tiết mục múa do cá nhân hoặc nhóm biên đạo.			* Tổ chức lớp học: Hoạt động nhóm. * Hướng dẫn thực hành: Giảng viên hướng dẫn, tư vấn, giải đáp, động viên và hỗ trợ sinh viên rèn luyện các kỹ năng.	và nêu câu hỏi thác mắc. * Nội dung: (2.2) cá nhân hoặc nhóm từ 10 – 12 sinh viên lựa chọn thể loại múa và thể hiện tiết mục múa do cá nhân hoặc nhóm biên đạo; - Lập kế hoạch tập luyện; - Chuẩn bị âm nhạc, trang phục và đạo cụ phù hợp với nội dung cần thể hiện;	

7. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Hoàng Văn Yến	Trẻ thơ hát	1995	Âm nhạc	TT học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Trần Minh Trí	Múa và phương pháp dạy trẻ vận động theo nhạc	1997	Bộ GD&ĐT	TT học liệu Lê Vũ Hùng	x	
3	Hoàng Văn Yến	Trẻ mầm non ca hát.	1993	Nxb Âm nhạc	TT học liệu Lê Vũ Hùng		x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, 2	5.1; 5.2; 5.3	0.4
9.2	Đánh giá kết thúc học phần	Chương 1, 2	5.1; 5.2; 5.3	0.6

6.1.65. RÈN LUYỆN NVSPTX 3 (PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC)**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: RÈN LUYỆN NVSPTX 3
- Mã lớp học phần: KI4403
- Số tín chỉ: 01 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 15(00/30/30)
- Học phần điều kiện: KI4241, KI4228
- Học kỳ: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên**2.1. Giảng viên 1:**

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Thanh Nguyệt** Chức danh, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ
- Điện thoại: 0919 520 999E-mail: nguyet76dhdt@gmail.com
- Đơn vị: Khoa GD Tiểu học –Mầm non

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Trần Nguyễn Thị Như Mai** - Chức danh, học vị: Thạc sĩ.
- Điện thoại: 0983482042 Email: nguyennhumaidhdt@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học –Mầm non

2.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: **Phan Thị Hoàng Nguyên.**Chức danh, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Điện thoại: 0918041882 Email: pthnguyen8182@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học – Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Học phần “*Rèn luyện NVSPTX 3*” đây là học phần nằm trong khối thực hành thực tập nghề nghiệp giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học trên lớp để tự rèn luyện kỹ năng thiết kế kế hoạch và tổ chức các hoạt động phát triển nhận thức cho trẻ mầm non. Đây là những kỹ năng vô cùng cần thiết, nó giúp sinh viên sử dụng và vận dụng vào trong các hoạt động giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ ở trường mầm non.

4. Mục tiêu học phần.**4.1. Kiến thức:**

Khái quát các xu hướng giáo dục mầm non và kiến thức về chương trình giáo dục mầm non, những kiến thức về khoa học giáo dục mầm non để phát triển nhận thức cho trẻ phù hợp với điều kiện thực tiễn.

4.2. Kỹ năng:

Tổ chức được hoạt động giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ mầm non linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn.

4.3. Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm

Có tư duy độc lập, lập luận khoa học để bảo vệ và dám chịu trách nhiệm về kế hoạch của cá nhân soạn; có ý tưởng trong quá trình thiết kế giáo án phát triển nhận thức.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1. Kiến thức			
5.1.1	Lựa chọn linh hoạt các xu hướng giáo dục mầm non và những kiến thức về chương trình giáo dục mầm non vào việc thiết kế kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ theo hướng tích hợp, trải nghiệm phù hợp với điều kiện thực tiễn.	1.4	3

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1.2	Giải thích được những đặc điểm phát triển nhận thức, nhiệm vụ, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức PTNT trong việc lựa chọn các hoạt động giáo dục nhận thức phù hợp với từng độ tuổi của trẻ.	1.5	3
5.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Xây dựng được giáo án lĩnh vực phát triển nhận thức: khám phá khoa học, khám phá xã hội và làm quen với toán phù hợp với mục tiêu và nội dung các độ tuổi trong chương trình GDMN	2.1.2	6
5.2.2	Tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ và điều kiện thực tiễn.	2.1.4	5
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Giải quyết nhiệm vụ độc lập nhiệm vụ, có khả năng lập luận để bảo vệ quan điểm của bản thân; chủ động và tương tác tốt với các thành viên trong nhóm, thích ứng tốt với hoạt động nhóm có sự thay đổi	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết: không có

6.2: Thực hành:

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	PP dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>NỘI DUNG 1: HƯỚNG DẪN RÈN LUYỆN</p> <p>-Giảng viên hướng dẫn sinh viên soạn kế hoạch tổ chức hoạt động: 4 giáo án Khám phá MTXQ(1 giáo án lứa tuổi nhà trẻ, 3 giáo án lứa tuổi mẫu giáo), 4 giáo án Làm quen với biểu tượng toán (1 giáo án lứa tuổi nhà trẻ, 3 giáo án lứa tuổi mẫu giáo)</p>	03/03	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.3	<p>a) Giảng giải – thuyết trình: hướng dẫn soạn bài</p> <p>b) Làm việc cá nhân <u>mục: chọn đề tài</u></p> <p>c):<u>sinh viên tự nghiên cứu thiết kế bài dạy phù hợp với năng lực của bản thân</u></p>	<p>- <u>Đọc, ghi chép</u> những ý chính.</p> <p>- <u>Tự nghiên cứu, phân tích</u> những ví dụ về cách dựa vào chương trình giáo dục mầm non lựa chọn nội dung thiết kế giáo án cho phù hợp</p> <p>- <u>Trả lời câu hỏi:</u></p> <p>1. Lĩnh vực PTNT gồm những hoạt động nào</p> <p>2. Căn cứ vào đâu để chọn đề tài soạn giáo án .</p> <p>3. Cấu trúc cơ bản của một giáo án LQMTXQ, LQVT là như thế nào?.</p> <p>4. Phân biệt tên đề tài KPMTXQ, LQVT của nhà trẻ và mẫu giáo.</p> <p>5. Những khó khăn thường gặp khi soạn giáo án</p>	

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	PP dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
				trong lĩnh vực này? Tài liệu [1], [2], [3], [4], [5]	
<p>NỘI DUNG 2: LẬP KẾ HOẠCH GIÁO DỤC</p> <p>2.1 Lập kế hoạch</p> <p>2.1.1. Cách chọn đề tài 2.1.2 Viết mục tiêu: kiến thức, kỹ năng, thái độ các dùng thuật ngữ kiến thức, kỹ năng, thái độ</p> <p>2.1.3 Cách tiến hành: các hoạt động đảm bảo sự đa dạng, cho trẻ trải nghiệm thực hành, cách thiết kế trò chơi học tập</p> <p>2.1.4 Sự thống nhất giữa mục tiêu và nội dung bài học</p>	06/06	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.3	a) Giảng giải – thuyết trình = b) Làm việc cá nhân <u>mục</u> <u>2.1.1;2.1.2.;2.1.3;2.1.4</u>	- <u>Đọc, ghi chép</u> những ý chính của bài học. - <u>Thực hiện</u> chỉnh sửa giáo án theo góp ý - Xem trang 41,42, 60,61 tài liệu [3]	9.1.1
<p>NỘI DUNG 3: THỰC HÀNH TẬP DẠY THEO NHÓM</p> <p>- Mỗi SV lên 2 tiết dạy (đảm bảo 2 độ tuổi: NT & MG) đảm bảo 2 nội dung: khám phá, làm quen với toán</p> <p>- Các bạn trong nhóm dự giờ, nhận xét, rút kinh nghiệm</p>	15/15	5.2.2 5.3	PP thực hành: SV chia nhóm tập dạy: mỗi SV tự chọn 2 trong 8 giáo án đã soạn lên tiết dạy cho cả nhóm dự (đảm bảo 2 độ tuổi: NT & MG) đảm bảo 2 nội dung: Thẻ đục sáo và phát triển vận động - GV quan sát và góp ý, chỉnh sửa. SV tiếp thu ghi nhận ý kiến đóng góp của GV.	+ SV chuẩn bị giáo án. + Nhóm tổ chức tập dạy: mỗi SV tự chọn 2 trong 8 giáo án đã soạn lên tiết dạy cho cả nhóm dự (đảm bảo 2 độ tuổi: NT & MG) đảm bảo 2 nội dung: khám phá MTXQ, LQVT + Các thành viên trong nhóm tham gia họp nhóm, nhận xét, rút kinh nghiệm, đánh giá trên giáo án và trên tiết dạy của từng thành viên trong nhóm. + SV tự chuẩn bị đầy đủ các phương tiện phục vụ cho 2 tiết dạy. - Nhóm lập sổ biên bản và cử một bạn làm thư ký ghi chép toàn bộ quá trình hoạt động của nhóm.	9.1.2
4.1 Khám phá môi trường xung quanh	06/06	5.2.2 5.3	Thực hành: sinh viên thực hành tổ chức giờ học	+ Mỗi SV nộp 8 giáo án	9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	PP dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
4.2 Làm quen với toán biệt			Thuyết giảng: giảng viên nhận xét rút kinh nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> + Mỗi nhóm nộp 1 sổ biên bản. + Nhóm chuẩn bị đầy đủ các phương tiện phục vụ cho 2 tiết dạy. + Lớp trưởng tự liên hệ với khoa mượn phòng THMN, chịu trách nhiệm mở và đóng cửa. - Khi GV đánh giá, các thành viên trong lớp phải có mặt đầy đủ, theo dõi, ghi chép, nhận xét. <p>Mỗi cá nhân được đánh giá 1 tiết dạy theo hình thức bốc thăm 1 trong 2 lứa tuổi Nhà trẻ/Mẫu giáo, 1 trong 2 nội dung.</p>	

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Hoàng Thị Phương	LL và PP hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh	2008	NXB ĐHSHPN	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Đỗ Thị Minh Liên	Phương pháp cho trẻ làm quen với toán	2009	NXB giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
3	Bộ GD & ĐT	Chương trình GDMN	2021		Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
4	Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết	Hướng dẫn thực hiện chương trình GDMN từ 0 đến 6 tuổi.	2017	NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
5	Lý Thị Hằng	Tuyển chọn giáo án mẫu giáo lĩnh vực nhận thức	2016	NXB GD Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Nội dung 1,2,3,4	5.1.1;5.1.2;5.2.1	0.4
9.1.1	Lập kế hoạch	Nội dung 2	5.1.1;5.1.2;5.3	
9.1.2	Tổ chức giờ học	Nội dung 3	5.1.1;5.1.2;5.3	
9.2	Đánh giá kết thúc học phần	Nội dung 4	5.2.2;5.3	0.6

6.1.66. RÈN LUYỆN NVSPTX 4 (PHÁT TRIỂN THẨM MỸ)**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: RÈN LUYỆN NVSPTX 4
- Mã lớp học phần: KI4404
- Số tín chỉ: 01 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 15 (00/30/30)
- Học phần điều kiện:
- Học kỳ: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Hồng Khoa** Chức danh, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ
- Điện thoại: 0914. 443. 524 E-mail: nthkhoa@dthu.edu.vn
- Đơn vị: Khoa Giáo Dục THMN

3. Tổng quan về học phần

Học phần “*Rèn luyện NVSPTX 4*” nằm trong khối kiến thức Thực hành thực tập nghề nghiệp giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học trên lớp để tự rèn luyện kỹ năng thiết kế kế hoạch và tổ chức các hoạt động phát triển thẩm mỹ cho trẻ mầm non. Đây là những kỹ năng vô cùng cần thiết, nó giúp sinh viên sử dụng và vận dụng vào trong các hoạt động giáo dục phát triển thẩm mỹ cho trẻ ở trường mầm non.

4. Mục tiêu học phần.**4.1. Kiến thức:**

Liệt kê kiến thức các về lý luận và phương pháp phát triển tạo hình và âm nhạc, xu hướng giáo dục mầm non và kiến thức về chương trình giáo dục mầm non, những kiến thức về khoa học giáo dục mầm non để phát triển thẩm mỹ cho trẻ phù hợp với điều kiện thực tiễn.

4.2. Kỹ năng:

Tổ chức được hoạt động giáo dục phát triển thẩm mỹ cho trẻ mầm non linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn.

4.3. Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm

Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm, phát huy trí tuệ tập thể và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức, lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1. Kiến thức			
5.1.1	Liệt kê các xu hướng giáo dục mầm non và những kiến thức về chương trình giáo dục mầm non vào việc thiết kế kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển thẩm mỹ cho trẻ theo hướng tích hợp, trải nghiệm phù hợp với điều kiện thực tiễn.	1.4	3
5.1.2	Giải thích được những đặc điểm phát triển thẩm mỹ, nhiệm vụ, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức PTTM trong việc lựa chọn các hoạt động giáo dục thẩm mỹ phù hợp với từng độ tuổi của trẻ.	1.5	3
5.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Xây dựng được giáo án lĩnh vực phát triển thẩm mỹ: âm nhạc và tạo hình phù hợp với mục tiêu và nội dung các độ tuổi trong chương trình GDMN	2.1.2	6
5.2.2	Tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển thẩm mỹ cho trẻ phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ và điều kiện thực tiễn.	2.1.4	5
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.3.1	Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm, phát huy trí tuệ tập thể và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức, lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết: không có

6.2: Thực hành:

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/ TH)	Chuẩn đầu ra	PP dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>NỘI DUNG 1: HƯỚNG DẪN RÈN LUYỆN</p> <p>Soạn kế hoạch tổ chức hoạt động: 4 giáo án Âm nhạc (1 giáo án lứa tuổi nhà trẻ, 3 giáo án lứa tuổi mẫu giáo), 4 giáo án Tạo hình (1 giáo án lứa tuổi nhà trẻ, 3 giáo án lứa tuổi mẫu giáo)</p>	02/02	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.3	<p>- Giảng giải – thuyết trình: hướng dẫn soạn bài</p> <p>- Thảo luận nhóm: chọn đề tài</p> <p>- Tự học: sinh viên tự nghiên cứu thiết kế bài dạy phù hợp với năng lực của bản thân</p>	<p>- Đọc, ghi chép những ý chính.</p> <p>- Tự nghiên cứu, phân tích những ví dụ về cách dựa vào chương trình giáo dục mầm non lựa chọn nội dung thiết kế giáo án cho phù hợp</p> <p>- Trả lời câu hỏi:</p> <p>1. Lĩnh vực PTTM gồm những hoạt động nào</p> <p>2. Căn cứ vào đâu để chọn đề tài soạn giáo án .</p> <p>3. Cấu trúc cơ bản của một giáo án Tạo hình, Âm nhạc là như thế nào?.</p> <p>4. Phân biệt tên đề tài Tạo hình, Âm nhạc của nhà trẻ và mẫu giáo.</p> <p>5. Những khó khăn thường gặp khi soạn giáo án trong lĩnh vực này?.</p> <p>Tài liệu [1], [2], [3], [4], [5]</p>	
<p>NỘI DUNG 2: LẬP KẾ HOẠCH GIÁO DỤC</p> <p>2.1. Cách chọn đề tài</p> <p>2.2. Viết mục tiêu: kiến thức, kỹ năng, thái độ các dùng thuật ngữ kiến thức, kỹ năng, thái độ</p> <p>2.3. Cách tiến hành: các hoạt động đảm bảo sự đa dạng, cho trẻ trải nghiệm thực hành, cách thiết kế trò chơi học tập</p>	06/06	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.3	<p>- Giảng giải</p> <p>- Thuyết trình</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	<p>- Đọc, ghi chép những ý chính của bài học.</p> <p>- Thực hiện chỉnh sửa giáo án theo góp ý</p> <p>- Xem trang 41,42, 60,61 tài liệu [3]</p>	9.1.1

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	PP dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
2.4. Sự thống nhất giữa mục tiêu và nội dung bài học					
<p>NỘI DUNG 3: THỰC HÀNH TẬP DẠY THEO NHÓM</p> <p>- Thực hành tiết dạy: 2 tiết dạy (đảm bảo 2 độ tuổi: NT & MG) đảm bảo 2 nội dung: tạo hình, âm nhạc</p> <p>- Dự giờ, nhận xét, rút kinh nghiệm</p>	15/15	5.2.2 5.3	<p>- Thực hành: SV chia nhóm tập dạy: mỗi SV tự chọn 2 trong 8 giáo án đã soạn lên tiết dạy cho cả nhóm dự (đảm bảo 2 độ tuổi: NT & MG) đảm bảo 2 nội dung: Tạo hình, âm nhạc</p> <p>- Thuyết giảng: GV quan sát và góp ý, chỉnh sửa. SV tiếp thu ghi nhận ý kiến đóng góp của GV.</p>	<p>+ SV chuẩn bị giáo án. + Nhóm tổ chức tập dạy: mỗi SV tự chọn 2 trong 8 giáo án đã soạn lên tiết dạy cho cả nhóm dự (đảm bảo 2 độ tuổi: NT & MG) đảm bảo 2 nội dung: Tạo hình, Âm nhạc + Các thành viên trong nhóm tham gia họp nhóm, nhận xét, rút kinh nghiệm, đánh giá trên giáo án và trên tiết dạy của từng thành viên trong nhóm. + SV tự chuẩn bị đầy đủ các phương tiện phục vụ cho 2 tiết dạy. - Nhóm lập sổ biên bản và cử một bạn làm thư ký ghi chép toàn bộ quá trình hoạt động của nhóm.</p>	9.1.2
<p>NỘI DUNG 4: ĐÁNH GIÁ TIẾT DẠY</p> <p>4.1. Tạo hình</p> <p>4.2. Âm nhạc</p>	07/07	5.2.2 5.3	<p>- Thực hành Sinh viên thực hành tổ chức giờ học</p> <p>- Thuyết giảng Giảng viên nhận xét rút kinh nghiệm</p>	<p>+ Mỗi SV nộp 8 giáo án + Mỗi nhóm nộp 1 sổ biên bản. + Nhóm chuẩn bị đầy đủ các phương tiện phục vụ cho 2 tiết dạy. + Lớp trưởng tự liên hệ với khoa mượn phòng THMN, chịu trách nhiệm mở và đóng cửa. - Khi GV đánh giá, các thành viên trong lớp phải có mặt đầy đủ, theo dõi, ghi chép, nhận xét. Mỗi cá nhân được đánh giá 1 tiết dạy theo hình thức bốc thăm 1 trong 2 lứa tuổi Nhà trẻ/Mẫu giáo, 1 trong 2 nội dung.</p>	9.2

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo

1	Phạm Thị Hòa	Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ Mầm non	2011	NXB GDVN	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Lê Thanh Thủy	PP tổ chức HĐTH cho trẻ MN	2006	NXB Đại học Sư Phạm	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
3	Hoàng Văn Yến	Trẻ thơ hát	1995	NXB âm nhạc	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Bộ GD & ĐT	Chương trình giáo dục mầm non	2020	NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>	<i>Nội dung 1,2,3,4</i>	<i>5.1.1;5.1.2;5.2.1</i>	<i>0.4</i>
9.1.1	Lập kế hoạch	Nội dung 2	5.1.1;5.1.2;5.3	
9.1.2	Tổ chức giờ học	Nội dung 3	5.1.1;5.1.2;5.3	
9.2	<i>Đánh giá kết thúc học phần</i>	<i>Nội dung 4</i>	<i>5.2.2;5.3</i>	<i>0.6</i>

6.1.67. RÈN LUYỆN NVSPTX 5 (PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ)**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: KI4405- Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 5 (Phát triển ngôn ngữ)

- Mã lớp học phần:

- Số tín chỉ: 1

Số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 00/30/30

- Học phần điều kiện: *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non, Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen văn học cho trẻ mầm non* (Học trước)

- Học kì:

Năm học:

2. Thông tin về giảng viên**2.1. Giảng viên 1**

- Họ và tên: Lê Thị Mai An

- Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

- Điện thoại: 0919.107.161

- Email: lenthimaian.dth@gmail.com

- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục TH-MN

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Phạm Thị Minh Hiếu - Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

- Điện thoại: 0914759251

- Email: phambhieu25182@gmail.com

- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục TH-MN

3. Tổng quan về học phần

Học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 5 thuộc khối thực hành, thực tập nghề nghiệp, tiếp nối 2 học phần Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non, Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen văn học cho trẻ mầm non, có vai trò quan trọng trong việc hình thành kỹ năng dạy học thuộc lĩnh vực phát triển ngôn ngữ cho sinh viên ngành mầm non. Học phần gồm các nội dung trọng tâm sau: rèn luyện kỹ năng thiết kế kế hoạch giáo dục, xây dựng và tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ. Học phần chú trọng tự học, tự thực hành, làm việc nhóm của sinh viên dưới sự kiểm tra, đánh giá của giảng viên hướng dẫn. Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể học tiếp học phần Thực tập tốt nghiệp.

4. Mục tiêu học phần**4.1. Kiến thức:**

Học phần giúp sinh viên hình thành tư duy lý luận, phân tích được mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm phát triển ngôn ngữ cho trẻ theo độ tuổi.

4.2. Kỹ năng

Thành thạo trong thiết kế và tổ chức kế hoạch giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.

4.3. Thái độ

Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học, chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Phân tích được mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ theo từng độ tuổi.	1.3	3

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1.2	Vận dụng được những kiến thức về lý luận và phương pháp trong lĩnh vực phát triển ngôn ngữ để thực hiện nhiệm vụ phát triển toàn diện cho trẻ và kiến thức về đánh giá trong giáo dục mầm non.	1.5	3
5.2 Kỹ năng			
5.2.1	Thành thạo kỹ năng thiết kế kế hoạch giáo dục, thiết kế đồ dùng, tổ chức các trò chơi, bài tập phát triển ngôn ngữ, các hoạt động làm quen văn học và làm quen chữ cái cho trẻ theo từng độ tuổi một cách khoa học và sáng tạo.	2.1.2	3
5.2.2	Đánh giá được kế hoạch giáo dục, nhận xét các tiết tập dạy của bản thân và của người khác trong lĩnh vực phát triển ngôn ngữ.	2.1.4	3
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để bảo vệ kết luận chuyên môn; có khả năng dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ, sáng kiến và chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi	3.1	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết (không)

6.2. Thực hành

Nội dung/ Chủ đề	Số tiết (LT/ThH)	CDR	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của SV	HĐĐG
Hướng dẫn rèn luyện và xây dựng nhóm. - Giới thiệu chung - Cách thực hiện RL NVSP - Chọn nhóm, bài RLNVSP	00/01		-Thuyết trình, giải thích, hướng dẫn rèn luyện.	- Chủ động liên hệ với GVHD; - Chuẩn bị đề cương, giáo trình; - Chia nhóm rèn luyện. Mỗi nhóm từ 08-10 SV, tùy số lượng sinh viên trong lớp; - Bất thăm chủ đề/ lứa tuổi. - Tự thực hành rèn luyện dưới sự hướng dẫn của giảng viên;	
Nội dung 1. Tập luyện kỹ năng tổ chức trò chơi, bài tập phát triển ngôn ngữ: 1. Bài tập luyện phát âm. 2. Trò chơi phát triển vốn từ (nhà trẻ, mẫu giáo) 3. Trò chơi dạy trẻ nói đúng mẫu câu tiếng Việt	00/06	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	- Thực hành; - Tự học; - Làm việc nhóm.	- Mỗi sinh viên chọn 1 trong 3 dạng, soạn giáo án theo chủ đề/ lứa tuổi đã bất thăm. Đề tài tự chọn.	9.1 9.2

Nội dung/ Chủ đề	Số tiết (LT/ThH)	CDR	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của SV	HĐĐG
				- Mỗi nhóm sinh viên chuẩn bị ĐDDH và thực hành 1 trong 3 dạng đã chọn; GVHD sửa và đánh giá/ cho điểm tiết dạy.	
<p>Nội dung 2. Tập luyện kỹ năng tổ chức hoạt động làm quen văn học (tuổi nhà trẻ và mẫu giáo)</p> <p>1) <i>Đọc thơ cho bé nghe;</i></p> <p>2) <i>Kể chuyện cho bé nghe;</i></p> <p>3) <i>Dạy bé đọc thơ;</i></p> <p>4) <i>Dạy bé kể lại truyện.</i></p>	00/15	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	- Trực quan; - Thực hành; - Tự học; - Làm việc nhóm.	- Tự xem băng dạy mẫu; thực hành các dạng bài ở lứa tuổi NT và MG; - Mỗi sinh viên chọn 2 trong 4 dạng, soạn giáo án theo chủ đề/ lứa tuổi đã bắt thăm. <i>Lưu ý: Bất buộc 01 giáo án NT, 01 giáo án MG.</i> - Mỗi nhóm sinh viên chuẩn bị ĐDDH và thực hành tập dạy 02 giáo án (2 trong 4 dạng); GVHD sửa và đánh giá/ cho điểm.	9.1 9.2
<p>Nội dung 3. Tập luyện kỹ năng tổ chức hoạt động làm quen với chữ cái:</p> <p>1) <i>Hướng dẫn trẻ làm quen với chữ cái;</i></p> <p>2) <i>Hướng dẫn trẻ tập tô.</i></p>	00/08	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	- Thực hành; - Tự học; - Làm việc nhóm.	- Mỗi sinh viên soạn 02 giáo án theo chủ đề đã bắt thăm. - Mỗi nhóm sinh viên chuẩn bị ĐDDH và thực hành tập dạy 02 giáo án ; GVHD sửa và đánh giá/ cho điểm tiết dạy.	9.1 9.2

7. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Hồ Thị Thu Hà	<i>Bài giảng PP phát triển NN</i>	2017	TL nội bộ	Trung tâm học liệu Lê Vũ	x	

					Hùng		
2	Hà Nguyễn Kim Giang	<i>Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học,</i>	2008	Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
3	Bộ Giáo dục và Đào tạo	<i>Chương trình giáo dục mầm non</i>	2017	Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Bộ Giáo dục và Đào tạo	<i>Hướng dẫn tổ chức thực hiện CT GDMN</i>	2017	Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
5	Lê Thu Hương	<i>Tuyển chọn thơ ca, truyện kể, bài hát, câu đố (từng độ tuổi)</i>	2010	Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
6	Nguyễn Thị Phương Nga	<i>Phương pháp phát triển ngôn ngữ</i>	2007	Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

8. Quy định đối với sinh viên

- Tham dự đủ từ 80% trở lên số tiết lý thuyết của học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. . Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Nội dung/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Kế hoạch bài dạy; Tập giảng	Nội dung 1, 2, 3	5..1; 5.2; 5.3	0.4
9.2	Thực hành tiết dạy trên lớp	Nội dung 1, 2, 3	5..1; 5.2; 5.3	0.6

6.1.68. RÈN LUYỆN NVSPTX 6 (PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT)**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: KI4406 – RÈN LUYỆN NVSPTX 6 (PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT)
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 01 Số tiết tín chỉ: 15 (00/30/30)
- Học phần điều kiện: *KI4245*
- Học kỳ: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên: **Lê Thị Lan** Chức danh, học vị: Giảng viên – Thạc sỹ
- Điện thoại: 0834.481.070 E-mail: lelanthmn@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học – Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Học phần “*Rèn luyện NVSPTX 6*” là học phần nằm trong khối kiến thức thực hành thực tập nghề nghiệp. Học phần có vai trò quan trọng trong việc giúp sinh viên hình thành những tri thức và kỹ năng về các hoạt động giáo dục phát triển thể chất cho trẻ ở trường mầm non.

Từ những kiến thức và kỹ năng trên, học phần còn trang bị cho sinh viên kỹ năng tổ chức quá trình dạy học một cách khoa học, có hiệu quả để có thể dạy tốt lĩnh vực phát thể chất cho trẻ mầm non sau khi tốt nghiệp và học tập ở trình độ cao hơn, góp phần đẩy mạnh công tác đào tạo và giáo dục thế hệ trẻ theo yêu cầu phát triển xã hội.

4. Mục tiêu học phần**4.1. Kiến thức:**

Giải thích được các xu hướng giáo dục mầm non và kiến thức về chương trình giáo dục mầm non trong việc lập kế hoạch giáo dục phát triển thể chất cho trẻ phù hợp với thực tiễn.

4.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức

Tổ chức được các hoạt động giáo dục phát triển thể chất cho trẻ phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ với điều kiện thực tiễn.

4.3. Mức tự chủ, chịu trách nhiệm

Có tư duy độc lập, lập luận theo chương trình GDMN để bảo vệ và dám chịu trách nhiệm về kế hoạch mà mình biên soạn; có khả năng dẫn dắt và có ý tưởng trong quá trình lập kế hoạch giáo dục phát triển thể chất; thích ứng tốt với hoạt động nhóm có sự thay đổi.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Trình bày được các xu hướng giáo dục mầm non và những kiến thức về chương trình giáo dục mầm non vào việc lập kế hoạch và tổ chức hoạt động giáo dục phát triển thể chất cho trẻ theo hướng tích hợp phù hợp với điều kiện thực tiễn.	1.4	3
5.1.2	Giải thích được những đặc điểm phát triển thể chất, nhiệm vụ, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức GDTC trong việc lựa chọn các hoạt động giáo dục phát triển thể chất phù hợp với từng độ tuổi của trẻ.	1.5	3
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	A.15. Lập được kế hoạch hoạt động phát triển vận động, hoạt động thể dục sáng cho trẻ mầm non linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn.	2.1.2	6

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.2.2	A.16. Tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển thể chất cho trẻ phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ và điều kiện thực tiễn... phục vụ mục tiêu giáo dục thể chất trong chương trình giáo dục mầm non.	2.1.4	5
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập, lập luận theo chương trình GDMN để bảo vệ và dám chịu trách nhiệm về kế hoạch mà mình biên soạn; có khả năng dẫn dắt và có ý tưởng trong quá trình lập kế hoạch giáo dục phát triển thể chất; thích ứng tốt với hoạt động nhóm có sự thay đổi.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết: Không có

6.2. Thực hành

Chương/Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
PHẦN 1: HƯỚNG DẪN RÈN LUYỆN 1.1. Thực hành tìm hiểu, phân tích mục tiêu, nội dung bài dạy cụ thể; 1.2. Lập kế hoạch hoạt động; 1.3. Tổ chức tập dạy trên đối tượng sinh viên: 1.3.1. Nhà trẻ: 01 tiết thể dục sáng, 01 tiết phát triển vận động 1.3.2. Mẫu giáo: 01 tiết thể dục sáng, 01 tiết phát triển vận động 1.4. Đăng ký đánh giá kết quả dạy với GVHD (01 tiết / cá nhân)	03/03	5.1; 5.2; 5.3.	- PP trò chơi: GV tổ chức trò chơi: “Rung chuông vàng” - PP thảo luận nhóm: GV tổ chức cho SV thảo luận và báo cáo kết quả thực hiện, thảo luận. - PP thuyết giảng: GV chỉnh sửa và kết luận.	Chuẩn bị tài liệu [1, 2, 3, 4, 5] - Vở ghi chép - Xem trước đề cương học phần, kế hoạch dạy học, tài liệu,... - Mỗi lớp sinh viên chia thành 04 nhóm, mỗi nhóm khoảng 10 SV; mỗi nhóm cử một nhóm trưởng. - Các nhóm đọc tài liệu, thảo luận và trình bày: phân tích mục tiêu, nội dung kế hoạch giáo dục phát triển thể chất.	
PHẦN 2: LẬP KẾ HOẠCH 2.1. Nhà trẻ: 01 tiết thể dục sáng, 01 tiết phát triển vận động 2.2. Mẫu giáo: 01 tiết thể dục sáng, 01 tiết phát triển vận động	06/06	5.1 5.2.1 5.3.	- PP thuyết giảng: GV hướng dẫn nội dung lập kế hoạch PTTC. - PP thực hành: GV giao nhiệm vụ cho SV: lập 4 kế hoạch (đảm bảo 2 độ tuổi: NT & MG)	Nghiên cứu tài liệu [1, 2, 3, 4, 5] + Mỗi SV tự lập 4 kế hoạch (đảm bảo 2 độ tuổi: NT & MG) đảm bảo 2 nội dung: Thẻ dục sáng	9.1.1

Chương/Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
			<p>đảm bảo 2 nội dung: Thể dục sáng và phát triển vận động.</p> <p>- GV chỉnh sửa kế hoạch, SV hoàn thiện.</p>	<p>và phát triển vận động.</p> <p>- Lựa chọn đề tài đúng theo yêu cầu, đúng chương trình giáo dục mầm non.</p> <p>- Xác định mục tiêu đúng, phù hợp độ tuổi, đủ cả 3 nội dung: kiến thức, kỹ năng, thái độ</p>	
<p>PHẦN 3: THỰC HÀNH TẬP DẠY THEO NHÓM</p> <p>3.1. Nhà trẻ: 01 tiết (thể dục sáng/phát triển vận động)</p> <p>3.2. Mẫu giáo: : 01 tiết (thể dục sáng/phát triển vận động)</p>	15/15	<p>5.1</p> <p>5.2.2</p> <p>5.3.</p>	<p>- PP thực hành: GV tổ chức cho SV chia nhóm tập dạy: mỗi SV tự chọn 2 trong 4 kế hoạch đã lập, lên tiết dạy cho cả nhóm dự (đảm bảo 2 độ tuổi: NT & MG)</p> <p>đảm bảo 2 nội dung: Thể dục sáng và phát triển vận động</p> <p>- GV quan sát và góp ý, chỉnh sửa. SV tiếp thu ghi nhận ý kiến đóng góp của GV.</p>	<p>+ SV chuẩn bị kế hoạch.</p> <p>+ Nhóm tổ chức tập dạy: mỗi SV tự chọn 2 trong 4 kế hoạch cho cả nhóm dự (đảm bảo 2 độ tuổi: NT & MG) đảm bảo 2 nội dung: Thể dục sáng và phát triển vận động.</p> <p>+ Các thành viên trong nhóm tham gia họp nhóm, nhận xét, rút kinh nghiệm, đánh giá trên kế hoạch và trên tiết dạy của từng thành viên trong nhóm.</p> <p>+ SV tự chuẩn bị đầy đủ các phương tiện phục vụ cho 2 tiết dạy.</p> <p>- Nhóm lập sổ biên bản và cử một bạn làm thư ký ghi chép toàn bộ quá trình hoạt động của nhóm.</p>	9.1.2

Chương/Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>PHẦN 4: ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG</p> <p>4.1. Hoàn thành 4 kế hoạch</p> <p>4.1.1. Vận động (nhà trẻ và mẫu giáo)- 2 tiết</p> <p>4.1.2. Thẻ dực sáng (nhà trẻ và mẫu giáo)- 2 tiết</p> <p>4.2. Đánh giá tiết dạy</p> <p>- 1 tiết dạy theo hình thức bốc thăm</p>	06/06	5.1; 5.2; 5.3.	<p>- PP thực hành: GV yêu cầu mỗi SV sẽ đánh giá 1 tiết dạy theo hình thức bốc thăm (1 trong 2 lứa tuổi Nhà trẻ/Mẫu giáo, 1 trong 2 nội dung Thẻ dực sáng/Phát triển vận động).</p> <p>- PP thuyết giảng: GV nhận xét, rút kinh nghiệm từng tiết dạy của SV.</p>	<p>+ Mỗi SV nộp 4 kế hoạch.</p> <p>+ Mỗi nhóm nộp 1 sổ biên bản.</p> <p>+ Nhóm chuẩn bị đầy đủ các phương tiện phục vụ cho 2 tiết dạy.</p> <p>+ Lớp trưởng tự liên hệ với khoa mượn phòng THMN, chịu trách nhiệm mở và đóng cửa.</p> <p>- Khi GV đánh giá, các thành viên trong lớp phải có mặt đầy đủ, theo dõi, ghi chép, nhận xét.</p> <p>Mỗi cá nhân được đánh giá 1 tiết dạy theo hình thức bốc thăm 1 trong 2 lứa tuổi Nhà trẻ/Mẫu giáo, 1 trong 2 nội dung Thẻ dực sáng/Phát triển vận động.</p>	9.2

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Hoàng Thị Dinh, Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Thùy Dương	Các bài tập phát triển vận động và trò chơi vận động cho trẻ Nhà trẻ và Mẫu giáo	2015	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết	Hướng dẫn thực hiện chương trình GDMN (0 tháng – 6 tuổi)	2007	NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
3	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo	Chương trình giáo dục mầm non	2020	Bộ Giáo dục và đào tạo	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

4	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo	Hướng dẫn sử dụng Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi	2010	Bộ Giáo dục và đào tạo	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
5	Đặng Hồng Phương	Giáo trình Lý luận và Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non	2008	NXB Đại học Sư phạm	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>	<i>Phần 1, 2, 3, 4</i>	<i>5.1; 5.2; 5.3</i>	0.4
9.1.1	Lập kế hoạch	Phần 2	5.1; 5.2.1; 5.3	
9.1.2	Thực hành tập dạy	Phần 3	5.1; 5.2.2; 5.3	
9.2	<i>Đánh giá kết thúc học phần (Thi thực hành)</i>	<i>Phần 4</i>	<i>5.1; 5.2; 5.3</i>	0.6

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1.1	Ứng dụng được những kiến thức cơ bản về ngành giáo dục mầm non, về tâm – sinh lí và giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non trong tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ.	1.2	3
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Phân tích được bối cảnh giáo dục của cơ sở kiến tập;	2.1.1	4
5.2.2	Nhận diện được đặc điểm tâm – sinh lí, nhu cầu đặc biệt và khả năng của trẻ mầm non trong quá trình chăm sóc – giáo dục trẻ ở trường mầm non.	2.1.1	4
5.2.3	Tổ chức được hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ trong điều kiện thực tiễn.	2.1.4	5
5.2.4	Giao tiếp chuẩn mực, phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp, có kỹ năng hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ chung. Thể hiện lòng yêu nghề, yêu trẻ, tận tụy, công bằng và tôn trọng trẻ.	2.2 2.3	3
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập, chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi (3.1)	3.1	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học (Thực hiện tại Trường mầm non)

Chương/ Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
PHẦN 1. TÌM HIỂU THỰC TẾ TRƯỜNG MẦM NON 1.1. Nghe báo cáo về cơ cấu tổ chức, chức năng và hoạt động của trường, của lãnh đạo trường, 1.2. Nghe báo cáo về hoạt động giáo dục năm học của giáo viên (Nhà trẻ - Mẫu giáo). 1.3. Nghe báo cáo về hoạt động chăm sóc trẻ (Nhà trẻ - Mẫu giáo). 1.4. Tham khảo các loại sổ sách chuyên môn, sổ sách ghi chép về quá trình chăm sóc trẻ của giáo viên mầm non và quan sát các hoạt động thực tiễn của trường. 1.5. Ghi chép và hoàn thành bài thu hoạch tìm hiểu thực tế giáo dục	(05/05)	5.1.1 5.2.1	- PP Thuyết trình - PP giảng giải <u>Tại trường sư phạm</u> : Giảng viên HD họp nhóm sinh viên, hướng dẫn các biểu mẫu, các hoạt động sinh viên sẽ thực hiện và sinh hoạt nề nếp tại cơ sở kiến tập. <u>Tại trường mầm non</u> : Ban giám hiệu báo cáo cho sinh viên	- Chủ động liên hệ với giảng viên HD và cơ sở kiến tập (sau khi họp đoàn với giảng viên HD phụ trách đoàn) - Nêu thắc mắc, trao đổi, thống nhất yêu cầu, nhiệm vụ. - Nghiên cứu kỹ đề cương KTSP, các quy định về KTSP, các biểu mẫu - Sổ ghi chép	9.1
PHẦN 2. KIẾN TẬP HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY (Dự giờ giáo viên dạy mẫu) 2.1. Dự giờ và ghi chép Dự giờ và ghi chép đầy đủ 4 hoạt động thuộc các lĩnh vực sau: PT Nhận thức, PT thể chất, PT ngôn ngữ, PT Thẩm mỹ và PT TC-KNXH - Nhà trẻ (01 hoạt động) - Mẫu giáo (03 hoạt động)	(10/10)	5.1 5.2 5.3	Trực quan Thực hành Tự học	- Chủ động, tích cực tham gia tất cả các hoạt động cùng với GVMN tại các nhóm lớp theo phân công. - Sổ ghi chép nội	9.2 9.3

Chương/ Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
2.2. Dự họp rút kinh nghiệm, ghi chép cẩn thận để làm tư liệu học tập				dung dự giờ ở 04 lĩnh vực.	
PHẦN 3. KIẾN TẬP HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC TRẺ 3.1. Quan sát các hoạt động chăm sóc trẻ (Nhà trẻ - Mẫu giáo). 3.2. Tham gia các hoạt động chăm sóc trẻ (Nhà trẻ - Mẫu giáo) theo phân công	(40/40)	5.1 5.2 5.3	- PP trực quan - PP thực hành	- Chủ động, tích cực tham gia tất cả các hoạt động cùng với GVMN tại các nhóm lớp theo phân công. - Sổ ghi chép nội dung công việc đã tham gia tại các nhóm lớp dưới dạng nhật ký kiến tập.	9.2 9.3
Ghi chép và hoàn thiện báo cáo kiến tập theo mẫu	(05/05)		-PP giảng giải	- Hoàn thiện các biểu mẫu theo quy định	9.1 9.2 9.3

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Trường ĐHĐT	Quyết định số 12/QĐ-ĐHĐT ngày 03/11/2019 về việc ban hành Quy định kiến tập sư phạm và thực tập tốt nghiệp các ngành sư phạm				x	
2	Bộ GD và ĐT	Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non	2020	Bộ GD&ĐT	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	Nguyễn Bá Minh (chủ biên) và các tác giả khác	Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non	2018	Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Nguyễn Bá Minh (chủ biên) và các tác giả khác	Hướng dẫn thực hiện chế độ sinh hoạt trong các cơ sở giáo dục mầm non	2018	Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

5	Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (Đồng chủ biên)	Hướng dẫn xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục theo chủ đề (trẻ 24 – 36 tháng tuổi)	2017	Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x
6	Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (Đồng chủ biên)	Hướng dẫn Tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non (3 – 6 tuổi)	2017	Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x

8. Quy định đối với Ban chỉ đạo, GVHD, sinh viên

8.1. Ban chỉ đạo KTSP tại trường Mầm non

- Hỗ trợ đón tiếp sinh viên, tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực và môi trường tâm lý để giúp sinh viên hoàn thành học phần KTSP.
- Cử giáo viên có năng lực, có kinh nghiệm và có tinh thần trách nhiệm hướng dẫn sinh viên KTSP.
- Lập kế hoạch hướng dẫn sinh viên KTSP, xác định các yêu cầu, nội dung của từng hoạt động và đề xuất các biện pháp chỉ đạo thực hiện.
- Quản lý sinh viên trong thời gian sinh viên tham gia KTSP.
- Phân công sinh viên vào từng nhóm/ lớp. Mỗi nhóm/ lớp không quá 08 sinh viên, xoay vòng các nhóm ở nhà trẻ và mẫu giáo (tùy theo số lớp Nhà trẻ mà bố trí thời gian kiến tập nhiều hay ít cho phù hợp).
- Chuẩn bị báo cáo về tình hình thực tế hoạt động giáo dục của nhà trường (cơ cấu tổ chức, chức năng nhà trường, lịch sử nhà trường), về hoạt động giáo dục, chăm sóc trẻ của năm học đó.
- Chuẩn bị một số hồ sơ, sổ sách chuyên môn (chăm sóc và giáo dục trẻ) ở các độ tuổi và hướng dẫn giúp sinh viên tham khảo.
- Đánh giá, xếp loại sinh viên sau khi kết thúc đợt KTSP.
- Lập báo cáo tổng kết hoạt động KTSP năm học đó (*mẫu 7*).
- Tổ chức rút kinh nghiệm sau khi kết thúc đợt KTSP.

8.2. Giáo viên mầm non được phân công hướng dẫn KTSP

- Tiếp đón sinh viên, tạo điều kiện thuận lợi và hướng dẫn sinh viên thực hiện các nội dung theo đề cương KTSP.
- Chuẩn bị và tổ chức dạy mẫu cho sinh viên dự giờ đủ 4 hoạt động thuộc các lĩnh vực sau: PT Nhận thức, PT thể chất, PT ngôn ngữ, PT Thẩm mỹ và PT TC-KNXH, trong đó:
 - + Nhà trẻ (01 hoạt động)
 - + Mẫu giáo (03 hoạt động)
- Đánh giá, chấm điểm vào phiếu đánh giá kiến tập sư phạm (*mẫu 4 và mẫu 5*) và lập bảng điểm tổng hợp kiến tập sư phạm cho sinh viên (*mẫu 6*).
- Phiếu tổng hợp kết quả KTSP (*mẫu 9*)

8.3. Sinh viên mầm non

- Chấp hành nghiêm túc nội quy, quy định và sự phân công của Ban chỉ đạo, GVMN hướng

đẫn tại Trường mầm non

- Nghe và ghi chép báo cáo tình hình nhà trường; Tìm hiểu thêm tình hình nhà trường qua hồ sơ, sổ sách và quan sát thực tiễn.

- Quan sát, dự giờ dạy mẫu và ghi chép hồ sơ

- Chủ động và tích cực tham gia hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở nhóm /lớp được phân công.

- Viết bài thu hoạch tìm hiểu thực tế giáo dục

8.4. Giảng viên sư phạm phụ trách

- Sinh hoạt với các đoàn sinh viên trước khi đi Kiến tập sư phạm, phổ biến quy định, nội quy của Nhà trường.

- Thường xuyên liên hệ với Cơ sở kiến tập. Theo dõi, đôn đốc và giải quyết những vấn đề xảy ra theo quy định dạy học học phần. Báo về Trung tâm phát triển kỹ năng nghề nghiệp và thành viên Ban chỉ đạo KTSP (phụ trách Khoa GD Tiểu học – Mầm non) những vấn đề ngoài thẩm quyền giải quyết.

- Tạo mối quan hệ tốt đẹp, thân thiện, hợp tác giữa Trường ĐH Đồng Tháp với các cơ sở kiến tập trong tỉnh Đồng Tháp.

- Số lần đi, về cơ sở kiến tập của giảng viên phụ trách đoàn là **03 lần**. Các đợt xuống cơ sở phải có kế hoạch và có giấy giới thiệu của Nhà trường, đóng dấu xác nhận của trường mầm non để làm cơ sở cho việc tính chế độ cho giảng viên phụ trách đoàn. Lập báo cáo về tình hình phụ trách kiến tập sư phạm (*mẫu 8*)

- Nộp hồ sơ về Phòng Đào tạo, gồm có: Bảng điểm tổng hợp KTSP, Báo cáo tổng kết hoạt động KTSP, Báo cáo tình hình phụ trách KTSP.

9. Đánh giá kết quả học tập

Điểm học phần KTSP do cơ sở kiến tập đánh giá và cho điểm, thang điểm tối đa 10 điểm, làm tròn 1 chữ số thập phân, trong đó:

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Điểm tìm hiểu thực tế giáo dục cơ sở kiến tập (K1)	Hiệu Trưởng hoặc các Phó Hiệu Trưởng trường Mầm non chấm bài thu hoạch tìm hiểu thực tế giáo dục (<i>Mẫu 2 phụ lục 1</i>).		0.4
9.2	Điểm kiến tập giảng dạy (K2)	Giáo viên hướng dẫn kiến tập giảng dạy chấm điểm kiến tập giảng dạy. Điểm kiến tập giảng dạy là điểm trung bình chung của các tiết kiến tập giảng dạy. (<i>Mẫu 4 phụ lục 1</i>)	5.1.1 5.1.2 5.2.2 5.2.3 5.3.1	0.3
9.3	Điểm kiến tập giáo dục (K3)	Giáo viên hướng dẫn kiến tập giáo dục chấm điểm kiến tập giáo dục. Điểm kiến tập giáo dục là điểm trung bình chung của các tiết kiến tập giáo dục (<i>Mẫu 5 phụ lục 1</i>)	1.3.11 2.1.1.1 2.1.1.2 3.2.2	0.3

Điểm học phần KTSP do Trường Ban chỉ đạo CSTTNN phê duyệt và quyết định, trên cơ sở điểm tìm hiểu thực tế giáo dục (K1), điểm kiên tập giảng dạy (K2), điểm kiên tập chăm sóc (K3) do giáo viên mầm non hướng dẫn chấm.

Điểm KTSP = (K1 x 0,4) + (K2 x 0,3) + (K3 x 0,3) (+) hoặc (-) điểm khen thưởng/kỷ luật

Lưu ý: Điểm khen thưởng/kỷ luật căn cứ theo Điều 21, Điều 22 của Quy định về Kiên tập sư phạm và Thực tập tốt nghiệp của Trường Đại học Đồng Tháp

6.1.70. THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4407 - THỰC TẬP TỐT NGHIỆP
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 08 Số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 00/240/240
- Học phần điều kiện (nếu có): Theo quy định của Trường
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Lê Thị Kim Anh** Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Tiến sĩ
- Điện thoại: 0988 980929 Email: ltkanh@dthu.edu.vn
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Lê Thị Thanh Sang** Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Điện thoại: 0908732782 Email: sang.lethithanh@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Học phần **Thực tập tốt nghiệp** là một học phần thuộc nhóm kiến thức thực hành nghề nghiệp đóng vai trò vô cùng quan trọng và cần thiết, tạo điều kiện để sinh viên được rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp tại trường mầm non; là cơ hội để sinh viên kiểm nghiệm so sánh lý luận với thực tiễn và trải nghiệm kỹ năng nghề nghiệp. Tiếp nối với học phần KTSP và RLNVSPTX, sinh viên tiếp tục được tìm hiểu thực tế giáo dục tại trường mầm non, được vận dụng linh hoạt kiến thức và kỹ năng nghề vào thực tế, bước đầu lập kế hoạch giáo dục; tham gia các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ và thực hiện công tác quản lý nhóm/lớp mầm non; Bên cạnh đó, sinh viên còn có cơ hội tham gia vào các hoạt động chuyên môn ở trường MN, phát triển và hoàn thiện phẩm chất, tác phong và kỹ năng sư phạm, tiếp tục bồi dưỡng tình cảm nghề và nâng cao ý thức nghề nghiệp.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Ứng dụng được những kiến thức cơ bản về ngành giáo dục mầm non, về tâm – sinh lí và giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non trong tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ.

4.2. Kỹ năng/ phẩm chất:

Phân tích được bối cảnh giáo dục của cơ sở thực tập; Nhận diện được đặc điểm tâm – sinh lí, nhu cầu đặc biệt và khả năng của trẻ mầm non trong quá trình chăm sóc – giáo dục; Lập kế hoạch chăm sóc – giáo dục trẻ mầm non linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn. Tổ chức được hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ trong điều kiện thực tiễn; Giao tiếp chuẩn mực, phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp, có kỹ năng hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ chung. Thể hiện lòng yêu nghề, yêu trẻ, tận tụy, công bằng và tôn trọng trẻ.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Có tư duy độc lập, chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Ứng dụng được những kiến thức cơ bản về ngành giáo dục mầm non, về tâm – sinh lí và giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non trong tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ.	1.2	3
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Phân tích được bối cảnh giáo dục của cơ sở kiến tập; Nhận diện được đặc điểm tâm – sinh lí, nhu cầu đặc biệt và khả năng của trẻ mầm non trong quá trình chăm sóc – giáo dục trẻ ở trường mầm non.	2.1.1	4
5.2.3	Lập kế hoạch và tổ chức được hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ trong điều kiện thực tiễn.	2.1.2 2.1.4	5
5.2.4	Giao tiếp chuẩn mực, phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp, có kỹ năng hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ chung. Thể hiện lòng yêu nghề, yêu trẻ, tận tụy, công bằng và tôn trọng trẻ.	2.2 2.3	3
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.	3.1	4
5.3.2	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định	3.2	3
5.3.3	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	3.3	4

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học (Thực hiện tại Trường mầm non)

Chương/ Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
PHẦN 1. TÌM HIỂU THỰC TẾ GIÁO DỤC CỦA CƠ SỞ THỰC TẬP 1.1. <i>Nghe đại diện Ban giám hiệu CSTTN báo cáo</i> 1.2. <i>Nghe báo cáo của một giáo viên dạy giỏi</i> 1.3. <i>Tìm hiểu</i> các hoạt động của tổ chuyên môn, chức năng nhiệm vụ của giáo viên. 1.4. <i>Tìm hiểu</i> các hồ sơ quản lý nhóm lớp của giáo viên mầm non, hồ sơ phổ cập trẻ 5 tuổi, các biểu mẫu theo dõi và đánh giá sự phát triển của trẻ.	10/10	5.2.1 5.2.4 5.3.1	-PP thuyết trình - PP trực quan - PP hướng dẫn: + Giảng viên hướng dẫn họp nhóm sinh viên, hướng dẫn các biểu mẫu, các hoạt động sinh viên sẽ thực hiện và sinh hoạt nề nếp tại cơ sở TTTN. + Ban giám Hiệu trường và GVMN báo cáo về tình	- Chủ động liên hệ với giảng viên hướng dẫn, và cơ sở TTTN - Nghiên cứu kỹ đề cương TTTN, các quy định về TTTN, các biểu mẫu - Sổ ghi chép - Nghe báo cáo và ghi chép về tình hình giáo dục của trường MN.	9.1

Chương/ Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
			hình giáo dục của nhà trường/địa phương	- Tìm hiểu và ghi chép về các hoạt động chuyên môn và hồ sơ liên quan của giáo viên mầm non.	
<p>PHẦN 2. THỰC TẬP GIẢNG DẠY</p> <p>2.3. Dự giờ giáo viên mầm non hướng dẫn.</p> <p>2.4. Sinh viên thực tập giảng dạy</p> <p>2.5. Dự giờ của sinh viên khác</p>	60/60	5.1 5.2 5.3	<p>- PP trực quan làm mẫu</p> <p>- PP thực hành + Tổ chức dạy minh họa cho sinh viên dự 02 tiết. Sau mỗi tiết dạy có tổ chức rút kinh nghiệm.</p> <p>+ Hướng dẫn đánh giá 04 tiết của SV, trong đó 01 tiết trên đối tượng Nhà trẻ và 03 tiết trên đối tượng Mẫu giáo, yêu cầu sinh viên dạy xoay vòng đủ 04 độ tuổi (Nhà trẻ, Mầm, Chồi, Lá) và phải đảm bảo 05 lĩnh vực khác nhau.</p>	<p>- Làm việc nhóm theo phân công của cơ sở TTTN (không quá 05 SV/nhóm).</p> <p>- Tham gia dự giờ GVMN hướng dẫn và các bạn SV cùng nhóm, ghi chép cẩn thận.</p> <p>- Nghiên cứu các lĩnh vực phát triển của trẻ, tìm hiểu chủ đề/đề tài/lứa tuổi trẻ trước khi dự giờ dạy mẫu.</p> <p>- Chủ động lập kế hoạch, hoàn thiện giáo án, đồ dùng dạy học.</p> <p>- Thực tập giảng dạy ít nhất là 08 hoạt động (08 tiết) trong đó có 04 hoạt động được đánh giá.</p>	9.2 9.3
<p>PHẦN 3. THỰC TẬP CHĂM SÓC TRẺ</p> <p>3.3. Lập kế hoạch tổ chức hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ.</p> <p>3.4. Tham gia trực tiếp vào các hoạt động chăm sóc trẻ (Nhà trẻ - Mẫu giáo) từ lúc đón trẻ đến lúc trả trẻ.</p> <p>3.5. Tham gia vào các hoạt động ở trường Mầm non diễn ra trong đợt TTTN</p>	160/160	5.1 5.2 5.3	<p>- PP trực quan</p> <p>- PP thực hành</p>	<p>- Chia về các nhóm theo phân công của giảng viên hướng dẫn và cơ sở TTTN</p> <p>- Chủ động liên hệ với giáo viên hướng dẫn</p> <p>- Chủ động phối hợp các thành viên trong nhóm</p>	9.2 9.3

Chương/ Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
				tham gia trực tiếp vào quá trình chăm sóc trẻ. - Nghiên cứu kỹ chế độ sinh hoạt của trẻ theo các độ tuổi. - Tham gia trực tiếp vào các hoạt động chăm sóc trẻ và các hoạt động khác ở trường mầm non: Hội thi bé khéo tay, bé khỏe, bé ngoan, thi làm đồ dùng dạy học, tham gia vào các hoạt động văn nghệ - thể dục, thể thao,...	
Ghi chép và hoàn thiện báo cáo thực tập theo mẫu	(10/10)		-PP giảng giải	- Hoàn thiện các biểu mẫu theo quy định	9.1 9.2 9.3

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Trường ĐHĐT	Quyết định số 12/QĐ-ĐHĐT ngày 03/11/2019 về việc ban hành Quy định kiên tập sư phạm và thực tập tốt nghiệp các ngành sư phạm				x	
2	Bộ GD và ĐT	Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non	2020	Bộ GD&ĐT	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	Nguyễn Bá Minh (chủ biên) và các tác giả khác	Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non	2018	Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê		x

					Vũ Hùng		
4	Nguyễn Bá Minh (chủ biên) và các tác giả khác	Hướng dẫn thực hiện chế độ sinh hoạt trong các cơ sở giáo dục mầm non	2018	Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
5	Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (Đồng chủ biên)	Hướng dẫn xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục theo chủ đề (trẻ 24 – 36 tháng tuổi)	2017	Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
6	Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (Đồng chủ biên)	Hướng dẫn Tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non (3 – 6 tuổi)	2017	Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

8. Quy định đối với Ban chỉ đạo, giáo viên/giảng viên hướng dẫn, sinh viên

8.1. Ban chỉ đạo TTNN tại trường Mầm non

- Thành lập Ban chỉ đạo TTNN
- Đón tiếp sinh viên, tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực và môi trường tâm lý để hỗ trợ sinh viên hoàn thành tốt học phần TTTN.
- Cử cán bộ - giáo viên có năng lực, có kinh nghiệm và có tinh thần trách nhiệm hướng dẫn sinh viên TTNN.
- Lập kế hoạch hướng dẫn sinh viên TTNN, xác định yêu cầu, nội dung từng mặt hoạt động và đề xuất các biện pháp chỉ đạo thực hiện.
- Quản lý sinh viên trong thời gian TTTN. Phân công sinh viên vào từng nhóm/ lớp. Mỗi nhóm/ lớp không quá 05 sinh viên, xoay vòng các nhóm ở nhà trẻ và mẫu giáo.
- Chuẩn bị báo cáo về tình hình thực tế hoạt động giáo dục của nhà trường (cơ cấu tổ chức, chức năng nhà trường, lịch sử nhà trường), về hoạt động giáo dục, chăm sóc trẻ của năm học đó.
- Chuẩn bị một số hồ sơ, sổ sách chuyên môn (chăm sóc và giáo dục trẻ) ở các độ tuổi và hướng dẫn giúp sinh viên tham khảo.
- Đánh giá, xếp loại sinh viên khi kết thúc đợt TTTN.
- Chấm điểm bài thu hoạch thực tế giáo dục (Mẫu 1 + 2, phụ lục 2).
- Tổng hợp bảng điểm TTTN (Mẫu 9, phụ lục 2).
- Lập báo cáo tổng kết đợt TTTN năm học (Mẫu 10, phụ lục 2).
- Đề nghị khen thưởng, kỷ luật sinh viên có thành tích hoặc vi phạm nội quy, quy định tại CSTNN.
- Tổ chức rút kinh nghiệm sau khi kết thúc đợt TTTN.

8.2. Giáo viên mầm non được phân công hướng dẫn TTTN

- Tiếp đón sinh viên, tạo điều kiện thuận lợi và hướng dẫn sinh viên thực hiện các nội dung theo đề cương TTTN.
- Giúp sinh viên tìm hiểu, làm quen với các nhiệm vụ của người giáo viên để phấn đấu trở

thành người giáo viên đáp ứng chuẩn nghề nghiệp theo quy định của ngành.

- Chuẩn bị và tổ chức dạy mẫu cho sinh viên dự giờ đủ các hoạt động thuộc các lĩnh vực sau: PT Nhận thức, PT thể chất, PT ngôn ngữ, PT Thẩm mỹ và PT TC-KNXH, đảm bảo tất cả các độ tuổi (Nhà trẻ, Mầm, Chồi, Lá).

- Lưu ý: Mỗi giáo viên hướng dẫn tổ chức dạy minh họa cho sinh viên dự 02 tiết. Sau mỗi tiết dạy có tổ chức rút kinh nghiệm.

- Đánh giá kết quả TTNN của sinh viên một cách chính xác, khách quan và công bằng theo các mẫu phiếu đánh giá kèm theo Quy định TTTN.

- **Đánh giá sinh viên lên tiết dạy 08 tiết**, trong đó 08 tiết dạy phải đảm bảo 05 lĩnh vực khác nhau và 04 độ tuổi Nhà trẻ, Mầm, Chồi, Lá. (Sinh viên thực tập lớp nào thì giáo viên dạy lớp đó hướng dẫn).

- Đề nghị Ban chỉ đạo CSTTNN khen thưởng hoặc kỷ luật sinh viên TTNN theo Điều 21, Điều 22 của Quy định TTTN.

8.3. Sinh viên mầm non

- Chấp hành nghiêm túc nội quy, quy định và sự phân công của Ban chỉ đạo, GVMN hướng dẫn tại Trường mầm non

- Nghe và ghi chép báo cáo tình hình nhà trường; Nghe báo cáo của một giáo viên dạy giỏi để học tập kinh nghiệm; Tìm hiểu thêm tình hình nhà trường qua hồ sơ, sổ sách và quan sát thực tiễn.

- Quan sát, dự giờ dạy mẫu và ghi chép hồ sơ

- Chủ động và tích cực tham gia hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở nhóm /lớp được phân công.

- Về dự giờ và thực tập giảng dạy

- + Dự giờ giáo viên hướng dẫn đủ các hoạt động thuộc 5 lĩnh vực và đảm bảo tất cả các độ tuổi (Nhà trẻ, Mầm, Chồi, Lá)

- + Thực tập giảng dạy ít nhất là 08 hoạt động, dạy xoay vòng đủ 4 độ tuổi (Nhà trẻ, Mầm, Chồi, Lá) và phải đảm bảo 5 lĩnh vực khác nhau.

- + Giáo án lên lớp của sinh viên phải được giáo viên hướng dẫn góp ý, chỉnh sửa, ký duyệt chậm nhất 2 ngày trước khi lên lớp và phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu về mặt sư phạm, vận dụng được các phương pháp dạy học tích cực vào tổ chức dạy học, sử dụng các phương tiện dạy học; ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học

- + Phải có kế hoạch cụ thể, chuẩn bị đầy đủ đồ dùng dạy học, tài liệu nghiên cứu. Sinh viên không được lên lớp khi chưa có sự đồng ý của giáo viên hướng dẫn.

- + Dự giờ của sinh viên khác ở mỗi khối lớp ít nhất là 2 tiết. Sau khi dự giờ, giáo viên hướng dẫn tổ chức cho sinh viên dự họp để rút kinh nghiệm.

- Về thực tập chăm sóc

- + Nhận nhiệm vụ cụ thể từ giáo viên hướng dẫn (xoay vòng 4 độ tuổi), số tiết đánh giá thực tập giáo dục là 4 tiết.

- + Lập kế hoạch tổ chức hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ.

+ Tham gia trực tiếp vào các hoạt động chăm sóc trẻ (Nhà trẻ - Mẫu giáo) từ lúc đón trẻ đến lúc trả trẻ.

+ Tham gia vào các hoạt động ở trường Mầm non diễn ra trong đợt TTTN: Hội thi bé khéo tay, bé khỏe, bé ngoan, thi làm đồ dùng dạy học, tham gia vào các hoạt động văn nghệ - thể dục, thể thao,...

- **Ghi chép và hoàn thiện các biểu mẫu theo quy định**

Sau khi kết thúc TTTN, sinh viên nộp hồ sơ cá nhân về quản lý học tập.

8.4. Giảng viên sư phạm phụ trách

- Sinh hoạt với các đoàn sinh viên trước khi đi TTTN, phổ biến quy định, nội quy của Nhà trường. Tư vấn, giải đáp những thắc mắc về quy định TTNN cho sinh viên, giáo viên hướng dẫn và Lãnh đạo CSTTNN (nếu có).

- Thường xuyên liên hệ với cơ sở TTTN. Theo dõi, đôn đốc và giải quyết những vấn đề xảy ra theo quy định dạy học học phần. Báo về Phòng Đào tạo và thành viên Ban chỉ đạo TTTN (phụ trách Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non) những vấn đề ngoài thẩm quyền giải quyết.

- Hỗ trợ sinh viên lập hồ sơ TTNN.

- Động viên, thăm hỏi sinh viên trong quá trình TTNN.

- Tạo mối quan hệ tốt đẹp, thân thiện, hợp tác giữa Trường Đại học Đồng Tháp với các CSTTNN trong và ngoài tỉnh Đồng Tháp.

- Số lần đi, về cơ sở TTTN của giảng viên phụ trách đoàn là **05 lần**. Các đợt xuống cơ sở phải có kế hoạch và có giấy giới thiệu của Nhà trường, đóng dấu xác nhận của cơ sở để làm cơ sở cho việc tính chế độ cho giảng viên phụ trách đoàn.

- Lập báo cáo tổng kết hoạt động TTNN của đoàn mình phụ trách (**Mẫu 11, phụ lục 2**) nhằm ghi nhận những thuận lợi, khó khăn và đề xuất về hoạt động TTNN.

9. Đánh giá kết quả học tập

Điểm học phần TTTN do cơ sở kiến tập đánh giá và cho điểm, thang điểm tối đa 10 điểm, làm tròn 01 chữ số thập phân, trong đó:

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Điểm tìm hiểu thực tế giáo dục CSTTNN (K1)	Hiệu trưởng CSTTNN hoặc các phó Hiệu trưởng có trách nhiệm chăm bài thu hoạch tìm hiểu thực tế giáo dục (Mẫu 2 phụ lục 2).	5.2.1 5.2.4 5.3.1	0.1
9.2	Điểm thực tập giảng dạy (K2)	Giáo viên hướng dẫn thực tập giảng dạy chấm điểm các tiết dạy theo từng kế hoạch dạy học. Điểm thực tập giảng dạy là điểm trung bình chung của các tiết dạy theo từng kế hoạch dạy học. (Mẫu 5 phụ lục 2)	5.1 5.2 5.3	0.5
9.3	Điểm thực tập giáo dục (chăm sóc) (K3)	Giáo viên hướng dẫn thực tập giáo dục có trách nhiệm tổng hợp và quyết định điểm thực tập giáo dục. Điểm	5.1 5.2 5.3	0.4

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
		thực tập giáo dục là điểm trung bình chung của các tuần thực tập giáo dục (<i>Mẫu 7 phụ lục 2</i>)		

Điểm học phần TTTN do Trường Ban chỉ đạo CSTTNN phê duyệt và quyết định, trên cơ sở điểm tìm hiểu thực tế giáo dục, điểm thực tập giảng dạy, điểm thực tập giáo dục do các giáo viên hướng dẫn chấm.

Điểm TTTN= (K1 x 0,1) + (K2 x 0,5) + (K3 x 0,4) (+) hoặc (-) điểm khen thưởng/kỷ luật

Lưu ý: Điểm khen thưởng/kỷ luật căn cứ theo Điều 21, Điều 22 của Quy định về Kiên tập sư phạm và Thực tập tốt nghiệp của Trường Đại học Đồng Tháp

6.1.71. GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO TRẺ MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4248 - GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO TRẺ MẦM NON
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 3 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 45 (30/30/90)
- Học phần điều kiện (nếu có):
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Lê Thị Kim Anh Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Tiến sĩ
- Điện thoại: 0988 980929 Email: ltkanh@dthu.edu.vn
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Lê Thị Bích Vân Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ
- Điện thoại: 0948. 332. 468 E-mail: levan.ltbv@gmail.com
- Đơn vị: Khoa Giáo Dục THMN

2.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Lê Thị Lan Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ
- Điện thoại: 0834.481.070 E-mail: lelanthmn@gmail.com
- Đơn vị: Khoa Giáo Dục THMN

2.4. Giảng viên 4

- Họ và tên: Trần Nguyễn Thị Như Mai _ Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ
- Điện thoại: 0983.482.042 E-mail: nguyenhumaidhdt@gmail.com
- Đơn vị: Khoa Giáo Dục THMN

3. Tổng quan về học phần

Học phần “*Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ trong chương trình giáo dục mầm non*” thay thế khóa luận tốt nghiệp dành cho chuyên ngành Giáo dục mầm non. Là học phần quan trọng, giúp sinh viên trang bị kiến thức lý luận về giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non. Đồng thời, rèn luyện sinh viên có được kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống phù hợp với trẻ trong bối cảnh hiện nay. Qua học phần, sinh viên cũng rèn được kỹ năng sống cho bản thân.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Khái quát kiến thức về lý luận và phương pháp giáo dục KNS cho trẻ mầm non.

4.2. Kỹ năng và phẩm chất:

Lập được kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục KNS phù hợp với trẻ trong bối cảnh địa phương và hội nhập quốc tế.

4.3. Mức tự chủ – tự chịu trách nhiệm:

Có khả năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức, lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Diễn giải được khái niệm, ý nghĩa, mục tiêu, nguyên tắc, phương pháp giáo dục KNS cho trẻ mầm non.	1.5	2

5.1.2	Khái quát được các nội dung GDKNS phù hợp với trẻ mầm non.		3
5.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Thiết kế sáng tạo các kế hoạch GDKNS cho trẻ.	2.1.2	6
5.2.2	Tổ chức được hoạt động GDKNS hấp dẫn, phù hợp với trẻ trong bối cảnh hiện nay.	2.1.4	5
5.3. Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm			
5.3.1	Có khả năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức, lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá (thêm mới cột này)
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KỸ NĂNG SỐNG VÀ GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG 1.1. Khái niệm về kỹ năng sống, giáo dục kỹ năng sống 1.2. Ý nghĩa giáo dục KNS cho trẻ mầm non 1.3. Các nguyên tắc giảng dạy kỹ năng sống	06/12	5.1.1	* Kỹ thuật ổ bi * Ai nhanh hơn * Kích não	Đọc trước tài liệu [1], gạch dưới các thông tin cơ bản: 1) KNS là gì? 2) Giáo dục KNS là gì? 3) Ý nghĩa của GDKNS? 4) Các nguyên tắc GDKNS?	9.1.1; 9.2
CHƯƠNG 2: NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO TRẺ MẦM NON 2.1. Mục tiêu giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non 2.2. Các kỹ năng sống cần dạy cho trẻ mầm non 2.3. Các phương pháp GD KNS cho trẻ	12/24	5.1.2	*Hoạt động semina	*Đọc trước tài liệu [1, 2, 5], mỗi nhóm vẽ 1 sơ đồ tư duy các nội dung GDKNS cho trẻ. Chỉ ra phương pháp để hình thành KNS đó.	9.1.2, 9.2
CHƯƠNG 3: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KNS CHO TRẺ 3.1. Tổ chức môi trường 3.2. Tổ chức hoạt động 3.3. Đánh giá KNS của trẻ	12/24	5.2	* Hoạt động 1: Sưu tầm * Hoạt động 2: Thuyết giảng	*SV sưu tầm tranh/ ảnh/ video minh họa về tổ chức môi trường và 1 HĐ giáo dục KNS cho trẻ mầm non * GV trình bày các công cụ, phương pháp đánh giá KNS của trẻ	9.1.1, 9.2

6.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế:

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
CHƯƠNG 3: Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ qua sinh hoạt hằng ngày/ hoạt động học tập có chủ đích/ hoạt động vui chơi, thực hành trải nghiệm/ hoạt động sinh hoạt tập thể	30/30	5.2, 5.3	Thực hành tổ chức hoạt động GDKNS	SV lập kế hoạch, GV sửa kế hoạch xong, SV tổ chức trên lớp hoặc quay clip hoạt động giáo dục KNS cho trẻ.	9.1.3, 9.2

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa, Phan Thị Thu Hương	Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho trẻ mầm non	2010	NXB Quốc gia Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Chương trình giáo dục mầm (sau sửa đổi, bổ sung)	2020		Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
3	Lương Thị Bình, Phan Lan Anh	Các hoạt động giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	2011	NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số (%)
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, 2, 3	5.1, 5.2, 5.3	0.4
9.1.1	Bài tập cá nhân	Chương 1	5.1.1	
9.1.2	Bài tập nhóm	Chương 2	5.1.3,	
9.1.3	Thực hành	Chương 3	5.2, 5.3	
9.2	Đánh giá kết thúc học phần (Bài tập lớn)	Chương 1, 2, 3	5.1, 5.2, 5.3	0.6

6.1.72. CÁC PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC MẦM NON TRONG XU HƯỚNG ĐỔI MỚI

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: CÁC PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC MẦM NON TRONG XU HƯỚNG ĐỔI MỚI

- Mã lớp học phần: KI4236

- Số tín chỉ: 3 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 45/00/90

- Học phần điều kiện (nếu có):

- Học kì: Năm học: 2021 - 2022

2. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Khoa Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ

- Điện thoại: 0914. 443. 524 E-mail: nthkhoa@dthu.edu.vn

- Đơn vị: Khoa Giáo Dục THMN

3. Tổng quan về học phần

Học phần **Các phương pháp giáo dục mầm non trong xu hướng đổi mới** là một học phần rất cần thiết đối với sinh viên ngành giáo dục mầm non. Học phần này nằm trong nhóm Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp, giúp sinh viên hiểu được các quan điểm tiếp cận các phương pháp giáo dục tiên tiến ở một số nước trên thế giới. Trên cơ sở đó có thể áp dụng những kinh nghiệm quý báu trong giáo dục của các nước trên thế giới cho phù hợp với điều kiện giáo dục ở Việt Nam, góp phần đẩy mạnh công tác đào tạo - giáo dục thế hệ trẻ theo yêu cầu phát triển xã hội.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Khái quát hóa được các quan điểm các phương pháp giáo dục tiên tiến ở một số nước trên thế giới, nhấn mạnh những điểm mạnh và điểm yếu của mỗi cách tiếp cận.

4.2. Kỹ năng

Vận dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến trên thế giới linh hoạt, sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tiễn.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để bảo vệ kết luận chuyên môn; Hình thành cho SV lòng yêu thích học phần để học tập và vận dụng có hiệu quả “Các phương pháp giáo dục mầm non trong xu hướng đổi mới” trong chương trình giáo dục mầm non.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Khái quát hóa những kiến thức cơ bản về tâm - sinh lí, giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non trong tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ theo xu hướng đổi mới.	1.2	3
5.1.2	Chọn lựa các xu hướng giáo dục mầm non và kiến thức về chương trình giáo dục mầm non trong xây dựng kế hoạch chăm sóc – giáo dục về đánh giá trẻ phù hợp với điều kiện thực tiễn	1.4	3
5.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Vận dụng được bối cảnh giáo dục trong phát triển chương trình giáo dục theo các phương pháp giáo dục mầm non trong xu hướng đổi mới.	2.1.1	5
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
	Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm;. Hình thành cho SV lòng yêu thích môn học để học tập và vận dụng có hiệu quả “Các phương pháp giáo dục mầm non trong xu hướng đổi mới” trong chương trình giáo dục mầm non.	2	2

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ CÁC PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC MẦM NON TIÊN TIẾN TRÊN THẾ GIỚI</p> <p>1.4. Các quan điểm tiếp cận giáo dục tiên tiến trên thế giới</p> <p>1.5. Các phương pháp giáo dục tiên tiến ở một số nước trên thế giới</p> <p>1.5.1. <i>Phương pháp giáo dục Waldorf/ Steiner</i></p> <p>1.5.2. <i>Phương pháp giáo dục Montessori</i></p> <p>1.5.3. <i>Phương pháp giáo dục High Scope</i></p> <p>1.5.4. <i>Phương pháp giáo dục Reggio Emilia</i></p> <p>1.5.5. <i>Phương pháp giáo dục của Glenn Doman</i></p> <p>1.5.6. <i>Phương án 0 tuổi</i></p> <p>1.6. Thuyết thông minh đa diện của Howard Gardner (Mỹ)</p>	12/24	5.1 5.2 5.3	<p>- Trò chơi</p> <p><i>Đôi bạn cùng tiến</i></p> <p>- GV đặt câu hỏi, SV bắt cặp, nói cho bạn nghe mình biết được về các quan điểm giáo dục mầm non tiên tiến trên thế giới trong 2 phút, đôi bạn lần 2.</p> <p><i>Ai nhanh hơn</i></p> <p>- SV trao đổi với nhóm, trong thời gian 3 phút, nêu các phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến trên thế giới</p> <p>- Thuyết giảng</p> <p>GV hệ thống lại.</p> <p>- Công não</p> <p>1.6.1. - Nêu những từ khóa trong phương pháp giáo dục Waldorf/ Steiner, Montessori, High Scope, Reggio Emilia</p> <p>1.6.2. Glenn Doman, Phương án 0 tuổi Howard Gardner (Mỹ)</p>	<p>Đọc trước tài liệu [1], chuẩn bị nội dung học tập</p> <p>Chuẩn bị sẵn sàng câu hỏi để trao đổi với nhóm và giảng viên</p> <p>Giấy A0 và bút màu</p> <p>- Chuẩn bị 5 phút cho mỗi nội dung, nhóm có nhiều đáp án tốt, được cộng điểm tích cực.</p>	9.1.1

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
			- GV thuyết giảng, hệ thống kiến thức		
<p>CHƯƠNG 2: NHỮNG NHÀ LẬP THUYẾT VÀ CÁC TRIẾT THUYẾT VỀ HỌC TẬP</p> <p>2.1. John Locke (1636 – 1704)</p> <p>2.2. Rousseau (1712 – 1778)</p> <p>2.3. Montessori (1870- 1952)</p> <p>2.4. Piaget (1896 -1980)</p> <p>2.5. Vygotsky (1896 -1934)</p> <p>2.6. Bandura (1925)</p> <p>2.7. Bronfenbrenner (1917)</p> <p>2.8. Bruner (1915)</p> <p>2.1. John Locke (1636 – 1704)</p>	10/20	5.1 5.2 5.3	<p>- Thảo luận nhóm</p> <p>Chia 8 nhóm nhỏ và vẽ sơ đồ tư duy cho từng nội dung: 2.1, 2.2, 2.3,2,8.</p> <p>- Mindmap</p> <p>GV giao nhiệm vụ SV tìm thông tin và khái quát thành SDTD</p> <p>- Mảnh ghép</p> <p>để trình bày tất cả nội dung qua các nhóm.</p> <p>- GV thuyết giảng, hệ thống kiến thức, nhấn mạnh, ghi chú</p>	<p>Đọc trước tài liệu [2], chuẩn bị nội dung học tập.</p> <p>- Chuẩn bị giấy, bút màu trong vẽ sơ đồ tư duy</p> <p>Đọc trước tài liệu [1], [5] chuẩn bị báo cáo theo nhóm.</p>	9.1.2
<p>CHƯƠNG 3: CÁC LÝ THUYẾT TÂM LÝ HỌC NHẬN THỨC TRONG GIÁO DỤC</p> <p>3.1. Lý thuyết phát sinh nhận thức</p> <p>3.2. Lý thuyết tải nhận thức (tải học)</p> <p>3.3. Lý thuyết trí tuệ đa dạng và phong cách học tập</p> <p>3.4. Lý thuyết vùng cận phát triển</p> <p>3.5. Lý thuyết hình thành trí tuệ theo giai đoạn</p> <p>3.6. Lý thuyết khái quát hóa nội dung</p> <p>3.7. Lý thuyết nhận thức linh hoạt</p>	12/24	5.1 5.2 5.3	<p>- Thảo luận nhóm</p> <p>Mỗi nhóm chọn một trong các nội dung về Lý thuyết tâm lý học nhận thức trong giáo dục</p> <p>- Thuyết trình</p> <p>SV bốc thăm phương pháp, nghiên cứu tài liệu, thuyết trình về bản chất, ưu nhược điểm các lý thuyết tâm lý</p>	<p>Nghiên cứu tài liệu [1], [2], [3], [4], [5] tham khảo kế hoạch các hoạt động trên website, chuẩn bị kế hoạch, đồ dùng cần thiết, tập tổ chức các hoạt động trên bạn.</p>	9.1.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
			<p>học nhận thức trong giáo dục</p> <p>Sv tự lấy ví dụ một cụ thể, dùng lí lẽ phân tích và lựa chọn trong các hoạt động đó có ứng dụng Lý thuyết nào?</p> <p>- Thảo luận nhóm</p> <p>SV làm việc nhóm, chuẩn bị từng nội dung, GV bốc thăm hoạt động, lập kế hoạch, GV sửa kế hoạch và trao đổi các nội dung liên quan</p>		
<p>CHƯƠNG 4: NHỮNG ỨNG DỤNG CHUNG CỦA TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC</p> <p>4.1. Phong cách học tập và thiết kế dạy học</p> <p>4.2. Tính sẵn sàng học tập và chiến lược dạy học</p> <p>4.3. Phương thức học tập và thiết kế phương pháp dạy học</p> <p>4.4. Đánh giá chất lượng trong dạy học</p> <p>4.5. Chương trình hóa dạy học</p> <p>4.6. Dạy học dựa vào vấn đề</p>	09/18	<p>5.1.1;</p> <p>5.1.2;</p> <p>5.1.3;</p> <p>5.2.1;</p> <p>5.2.2;</p> <p>5.2.3;</p> <p>5.2.4</p> <p>5.3</p>		<p>- Đọc trước tài liệu [1], [2], [3], [5] chuẩn bị báo cáo theo nhóm.</p> <p>- Chuẩn bị sẵn sàng câu hỏi để trao đổi với nhóm và giảng viên</p> <p>- Giấy A0 và bút màu</p>	<p>9.1.1</p> <p>9.1.2</p>
Ôn tập kết thúc học phần	02/00				

6.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế: (không)

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Collete Gray và Macblain Hiếu Tân dịch	Các lý thuyết học tập về trẻ em	2014	NXB ĐH Hoa Sen	Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Trường CĐSP Trung Ương Việt Nam	Kỹ yếu hội thảo khoa học quốc gia Hà Nội 14, 15 tháng 9	2017	Unicef	Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng	x	

3	Thomas Mạnh Hải, Thu Hiền dịch	7 loại hình thông minh	2015	NXB Khoa học Xã hội	Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng	x
4	Patricia H. Miler Lược dịch Vũ Thị Chín	Các Thuyết về tâm lí học phát triển	1989	NXB Văn hóa Thông tin	Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng	x
5	Phạm Minh Hạc.	Tâm lí học Vư Gôt Xki tập 1 tái bản lần thứ 1	1998	NXB GiaLo Dục	Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng	x

8. Quy định đối với sinh viên

Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;

- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.

- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, 2, 3, 4	5.1; 5.2; 5.3	0.4
9.1.1	Semina lần 1	Chương 1 Chương 2	5.1.1; 5.1.2; 5.1.3; 5.2.1; 5.2.2; 5.2.3; 5.2.4; 5.3	
9.1.2	Semina lần 2	Chương 3 Chương 4	5.1.1; 5.1.2; 5.1.3; 5.2.1; 5.2.2; 5.2.3; 5.2.4; 5.3	
9.2	Thi kết thúc học phần (thi tự luận)	Tất cả nội dung của học phần	5.1; 5.2	0.6

6.1. Đội ngũ giảng viên

(xem Phụ lục)

6.2. Cơ sở vật chất phục vụ dạy và học

STT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính
1	Phòng Múa - Thực hành mầm non 1	Sàn tập, kính quanh tường, tivi, loa, tủ đựng đạo cụ Bàn, ghế đủ cho một lớp sinh viên
2	Phòng phát triển thể chất – THMN2	Sàn tập, các dụng cụ thể dục thể thao phục vụ cho thực hành: bóng, gậy, vòng, công chui, băng ghế thể dục,... Tủ trưng bày đồ chơi do sinh viên làm Bảng cài di động 2 mặt Bàn, ghế đủ cho một lớp sinh viên
3	Phòng phát triển ngôn ngữ	Sàn, các bộ tranh, bảng cài di động 2 mặt Bàn, ghế đủ cho một lớp sinh viên
4	Phòng lý thuyết âm nhạc (đàn)	Đàn Piano (01 cây), Đàn Organ (42 cây), tivi, loa, tai nghe, ghế ngồi
5	Phòng thực hành dinh dưỡng	Hệ thống bếp một chiều Trang thiết bị dùng cho nhà bếp của trường mầm non
6	Phòng chức năng (tại trường THSP MN Hoa Hồng)	Sàn trống, ghế bàn, các dụng cụ thể dục thể thao/ dụng cụ âm nhạc và các bộ tranh cho tất cả các chức đề

7. Hướng dẫn thực hiện và tổ chức chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo này áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2021 trở đi.

Tỷ lệ giờ lý thuyết (bài tập, thảo luận), thực hành, thí nghiệm, tự học được thể hiện trong đề cương chi tiết học phần. Đề cương chi tiết học phần là cơ sở để giảng viên, sinh viên thực hiện đầy đủ các nội dung của học phần.

Việc phân kỳ trong chương trình đào tạo là cơ sở để Bộ môn lập kế hoạch dạy học cụ thể của từng học kỳ, phòng Đào tạo có trách nhiệm mở các lớp học phần cho sinh viên đăng ký.

Các học phần Giáo dục quốc phòng – an ninh, Giáo dục Thể chất không chuyên, Kiến tập sư phạm, Thực tập tốt nghiệp được tổ chức dạy và học theo quy định riêng.

Việc tổ chức dạy và học được thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy sửa đổi ban hành theo Quyết định 1465/QĐ-ĐHĐT ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp; Quyết định số 2293/QĐ-ĐHĐT ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Đồng Tháp.

PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY CHƯƠNG TRÌNH (6)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính		Học vị	Chuyên ngành	Nơi đào tạo (Bằng cao nhất)	Đơn vị	Học phần phụ trách
			Nam	Nữ					
1	Lê Thị Kim Anh	1984		x	Tiến sĩ	Giáo dục mầm non	Trường ĐHSP Hà Nội	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	<ol style="list-style-type: none"> Nhập môn GDMN Quản lí GDMN RLNVSP 0 Kĩ năng giao tiếp sư phạm của GVMN
2	Lê Thị Thanh Sang	1975		x	ThS	Giáo dục học (Giáo dục mầm non)	Trường ĐHSP Hà Nội	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	<ol style="list-style-type: none"> PP tổ chức hoạt động LQMTXQ cho trẻ MN Can thiệp sớm Giáo dục hòa nhập cho trẻ MN Giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ ở trường MN
3	Nguyễn Thị Thanh Nguyệt	1976		X	ThS	Giáo dục mầm non	Trường ĐHSP Hà Nội	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	<ol style="list-style-type: none"> PPLQMTXQ Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1 Phương pháp PT HĐVC cho trẻ mầm non
4	Lê Thị Lan	1987		Nữ	ThS	Giáo dục Mầm non	Trường ĐHSP Hà Nội	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	<ol style="list-style-type: none"> Tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ MN Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non Quản lý nhóm lớp của GVMN Rèn luyện NVSPTX6 (Phát triển thể chất)
5	Lê Thị Kim Chi	1981		X	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học âm nhạc	Trường ĐHSP nghệ thuật trung ương	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	<ol style="list-style-type: none"> Đàn phím điện tử Tập đọc nhạc và hát Rèn luyện NVSPTX 2
6	Lê Thị Bích Vân	1986		Nữ	Thạc sĩ	Giáo dục học (mầm non)	Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	<ol style="list-style-type: none"> Phương pháp tổ chức cho trẻ vui chơi Tổ chức chương trình GDMN Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ trong chương trình GDMN Yoga cho trẻ mầm non

									5. Vận dụng thuyết đa trí tuệ trong GDMN
7	Phan Thị Hoàng Nguyên	1982		Nữ	Thạc sĩ	QLGD	Trường ĐHĐT	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1. Nghề GVMN 2/.QLGDMN 3. Vệ sinh – Phòng bệnh cho trẻ MN 4.QLNL của GVMN
8	Nguyễn Thị Tuyết Minh	1979		x	Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật	Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1. Mĩ thuật cơ bản 2. Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non. 3. Đồ chơi thiết kế môi trường giáo dục cho trẻ mầm non 4. Kỹ năng quản lý cảm xúc của gv mn. 5. Kỹ năng giao tiếp sư phạm gv mn
9	Nguyễn Bích Hằng	1985		x	Thạc sĩ	LL&PP dạy học AN	Trường ĐHSP Nghệ thuật TW	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1. Xây dựng kịch bản và tổ chức hoạt động nghệ thuật cho trẻ mầm non 2. Biên đạo múa 3. Dàn dựng chương trình Lễ hội
10	Nguyễn Thị Hồng Khoa	1987		Nữ	Thạc sĩ	Giáo dục học (mầm non)	Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	PHẦN XXXII: 1.Nghề GVMN PHẦN XXXIII: 2.Quản lý nhóm lớp của GVMN PHẦN XXXIV: 3.Tổ chức thực hiện chương trình GDMN PHẦN XXXV: 4.Rèn

									luyện NVSP4
11	Trần Nguyễn Thị Như Mai	1986		Nữ	ThS	Giáo dục Mầm non	Trường ĐHSP Hà Nội	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1. Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non 2. Tổ chức chương trình GDMN 3. Rèn luyện NVSP3 4. Dạy học lớp ghép cho trẻ MN
12	Nguyễn Ngọc Trinh	1993		x	ThS	Giáo dục Mầm non	Đại học sư phạm Hà Nội	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1. Thể dục nhịp điệu cho trẻ mầm non 2. RLNVSPTX 6 (PT thể chất) 3. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non 4. Múa và phương pháp dạy múa cho trẻ mầm non
13	Lê Thị Tuyết Trinh	1982		x	Tiến sĩ	Lí luận và PPDH Toán	ĐHSP Hà Nội	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1. Cơ sở Toán mầm non 2. Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với Toán
14	Phạm Thị Kim Châu	1978		x	Tiến sĩ	Lí luận và PPDH Toán	ĐH Vinh	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1. Cơ sở Toán mầm non 2. Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với Toán
15	Hà Thái Thủy Lam	1983		x	Thạc sĩ	Xác suất thống kê	ĐH Vinh	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1. Cơ sở Toán mầm non 2. Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với Toán
16	Phan Thị Hiệp	1982		x	Thạc sĩ	Đại Số- Lý thuyết số	ĐH Vinh	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1. Cơ sở Toán mầm non 2. Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với Toán
17	Võ Thị Nhỏ	1985		x	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	ĐH Tiền Giang	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	2. Ứng dụng CNTT trong dạy học mầm non 3. Kỹ năng tìm kiếm và khai thác nguồn tư liệu trong dạy học mầm non

18	Trần Đức Hùng	1979	x		Tiến sĩ	Ngôn ngữ VN	ĐH Vinh	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1.Tiếng Việt 2.Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1
19	Trần Hoàng Anh	1980	x		Tiến sĩ	Ngôn ngữ VN	ĐH Vinh	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1. Tiếng Việt 2.Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1
20	Vũ Thị Hiền	1984		x	Thạc sĩ	Ngôn ngữ VN	ĐH Đồng Tháp	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1.Tiếng Việt 2.Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1
21	Lê Thị Mai An	1983		x	Thạc sĩ	Giáo dục tiểu học	ĐH Đồng Tháp	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1. PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN 2.Dạy trẻ tập nói 3.Phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc 5.Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 5
22	Phạm Thị Minh Hiếu	1982		x	Thạc sĩ	Văn học Việt Nam	ĐH Vinh	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1.Văn học trẻ em 2.PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN 3.Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen văn học cho trẻ mầm non 4.Dạy trẻ tập nói 5.Phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc 6.Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 5
23	Lê Thị Thanh Hồng	1980		x	Thạc sĩ	Văn học Việt Nam	ĐH Cần Thơ	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1.Văn học trẻ em 2.Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen văn học cho trẻ mầm non 3.Dạy trẻ tập nói 4. Phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc 5.Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 5

24	Nguyễn Trọng Hiếu	1989	x		Tiến sĩ	Văn học Việt Nam	Viện Văn học	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	Văn học trẻ em
25	Hồ Thị Huyền	27/9/1971		x	Cử nhân	Mỹ thuật	ĐH Nghệ thuật Huế	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1. Đồ chơi và HD làm đồ chơi 2. PP tổ chức hoạt động tạo hình
26	Hoàng Nhị Bình	1973	Nam		Cử nhân	Sư phạm Âm nhạc	Nhạc viện Hà Nội	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	- Đàn phím Điện tử. - Đọc nhạc và hát. - PP tổ chức hoạt động Âm nhạc cho trẻ trong trường MN. - Lý thuyết Âm nhạc.